

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đỗ Thị Thanh Huyền

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Đỗ Thị Thanh Huyền

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

Chuyên ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và
Chủ nghĩa duy vật lịch sử
Mã số: 9229001.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS.TS. Đặng Thị Lan
- TS. Phạm Thanh Hà

Hà Nội – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Đặng Thị Lan và TS. Phạm Thanh Hà. Các số liệu, tài liệu trong luận án trung thực, đảm bảo tính khách quan. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc rõ ràng. Kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố ở công trình nghiên cứu khoa học nào khác.

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2025

NGƯỜI CAM ĐOAN

Đỗ Thị Thanh Huyền

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và quý thầy cô giáo khoa Triết học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tận tâm trao truyền tri thức và tạo điều kiện cho tôi trong suốt quá trình tôi học tập, nghiên cứu và giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.

Đặc biệt, tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Đặng Thị Lan và TS. Phạm Thanh Hà đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn, hỗ trợ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án này.

Tôi cũng xin được gửi lời cảm ơn tới các cán bộ, giảng viên và sinh viên 06 trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cho tôi khảo sát, thực hiện nghiên cứu đề tài.

Cuối cùng, tôi xin được bày tỏ sự tri ân tới gia đình, cơ quan, đồng nghiệp, bạn bè đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ và động viên tôi trong suốt quá trình tôi thực hiện luận án.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Đỗ Thị Thanh Huyền

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
MỞ ĐẦU	5
Chương 1.TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	11
1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến đạo đức, đạo đức sinh thái	11
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đạo đức.....	11
1.1.2. Các công trình nghiên cứu về đạo đức sinh thái	14
1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên.....	25
1.2.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức sinh thái	25
1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên thành phố Hồ Chí Minh nói riêng	33
1.3. Đánh giá kết quả các công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.....	37
1.3.1. Đánh giá kết quả các công trình khoa học liên quan đến đề tài.....	37
1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.....	37
Tiểu kết chương 1.....	39
Chương 2. GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN.....	40
2.1. Đạo đức và đạo đức sinh thái.....	40
2.1.1. Khái niệm đạo đức	40
2.1.2. Đạo đức sinh thái và đặc trưng của đạo đức sinh thái	44
2.2. Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh: tầm quan trọng, nội dung, phương thức, chủ thể giáo dục	56
2.2.1. Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên	56

2.2.2. Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	59
2.2.3. Nội dung giáo dục	62
2.2.4. Phương thức giáo dục.....	68
2.2.5. Chủ thể giáo dục.....	70
2.3. Những nhân tố tác động đến giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	77
2.3.1. Điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường thành phố Hồ chí Minh.....	77
2.3.2. Kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ	82
2.3.3. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên	87
Chương 3. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA.....	89
3.1. Thành tựu trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và nguyên nhân.....	90
3.2. Hạn chế trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và nguyên nhân.....	120
3.3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.....	135
3.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện các chuẩn mực đạo đức sinh thái với thực trạng thực hiện còn nhiều bất cập	135
3.3.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải xây dựng nội dung, chương trình, phương thức giáo dục đạo đức sinh thái với thực tế chậm đổi mới của chúng	137
3.3.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên với vấn đề nhận thức trách nhiệm của các chủ thể.....	139

3.3.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên đòi hỏi sự đầu tư về nhiều phương diện nhưng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động này còn hạn chế.....	141
Chương 4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY	143
4.1. Bảo đảm các điều kiện về môi trường thể chế cho hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	143
4.2. Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	145
4.3. Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	163
4.4. Phát huy tính tích cực, chủ động trong tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức sinh thái của sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh Hiện nay.....	174
4.5. Bảo đảm các điều kiện về môi trường giáo dục, tài chính cho hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay	177
Tiểu kết chương 4.....	181
KẾT LUẬN	182
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	183
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	185
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ban Giám hiệu	: BGH
Đại học	: ĐH
Đạo đức sinh thái	: ĐĐST
Đoàn Thanh niên	: ĐTN
Giáo dục đạo đức sinh thái	: GDĐĐST
Hội sinh viên	: HSV
Nhà xuất bản	: NXB
Sinh viên	: SV
Sinh viên các trường đại học	: SVCTĐH
Phụ lục	: PL
Thành phố	: TP
Thành phố Hồ Chí Minh	: TP.HCM
Ủy ban nhân dân	: UBND

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Con người và tự nhiên luôn có mối quan hệ mật thiết, tương thông và tác động biện chứng lẫn nhau. Chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng con người là một bộ phận của giới tự nhiên, là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của giới tự nhiên. Tự nhiên không chỉ là môi trường sống mà còn cung cấp các điều kiện thiết yếu cho con người tồn tại và phát triển. Để bảo đảm không gian sinh tồn bền vững cho cả thế hệ hiện tại và tương lai, con người cần sống hài hòa với tự nhiên, tôn trọng và bảo vệ tự nhiên. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái đã và đang trở thành vấn đề nghiêm trọng của thế giới, trong đó có Việt Nam. Chất lượng môi trường sinh thái ở nước ta đang bị suy thoái nghiêm trọng trên phạm vi cả nước, đặc biệt ở các TP lớn như TP.HCM. Trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước xác định công tác bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nội dung cốt lõi của quá trình phát triển bền vững. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe của nhân dân là mục tiêu hàng đầu” [40, tr.52]. Để hạn chế những tác động không tốt đến hành tinh xanh, chúng ta cần đưa ra những giải pháp bảo vệ, trong đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của con người nhằm bảo vệ môi trường sống của mình là giải pháp hàng đầu. *Luật Bảo vệ môi trường* hiện hành nhấn mạnh: “Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân” [73, tr.12]. Bảo vệ môi trường là vấn đề sống còn của nhân loại, là mục tiêu, nội dung cơ bản trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường, những tác động tiêu cực đến môi trường ngày càng gia tăng, đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa con người và tự nhiên. Trong đó, GDĐST đặc biệt đối với SV– lực lượng trí thức trẻ, nguồn nhân lực chủ chốt trong tương lai – trở thành một nhiệm vụ khách quan, cấp thiết cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn. SV không chỉ là người tiếp nhận tri thức mà còn là chủ thể đang và sẽ trực tiếp tham gia vào công cuộc phát triển đất nước. Do

đó, việc bồi dưỡng cho họ ý thức sống hòa hợp với tự nhiên, biết trân trọng và bảo vệ môi trường sinh thái là điều không thể thiếu trong quá trình giáo dục toàn diện. GDĐĐST đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách, xây dựng lối sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường sống và với các thế hệ mai sau. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách nghiêm túc, bài bản và có hệ thống về GDĐĐST cho SV là một yêu cầu tất yếu, cần được chú trọng đúng mức, không thể xem nhẹ hay bỏ qua.

TP.HCM - trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục lớn của cả nước đang đứng trước nhiều thách thức về môi trường do quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh chóng. Tình trạng ô nhiễm không khí diễn biến phức tạp; nồng độ các chất độc hại vượt ngưỡng cho phép; nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi nước thải chưa qua xử lý; đất đai bị suy thoái do tồn lưu chất thải; rác thải nhựa tạo nên “ô nhiễm trắng” kéo dài. Không dừng lại ở đó, TP còn phải đối mặt với tác động của biến đổi khí hậu như triều cường, hạn hán, xâm nhập mặn, bão tố, sạt lở..., cũng như sự gia tăng các loại dịch bệnh liên quan đến môi trường. Thực trạng môi trường ngày càng xuống cấp gây bức xúc sâu sắc trong xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, hoạt động sản xuất – kinh doanh, cũng như môi trường giáo dục. Một trong những nguyên nhân cốt lõi của thực trạng này chính là ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đang sinh sống trên địa bàn còn kém. Nhiều hành vi vi phạm ĐĐST vẫn tồn tại do chạy theo lợi ích trước mắt, đồng thời do sự buông lỏng kỷ cương, kỷ luật, cùng với đó là sự buông lỏng công tác GDĐĐST cho các tầng lớp nhân dân, trong đó có SV. Vì vậy, cùng với Đảng, Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể thì nhà trường cần phải nâng cao trách nhiệm của mình trong công tác GDĐĐST cho SV để thế hệ tương lai có trách nhiệm, nghĩa vụ với môi trường.

TP.HCM là nơi tập trung nhiều trường ĐH với số lượng SV rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực xanh cho xã hội, trong tương lai số lượng SV tại đây sẽ tăng nhiều hơn nữa. SVCTĐH trên địa bàn TP là những người có tri thức, trình độ, họ sẽ cùng với SV cả nước gánh vác trọng trách bảo vệ, xây dựng, phát triển đất

nước. Bên cạnh việc đào tạo kiến thức chuyên ngành, công tác GDĐĐST là nhiệm vụ không thể xem nhẹ. Những năm qua, việc GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP đã được thực hiện và có kết quả bước đầu tích cực, góp phần hình thành nhận thức, thay đổi thái độ, hành vi ứng xử với môi trường cho đội ngũ cán bộ thuộc các lĩnh vực ngành nghề khác nhau trong tương lai, đóng góp vào sự phát triển vững mạnh của cả nước nói chung, TP.HCM nói riêng. Tuy nhiên, công tác GDĐĐST còn tồn tại không ít bất cập: nội dung giáo dục còn rời rạc, thiếu tính hệ thống; phương pháp triển khai chưa thật sự phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhu cầu của SV; một bộ phận SV còn thờ ơ, chưa có ý thức trách nhiệm với môi trường, thậm chí có hành vi vi phạm ĐĐST trong sinh hoạt và học tập hằng ngày. Những hạn chế đó nếu không được kịp thời khắc phục sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực, làm gia tăng nguy cơ suy thoái môi trường sống, cản trở tiến trình phát triển bền vững của TP.

SV – với vai trò là những người lao động trong tương lai – cần được giáo dục để trở thành những công dân có trách nhiệm với xã hội và với môi trường. Họ chính là lực lượng hiện thực hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ TP.HCM: “phát triển hài hòa kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu” [38, tr.53]. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào khảo sát, nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống về GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM nhằm tìm ra những giải pháp thiết thực, hiệu quả. Đây là một khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu, đồng thời cũng là cơ hội để kiến tạo tiền đề lý luận – thực tiễn cho việc mở rộng giáo dục bảo vệ môi trường trong tương lai. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh chọn đề tài: ***“Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận về GDĐĐST cho SV, luận án khảo cứu, đánh giá thực trạng GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay và đề

xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ

- Tổng quan và đánh giá kết quả đạt được của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, từ đó xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.

- Trình bày, phân tích một số vấn đề lý luận về GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay, từ đó khái quát những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của luận án là giáo dục đạo đức sinh thái cho SV các trường ĐH ở TP.HCM hiện nay.

3.2. Phạm vi

- *Phạm vi không gian nghiên cứu*

Chúng tôi lựa chọn 6 trường ĐH trên địa bàn TP.HCM đại diện cho các ngành đào tạo khác nhau như: Kinh tế, Kỹ thuật, Khoa học xã hội, Khoa học tự nhiên, Môi trường, Sư phạm, bao gồm: trường ĐH Tài chính – Marketing; trường ĐH Tôn Đức Thắng; trường ĐH Sư phạm TP.HCM; trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM; trường ĐH Nông lâm TP.HCM; trường ĐH Sài Gòn.

Chúng tôi tiến hành lựa chọn mẫu và khảo sát bằng phiếu, tổng số 665 phiếu dành cho SV. Đồng thời, tiến hành phỏng vấn sâu 25 cán bộ quản lý và giảng viên của 6 trường ĐH nêu trên.

- *Phạm vi thời gian nghiên cứu:* công tác GDĐĐST cho SV tại các trường ĐH nói chung và ở TP.HCM nói riêng đã được tiến hành từ lâu, dù chưa thực sự

đồng bộ và hiệu quả. Trong phạm vi luận án này, chúng tôi giới hạn nghiên cứu vấn đề GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM trong 10 năm trở lại đây.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên, về giáo dục đạo đức, trong đó có GDĐĐST, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái và một số kết quả điều tra nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án.

Bên cạnh đó, luận án còn dựa trên những số liệu thực tế từ các báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, Thành ủy và UBND TP.HCM, số liệu từ các phòng chức năng của một số trường ĐH trên địa bàn, số liệu của Thành Đoàn và Hội SV TP.HCM để làm rõ thêm những vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật, luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của triết học và khoa học xã hội nói chung như phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, thống kê, so sánh, quy nạp, diễn dịch, nghiên cứu tài liệu ... Luận án cũng sử dụng các phương pháp xã hội học như điều tra khảo sát, phỏng vấn sâu, xin ý kiến chuyên gia để thực hiện mục đích đề ra.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về ĐĐST, GDĐĐST, tầm quan trọng cũng như nội dung, phương thức, chủ thể GDĐĐST cho SV.

Thứ hai, luận án tiến hành khảo sát làm rõ thực trạng GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay, đánh giá thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết cấp bách.

Thứ ba, luận án mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về ĐĐST, GDĐĐST cho SV trong giai đoạn hiện nay ở nước ta.

- Luận án tiến hành khảo sát, xử lý số liệu cụ thể, đánh giá thực trạng GDĐĐST tại các trường ĐH ở TP.HCM hiện nay, trên cơ sở đó cung cấp những luận cứ khoa học cho cấp Ủy, BGH các trường ĐH đưa ra những giải pháp thích hợp nhằm thay đổi nhận thức và hành vi của SV đối với môi trường sinh thái.

- Luận án góp phần nâng cao nhận thức xã hội về bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho tư vấn chính sách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái, trong giáo dục về môi trường, bảo vệ môi trường...

- Luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập về vấn đề ĐĐST, GDĐĐST cho SV hiện nay và cho những ai quan tâm vấn đề này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Danh mục các công trình khoa học đã công bố của tác giả, Phụ lục, luận án bao gồm 4 chương, 14 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến đạo đức, đạo đức sinh thái

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đạo đức

Đạo đức xuất hiện khá sớm và có vai trò quan trọng trong quá trình tổ chức, thiết lập, duy trì trật tự, ổn định và phát triển của xã hội loài người. Trải qua mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, các quan điểm, tư tưởng về đạo đức cũng mang những nội dung khác nhau, điều này bị quy định bởi điều kiện về kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa ... của một xã hội nhất định.

Nghiên cứu về đạo đức có rất nhiều công trình mang tính đa dạng, phong phú, tiếp cận đạo đức ở những góc độ khác nhau. Tác giả Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (2002) trong cuốn *Đạo đức học* [28] đã phân tích các phạm trù đạo đức học cơ bản và những truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam. Nhóm tác giả cho rằng, đạo đức là một hiện tượng xã hội, phản ánh các mối quan hệ hiện thực bắt nguồn từ cuộc sống của con người. Để bảo đảm được quyền lợi của tất cả các thành viên ở trong xã hội thì cần phải đặt ra những quy tắc, những chuẩn mực nhất định theo đó con người hành động. Đây chính là cơ sở đánh giá con người có đạo đức hay không có đạo đức. Cuốn sách là tài liệu để chúng tôi có thể nắm bắt các vấn đề cơ bản của đạo đức, trên cơ sở đó nghiên cứu về ĐĐST.

Nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức đã được làm rõ trong cuốn *Giáo trình Đạo đức học* [50] của các tác giả Nguyễn Thế Kiệt, Nguyễn Ngọc Long chủ biên (2004). Nhóm tác giả giới thiệu về các kiểu đạo đức trong lịch sử và mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái ý thức xã hội khác. Cuốn sách phân tích một số phạm trù đạo đức học cơ bản: phạm trù lẽ sống, hạnh phúc, nghĩa vụ đạo đức, lương tâm, thiện và ác. Đồng thời, các tác giả đề cập tới vai trò của đạo đức mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, họ cho rằng “các lý tưởng và nguyên tắc đạo đức cộng sản là cơ sở để các đảng mácxít và chính quyền nhà nước vô sản hoạch định chiến lược, sách lược, chính sách kinh tế, chính trị và văn hóa – tư tưởng” [50, tr.149]. Nhóm tác giả làm rõ những nguyên tắc cơ bản của đạo đức

mới như chủ nghĩa tập thể là cơ sở của đạo đức mới; lao động tự giác, sáng tạo là cội nguồn của đạo đức mới; chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế; chủ nghĩa nhân đạo cộng sản. Các nguyên tắc này là những chuẩn mực khuyến khích, định hướng cho đạo đức cộng sản, đòi hỏi các chủ thể đạo đức thực hiện. Cuốn sách đề cập tới một số vấn đề về xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Với nội dung được trình bày công phu về phạm trù, nguyên tắc đạo đức mới, công trình là tài liệu có giá trị tham khảo trong thực hiện công tác giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST nói riêng trong thời kỳ xây dựng nền đạo đức mới - đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của C.Mác về bản chất và tính chất của đạo đức trên cơ sở đối chiếu với quan niệm về đạo đức tương ứng của các nhà tư tưởng, nhà triết học trong lịch sử như M.Cantơ, G.Hêghen, L.Phoiobắc... được làm rõ trong bài *Quan niệm của C.Mác về đạo đức và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới ở Việt Nam hiện nay* [69] của tác giả Nguyễn Văn Phúc (2008). Tác giả phân tích quan điểm của C.Mác về mối quan hệ giữa lợi ích và đạo đức, tiến bộ đạo đức và sự hình thành đạo đức mới – đạo đức cộng sản. Tác giả khẳng định, Việt Nam đang xây dựng nền đạo đức mới - một bộ phận và khởi đầu của nền đạo đức cộng sản. Quan niệm đạo đức của C.Mác là cơ sở lý luận và phương pháp luận của sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay, trong đó có vấn đề ĐĐST. Đây cũng là tài liệu có giá trị cho các nghiên cứu về đạo đức, công tác giáo dục đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Những vấn đề lý luận chung của đạo đức học mácxít và sự khác biệt giữa đạo đức và đạo đức học được tác giả Nguyễn Thế Kiệt (2012) phân tích trong cuốn *Mấy vấn đề đạo đức học Mácxít và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* [51]. Tác giả luận giải khái niệm đạo đức mới, vai trò và các nguyên tắc của đạo đức mới – đạo đức xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tác giả đề cập đến vấn đề xây dựng đạo đức mới trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay. Tác giả nêu nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đặc biệt, tác giả phân tích thực trạng, đề ra phương hướng, giải pháp

khắc phục suy thoái đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên trong điều kiện hiện nay ở nước ta. Công trình giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về vai trò của đạo đức mới, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Công trình *Đạo đức học Mác - Lênin* [75] của Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ (2018) gồm có hai phần là lý luận chung về đạo đức, đạo đức học Mác - Lênin và giáo dục đạo đức. Phần thứ nhất, nhóm tác giả phân tích nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức và các phạm trù cơ bản của đạo đức học Mác - Lênin như thiện, ác; lẽ sống; hạnh phúc; nghĩa vụ; lương tâm. Phần thứ 2, họ đề cập đến một số vấn đề lý luận chung về giáo dục đạo đức như khái niệm, mục tiêu, nội dung của giáo dục đạo đức. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đề cập đến vấn đề giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống cơ bản của dân tộc Việt Nam như truyền thống yêu nước, truyền thống đoàn kết, truyền thống nhân nghĩa, nhân ái. Nội dung khác biệt nhất của cuốn sách là luận giải về giáo dục đạo đức nhà giáo cho SV ngành sư phạm. Trong đó, các tác giả đã nhấn mạnh đến vai trò của nhà giáo trong sự phát triển của xã hội. Họ khẳng định, “xã hội phát triển, nhiều vấn đề mới nảy sinh, đòi hỏi người giáo viên không chỉ dạy cho học sinh tri thức, đạo đức mà còn phải dạy nhiều kỹ năng giúp các em giải quyết các vấn đề trong cuộc sống... phải thông qua “dạy chữ” để “dạy người” [75, tr.154]. Nhóm tác giả đưa ra 5 phẩm chất đạo đức mà người thầy cần phải có. Cuốn sách là một tài liệu tham khảo có giá trị, chúng tôi sẽ kế thừa để xác định mục tiêu, nội dung, hình thức của công tác GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay. Đồng thời, cuốn sách là những gợi ý để chúng tôi xác định rõ được vai trò của chủ thể GDĐĐST trong nhà trường cho SV.

Tóm lại, trong những công trình được đề cập, hầu hết các tác giả đều tập trung làm rõ khái niệm đạo đức, phân biệt giữa đạo đức và đạo đức học, đồng thời phân tích cấu trúc, nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội. Đặc biệt, nhiều tác giả đã tiếp cận và luận giải sâu sắc về đạo đức mới – đạo đức xã hội chủ nghĩa bao gồm: khái niệm, vai trò, nội dung, nguyên tắc....

Những tài liệu này đã cung cấp nền tảng cơ sở lý luận quan trọng giúp chúng tôi kế thừa để thực hiện mục đích nghiên cứu của mình.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về đạo đức sinh thái

Môi trường thế giới và Việt Nam đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, trở thành vấn đề mang tính toàn cầu. Đã có rất nhiều hội nghị quốc tế về môi trường diễn ra như Hội nghị Liên hợp quốc về Môi trường và con người được tổ chức ở Stockholm, Thụy Điển từ 6 - 16/6/1972, Hội nghị thượng đỉnh trái đất Rio de Janeiro diễn ra tại Brazil, từ ngày 3 - 4/6/199, Hội nghị thượng đỉnh thế giới về phát triển bền vững đã được tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi 26/8/2002, hay Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc tại Copenhagen, Đan Mạch. Các hội nghị này đều phân tích thực trạng của môi trường, biến đổi khí hậu... và nhấn mạnh hướng đến việc giữ gìn, bảo vệ trái đất, môi trường sống của muôn loài. Ngoài những hội nghị quốc tế về môi trường thì vấn đề xây dựng ĐĐST được coi trọng đặc biệt, gần đây có rất nhiều công trình nghiên cứu về ĐĐST dưới những góc độ khác nhau ở cả trong và ngoài nước.

*** Các công trình nghiên cứu nước ngoài**

Bài viết của Paul Wapner & Richard A. Matthew (2009), *The humanity of global environmental ethics (Khía cạnh nhân văn trong đạo đức môi trường toàn cầu)* [97] đề cập tới những quan điểm khác nhau về đạo đức môi trường, đồng thời làm sáng tỏ vấn đề phi an toàn môi trường toàn cầu và giải thích việc xem xét con người ứng xử, ngược đãi với nhau thông qua tự nhiên. Nhóm tác giả phê phán quan điểm của Cơ đốc giáo cho rằng Chúa ban cho con người quyền thống trị đối với hệ động, thực vật trên trái đất. Họ phê phán quan điểm lấy con người làm trung tâm và khẳng định quan điểm này là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng môi trường bị hủy hoại. Từ đây, nhóm tác giả đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường dưới góc độ đạo đức học như tìm các nguồn tài nguyên có thể tái sinh, xem xét các phương thức tiêu thụ tài nguyên hiệu quả... Cuối cùng, tác giả đưa ra quan niệm về đạo đức môi trường toàn cầu. Bài viết thể hiện rõ tính nhân văn trong vấn đề bảo vệ môi trường mà tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam cần học hỏi.

Quan điểm của một số nhà tư tưởng như Arixtôt, Johnson, Merton... về sinh vật, tự nhiên và ĐĐST, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến sự chiêm nghiệm về tự nhiên và những cách thức để con người đạt được sự chiêm nghiệm đó được Andreas Nordlander (2020) đề cập đến trong bài viết *Green Purpose: Teleology, Ecological Ethics, and the Recovery of Contemplation* (Mục đích xanh: mục đích luận, ĐĐST và sự phục hồi của chiêm nghiệm) [94]. Ông lập luận rằng, một số niềm tin cơ bản của Cơ Đốc giáo là nguyên nhân dẫn đến thái độ nhản tâm đối với thiên nhiên, con người đã chiếm đoạt tài nguyên một cách tàn khốc. Tác giả phân tích rất kỹ quan niệm của Merton. Merton đã rút ra một kết luận xuất sắc về giá trị đạo đức của mối quan hệ đáng suy ngẫm với tự nhiên là đừng bạo lực với sự vật, thao túng vì mong muốn của mình. Merton cho rằng, tất cả những gì được tạo ra đều tốt và tinh khiết, vì không có gì do Chúa tạo ra là xấu xa hay không tinh khiết. Mọi vật được tạo ra đều có giá trị riêng trong mắt Đức Chúa Trời, vì vậy cần nhận thức tích cực, bằng tình yêu thương về giá trị của các tạo vật. Đây là một tư tưởng rất nhân văn trong vấn đề bảo vệ sinh thái mà con người chúng ta hiện nay cần nghiên cứu, học tập.

Một nền kinh tế học sinh thái mới, tạo nền tảng cho chủ nghĩa sinh thái, ĐĐST và sự bất công sinh thái sẽ hỗ trợ xã hội hướng tới tương lai thực sự bền vững đã được đề xuất trong bài viết *The need for ecological ethics in a new ecological economics* (Sự cần thiết của ĐĐST trong kinh tế học sinh thái mới) [95] của H. Washington và M. Maloney (2020). Họ phân tích rõ chủ nghĩa sinh thái, đạo đức kinh tế học, đạo đức kinh tế học sinh thái thông qua quan điểm của các nhà nghiên cứu trên thế giới về vấn đề này như Berry, Schlosberg, Kumar,... Các tác giả cho rằng, cần xây dựng nền kinh tế thu hẹp khoảng cách giữa con người và tự nhiên, một nền kinh tế thừa nhận giá trị nội tại của tự nhiên để phát triển ĐĐST, giúp con người tôn trọng, trách nhiệm và có đi có lại đối với tự nhiên – một điều không có trong lịch sử văn hóa phương Tây. Nhóm tác giả phân tích rõ mối quan hệ khăng khít giữa ĐĐST và kinh tế học sinh thái. Đồng thời, bài viết đề cập tới một vài quan niệm về sự cần thiết phải xây dựng Luật học về Trái đất và quyền của thiên nhiên. Đặc biệt, nhóm tác giả bàn về sự công bằng sinh thái và yêu cầu con người

cần phải đối xử có đạo đức với các thành phần của giới tự nhiên. Bài viết cung cấp gợi ý cho chúng tôi xây dựng chuẩn mực ĐĐST cần giáo dục cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

ĐĐST là một khoa học độc lập, có đối tượng nghiên cứu riêng được khẳng định trong bài viết *A Preliminary study of Ecological Ethics (Nghiên cứu sơ bộ về ĐĐST)* [112] của Zhang Yunfei (2021). Tác giả khái quát những tư tưởng về ĐĐST trong lịch sử cả phương Tây và phương Đông. Theo tác giả, ĐĐST liên quan đến mối quan hệ giữa sinh thái và đạo đức. Đạo đức là một yếu tố quan trọng liên quan đến các vấn đề sinh thái và môi trường nên các chuẩn mực đạo đức cần được thiết lập để giải quyết các vấn đề sinh thái và môi trường. Tác giả cũng phân tích sự khác biệt giữa sinh thái, đạo đức và ĐĐST. Sinh thái học nghiên cứu mối quan hệ giữa sinh vật và môi trường, nó thuộc khoa học tự nhiên; đạo đức học lấy đạo đức làm đối tượng nghiên cứu, nó thuộc khoa học xã hội; ĐĐST như là trung gian giữa sinh thái học và đạo đức. ĐĐST dựa trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong triết học Mác. Tác giả khẳng định, trong đời sống xã hội, ĐĐST hun đúc tình cảm đạo đức cao đẹp của con người với tự nhiên. Để ĐĐST bén rễ, đâm chồi, nảy lộc, đơm hoa kết trái trong hiện thực thì cần phải xây dựng một trình độ cao của nền văn minh tinh thần và vật chất xã hội chủ nghĩa. Đạo đức cộng sản hướng tới mục tiêu cao cả của nhân loại là chủ nghĩa cộng sản, do đó đạo đức cộng sản không chỉ điều chỉnh mối quan hệ giữa con người với nhau, mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội mà cần phải hình thành những chuẩn mực đúng đắn trong quan hệ giữa con người với tự nhiên. Công trình giúp chúng tôi có thêm cơ sở để khẳng định mối quan hệ giữa đạo đức và sinh thái, giữa con người và tự nhiên cũng như vai trò của GDĐĐST đối với con người và xã hội.

** Các công trình nghiên cứu trong nước*

Tác giả Hà Huy Thành (chủ biên, 2001) với cuốn *Một số vấn đề xã hội và nhân văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam* [78] đã làm rõ bản chất của mối quan hệ giữa xã hội và môi trường tự nhiên, trình bày thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong

phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam. Cuốn sách phân tích mối quan hệ giữa vấn đề dân số và môi trường, tài nguyên, sự gia tăng dân số, phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo tác động đến việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên. Các tác giả đề cập đến vấn đề ĐĐST, làm rõ khái niệm và đặc thù của ĐĐST. Đồng thời đưa ra những chuẩn mực và hành vi ĐĐST cần thiết ở Việt Nam. Nhóm tác giả cho rằng, sự tự giác của con người tuân thủ nghiêm các điều luật được ghi rõ trong *Luật Bảo vệ môi trường* của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là hành vi ĐĐST cao nhất, hoàn hảo nhất. Từ đó, họ đưa ra một số giải pháp xây dựng ĐĐST phù hợp với yêu cầu mới của đất nước. Bài viết cung cấp cho chúng tôi cái nhìn khá toàn diện về mối quan hệ giữa xã hội với môi trường, phát triển kinh tế và vấn đề dân số với việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phong tục tập quán, luật pháp, ĐĐST với bảo vệ môi trường. Đồng thời, đây còn là tài liệu tham khảo có giá trị, góp phần định hướng giúp chúng tôi xây dựng những chuẩn mực và hành vi ĐĐST phù hợp cho SVCTĐH tại TP.HCM.

Cuốn sách *Văn hóa sinh thái nhân văn* [20] của Trần Lê Bảo (chủ biên, 2001) đề cập khái niệm môi trường sinh thái – nhân văn và thực chất của vấn đề sinh thái – nhân văn, nêu rõ cơ sở triết học – xã hội của mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên. Nhóm tác giả phân tích các thành tố của môi trường sinh thái tự nhiên và sự tác động của con người – xã hội vào môi trường sinh thái ấy. Đồng thời, họ làm rõ vấn đề môi trường sinh thái – nhân văn và truyền thống “hòa hợp với thiên nhiên” của con người Việt Nam. Đặc biệt, nhóm tác giả đề cập đến ĐĐST, khái quát lịch sử hình thành, phát triển của ĐĐST ở cả phương Tây và phương Đông, phân tích cấu trúc, quan hệ đạo đức của ĐĐST. Họ cho rằng: “đặc trưng của ĐĐST là chỉ nghiên cứu những quan niệm và cách ứng xử của chủ thể con người đối với tự nhiên, chứ không có chiều ngược lại” [27, 136]. Tuy nhiên, họ chưa đưa ra giải pháp để xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái ở Việt Nam trong điều kiện đô thị hóa. Tài liệu này có giá trị thiết thực giúp chúng tôi làm rõ vấn đề lý luận về ĐĐST cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến công tác GDĐĐST cho SV.

Tác giả Phạm Văn Boong (2002) đã phân tích khái niệm, cấu trúc phát triển lâu bền trong cuốn sách *Ý thức sinh thái và sự phát triển lâu bền* [22]. Phát triển lâu bền gồm 4 yếu tố cơ bản là kinh tế, công nghệ, môi trường tự nhiên và con người (nhân văn). Tác giả khẳng định, để có sự phát triển bền vững phải kết hợp hài hòa mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội – nhân văn và mục tiêu sinh thái. Ông cho rằng, để hoạt động của con người phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững thì cần xây dựng ý thức sinh thái. Ông phân tích nội dung, hình thức biểu hiện của ý thức sinh thái đối với phát triển bền vững. Ý thức sinh thái là cơ sở điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, đồng thời thực hiện sinh thái hóa nền sản xuất và sinh thái hóa mọi hoạt động của đời sống xã hội. Tác giả làm rõ nhận thức mới của con người về vấn đề sinh thái của thời đại như nhận thức về thực trạng các yếu tố của môi trường tự nhiên trong điều kiện phát triển của thế giới, nhận thức về vấn đề sinh thái – nhân văn. Cuối cùng, ông đề cập đến vấn đề xây dựng ý thức sinh thái ở Việt Nam hiện nay, nêu ra 5 quan điểm cơ bản và 3 nhóm giải pháp xây dựng ý thức sinh thái. Tuy nhiên, các giải pháp đều hướng đến xây dựng phát triển ý thức sinh thái cho toàn xã hội, chưa đề cập đến đối tượng SV. Do đó, chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu những giải pháp này để nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức sinh thái cho SV tại TP.HCM hiện nay.

Tác giả Vũ Trọng Dung (chủ nhiệm đề tài) (2004) với đề tài cấp bộ năm 2003 – 2004, *ĐĐST và việc GDĐĐST cho cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh phía Bắc nước ta hiện nay* [31] đã nêu những vấn đề lý luận chung của ĐĐST như khái niệm, sự hình thành, biến đổi của ĐĐST ở nước ta, sự cần thiết và nội dung ĐĐST và GDĐĐST trong điều kiện hiện nay. Nhóm tác giả phân tích thực trạng môi trường sinh thái các tỉnh phía Bắc Việt Nam và khảo sát thực trạng GDĐĐST cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp huyện ở các địa phương này. Đồng thời, các nhà nghiên cứu đề xuất ba phương hướng và bốn nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho đội ngũ cán bộ nói trên. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị, cung cấp những luận cứ khoa học quan trọng để chúng tôi kế thừa, xây dựng cơ sở lý luận cho hoạt động GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Bài viết *ĐĐST trong hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững* [84] của tác giả Phạm Thị Ngọc Trâm (2005) đã nêu khái niệm và cấu trúc của ĐĐST, làm rõ nội hàm khái niệm chuẩn mực hành vi ĐĐST. Tác giả cho rằng, việc khai thác sử dụng đúng quy cách, đúng thời hạn quy định, đảm bảo cho rừng tiếp tục tồn tại và phát triển, không xâm hại đến giá trị của rừng mà con người vẫn đạt được lợi ích của mình là một chuẩn mực của hành vi ĐĐST. Tác giả phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng các chuẩn mực ĐĐST mới. Từ đó, tác giả nêu những chuẩn mực ĐĐST mới. Bài viết cung cấp cơ sở lý luận giúp chúng tôi xây dựng các chuẩn mực, hành vi ĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Lịch sử phát triển của đạo đức môi trường thông qua quan điểm của một số nhà tư tưởng tiêu biểu của hai dòng lý thuyết là đạo đức duy sinh vật gắn liền với tên tuổi của Paul W.Taylor và đạo đức duy sinh thái gắn liền với sự nghiệp của Arne Naess được khái quát trong bài viết *Về đạo đức môi trường* [74] của tác giả Hồ Sĩ Quý (2005). Bài viết nêu rõ những nội dung chính trong nội hàm khái niệm đạo đức môi trường và khẳng định đạo đức môi trường đang dần trở thành một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với các xã hội đi theo xu hướng phát triển bền vững, tuy nhiên ở Việt Nam nội dung này chưa thực sự được quan tâm như một vấn đề bức xúc. Những hiện tượng vi phạm đạo đức môi trường ở Việt Nam diễn ra thường xuyên, trải khắp các lĩnh vực. Tác giả cho rằng thái độ của con người với tự nhiên cần được điều chỉnh theo hướng tích cực hơn, vì vậy chúng ta phải đưa ra những giải pháp nâng cao đạo đức môi trường, cần đưa yêu cầu bảo vệ môi trường thành một tiêu chí đánh giá đạo đức con người. Trong hoạt động kinh tế - xã hội, nên từng bước lượng hóa tiêu chí bảo vệ môi trường để đánh giá và định hướng hoạt động của sản xuất và những người làm chính sách, hoạch định. Bài viết là tài liệu quan trọng cho những nghiên cứu về đạo đức môi trường, ĐĐST và đạo đức kinh doanh.

Những hành vi chưa mang tính chất đạo đức đối với môi trường ở nước ta hiện nay được đề cập trong bài viết *Một số hành vi ứng xử với môi trường không mang tính đạo đức ở nước ta hiện nay* [33] của Vũ Dũng (2009). Những hành vi

này chủ yếu tập trung ở các tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân cụ thể. Các hành vi ứng xử với môi trường không mang tính đạo đức ở cấp xã phường, cộng đồng dân cư như thói quen vứt rác từ nhà cao tầng xuống đất tại những khu tập thể, thói quen vứt rác mọi nơi, các nhà máy đổ chất thải ra kênh, ao hồ, sông... ở Hà Nội và TP Biên Hòa, Đồng Nai. Những hành vi ứng xử với môi trường không mang tính đạo đức ở các doanh nghiệp, tổ chức như khu công nghiệp thải ra chất thải, nước thải, khí thải không qua xử lý ra môi trường gây ô nhiễm. Tác giả đưa ra nhiều số liệu thực tế cho thấy tình trạng ô nhiễm môi trường rất nặng nề ở các khu dân cư, khu công nghiệp trên khắp cả nước. Trên cơ sở thực trạng, ông phân tích bốn nguyên nhân của những hành vi gây ô nhiễm môi trường. Bài viết cho thấy sự phát triển công nghiệp, quá trình đô thị hóa, ý thức kém của người dân, doanh nghiệp gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường nặng nề. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng giúp chúng tôi phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác GDĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM. Tuy nhiên, bài viết chưa đưa ra những giải pháp để ngăn chặn những hành vi ứng xử phi đạo đức với môi trường ở nước ta hiện nay.

Những nét đặc thù của ĐĐST được Phạm Thị Ngọc Trâm (2009) làm rõ trong bài viết *Xây dựng ĐĐST – Một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên* [85]. Tác giả cho rằng, ĐĐST có mối quan hệ chặt chẽ với trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, ĐĐST và trách nhiệm xã hội của con người với môi trường sống cần phải được coi trọng. Bài viết nhấn mạnh “Con người Việt Nam cần xây dựng một ĐĐST mới trên cơ sở phát huy những nét đẹp trong ĐĐST truyền thống dân tộc, đồng thời kết hợp với việc tiếp thu những giá trị sinh thái mới sao cho phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững” [85, tr.55-61]. Bài viết khẳng định, trước lợi ích trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực trạng môi trường bị tàn phá nghiêm trọng thì vấn đề xây dựng ĐĐST là rất cần thiết. Xây dựng ĐĐST cần phải được thực hiện ở các thành tố cấu thành nó đó là ý thức ĐĐST, quan hệ ĐĐST và hành vi ĐĐST. Tác giả đã đưa ra những khái niệm có nội hàm đầy đủ về ý thức sinh thái, hành vi ĐĐST. Tuy nhiên, công trình chưa đề cập đến

giải pháp đưa GDĐĐST vào cuộc sống, nâng cao trách nhiệm xã hội của con người đối với giới tự nhiên. Bài viết đã cung cấp cho chúng tôi nền tảng lý luận quan trọng để phân tích vai trò và cấu trúc GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Tác giả Nguyễn Hiếu Tín (2010) trong bài viết *Ứng xử với môi trường tự nhiên cần có ĐĐST* [82] đã làm sáng tỏ những quan niệm về ĐĐST trên thế giới thời cận đại thế kỷ XVII - XVIII. Tác giả cho rằng, thời kì này các nhà tư tưởng chịu ảnh hưởng bởi phương pháp tư duy siêu hình nên họ lấy con người làm trung tâm, do vậy quyết định đến cách con người ứng xử với môi trường tự nhiên từ góc độ đạo đức. Vì quan niệm con người là trung tâm của vũ trụ nên con người đã khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên để phục vụ lợi ích của mình. Bài báo đề cập đến quan niệm ĐĐST truyền thống của người Việt Nam trong ứng xử với môi trường tự nhiên là quan hệ “Thiên – Địa – Nhân hợp nhất”. Tuy nhiên, hiện nay quan niệm tốt đẹp đó trong nếp sống của người Việt Nam đang bị mai một do dân số tăng nhanh, tốc độ đô thị hóa mạnh.... dẫn đến con người có nhiều hành vi hủy hoại môi trường. Vì vậy, để bảo vệ cuộc sống của mình và tương lai, loài người cần ứng xử hòa nhã, thân thiện và tôn trọng tự nhiên. Bài viết là tài liệu tham khảo quý báu cho những nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, về sự cần thiết cần phải xây dựng ĐĐST.

Định nghĩa, phân loại, chức năng của môi trường, những thách thức môi trường toàn cầu cũng như những vấn đề môi trường mà Việt Nam đang phải đối mặt trong quá trình phát triển được nêu rõ trong *Đạo đức môi trường* [48] của Nguyễn Đức Khiển và Nguyễn Kim Hoàng (2011). Cuốn sách phân tích sự tương tác giữa môi trường và sinh thái, mối quan hệ giữa dân số và môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên. Đặc biệt, nhóm tác giả làm rõ vấn đề đạo đức môi trường và mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, thách thức của phát triển bền vững, định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam. Tác giả khẳng định, các vấn đề môi trường đòi hỏi một sự xem xét về mặt đạo đức và luân lý, vì vậy họ đã đề cập đến đạo đức môi trường của cá nhân, đạo đức môi trường của xã hội và đạo đức môi trường toàn cầu. Công trình phân tích khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và

thách thức về phát triển bền vững trên quy mô toàn cầu. Đồng thời, nhóm tác giả đưa ra chín giải pháp bảo vệ môi trường. Quyền phụ nữ là một giải pháp được nhắc đến. Nhóm tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò quyết định của phụ nữ đối với vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Đây là giải pháp có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển kinh tế - xã hội và công cuộc bảo vệ môi trường.

Tác giả Vũ Dũng (2011) trong công trình *Đạo đức môi trường ở nước ta: lý luận và thực tiễn* [34], đã trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về môi trường như khái niệm đạo đức môi trường, tiêu chí đánh giá đạo đức môi trường, chức năng cơ bản của đạo đức môi trường. Tác giả giới thiệu kinh nghiệm bảo vệ môi trường của một số quốc gia nhìn từ góc độ đạo đức môi trường. Đồng thời, ông phân tích thực trạng và nêu rõ nguyên nhân cơ bản gây nên ô nhiễm môi trường ở Việt Nam đó là còn tồn tại nhiều hành vi mang tính phi đạo đức môi trường xảy ra ở khắp cả nước. Đặc biệt, ông nêu những hành vi đạo đức môi trường của học sinh và SV. Cuốn sách là tài liệu tham khảo có giá trị giúp chúng tôi xây dựng những hành vi ĐĐST cần giáo dục cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường là việc làm cần thiết để có những hành vi đúng đắn trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên được tác giả Nguyễn Văn Phúc (2013) khẳng định trong cuốn sách *Đạo đức môi trường* [70]. Ông cho rằng, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của mỗi quốc gia, của toàn nhân loại mà còn là đạo đức về cuộc sống vững bền. Ông nêu quan điểm về hành động tốt và hành động xấu, hành động tốt là những hành động nhằm mục đích bảo vệ sự toàn vẹn và ổn định của cộng đồng sinh vật, còn những hành động xấu là phá hoại sự đa dạng sinh học, phá hoại môi trường tự nhiên. Do đó, cần có những chuẩn mực đạo đức nhất định trong mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên. Đây là tài liệu giá trị được chúng tôi tham khảo xây dựng chuẩn mực hành vi ĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM.

Bài viết *Xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn trong điều kiện đô thị hóa ở nước ta hiện nay* [58] của Nguyễn Thị Thanh Mai (2013) đã phân tích sự ảnh hưởng của đô thị hóa tới môi trường sinh thái ở Việt Nam. Tác giả cho rằng,

quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh đã ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sự cân bằng sinh thái. Từ thực trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra, tác giả làm rõ vấn đề xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái trong điều kiện đô thị hóa ở nước ta hiện nay. Theo tác giả, chúng ta cần đưa ra nguyên tắc chung cho hoạt động của con người trong mối quan hệ với tự nhiên từ đó hình thành những thói quen, tập quán, ứng xử thân thiện với môi trường. Để có được điều này, chúng ta cần xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn. Trên cơ sở khẳng định vai trò quan trọng của nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn, tác giả đề xuất phương hướng và giải pháp thiết thực nhằm xây dựng và lan tỏa nếp sống này trong cộng đồng. Bài viết cung cấp cơ sở quan trọng giúp chúng tôi phân tích tác động của đô thị hóa đến công tác GDĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Khái niệm văn hóa sinh thái và giá trị văn hóa sinh thái được tác giả Nguyễn Văn Huyền (2013) nêu trong bài viết *Những vấn đề về văn hóa sinh thái hiện nay* [44]. Ông cho rằng, văn hóa sinh thái thể hiện rõ ở ý thức và thái độ của con người trong ứng xử với tự nhiên. Vì vậy, để có ý thức và thái độ đúng đắn với giới tự nhiên thì con người phải nắm được bản chất của sinh thái. Bài viết nêu một số vấn đề sinh thái lớn cần nghiên cứu, tìm cách giải quyết bao gồm sự thống nhất thế giới và mục tiêu tồn tại, phát triển của loài người; sự phát triển xã hội loài người và sự tiến hóa sinh thái; sự đồng tiến hóa giữa con người và sinh thái; ý thức và hành vi thực hiện nội cân bằng, bảo đảm sự cân bằng bên trong sinh thái; xã hội tiêu thụ và kinh tế dịch vụ tăng cường... Ông khẳng định, giáo dục ý thức sinh thái, trách nhiệm sinh thái, nếp sống sinh thái là hành động bảo vệ môi trường sinh thái toàn cầu hướng đến phát triển bền vững. Với sáu vấn đề sinh thái lớn đang đặt ra từ góc nhìn văn hóa, bài viết là tài liệu quan trọng cho những nghiên cứu về sinh thái, môi trường, ĐĐST, đạo đức môi trường.

Ngày nay thế hệ trẻ Việt Nam đã thay đổi tư duy, coi bảo vệ môi trường là một vấn đề sống còn của đất nước được Lê Văn Khoa (2016) khẳng định trong bài viết *Đạo đức môi trường – từ tư duy đến hành động* [49]. Ông nêu một số khác biệt giữa nhận thức cũ và mới về môi trường chẳng hạn trong nhận thức cũ Trái đất có

nguồn tài nguyên vô hạn, trong nhận thức mới tài nguyên trên Trái đất là hữu hạn; trong nhận thức cũ con người phải chinh phục thiên nhiên, trong nhận thức mới con người phải hợp tác với thiên nhiên... Theo ông cần xây dựng đạo đức môi trường trong các lĩnh vực như sản xuất nông nghiệp; hoạt động công nghiệp, làng nghề;... Ông cho rằng, người tiêu dùng sử dụng lãng phí nguồn điện, nước sạch, thực phẩm là hành vi vi phạm đạo đức môi trường. Đồng thời, ông đề xuất các biện pháp tăng cường giáo dục đạo đức môi trường như giáo dục về lối sống tiết kiệm tài nguyên; xây dựng phong cách mới trong tiêu dùng; đạo đức môi trường cần được điều chỉnh bằng pháp luật và dư luận xã hội; sử dụng các hình thức văn hóa, nghệ thuật, tham quan, du lịch, phong tục, luật tục, hương ước, lệ làng trong việc điều chỉnh hành vi ứng xử của con người đối với tài nguyên thiên nhiên. Cuốn sách nêu rõ mối quan hệ giữa đạo đức môi trường với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, giúp chúng tôi thuận lợi trong việc xác định các chuẩn mực ĐĐST và hình thức GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM.

Những vấn đề lý luận chung về công bằng môi trường như các nguyên tắc thực hiện công bằng môi trường, nội dung, vai trò và các nhân tố tác động đến thực hiện công bằng môi trường được làm rõ trong công trình *Thực hiện công bằng môi trường tại Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* [46] của tác giả Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên) (2020). Nhóm tác giả phân tích thực trạng thực hiện công bằng môi trường ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra. Đồng thời, họ nêu quan điểm định hướng chung và các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện công bằng môi trường tại nước ta. Cuốn sách với nội dung khá mới ở Việt Nam là tài liệu tham khảo có giá trị giúp chúng tôi xây dựng nội dung GDĐĐST cho SV TP.HCM hiện nay.

Tác giả Trần Lê Bảo (2021) trong bài viết *ĐĐST trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* [101] đưa ra khái niệm ĐĐST và lý giải sự cần thiết phải xây dựng ĐĐST. Ông cho rằng, mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động to lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực đạo đức. Lợi ích cá nhân vị kỉ đã làm suy thoái đạo đức xã hội nói chung, ĐĐST nói riêng. Ông khẳng định,

bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu cấp thiết hiện nay. Ông đưa ra một số giải pháp nhằm xây dựng ĐĐST và nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ môi trường ở Việt Nam, chẳng hạn: tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để thay đổi tư duy, quan niệm của các cấp ủy, chính quyền và toàn thể nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường sinh thái; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong xây dựng ĐĐST và bảo vệ môi trường sống trên Trái đất... Nghiên cứu này là tài liệu giúp chúng tôi phân tích tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, kinh tế thị trường đến tự nhiên và vai trò quan trọng của ĐĐST hiện nay.

Như vậy, tổng quan những công trình trong và ngoài nước trên đây cho chúng ta thấy bức tranh chung về môi trường hiện nay. Mặc dù tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, nhưng nhìn chung các tác giả đã phân tích rõ thực trạng môi trường sinh thái, tài nguyên, đánh giá sự hiểu biết của con người về môi trường thông qua các vấn đề như suy giảm đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường. Đây là những hậu quả mà con người ứng xử phi đạo đức trong quan hệ với tự nhiên. Trên cơ sở đó, các tác giả nhấn mạnh cần phải xây dựng ĐĐST. Họ đã đưa ra khái niệm, cấu trúc, chuẩn mực ĐĐST. Những công trình trên là cơ sở lý luận quan trọng giúp chúng tôi có thể vận dụng hệ thống hóa lý luận về ĐĐST, đưa ra các chuẩn mực, hành vi ĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

1.2. Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến giáo dục đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

1.2.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức sinh thái

GDĐĐST có ý nghĩa thiết thực giúp con người hiểu về giới tự nhiên từ đó ứng xử có trách nhiệm với môi trường nhằm bảo vệ sự sống của chính bản thân mình. Hiện nay có nhiều công trình nghiên cứu về GDĐĐST ở cả trong và ngoài nước từ nhiều góc độ khác nhau, điều này thể hiện sự quan tâm rất lớn của các nhà khoa học và xã hội đối với vấn đề này. Những nghiên cứu nước ngoài:

Bài viết *Comparative study on school-Based environmental education in Japan and Korea* (Nghiên cứu so sánh về giáo dục môi trường trong nhà trường ở Nhật Bản và Hàn Quốc) [98] của nhóm tác giả Reiko Matsubaguchi, Yeon-A Son, Toshiya Kodama, Won Jongbin (2019). Các tác giả cho biết, ở Nhật Bản, trong các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục môi trường là một phần của các môn học khác như môn học xã hội, khoa học, gia đình, kinh tế. Tại Hàn Quốc, giáo dục môi trường được tổ chức một cách có hệ thống như một môn học độc lập trong chương trình giáo dục, đồng thời được kết hợp lồng ghép với các môn học khác nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện về môi trường. Ở quốc gia này giáo dục môi trường chủ yếu được thực hiện thông qua nhiều hoạt động trải nghiệm sáng tạo gồm bốn chương trình hoạt động tự chủ, hoạt động tình nguyện, hoạt động câu lạc bộ và giáo dục nghề nghiệp. Các trung tâm giáo dục môi trường quốc gia, Bộ Giáo dục, Bộ Môi trường tài trợ các sự kiện, cung cấp chương trình học tập trải nghiệm, nguồn tài liệu và đào tạo giáo viên... Nhìn chung mỗi một hệ thống giáo dục ở Nhật Bản và Hàn Quốc đều có những ưu điểm riêng, chúng ta sẽ kế thừa, vận dụng phù hợp với mục tiêu giáo dục của từng ngành học.

Quan điểm của các tổ chức, cá nhân ở trên thế giới về vấn đề bảo vệ môi trường được làm rõ trong bài viết *Natural scientific and ecological environmental Education in the training of kindergarten teacher students at the university of Sopron, Hungary* (Giáo dục khoa học tự nhiên và môi trường sinh thái trong chương trình đào tạo SV ngành giáo dục mầm non tại ĐH Sopron, Hungary) [96] của Kendöl, Jutka Nmarné (2021). Theo họ, để nâng cao hiệu quả giáo dục cho đội ngũ giáo viên mẫu giáo tương lai, SV cần được đưa đến thực tập tại các cơ sở giáo dục mầm non - nơi làm việc trong tương lai, nhằm gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, nâng cao hiệu quả của giáo dục khoa học và sinh thái. Từ đó SV biết áp dụng các phương pháp giúp trẻ mầm non suy nghĩ và hành xử có ý thức với môi trường. SV năm thứ hai bắt buộc phải nghiên cứu về sinh thái và bảo vệ môi trường với các lớp lý thuyết và hội thảo thời lượng 13 giờ và 13 giờ thực hành thông qua hoạt động tùy chọn tái chế. Giảng viên cần sử dụng nhiều phương pháp và hình thức

giáo dục khác nhau như giải quyết vấn đề, phát triển tư duy phản biện, hợp tác và sự tham gia tích cực của SV. Trên cơ sở đó xây dựng lối sống có ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên, tránh lãng phí và quản lý chất thải. Nhóm tác giả đã đề xuất nhiều phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức môi trường có tính hiệu quả, phù hợp với đặc thù của SV ngành giáo dục mầm non.

Công trình *A Learning Model of Environmental Education to Enhance Environmental Ethics Behavior for Undergraduate Students in a University* (Mô hình giáo dục môi trường nhằm nâng cao hành vi đạo đức môi trường cho SV ĐH) [99] của Yamaphat, Saowapong; Jamjuree, Danulada; Patphol, Marut; Chinokul, Chaityuth (2021) đã thiết kế một nghiên cứu định tính được sử dụng và nghiên cứu công cụ là hình thức thu thập dữ liệu từ cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm tập trung. Các nhà nghiên cứu cho rằng, hầu hết SV ĐH năng động và theo đuổi chính mình nên đối xử với môi trường dựa trên hành vi đạo đức của họ để cứu hành tinh của chúng ta. Kết quả cho thấy, hành vi đạo đức môi trường gồm nhận thức và tiêu dùng đúng, bảo tồn và ứng xử đúng. Hành vi đạo đức môi trường đan xen phức tạp với tình cảm và nhận thức, do vậy cần phải xem xét sự tác động lẫn nhau giữa tình cảm, nhận thức và hành vi đạo đức môi trường. Bài viết giới thiệu về mô hình học tập giáo dục môi trường nhằm nâng cao hành vi môi trường cho SV ĐH gọi là Swu-e. Mô hình này gồm 4 bước (khởi đầu – tương ứng với nhận thức; thể giới quan – tương ứng với tư duy; áp dụng và đánh giá - tương ứng với thực hành, thực tiễn) có thể được tích hợp với các môn học hoặc chương trình giảng dạy khác nhau phù hợp để đạt hiệu quả giáo dục hành vi đạo đức môi trường cho SV. Bài viết cung cấp những tri thức sâu sắc về vấn đề nâng cao đạo đức môi trường, trong đó nâng cao hành vi đạo đức môi trường cho SV là yếu tố then chốt. Đây là tài liệu có giá trị cho các nghiên cứu về giáo dục đạo đức môi trường, GDĐĐST cho SV.

Đào tạo theo định hướng chủ đề là phù hợp nhất để có được kiến thức trong hoạt động nghề nghiệp của SV được nhóm tác giả Yekimov, Sergey; Karmanny, Yevhenii; Zenin, Andrii; Zinovatna, Iliana; Sliusarenko, Serhii (2021) khẳng định

trong công trình *Using the project method to improve environmental education for law students* (Sử dụng phương pháp dạy học dự án để nâng cao giáo dục môi trường cho SV luật) [100]. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả phát triển tư duy sinh thái và ý thức sinh thái cho SV khoa Luật trường ĐH quốc gia Dnipro thông qua phương pháp dự án giải quyết một số vấn đề thực tế. SV được hỏi về những văn bản quy định của luật môi trường của Ukraine, những vi phạm nhiều nhất của các doanh nghiệp thuộc TP Dnipro gây ô nhiễm môi trường và những thay đổi nào cần thực hiện đối với luật môi trường để giảm ô nhiễm. Qua đây, SV làm quen với luật pháp về môi trường, hiểu được tầm quan trọng của các vấn đề môi trường đối với TP Dnipro và thấy rằng giải pháp hiệu quả cho vấn đề môi trường phải là sự chung tay của các tổ chức môi trường và tất cả cư dân TP. Tác giả đã đề xuất giải pháp giáo dục môi trường rất mới mẻ, hiệu quả. Họ đã chú ý đến đặc thù của SV ngành luật để đưa ra nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức môi trường phù hợp mang lại hiệu quả giáo dục cao.

Tại Việt Nam phải kể đến các công trình sau. Trên cơ sở khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về ý thức sinh thái, cấu trúc, nội dung ý thức sinh thái và mối quan hệ giữa ý thức sinh thái cộng đồng với văn hóa cộng đồng, tác giả Phạm Thanh Nghị (2002) trong Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu cấp Nhà nước về Quản lý nhà nước về môi trường *Giải pháp nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng ở nước ta trong những năm tới* [65] đã điều tra thực trạng ý thức sinh thái cộng đồng. Tác giả đưa ra bảy nhóm giải pháp nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng như tuyên truyền, giáo dục; tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái; tăng cường cải thiện môi trường pháp lý, pháp chế; xây dựng văn hóa cộng đồng... Đặc biệt, tác giả giới thiệu kinh nghiệm một số dự án trong và ngoài nước đã được tiến hành nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, ý thức sinh thái cộng đồng. Đồng thời, báo cáo nêu nội dung phát triển bền vững, nhấn mạnh quan hệ giữa phát triển kinh tế và môi trường bền vững. Tác giả khẳng định, phát triển kinh tế bền vững góp phần to lớn nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng. Công trình là tài liệu tham khảo

gợi ý cho chúng tôi xây dựng cơ sở lý luận và các giải pháp nâng cao ý thức ĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Bài viết *Giáo dục văn hóa sinh thái - nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số* [77] của Vũ Minh Tâm (2004) đã khái quát mục đích và khái niệm giáo dục văn hóa sinh thái – nhân văn và giáo dục văn hóa sinh thái – nhân văn trong phạm vi nhà trường. Tác giả nêu những nội dung cơ bản của giáo dục văn hóa sinh thái – nhân văn trong nhà trường xã hội chủ nghĩa như giáo dục tri thức về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, giáo dục ý thức, tình cảm và hành động ứng xử với môi trường tự nhiên mang tính khoa học, thực tiễn và nhân văn, cần nêu gương “người tốt, việc tốt” trong hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái... Để đạt được hiệu quả giáo dục văn hóa sinh thái – nhân văn, ông trình bày sáu phương hướng và giải pháp hiệu quả. Ông nhấn mạnh để đưa văn hóa sinh thái – nhân văn vào đời sống xã hội thì vai trò của nhà trường và hoạt động xã hội hóa giáo dục là rất quan trọng. Đây là bài viết có giá trị tham khảo, chúng tôi sẽ tiếp thu, kế thừa để xác định phương pháp nâng cao công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM.

Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu phát triển kinh tế xã hội với bảo vệ môi trường tự nhiên của đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý còn nhiều hạn chế được tác giả Lê Bình (2005) khẳng định trong bài viết *GDĐĐST đối với cán bộ chủ chốt* [21]. Ông cho rằng công tác xây dựng ĐĐST đối với cán bộ chủ chốt là rất cần thiết, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác GDĐĐST bao gồm đảm bảo tính cơ bản, hệ thống trong GDĐĐST; Kết hợp chặt chẽ hình thức giáo dục chính quy với không chính quy và phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng; Tích cực hoạt động tự học, tự rèn luyện của đội ngũ cán bộ chủ chốt. Những nội dung và giải pháp mà tác giả đưa ra phù hợp với đối tượng là cán bộ chủ chốt. Chúng tôi sẽ kế thừa một số nội dung đề GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Bài viết *GDĐĐST và xây dựng môi trường văn hóa trong lịch trình thế kỉ XXI* [43] của Đỗ Huy (2007) đã chỉ ra tính hai mặt trong sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ đến cuộc sống của con người và xã hội. Tác giả

phân tích những tiêu cực do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa ô ạt như ô nhiễm môi trường, đất đai phủ đầy hóa chất, sức khỏe con người bị xâm hại... Trong các giải pháp xây dựng môi trường văn hóa thế kỷ XXI thì GDĐĐST được nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam chú ý đến. Bài viết cũng đề cập tới các chuẩn mực ĐĐST cần được giáo dục như trách nhiệm với tự nhiên, lương tâm đối với chất lượng sinh thái, an toàn thực phẩm, chuẩn mực về chính thể và toàn vẹn trong tiêu dùng, sử dụng và quản lý văn hóa vì mục tiêu xã hội – nhân văn giữa các thế hệ.... Cuối cùng, tác giả phân tích khái niệm, cấu trúc, đặc trưng của ĐĐST và đưa ra một vài giải pháp trong xây dựng và GDĐĐST. Bài viết cung cấp cho chúng tôi tài liệu giá trị để phân tích những tác động của điều kiện khách quan đến công tác GDĐĐST cho SV.

Trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, GDĐĐST đóng vai trò đặc biệt quan trọng được Phan Thị Hồng Duyên (2008) khẳng định trong bài viết *GDĐĐST vì sự phát triển bền vững cho con người và giới tự nhiên* [35]. Tác giả trình bày khái niệm phát triển bền vững, phân tích cấu trúc ĐĐST, phân biệt ý thức ĐĐST và ý thức sinh thái. Để phục vụ cho sự phát triển của xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, cần giải quyết các vấn đề môi trường đang ngày càng ô nhiễm, suy giảm. Một trong những giải pháp quan trọng là phải tiến hành GDĐĐST cho cá nhân và xã hội. Để GDĐĐST có hiệu quả thì việc giáo dục cần được tiến hành ở mọi thành tố, từ ý thức ĐĐST, quan hệ ĐĐST và hành vi ĐĐST. GDĐĐST là một quá trình giáo dục về nhận thức khoa học, đạo đức, thẩm mỹ, chính trị trong lĩnh vực sinh thái nhằm trang bị cho con người khả năng chủ động, tích cực tham gia vào hoạt động cải tạo, bảo vệ môi trường. Đây là tài liệu hữu ích cho các công trình nghiên cứu về GDĐĐST cho toàn xã hội, trong đó có SV.

Trong bài viết *Nâng cao hiệu quả công tác GDĐĐST hiện nay* [36], tác giả Phan Thị Hồng Duyên (2008) cho rằng sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ mang lại năng suất lao động cao hơn, chất lượng cuộc sống tốt hơn nhưng cũng làm nảy sinh một số vấn đề bức xúc như tiêu dùng lãng phí tài nguyên thiên nhiên, mất cân bằng sinh thái của Trái đất, các hiện tượng thiên tai, lũ lụt gia tăng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Trước thực trạng

như vậy cần xây dựng GDĐĐST. Tác giả đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả GDĐĐST: 1/ Nâng cao nhận thức về môi trường sinh thái; 2/ Kết hợp nhiều hình thức GDĐĐST khác nhau; 3/ Gắn GDĐĐST với giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường sinh thái; 4/ Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về môi trường sinh thái; 5/ Các giải pháp kinh tế - kỹ thuật. Tuy những giải pháp mà tác giả đưa ra còn khá chung chung, đây vẫn là tài liệu quý, nghiên cứu sinh sẽ tham khảo để tìm ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Vũ Trọng Dung (2009) trong cuốn *ĐĐST và GDĐĐST* [31] đã phân tích sự tác động của con người trong hệ sinh thái, nêu các chuẩn mực, hành vi ĐĐST, mục tiêu, phương hướng và sự cần thiết giáo dục đạo ĐĐST. Tác giả cho rằng, “người dân còn chưa hiểu đúng đắn về vị trí, vai trò của tài nguyên, môi trường đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Do đó, ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ tài nguyên, môi trường còn thấp, chưa tự giác tham gia bảo vệ tài nguyên, môi trường” [31, tr.188]. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong GDĐĐST. Đồng thời, ông phân tích rõ ĐĐST trong nền văn hóa truyền thống ở Việt Nam và sự chuyển đổi các giá trị ĐĐST trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, tác giả nêu rõ khái niệm, các chuẩn mực ĐĐST và một số giải pháp xây dựng ĐĐST đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Nhìn chung, cuốn sách là công trình nghiên cứu sâu sắc và đầy đủ nhất về vấn đề ĐĐST và GDĐĐST nói chung trong xã hội. Cuốn sách là tài liệu tham khảo có giá trị, định hướng cho chúng tôi trong quá trình xác định nội dung ĐĐST, xây dựng các chuẩn mực ĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM.

Trên cơ sở nêu rõ khái niệm và các chuẩn mực ĐĐST, Nguyễn Thanh Thủy (2015) trong bài viết *GDĐĐST – giải pháp khắc phục tình trạng suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam* [80] đã phân tích khái niệm, bản chất, hành vi ĐĐST trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hoạt động công nghiệp, dịch vụ và hành vi sinh thái với người tiêu dùng. Theo tác giả, hiện nay có hai bộ quy tắc ứng xử với thiên nhiên mà con người sử dụng đó là công cụ pháp luật và kinh tế. Tuy nhiên, có nhiều hành vi chưa đến mức xử phạt bằng pháp luật hoặc kinh tế đang

diễn ra hàng ngày cho thấy hai công cụ trên là chưa đủ. Vì vậy, để góp phần khắc phục những hành vi phá hoại môi trường cần nâng cao hoạt động GDĐĐST với những nội dung cơ bản: giáo dục con người yêu thiên nhiên; yêu lao động (khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả nhất thông qua sự chăm chỉ, sáng tạo trong lao động) và yêu cộng đồng (có ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đặt lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân). Cuối cùng, tác giả đưa ra bốn kiến nghị cho công tác GDĐĐST hiệu quả hơn. Qua nghiên cứu này, chúng tôi thấy được những hành vi ĐĐST trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề nghiên cứu của luận án.

Tác giả Trịnh Phương Thảo (2022) trong bài viết *Một số giải pháp xây dựng đạo đức môi trường vì sự phát triển bền vững* [79] đã phân tích khái niệm phát triển bền vững, đạo đức môi trường. Đạo đức môi trường là một dạng đạo đức xã hội, thể hiện quan hệ giữa con người với môi trường bao gồm ý thức đạo đức môi trường, quan hệ đạo đức môi trường và hành vi đạo đức môi trường. Ba yếu tố này có mối quan hệ khăng khít với nhau. Theo tác giả, trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, yếu tố quan trọng hàng đầu cho sự phát triển bền vững là đạo đức môi trường. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra ba nhóm giải pháp gồm: xây dựng ý thức đạo đức môi trường, xây dựng quan hệ đạo đức môi trường và xây dựng hành vi đạo đức môi trường. Trong đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến những hành vi đạo đức môi trường yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện. Đây là những chuẩn mực hành vi ĐĐST cần giáo dục cho SV các chuyên ngành về kinh tế, kỹ thuật. Chúng tôi sẽ tham khảo bài viết để xây dựng những chuẩn mực ĐĐST cần giáo dục cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu trên với những cách tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khác nhau nhưng đều làm rõ sự cần thiết phải GDĐĐST cho con người, coi đây là giải pháp căn bản nhất để bảo vệ hành tinh xanh. Trên cơ sở khẳng định sự cần thiết giáo dục văn hóa sinh thái, đạo đức môi trường, ĐĐST, các tác giả phân tích thực trạng và đưa ra những nhóm giải pháp giáo dục văn hóa sinh thái, ĐĐST hiệu quả cho xã hội. Do vậy, những tài liệu này là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị để chúng tôi hoàn thành luận án của mình.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên thành phố Hồ Chí Minh nói riêng

Vấn đề GDĐĐST cho SV Việt Nam nói chung và cho SV ở TP.HCM nói riêng đã được các nhà nghiên cứu trong nước quan tâm, thời gian gần đây có khá nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này.

Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Hoài (2006) *Nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV Việt Nam hiện nay* [42] đề cập đến vai trò và những biến đổi của môi trường sinh thái ở Việt Nam hiện nay, phân tích khái niệm, cấu trúc ĐĐST và GDĐĐST. Bài viết đánh giá cao vai trò của đội ngũ SV Việt Nam trong xây dựng ĐĐST giai đoạn hiện nay. Tác giả đưa ra bốn luận điểm làm sáng tỏ sự cần thiết phải GDĐĐST cho SV Việt Nam, đồng thời đề xuất bốn giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục này trong bối cảnh hiện nay. Trong đó, giải pháp quan trọng là phát huy tính tự giác và chủ động học tập, rèn luyện các giá trị đạo đức và ĐĐST của SV. Tuy nhiên, bài viết chưa quan tâm đến giải pháp cần phải bảo đảm các điều kiện về kinh tế, chính trị, văn hóa cho hoạt động GDĐĐST cho SV.

Bài viết *Biện pháp phát triển năng lực giáo dục bảo vệ môi trường cho SV ĐH Sư phạm ngành giáo dục tiểu học* [1] của Nguyễn Như An (2011) đã đề xuất một số giải pháp phát triển năng lực giáo dục bảo vệ môi trường cho SV ĐH Sư phạm, ngành Giáo dục tiểu học, trong đó nhấn mạnh nâng cao nhận thức cho SV về vai trò quan trọng của giáo dục bảo vệ môi trường: 1/ Điều chỉnh mục tiêu, nội dung giáo dục bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học; 2/ Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường với môn học phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội; 3/Tổ chức cho SV tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường. Công trình tập trung đưa ra giải pháp đặc thù phù hợp nhằm giáo dục bảo vệ môi trường cho những thầy cô giáo giảng dạy tiểu học tương lai.

Bài viết *Một số giải pháp nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn cho SV Việt Nam hiện nay* [47] của Nguyễn Thị Thúy Hương, Phạm Minh Ái (2015) đã khái quát sự cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái cho SV Việt Nam. Trên cơ sở đó, các tác giả đưa ra bốn nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV Việt Nam như xây dựng thống nhất nội dung, chương trình, phương pháp GDĐĐST cho SV, lồng ghép vào các môn học, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên về kiến thức ĐĐST, đa dạng hóa các hình thức giáo dục cho SV. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh giải pháp phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của SV trong giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn. Bài viết khẳng định, giáo dục tốt ý thức bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn sẽ mang lại môi trường trong lành cho bản thân SV, nhà trường và xã hội. Những giải pháp mà nhóm nghiên cứu đưa ra có khả thi, chúng tôi sẽ kế thừa, phát huy những giải pháp này để GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay.

Bài viết *Vai trò của giáo dục trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên môi trường trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành Tài nguyên và môi trường* [32] của Lê Thị Thùy Dung và Trần Thị Lệ Hoa (2018) khẳng định SV ngành Tài nguyên và môi trường sẽ là những cán bộ quản lý, những chuyên gia trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường trong tương lai nên họ cần trang bị giỏi chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt, đặc biệt là sự tự giác, tích cực, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Nhóm tác giả phân tích vai trò của giáo dục trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV ngành này. Theo nhóm tác giả, giáo dục trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên môi trường giúp định hướng giá trị, điều chỉnh hành vi nghề nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm và hình thành, bồi dưỡng lý tưởng nghề nghiệp cho SV ngành Tài nguyên và môi trường. Trên cơ sở đó, tác giả khảo sát thực trạng và đưa ra ba nhóm giải pháp nâng cao trách nhiệm xã hội về bảo vệ môi trường cho SV. Tuy phần đánh giá thực trạng và giải pháp mà nhóm tác giả đưa ra còn khá mờ nhạt, chưa cụ thể, đầy đủ, sâu sắc, chẳng hạn như trong các nhóm giải pháp lại vắng bóng vai trò của chủ thể giáo dục là nhà trường và đội ngũ thầy cô

giáo, tuy nhiên bài viết đã cung cấp tài liệu cho chúng tôi xác định được trách nhiệm xã hội của SV với môi trường tự nhiên.

Công trình *Khảo sát thái độ đối với các vấn đề môi trường của SV tại TP.HCM* [52] của nhóm tác giả Võ Anh Kiệt, Phạm Thị Thanh Trang, Trần Quang Bình, Trần Đình Quân (2018) nghiên cứu thái độ môi trường của SV TP.HCM. Kết quả phân tích cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến thái độ đối với các vấn đề môi trường của SV TP.HCM gồm nhận thức về các vấn đề môi trường; nhận thức về trách nhiệm cá nhân; ý thức và hành vi môi trường; thái độ đối với tái sử dụng và tái chế chất thải, thái độ chung về các giải pháp môi trường. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số gợi ý cho các nhà quản lý môi trường có thể xem xét và thực hiện như cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà quản lý môi trường và giáo dục, khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện tốt những chương trình tuyên truyền và giáo dục đối với SV, nhà trường cần phối hợp với cơ quan quản lý môi trường tổ chức tuyên truyền bảo vệ môi trường... Bài viết là tài liệu có giá trị cho việc xây dựng chương trình, chính sách giáo dục thái độ môi trường cho SV. Tuy nhiên, những giải pháp mà nhóm tác giả đề xuất cho cả các chủ thể giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường còn chung chung, chưa đề cập đến những chủ thể quan trọng như Thành ủy, UBND TP.HCM, Thành đoàn, ĐTN, HSV các cấp, đội ngũ giảng viên ...

Nhấn mạnh vai trò của giáo dục đạo đức môi trường cho SV Việt Nam hiện nay, Tô Thị Thu Thủy (2020) có bài *Giáo dục đạo đức môi trường cho SV Việt Nam hiện nay* [81]. Tác giả cho rằng, giáo dục đạo đức môi trường góp phần xây dựng tình yêu thiên nhiên, lòng tự hào dân tộc; góp phần xây dựng lối sống chuẩn mực với môi trường cho SV; giúp bảo vệ môi trường, phát triển bền vững xã hội. Nội dung giáo dục đạo đức môi trường cho SV Việt Nam hiện nay gồm giáo dục tri thức về môi trường; giáo dục đạo đức môi trường gắn với giáo dục đạo đức nghề; giáo dục hành vi đạo đức môi trường. Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức môi trường, tác giả đưa ra những phương pháp giáo dục như giáo

dục đạo đức môi trường trong cộng đồng; giáo dục đạo đức môi trường cho cán bộ, quản lý; giáo dục đạo đức môi trường trong hệ thống giáo dục các cấp; giáo dục đạo đức môi trường cho nhân lực chuyên môn nghề nghiệp liên quan đến môi trường. SV là những chủ nhân tương lai của xã hội cần được trang bị cả những kiến thức chuyên môn nghề nghiệp và những quy luật của tự nhiên. Bài viết hướng đến giáo dục đạo đức môi trường cho SV Việt Nam, tuy nhiên phương pháp giáo dục tác giả đưa ra chưa thực sự hướng vào nâng cao đạo đức môi trường cho đối tượng này.

Bài viết *Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho SVCTĐH ở TP.HCM* [105] của Phạm Văn Lương (2021) đã chỉ ra một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường ở TP.HCM là sự thiếu ý thức trách nhiệm của người dân, trong đó có lực lượng SVCTĐH trên địa bàn. Tác giả phân tích thực trạng ý thức bảo vệ môi trường của SVCTĐH tại TP.HCM thông qua một vài khảo sát và làm rõ nguyên nhân của thực trạng ý thức bảo vệ môi trường của SV TP này. Theo tác giả, thực trạng ý thức bảo vệ môi trường của SV có nguyên nhân chủ yếu từ công tác giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Vì vậy, để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho SV, tác giả nêu ra tám giải pháp. Tuy nhiên, bài viết chưa đề xuất được giải pháp mang tính đặc thù trong giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay.

Nhìn chung, các công trình khoa học trên đã làm rõ được vai trò, nội dung, phương pháp, hình thức của GDĐĐST cho SV nói chung, SV TP.HCM nói riêng. Các tác giả đã phân tích thực trạng, đề xuất những giải pháp GDĐĐST cho SV Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM. Do đó, chúng tôi sẽ kế thừa kết quả những công trình tổng quan nêu trên để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

1.3. Đánh giá kết quả các công trình khoa học liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ

1.3.1. Đánh giá kết quả các công trình khoa học liên quan đến đề tài

Thứ nhất, về lý luận, một số tác giả đưa ra khái niệm đạo đức, đạo đức môi trường, ĐĐST, giáo dục đạo đức môi trường, GDĐĐST từ nhiều góc độ và phương diện khác nhau, nêu được vai trò của GDĐĐST trong bối cảnh môi trường suy thoái hiện nay. Đồng thời, một số công trình đã làm rõ cấu trúc, vai trò, nội dung, chủ thể giáo dục, các hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức, GDĐĐST hiện nay ở Việt Nam nói chung, cho SV ở các trường cao đẳng, ĐH trên một số tỉnh thành nói riêng. Một số công trình đã phân tích được những nhân tố tác động, ảnh hưởng đến công tác giáo dục đạo đức môi trường, ĐĐST cho SV Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, về thực trạng, một số công trình đã phân nào phân tích được thực trạng giáo dục đạo đức môi trường, GDĐĐST cho người dân nói chung. Các tác giả lý giải nguyên nhân của những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong công tác GDĐĐST cho người dân nói chung, SV nói riêng.

Thứ ba, về giải pháp, một số công trình đã đề xuất một vài giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV cả nước nói chung, SV của một số tỉnh thành nói riêng. Tuy nhiên, các giải pháp còn chung chung, chưa mang tính đặc thù phù hợp với đối tượng là SV ở TP.HCM.

Tóm lại, những công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ về phương diện lý luận và thực tiễn của việc GDĐĐST nói chung, GDĐĐST cho SV nói riêng ở Việt Nam hiện nay. Đây là nguồn tài liệu phong phú, có giá trị giúp chúng tôi kế thừa để thực hiện luận án.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ

Từ kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước cho thấy đã có những công trình nghiên cứu về GDĐĐST cho SV Việt Nam nói chung, SV ở một số tỉnh thành khác nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh môi trường sinh thái bị tàn phá như hiện nay, vấn đề trên cần được tiếp tục quan tâm nghiên cứu. Hơn nữa, từ việc khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công

bổ, do mục đích nghiên cứu của mỗi công trình khác nhau, tác giả nhận thấy những công trình nghiên cứu chuyên sâu về GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP có số lượng SV đông nhất cả nước - TP.HCM còn vắng bóng. Những vấn đề như: công tác GDĐĐST cho SV ở TP đã được tiến hành hay chưa, tiến hành như thế nào, kết quả ra sao? Công tác GDĐĐST cho SVCTĐH trên địa bàn đang đặt ra vấn đề gì cần phải giải quyết? Để thúc đẩy công tác GDĐĐST cho SVCTĐH trên địa bàn TP.HCM trong thời gian tới cần phải thực hiện những giải pháp nào? Vì vậy, trên cơ sở khái quát lại vấn đề, nội dung các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả sẽ kế thừa những kết quả đó để tiếp tục nghiên cứu vấn đề GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM từ góc độ triết học. Trên cơ sở tiếp thu những kết quả đạt được, luận án sẽ tiếp tục đi sâu giải quyết một số nội dung sau:

Thứ nhất: góp phần làm sáng tỏ về phương diện lý luận các khái niệm cơ bản như đạo đức, ĐĐST, giáo dục đạo đức, GDĐĐST, GDĐĐST cho SV. Luận án chỉ rõ tầm quan trọng của GDĐĐST, xác định nội dung GDĐĐST phù hợp với đối tượng SV của TP.HCM đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới. Đồng thời, phân tích yếu tố chủ thể, hình thức và phương pháp GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM. Bên cạnh đó, tác giả phân tích những nhân tố tác động đến công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM, đặc biệt là sự phát triển của khoa học công nghệ, biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa, điều kiện môi trường TP... được rất ít các công trình nghiên cứu trước đề cập đến.

Thứ hai: luận án tập trung vào việc đánh giá thực trạng và nguyên nhân công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay thông qua việc tiến hành lấy mẫu điều tra, khảo sát đối với SV, phỏng vấn sâu đối với giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục ở một số trường ĐH trên địa bàn TP và các tài liệu thực tế liên quan. Từ đó, tác giả luận án nêu rõ những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong quá trình GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay.

Thứ ba: xuất phát từ thực trạng và những vấn đề cấp bách đang đặt ra, luận án đề xuất một số giải pháp phù hợp và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Vấn đề ĐĐST và GDĐĐST đã và đang được nhiều nhà khoa học nghiên cứu từ nhiều góc độ, phạm vi khác nhau. Chúng tôi đã tiến hành khảo cứu hai nhóm công trình: nhóm công trình nghiên cứu về đạo đức, ĐĐST; nhóm công trình nghiên cứu về GDĐĐST và GDĐĐST cho SV. Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ về phương diện lý luận và thực tiễn việc GDĐĐST cho SV. Tùy vào từng góc độ tiếp cận, các tác giả đã phân tích khái niệm, cấu trúc, vai trò, mục tiêu của GDĐĐST, hình thức, phương pháp và các nhân tố ảnh hưởng đến GDĐĐST cho các tầng lớp nhân dân nói chung, SV nói riêng. Trên cơ sở này, các nghiên cứu đã phân tích, đánh giá thực trạng, luận giải những vấn đề đặt ra, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có SV. Tuy nhiên, đến nay chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống về vấn đề GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM. Trong khi, thực trạng môi trường, nguy cơ sinh thái ở TP.HCM rất đáng lo ngại. Bảo vệ môi trường là vấn đề cấp bách hàng đầu. GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP đứng đầu cả nước về kinh tế và dân số là một giải pháp quan trọng hướng tới phát triển bền vững. GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM là mảnh đất rất mới, nghiên cứu làm rõ vấn đề này là một việc làm thiết thực có ý nghĩa về cả khía cạnh lý luận và thực tiễn ở TP.HCM hiện nay.

Chương 2

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY-

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Đạo đức và đạo đức sinh thái

2.1.1. Khái niệm đạo đức

Đạo đức là một hiện tượng xã hội xuất hiện rất sớm từ khi con người thoát khỏi thế giới loài vật ở cả phương Tây và phương Đông. Ở phương Tây, danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng Latinh là *mos* (*Moris*), nghĩa là phong tục, tập quán. Theo tiếng Hy Lạp, “*Luân lý*” được xem là đồng nghĩa với “*Đạo đức*” (*Ethicos*), nghĩa là thói quen, tập quán. Như vậy, ở đây đạo đức được hiểu là những thói quen, phong tục và ứng xử của con người trong cộng đồng, trong xã hội. Ở phương Đông, các học thuyết về đạo đức của người Trung Quốc cổ đại cho rằng, “*đạo*” là con đường, “*đức*” thường dùng để nói đến một phẩm chất cao quý phản ánh mối quan hệ giữa con người với xã hội, tự nhiên và chính bản thân mình. Đức được hình thành từ ba yếu tố cốt lõi là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, sự hòa hợp với quy luật tự nhiên (*đạo*) và trách nhiệm xã hội thông qua việc tuân thủ các nguyên tắc, kỷ cương. Theo đó, đạo đức là những nguyên tắc, chuẩn mực do xã hội đề ra mà con người phải thực hiện để duy trì trật tự và nếp sống đúng đắn trong cộng đồng.

Theo quan điểm triết học Mác - Lênin, đạo đức là sự phản ánh điều kiện tồn tại xã hội, là sản phẩm của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội, là kết quả của sự phát triển lịch sử. Ph.Ăngghen viết: “*Chung quy lại thì mọi thuyết đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế - xã hội lúc bấy giờ*” [56, tr.137]. Trình độ phát triển của thực tiễn và nhận thức xã hội của con người quy định sự phát triển và hoàn thiện của đạo đức. Tuy nhiên, đạo đức cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại cơ sở kinh tế - xã hội mà nó được nảy sinh. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định, trong xã hội có sự phân chia giai cấp, đạo đức mang tính giai cấp. Trong đó, đạo đức cộng sản là đạo đức tiên bộ nhất, nó kế thừa và phát triển những giá trị tích cực của các tư

tưởng đạo đức nhân loại. Lênin viết “Cuộc đấu tranh giai cấp còn tiếp tục và nhiệm vụ của chúng ta là làm cho tất cả mọi lợi ích phụ thuộc vào cuộc đấu tranh này. Và đạo đức cộng sản của chúng ta cũng phải phục tùng cuộc đấu tranh này. Chúng ta nói rằng: Đạo đức đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản” [53, tr.136].

Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đạo đức, Hồ Chí Minh khẳng định, đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người, như gốc của cây, như ngọn nguồn của sông suối. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [62, tr.252-253]. Tư tưởng đạo đức của Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Do vậy, đạo đức luôn đi cùng với tài năng, gắn đức với tài, lời nói phải đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế.

Trong giáo trình *Đạo đức học*, tác giả Nguyễn Thế Kiệt, Nguyễn Ngọc Long (chủ biên) đưa ra định nghĩa như sau: “Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội” [50, tr.8]. Nhóm tác giả đứng trên quan điểm duy vật lịch sử, xem xét đạo đức là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Bên cạnh phong tục, tập quán, pháp luật, dư luận xã hội... đạo đức là một trong những phương thức quan trọng điều chỉnh và đánh giá hành vi của con người trong quan hệ với nhau và trong quan hệ với xã hội theo những chuẩn mực giá trị và quy tắc đạo đức nhất định. Những chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức này được xã hội thừa nhận và nó là tiền đề của hành vi đạo đức cá nhân. Cá nhân sẽ tự nguyện tuân thủ những chuẩn mực phù hợp với đòi hỏi, yêu cầu của xã hội.

Trong cuốn *Đạo đức học*, tác giả Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yến Phương quan niệm “Đạo đức là một hình thái của ý thức xã hội, là tổng hợp những

quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội giữa con người với con người, giữa cá nhân với xã hội” [29, tr.25]. Đây là định nghĩa mang tính khoa học khi tác giả khẳng định đạo đức không tồn tại độc lập mà nó là một phần của ý thức xã hội, tự giác điều chỉnh cách con người hành xử và tương tác trong xã hội, đáp ứng nhu cầu, hạnh phúc của cá nhân, đồng thời đóng góp vào sự tiến bộ và phát triển chung của xã hội.

Tác giả Nguyễn Ngọc Phú cho rằng: “Đạo đức là một hiện tượng xã hội, thuộc lĩnh vực đời sống tinh thần, bao gồm hệ thống các quan điểm, quan niệm, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội... để điều chỉnh hành vi ứng xử của con người (giữa người và người, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và tự nhiên...) được thực hiện do sức mạnh của phong tục, tập quán, dư luận xã hội và lương tâm của mỗi con người cho phù hợp với lợi ích xã hội, hạnh phúc của con người và tiến bộ xã hội” [68, tr.10]. Trong định nghĩa này, tác giả nêu vai trò của các chuẩn mực đạo đức xã hội không chỉ điều chỉnh hành vi của con người với nhau, con người với xã hội mà còn cả con người với tự nhiên. Ông nhấn mạnh vai trò của các yếu tố phong tục, tập quán, đánh giá của dư luận xã hội và lương tâm cá nhân trong việc hình thành và duy trì hệ thống giá trị và các chuẩn mực đạo đức trong xã hội.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và kết quả của các nhà nghiên cứu, luận án khái quát, *Đạo đức là hệ thống các quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội được thiết lập nhằm điều chỉnh, đánh giá hành vi của con người trong các mối quan hệ xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định.*

Từ phương diện triết học, đạo đức gồm ba đặc trưng cơ bản:

Thứ nhất, đạo đức là một hiện tượng xã hội, phản ánh tồn tại xã hội. Đạo đức là sản phẩm của điều kiện vật chất hiện thực xã hội, chịu sự quy định, ảnh hưởng bởi môi trường xã hội như kinh tế, văn hóa, giáo dục... Vì vậy, khi môi trường xã hội (tồn tại xã hội) thay đổi thì đạo đức cũng thay đổi và tiến triển theo thời gian, phản ánh sự thay đổi trong xã hội. Chẳng hạn, trong xã hội hiện đại, quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên thường được thể hiện qua việc sử dụng tài nguyên

thiên nhiên đáp ứng nhu cầu tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, cách con người đối xử với môi trường có thể phản ánh giá trị đạo đức của xã hội đó. Nếu một xã hội coi trọng bảo vệ môi trường và duy trì sự cân bằng sinh thái thì những hành động như bảo vệ động vật quý hiếm, tái chế, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trở thành các giá trị đạo đức. Ý thức xã hội về tình cảm và trách nhiệm với môi trường sẽ được thể hiện trong hành động hàng ngày của con người. Ngược lại, nếu một xã hội không quan tâm đến bảo vệ môi trường, mà chỉ tập trung vào khai thác tài nguyên mà không có sự quản lý, đó có thể được coi là một phản ánh của giá trị đạo đức khác. Ý thức xã hội về lợi ích cá nhân có thể đặt lên trên trách nhiệm đối với môi trường.

Thứ hai, đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người. Đạo đức tạo ra một hệ thống giá trị và nguyên tắc để điều chỉnh hành vi của con người. Đạo đức điều chỉnh hành vi được thực hiện từ hai phía. Điều chỉnh hành vi từ phía xã hội được thực hiện thông qua các chuẩn mực, quy tắc đạo đức có tính khuyến khích hoặc ngăn cấm hành vi của con người. Xã hội sử dụng cơ chế dư luận xã hội để định hình và điều chỉnh hành vi của con người. Ngược lại, điều chỉnh từ phía chủ thể đạo đức đây chính là quá trình tự giáo dục. Chủ thể giáo dục, trên cơ sở hiểu rõ về những chuẩn mực giá trị đạo đức, tự giác điều chỉnh hành vi của mình đáp ứng yêu cầu đạo đức xã hội. Vì vậy, sự điều chỉnh hành vi của đạo đức là quá trình tự nguyện, tự giác, hoàn toàn khác biệt so với pháp luật luôn mang tính cưỡng chế, bắt buộc.

Thứ ba, đạo đức là một hệ thống các giá trị. Đạo đức là một hiện tượng xã hội, thể hiện thông qua các chuẩn mực, giá trị đạo đức. Giá trị đạo đức thường phản ánh sự ủng hộ hoặc phản đối với những hành vi trong mối quan hệ cá nhân, hoặc giữa cá nhân với cộng đồng trong một xã hội cụ thể. Do đó, đạo đức có thể được coi là một hệ thống giá trị xã hội. Khi hệ thống giá trị đạo đức phù hợp với sự tiến bộ, nó có tính nhân đạo và tích cực. Ngược lại, khi không tương ứng, đạo đức mang tính tiêu cực, không phù hợp với sự phát triển của xã hội.

Về mặt cấu trúc, chúng tôi thống nhất với quan điểm của nhà nghiên cứu Hà Huy Thành cho rằng “đạo đức bao gồm *ý thức đạo đức, quan hệ đạo đức và hành vi đạo đức*” [78, tr.227]. Ba yếu tố này liên hệ tác động với nhau tạo nên sự vận động,

phát triển của hệ thống đạo đức xã hội. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu về ý thức và hành vi đạo đức. *Ý thức đạo đức* là tổng hợp những quan điểm, quan niệm, tư tưởng, tình cảm, niềm tin của con người trong quan hệ với người khác và xã hội. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc xác định giới hạn của hành vi đạo đức và tạo động lực cho hành động đạo đức. Ý thức đạo đức gồm ba bộ phận cơ bản là tri thức đạo đức, tình cảm đạo đức, niềm tin đạo đức. Ý thức đạo đức phải được thực hiện thông qua hành vi đạo đức mới mang lại giá trị, lợi ích cho xã hội. *Hành vi đạo đức* là những hành động tự giác của con người trong các quan hệ xã hội phù hợp với những giá trị, quy tắc, chuẩn mực đạo đức của xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Trong quá trình thực hiện hành vi đạo đức, con người trực tiếp cải tạo, rèn luyện bản thân, tự xây dựng những phẩm chất đạo đức cá nhân, hoàn thiện nhân cách chính mình. Ý thức đạo đức cùng với hành vi đạo đức hợp thành đời sống đạo đức của mỗi cá nhân hay cộng đồng xã hội.

2.1.2. Đạo đức sinh thái và đặc trưng của đạo đức sinh thái

Khái niệm ĐĐST:

Trước khi đi tìm hiểu về ĐĐST, chúng tôi làm rõ nội hàm thuật ngữ “sinh thái” và lý giải lý do tại sao chúng tôi sử dụng cụm từ ĐĐST thay vì sử dụng “đạo đức môi trường”. *Sinh thái* nghĩa gốc từ chữ cổ Hy Lạp (Oikos) là nhà ở, nơi cư trú, nơi sinh sống. Theo cách hiểu hiện đại, sinh thái là lĩnh vực của các mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau giữa cơ thể sống với môi trường xung quanh. Môi trường sinh thái bao gồm tất cả những điều kiện xung quanh liên quan đến sự sống của cơ thể. Môi trường sinh thái vốn là môi trường tự nhiên, song cùng với sự phát triển của xã hội, dưới tác động của con người thì môi trường sinh thái đã bị biến đổi toàn diện và sâu sắc, do đó nó không còn là môi trường tự nhiên thuần túy mà là môi trường tự nhiên – người hóa. Thực chất ở đây là quan hệ con người - xã hội - tự nhiên, cho nên môi trường sinh thái là sự tồn tại, tác động nhau giữa các yếu tố con người - xã hội - tự nhiên. Hay nói khác đi, theo cách hiểu hiện đại, sinh thái biểu hiện mối quan hệ tác động qua lại và tác động lẫn nhau giữa con người và xã hội với sinh quyển – nơi con người và xã hội đang tồn tại. Do vậy, ĐĐST là đạo đức

được hình thành trong quá trình con người tác động đến thiên nhiên, lấy từ đó những vật chất cần cho sự sống, sự tồn tại và phát triển của xã hội. Đây là một quá trình hiện thực, có từ khi con người tách khỏi thế giới động vật và diễn biến theo suốt tiến trình lịch sử. Đạo đức môi trường cũng như vậy, được hình thành trong quá trình con người tác động vào giới tự nhiên, là sự thể hiện và thực hiện đạo đức xã hội trong lĩnh vực mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Vì theo cách hiểu hiện đại về sinh thái như trên nên ở Việt Nam, phần lớn các nhà nghiên cứu đều quan niệm rằng, ĐĐST chính là đạo đức môi trường, chẳng hạn như nhà nghiên cứu Vũ Trọng Dung trong cuốn *ĐĐST và GĐĐĐST* cho rằng “ĐĐST còn được gọi là đạo đức môi sinh, đạo đức môi trường” [31, tr.76]. Trần Lê Bảo, trong bài viết *ĐĐST trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế* cũng khẳng định “ĐĐST (còn được gọi là đạo đức môi trường) là những quan điểm, cách thức ứng xử của con người và xã hội đối với tự nhiên...” [101]. Ở đây, theo quan điểm của chúng tôi, ĐĐST và đạo đức môi trường không phải là một, ĐĐST có nội hàm rộng hơn, đạo đức môi trường chỉ trong phạm vi mối quan hệ giữa con người và môi trường. Vì vậy, trong phạm vi luận án, chúng tôi sử dụng thuật ngữ ĐĐST, nhưng chủ yếu là muốn đề cập tới đạo đức môi trường, trong khuôn khổ như một bộ phận của ĐĐST.

ĐĐST là hình thức đặc biệt của đạo đức xã hội, được hình thành trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Thuật ngữ *ĐĐST* manh nha xuất hiện từ thập niên 40 của thế kỉ XX, nhưng phải đến cuối thập niên 70 của thế kỉ trước, ĐĐST mới được các nhà khoa học thống nhất sử dụng. Là thuật ngữ mới xuất hiện, ĐĐST gây nhiều tranh cãi ở cả phương Tây và phương Đông với những quan điểm khác nhau.

Ở phương Tây, *đạo đức duy sinh thái (ecocentric ethics)* đã xuất hiện vào những năm 40 - 50 của thế kỉ XX, với đại biểu là Aldo Leopold. Ông cho rằng toàn bộ vũ trụ (bao gồm toàn bộ sự sống và những điều kiện vật chất cần thiết cho sự sống) đều phải được tôn trọng. Aldo Leopold đã đề xuất yêu cầu về bốn phạm đạo đức trong mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, ông cho rằng: “Một hành động chỉ được coi là đúng nếu nó nhằm bảo vệ sự toàn vẹn, ổn định và vẻ đẹp của cộng đồng sinh vật; ngược lại đều là sai lầm” [74, tr.45-48]. Theo ông, nguyên nhân

dẫn đến những thất bại kinh tế, phá vỡ sự toàn vẹn và vẻ đẹp của tự nhiên do con người coi mối quan hệ giữa tự nhiên và con người là mối quan hệ giữa kẻ sở hữu và kẻ phục vụ nên con người tìm mọi cách khai thác, sử dụng cạn kiệt môi trường tự nhiên. Ông chủ trương thay đổi tư duy con người từ chỗ chinh phục tự nhiên đến con người là một bộ phận, thành viên của giới tự nhiên.

Đạo đức duy sinh vật (biocentric ethics) do Paul W.Taylor đưa vào những năm 70 - 80 của thế kỉ XX. Ông quan niệm sự sống là giá trị của mọi sinh vật, phá hủy sự sống của mỗi sinh vật nghĩa là vi phạm giá trị, đó là tội ác. Khi nhận thức được sự thống nhất về giá trị sống của muôn loài, con người sẽ biết bảo vệ, tôn trọng tự nhiên. Ông phủ nhận quan điểm vị thế của loài người cao hơn so với các loài khác. Con người là thành viên của cộng đồng sinh vật trên trái đất, con người và các sinh vật khác cùng chung số phận, bình đẳng với nhau. Mọi sự vật trên trái đất đều có giá trị, có mối liên hệ và bình đẳng với nhau. Do đó, con người phải tôn trọng, ứng xử công bằng với mọi sinh vật trong quá trình tồn tại và phát triển. Tuy nhiên, khi phân tích quy luật phổ quát của tự nhiên, ông cho rằng, việc tôn trọng lợi ích của cá thể chắc chắn không thể thực hiện được phổ biến nên ông đề xuất yêu cầu công bằng phục hồi, nghĩa là yêu cầu đền bù khi gây thiệt hại cho sinh vật. Chẳng hạn, khi chặt một cây lấy gỗ, chúng ta phải trồng bù một cây khác vào. Tuy nhiên, con người chỉ có thể tôn trọng sự sống của chủng loại chứ không thể tôn trọng sự sống của từng cá thể. Đây chính là hạn chế của đạo đức duy sinh vật. Như vậy, đạo đức duy sinh vật chủ yếu xét đạo đức trong khuôn khổ giới tự nhiên hữu sinh, còn đạo đức duy sinh thái xét đạo đức trong phạm vi toàn bộ môi trường, vũ trụ rộng lớn.

Với tham vọng khắc phục những hạn chế của đạo đức duy sinh vật và đạo đức duy sinh thái, nhà triết học A.Naess đưa ra lý thuyết đạo đức môi trường mới với tên gọi *Sinh thái học bề sâu (Deep Ecology)*. Ông cho rằng, bản chất của mỗi vật thể, kể cả con người bị quy định bởi quan hệ của vật thể đó với các vật thể khác, khi những quan hệ này thay đổi, bản chất của chúng cũng thay đổi, nghĩa là con người và vạn vật phụ thuộc vào nhau, quy định lẫn nhau, có mối liên hệ với nhau. Do đó, con người tôn trọng, bảo vệ tự nhiên cũng chính là tôn trọng, bảo vệ chính

mình. Ông đưa ra 8 quy tắc có giá trị mang tính quy phạm định hướng hành động của con người, sự phát triển của nhân loại cũng như của các loài trên trái đất đều có một giá trị nội tại; nhân loại không có quyền làm giảm sự phong phú của sinh thái... Theo ông, để thực hiện được những quy phạm này cần xây dựng ý thức môi trường sâu sắc. Tuy nhiên, những luận điểm mà ông đưa ra cũng chỉ dừng lại ở sự tôn trọng sự sống của cộng đồng mà chưa tôn trọng được cá thể.

Bàn về mối quan hệ biện chứng giữa con người và tự nhiên, C. Mác cho rằng con người là một thực thể sinh học - xã hội hay con người là thực thể tự nhiên có tính chất người. Với quan điểm này, C. Mác đã chỉ rõ mối quan hệ mật thiết của sự tồn tại con người với giới tự nhiên. Trong đó, “giới tự nhiên được coi là “thân thể vô cơ” của con người với tư cách là yếu tố đảm bảo sự sinh tồn và phát triển của con người, sự biến đổi của giới tự nhiên sẽ kéo theo sự biến đổi của chính con người. Tồn tại người dựa vào giới tự nhiên, “con người sống bằng giới tự nhiên... con người là một bộ phận của giới tự nhiên” [57, tr.135], song cũng chính trong quá trình đó, con người tác động ngày càng mạnh mẽ và sâu sắc lên “thân thể vô cơ” của mình, khiến nó thay đổi. Sự biến đổi đó đồng thời tạo ra sự tác động trở lại một cách trực tiếp hoặc gián tiếp lên con người. Thống nhất với quan điểm của C.Mác, trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ăngghen đã phân tích sự tương tác, chế ước lẫn nhau trong một thể thống nhất giữa con người và tự nhiên, con người tác động, cải biến tự nhiên và tự nhiên cũng tác động ngược trở lại con người. Ông đưa ra cảnh báo khoa học “Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì, cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên lại trả thù lại chúng ta” [54, tr.654]. Ông cũng chỉ ra rằng nguyên nhân gây suy thoái môi trường bắt nguồn từ khi xã hội có sự phân chia giai cấp thống trị và bị trị, các xã hội có tình trạng người bóc lột người mà suy đến cùng là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Lợi nhuận là động lực căn bản thúc đẩy các nhà tư bản hành động bất chấp quy luật, phá vỡ giới tự nhiên. Vì vậy, để giải quyết mâu thuẫn giữa bảo vệ tự nhiên và sự phát triển bền vững của xã hội cần có sự chuyển biến hoàn toàn trong phương thức sản xuất đã tồn tại cho đến nay. Những quan điểm biện

chúng và khoa học nêu trên của các ông là cơ sở lý luận để chúng ta nhìn nhận đúng đắn, chính xác về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên.

Chủ nghĩa xã hội sinh thái xây dựng quan điểm sinh thái học xuất phát từ quan niệm của C.Mác về vấn đề sinh thái. Đây là khuynh hướng lý luận chủ nghĩa xã hội xuất hiện tại nước Mỹ nhờ sự đóng góp của nhiều tác giả như Enrique Leff, Michael Lowy, Victor Wallis, John Bellamy Foster, David Pepper và nhiều nhà nghiên cứu khác trong lĩnh vực này. Theo tác giả Nguyễn Thị Lan Hương (2019), chủ nghĩa xã hội sinh thái có một số đặc trưng sau: Về phương diện kinh tế, khẳng định thể chế kinh tế tư bản chủ nghĩa với cốt lõi của nó là thị trường cạnh tranh chính là vấn đề cơ bản dẫn đến khủng hoảng sinh thái; nền kinh tế cần xóa bỏ tư duy sản xuất dư thừa, sản xuất phải dựa trên khả năng và nhịp độ tái tạo của các nguồn tài nguyên, chuyển đổi theo hướng giảm thiểu tiêu dùng tài nguyên không tái tạo, cần chuyển từ thể chế thúc đẩy sản xuất chạy theo lợi nhuận sang thể chế thúc đẩy sản xuất chạy theo nhu cầu. Về phương diện chính trị - xã hội, họ đề cập đến những vấn đề như bất bình đẳng môi trường, bất công môi trường, dân chủ môi trường... Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội sinh thái chưa xây dựng được một lý luận hoàn chỉnh hay một mô hình về sự phát triển xã hội; họ bàn đến vấn đề tái cân bằng phân phối, song không đưa ra được những phương thức cụ thể [45, tr.66-73].

Ở phương Đông, trong lịch sử có quan niệm Thiên - Địa - Nhân hợp nhất. Con người là sản phẩm của tự nhiên, sống dựa vào tự nhiên. Con người và tự nhiên có mối quan hệ bền chặt, khăng khít với nhau. Con người sống gắn bó với thiên nhiên và dần hình thành tình cảm đạo đức, trở thành thói quen, lối sống văn hóa sinh thái.

Phật giáo xây dựng các nguyên tắc và chuẩn mực ĐĐST trên cơ sở những thuyết chủ yếu như Thuyết duyên khởi, Thuyết nhân quả, Thuyết vạn vật bình đẳng. Thông qua những thuyết này, Phật giáo chỉ rõ mối liên hệ tương quan, phụ thuộc vào nhau của tất cả các sự vật tồn tại trong vũ trụ. Thuyết vạn vật bình đẳng cho rằng: “Trong vòng xoay của tạo hóa, vạn vật vận động chuyển hóa vừa là nguyên nhân của nhau, vừa là kết quả của nhau theo các quy luật của luân hồi “Sinh - trụ - di - diệt” hoặc “Thành - trụ - hoại - không” nên vạn vật dù cao hay thấp đều trở nên

cần thiết cho nhau. Vai trò, vị trí của mỗi một vật, một kiếp trong thế giới này do đó trở nên bình đẳng với nhau, không cao, không thấp, không sang, không hèn” [67, tr.24]. Từ đây, Phật giáo khuyên con người sống thân thiện, từ bi với vạn vật, với môi trường; không sát sinh, từ bỏ lòng ham muốn vật chất, tu tâm dưỡng tính để có thể giải thoát khỏi đau khổ nơi trần thế; tạo dựng nghiệp thiện, tránh xa nghiệp ác và hiểu được quy luật vô ngã, vô thường của thế giới. Đây là những nguyên tắc và chuẩn mực ĐĐST mà Phật giáo đưa ra khuyên răn con người đối đãi với vạn vật và chúng sinh.

Nho giáo có nhiều quan điểm thể hiện sự hài hòa giữa cuộc sống của con người với giới tự nhiên. Từ quan niệm “thiên nhân hợp nhất”, Nho giáo cho rằng con người như một đứa trẻ (tiểu vũ trụ) được sinh ra từ Vũ trụ và Trái đất, do đó mang lòng hiếu thảo và sự tương hỗ đối với cộng đồng trái đất. Nho giáo thấy được vai trò vô cùng quan trọng của tự nhiên đối với cuộc sống con người. Mạnh Tử yêu cầu con người phải nắm được những quy luật của tự nhiên, ông chỉ ra rằng cuộc sống của con người gắn bó với tự nhiên, do đó cần chỉ dẫn cho nhân dân về đạo lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên cũng như thể hiện tấm lòng nhân ái với vạn vật. Mạnh Tử quan niệm rằng: “Không giết hại gà, lợn, chó vào mùa chúng sinh sản thì dân bảy mươi tuổi có thịt để ăn” và “Không làm trái thời canh tác của dân thì thóc dư ăn; không dùng lưới dày ở ao đầm thì cá và ba ba dư ăn; tùy theo mùa mới khai thác gỗ rừng thì gỗ dư dùng” [69, tr.15]. Quan điểm này rất có giá trị trong phát triển bền vững hiện nay.

Quan niệm của Đạo gia: Lần đầu tiên trong lịch sử xã hội Trung Quốc, Lão Tử đề cập đến quan niệm về tự nhiên. Lão tử cho rằng, đạo là nguồn gốc của toàn vũ trụ, vạn vật, con người. Đạo là quy luật của tự nhiên, định hướng cho sự vận hành thống nhất của vạn vật, ông viết: “Đạo là khởi nguyên của toàn thể vũ trụ hoặc toàn thể trời đất và con người, đạo là quy luật vận hành của vũ trụ, tạo nên sự thống nhất của vũ trụ” [34, tr.86]. Đạo gia đã đưa ra thuyết vô vi. Vô vi là sống một cách tự nhiên, thuận phác, hòa hợp với thiên nhiên, không làm trái với Đạo. Theo Lão Tử, trời đất, vạn vật, con người và xã hội đều vận động theo lẽ tự nhiên. Do vậy, con người phải sống thuận theo tự nhiên, tiết chế lòng ham muốn, không nên thiên

quá về vật chất, cần chú trọng tinh thần, thà bỏ cái thân để giữ được Đạo và Đức. Tiếp tục phát triển quan niệm về Đạo của Lão Tử, Trang Tử cho rằng vạn vật, con người đều vận động theo quy luật của tự nhiên, thuận theo tự nhiên, muốn có hạnh phúc thì con người phải thuận theo tự nhiên; con người và những sự vật khác trong vũ trụ là bình đẳng với nhau. Ông viết: “Vạn vật lúc đầu cùng một loài, sau lần lần biến đổi để thích hợp với hoàn cảnh, do đó mới khác nhau... Vạn vật đều ngang nhau, không có lớn nhỏ, sang hèn; phải quấy, tốt xấu cũng không có gì hết thảy đều là tương đối cả; mà vật nào cũng có bản tính, cũng có thuận cái tính của mình mà biến hóa... Hạnh phúc của vạn vật, của con vật là thuận cái bản tính của mình mà hòa hợp với vũ trụ” [25, tr.30]. Trang Tử tiếp tục phát triển thuyết vô vi, theo ông, con người không thể tách khỏi tự nhiên, không được làm gì trái tự nhiên. Do đó, mọi cái nhân tạo đều là sai lầm. Mặc dù Trang Tử nhìn cuộc đời xung quanh màn sương mờ ảo, bi quan, nhưng ông đứng khi thấy được mối quan hệ khăng khít, gắn bó giữa con người và giới tự nhiên.

Ở Việt Nam, nền văn hóa của người Việt được xây dựng trên hệ sinh thái Đông Nam Á. ĐĐST ở nước ta rất đa dạng, trên các vùng sinh thái khác nhau đã hình thành các quan hệ ĐĐST không giống nhau. ĐĐST truyền thống Việt Nam được hình thành trên cơ sở những quan niệm, triết lý dân gian như quan niệm Thiên – Địa – Nhân; “Mưu sự tại Nhân, thành sự tại Thiên”; “Nhân định thắng Thiên”. Từ xa xưa, người Việt thấy được những giá trị, những lợi ích to lớn mà thiên nhiên mang lại, họ đã thấu hiểu sâu sắc triết lý sống hài hòa với thiên nhiên. Người Việt ứng xử tôn trọng tự nhiên, nương nhờ, thích ứng, thuận theo tự nhiên. Thông qua việc yêu mến tự nhiên, quan tâm tìm hiểu tự nhiên, các tập quán, nếp sống sinh thái của người Việt trong quan hệ với tự nhiên được hình thành. Người Việt chọn lối sống hợp đạo đức với những điều kiện sẵn có của môi trường tự nhiên, điều này thể hiện rõ ràng ở tất cả mọi hoạt động sống như nếp làm, nếp ở, nếp ăn, nếp mặc,... Tuy trong lịch sử dân tộc Việt Nam chưa có một học thuyết nào quy định về những chuẩn mực hành vi ứng xử của con người với giới tự nhiên mà được rải rác phản ánh trong các hương ước, luật tục của người Việt xưa, nhưng qua những biểu hiện

của cách ứng xử văn hóa của người Việt truyền thống đối với giới tự nhiên, chúng ta thấy rằng, hệ giá trị văn hóa sinh thái mà cốt lõi là giá trị ĐĐST đã mạnh mẽ được hình thành và phát triển trong truyền thống văn hóa dân tộc.

Kế thừa giá trị trong quan điểm về ĐĐST ở phương Tây, phương Đông và ĐĐST trong nền văn hóa truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định con người và tự nhiên luôn có quan hệ gắn bó thống nhất biện chứng với nhau. Người khẳng định vai trò quan trọng của tự nhiên đối với sự sống của con người và xã hội, đặc biệt trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam. Để cuộc sống của mình được bảo đảm, con người cần sống hài hòa với thiên nhiên, “hiểu biết thiên nhiên để buộc thiên nhiên phục vụ hạnh phúc loài người” [64, tr.314]. Đồng thời, con người cần phải khai thác, sử dụng hợp lý đi đôi với tái tạo, chăm sóc, bảo vệ môi trường tự nhiên. Hồ Chí Minh đưa ra yêu cầu bảo vệ môi trường tự nhiên như chăm sóc, khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên bao gồm tài nguyên đất, nước, không khí; khoáng sản; tài nguyên rừng; đồng thời yêu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường tự nhiên trong sạch, bảo đảm sức khỏe cho người dân... Những quan điểm, tư tưởng của Người về bảo vệ môi trường tự nhiên – biểu hiện của ĐĐST, vẫn có ý nghĩa to lớn khi môi trường sinh thái đang bị ô nhiễm nghiêm trọng hiện nay.

Ngày nay, khái niệm về ĐĐST đã được các tác giả đưa ra ở nhiều góc độ khác nhau. Vũ Trọng Dung cho rằng: “ĐĐST bao gồm một hệ thống những quan điểm, quan niệm, tư tưởng, tình cảm, những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực,... quy định, điều chỉnh hành vi của con người trong quá trình biến đổi và cải tạo tự nhiên nhằm phục vụ cho sự sống của con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội trong những điều kiện sinh thái còn có những nét đặc thù riêng” [31, tr.76-77]. Ở đây, tác giả nhấn mạnh ĐĐST không chỉ là một tập hợp các nguyên tắc chung hướng dẫn, quy định, điều chỉnh hành vi con người với môi trường mà ĐĐST phải đáp ứng và thích ứng với điều kiện đặc thù của từng môi trường sống cụ thể, đòi hỏi một cách tiếp cận và điều chỉnh hành vi phù hợp. Như vậy, tác giả đã nhấn mạnh tính thống nhất, đa dạng và đặc thù của ĐĐST trong mỗi bối cảnh sinh thái cụ thể.

Khi yêu cầu con người phải ứng xử đúng mực với thiên nhiên, Nguyễn Thanh Thủy quan niệm: ĐĐST bao gồm các nguyên tắc, quy định, tiêu chuẩn giúp con người tự ý thức điều chỉnh hành vi và tương tác của họ với thiên nhiên nhằm đảm bảo rằng mối quan hệ này đáp ứng lợi ích và hạnh phúc của con người và duy trì sự phát triển bền vững giữa con người và giới tự nhiên [80, tr.27]. Trong định nghĩa này, tác giả xác định vai trò của ĐĐST không chỉ đảm bảo duy trì mối quan hệ tích cực giữa con người và thiên nhiên đáp ứng nhu cầu, lợi ích của con người, không gây hại cho môi trường tự nhiên, duy trì sự phát triển bền vững mà còn áp dụng những nguyên tắc đạo đức để định hình hành vi cá nhân và tương tác xã hội một cách có trách nhiệm. Tác giả nhấn mạnh sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân, xã hội và bảo vệ môi trường là chìa khóa để duy trì hạnh phúc và phát triển bền vững.

Trên cơ sở những quan niệm nêu trên về ĐĐST, kế thừa ý tưởng từ mỗi khái niệm với cách hiểu ít nhiều có sự khác nhau, chúng tôi xác định khái niệm ĐĐST như sau: *ĐĐST là một hệ thống những quan điểm, nguyên tắc, quy định, chuẩn mực giá trị nhằm điều chỉnh hành vi ứng xử của con người một cách tự giác trong quan hệ với tự nhiên, hướng đến phát triển bền vững.*

ĐĐST được hình thành trong quá trình con người tác động, biến đổi giới tự nhiên để duy trì sự tồn tại và phát triển. Đây là một quá trình hiện thực lịch sử, xuất hiện từ khi con người tách khỏi thế giới loài vật và sẽ tồn tại mãi mãi cùng với sự tồn tại của con người, xã hội. Do đó, ĐĐST là một hiện tượng xã hội, mang bản chất xã hội. Nội hàm của khái niệm ĐĐST sẽ thay đổi khi điều kiện tự nhiên môi trường, điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện lịch sử, văn hóa thay đổi. ĐĐST là một bộ phận của đạo đức xã hội nên nó đã, đang và sẽ tồn tại cùng đạo đức xã hội trong suốt tiến trình vận động và phát triển của xã hội loài người.

Đặc trưng của ĐĐST:

Thứ nhất, ĐĐST thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa con người và môi trường tự nhiên. Trong mối quan hệ này, con người luôn đóng vai trò là chủ thể đạo đức, tự nhiên là khách thể đạo đức, con người chủ động tác động vào tự nhiên một cách có ý thức nhằm thỏa mãn mục đích, nhu cầu sống của mình; trái lại tự nhiên

tác động đến con người và xã hội một cách vô ý thức và mù quáng, mặc dù những tác động này tuân theo các quy luật. Do đó, nếu con người ứng xử không tôn trọng giới tự nhiên, nghĩa là không tôn trọng quy luật thì sẽ phải đối mặt với những hậu quả khủng khiếp từ tự nhiên.

Thứ hai, ĐĐST yêu cầu con người có tính tự giác cao. Để hiểu rõ đặc trưng này cần thấy rõ sự khác biệt cơ bản giữa đạo đức xã hội và ĐĐST. Đạo đức xã hội là phương thức điều chỉnh hành vi giữa con người với con người trong các mối quan hệ xã hội, trong mối quan hệ này, con người có thể vừa là khách thể vừa là chủ thể đạo đức. Cả chủ thể và khách thể đạo đức đều đưa ra những quy tắc, chuẩn mực nhằm điều chỉnh hành vi thông qua cơ chế lợi ích, có sự tác động lẫn nhau giữa chủ thể và khách thể đạo đức. Trong ĐĐST, chỉ diễn ra một chiều con người tác động đến tự nhiên, không có chiều ngược lại. Chỉ chủ thể tác động vào tự nhiên và tự giác đưa ra những quy tắc, chuẩn mực đạo đức... tự điều chỉnh hành vi của mình với tự nhiên để có một hệ sinh thái xanh. Còn sự tác động ngược lại của tự nhiên đến con người và xã hội chỉ có thể nhận biết được khi chúng ta phải gánh chịu những hậu quả do mình gây ra cho tự nhiên. Vì vậy, trong mối quan hệ với tự nhiên đòi hỏi con người phải có ý thức tự giác.

Thứ ba, trong ĐĐST, lợi ích và giá trị mang tính đặc thù. Về khía cạnh đạo đức, cả chủ thể và khách thể đều phải được thỏa mãn lợi ích. Tuy nhiên, từ xưa đến nay gần như con người chỉ quan tâm tới lợi ích của bản thân, xâm hại lợi ích của tự nhiên. Con người sử dụng nhiều cách thức, phương pháp để khai thác, tận dụng triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên mà quên rằng bản thân tự nhiên cũng có những giá trị nội tại. “Giá trị nội tại của các yếu tố tự nhiên chính là sự sống và phục vụ cho sự sống” [30, tr.16]. Ngày nay, vì những hành vi xâm hại đến giá trị nội tại của giới tự nhiên mà con người đang phải hứng chịu sự phản ứng gay gắt của tự nhiên.

Thứ tư, ĐĐST mang tính lịch sử - xã hội. Mỗi thời đại phát triển kinh tế - xã hội nhất định, xã hội sẽ đặt ra các quy tắc, chuẩn mực ĐĐST phù hợp yêu cầu con người thực hiện. Các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nói chung phản ánh trình độ phát triển kinh tế - xã hội ở những thời kì lịch sử nhất định. Chẳng hạn, nếu như

trước đây ở nước ta nguồn tài nguyên thiên nhiên còn phong phú, đa dạng thì việc con người khai thác tài nguyên như tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, đánh bắt thú rừng dù khối lượng lớn... nhưng hành vi này không bị lên án. Tuy nhiên, hiện tại khi nguồn tài nguyên thiên nhiên đã dần cạn kiệt, nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng thì việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, đánh bắt động vật quý hiếm bị coi là hành vi phi đạo đức. Đồng thời, tính lịch sử - xã hội của ĐĐST biểu hiện, ở những điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên môi trường khác nhau thì những chuẩn mực ĐĐST có thể không giống nhau. Chẳng hạn, vấn đề ĐĐST ở các nước đang phát triển và các nước phát triển cũng có những điểm khác nhau. Ở các nước đang phát triển thường phải đối mặt với những thách thức về kinh tế và xã hội lớn như nghèo đói, thiếu hạ tầng... do vậy họ có thể đặt ưu tiên cao hơn cho việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản như thức ăn, nước uống, điều kiện sống... do đó, họ sẽ ít có điều kiện quan tâm hơn đối với việc thực hiện các biện pháp ĐĐST. Họ sẽ thường tập trung vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên cơ bản cần thiết cho cuộc sống như tài nguyên rừng, đất đai, nguồn nước... Ở các nước phát triển, người dân có mức sống, thu nhập cao, cơ sở hạ tầng tốt và nguồn lực dồi dào để đầu tư các dự án và chính sách bảo vệ môi trường, người dân và cộng đồng xã hội đặt nhiều sự quan tâm đến ĐĐST. Họ sẽ quan tâm đến việc phát triển những chính sách và hệ thống công nghệ xanh, khuyến khích sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, thúc đẩy lối sống bền vững...

Thứ năm, ĐĐST mang tính toàn cầu (nhân loại, phổ biến). Với thực trạng ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu thì những đòi hỏi về mặt đạo đức cũng mang tính toàn cầu. Ngoài những quy tắc, chuẩn mực cụ thể của từng quốc gia, dân tộc, ĐĐST sẽ có các chuẩn mực chung mà tất cả các dân tộc phải thực hiện như khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học; công bằng trong khai thác và bảo vệ môi trường; thực hành nếp sống hài hòa với tự nhiên... Đây là những giá trị đạo đức tiên bộ của thời đại, thuộc hệ thống đạo đức nhân loại trong bối cảnh hiện nay.

Cấu trúc của ĐĐST:

Chúng tôi thống nhất với quan điểm của một số nhà nghiên cứu như Vũ Trọng Dung, Phạm Thị Ngọc Trâm đưa ra về cấu trúc của “ĐĐST gồm 3 thành tố: ý thức ĐĐST, quan hệ ĐĐST, hành vi ĐĐST” [84; tr.31]. Ba bộ phận này có mối quan hệ khăng khít với nhau hình thành nên ĐĐST của từng cá nhân hoặc ĐĐST của cộng đồng nói chung. **Tuy nhiên, trong phạm vi luận án, chúng tôi đi sâu nghiên cứu hai nội dung là ý thức ĐĐST và hành vi ĐĐST.**

Ý thức ĐĐST là sự nhận thức của con người về giới tự nhiên và vai trò quan trọng của nó trong cuộc sống của con người, là sự hiểu biết về các quy luật tự nhiên, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, cũng như nhận thức về tác động của con người đối với môi trường, từ đó hình thành tình cảm, niềm tin, nếp sống sinh thái và trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cá nhân đối với việc bảo vệ, duy trì cân bằng môi trường. Ý thức ĐĐST gồm tri thức, tình cảm, niềm tin ĐĐST. Trong đó, tri thức ĐĐST là yếu tố quan trọng nhất của ý thức ĐĐST, còn tình cảm ĐĐST là yếu tố trực tiếp tạo ra động cơ thúc đẩy chủ thể hoạt động nhận thức và thực hành đạo đức. Nếu thiếu tình cảm ĐĐST thì mọi giá trị tri thức ĐĐST sẽ không thể chuyển hóa thành hành vi ĐĐST. Sự hòa quyện giữa tri thức, tình cảm ĐĐST cùng với những trải nghiệm thực tiễn sẽ tạo nên niềm tin ĐĐST thôi thúc con người hoạt động vươn lên trong mọi hoàn cảnh. Niềm tin ĐĐST là một trong những yếu tố quyết định hành vi ĐĐST của con người. Ý thức ĐĐST là cơ sở cho việc thực hiện hành vi ĐĐST.

Hành vi ĐĐST là sự thể hiện ý thức ĐĐST trong thực tiễn. Tác giả Phạm Thị Ngọc Trâm cho rằng hành vi ĐĐST là sự biểu hiện cao nhất của đạo đức và trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên. Hành vi này được điều chỉnh bởi các chuẩn mực giá trị sinh thái, các giá trị này mang lại lợi ích cho cả con người và xã hội, đồng thời đảm bảo sự tồn tại an toàn của tự nhiên trong một xã hội luôn vận động và phát triển không ngừng [85, tr.17]. Cùng với sự phát triển của xã hội, hệ thống các chuẩn mực ĐĐST được hình thành từ thực tiễn xã hội trong những giai đoạn lịch sử nhất định nhằm bảo vệ hệ sinh thái. Những hoạt động có tính tự giác trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường là biểu hiện của hành vi ĐĐST.

2.2. Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh: tầm quan trọng, nội dung, phương thức, chủ thể giáo dục

2.2.1. Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Trong lịch sử, có nhiều quan điểm khác nhau về giáo dục đạo đức. Theo C.Mác, “giáo dục đạo đức nhằm hình thành và phát triển những năng lực đạo đức cá nhân đáp ứng yêu cầu của xã hội” [69, tr.14]. C.Mác cho rằng, sự hình thành nhân cách đạo đức bị quy định bởi những điều kiện kinh tế - xã hội, do vậy để đạt được mục tiêu giáo dục cần tạo điều kiện môi trường, hoàn cảnh nhân văn. Theo C.Mác, cần kết hợp cả hai hình thức là truyền đạt và nêu gương trong giáo dục đạo đức, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của nhà giáo dục, họ phải là tấm gương đạo đức với những phẩm chất đáp ứng yêu cầu của giáo dục. Trong *Luận cương thứ III về Phoibac*, C.Mác viết: “Bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” [55, tr.10]. Hình ảnh nhà giáo dục sẽ ảnh hưởng rất lớn đến đối tượng được giáo dục và chất lượng giáo dục.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng mục tiêu của giáo dục là đào tạo những người có đức có tài, trong đó nhấn mạnh giáo dục đạo đức, Người viết: “Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nước” [63, tr.345-346]. Trong quan điểm của Người, giáo dục đạo đức cách mạng là nội dung cốt lõi trong giáo dục đạo đức. Nội dung của giáo dục đạo đức cách mạng là giáo dục những phẩm chất trung với nước, hiếu với dân, yêu thương con người, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, có lý có tình, nhân, dũng, trí, tín. Người cũng đề ra các chuẩn mực đạo đức mới định hướng cho sự rèn luyện của mỗi người và cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức thành những phẩm chất để mọi người dễ hiểu, nhớ và vận dụng.

Tác giả Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt cho rằng giáo dục đạo đức là quá trình biến các chuẩn mực đạo đức ban đầu được đặt ra từ xã hội đối với cá nhân thành những yêu cầu nội tại, biến chúng thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người giáo dục [66, tr.30]. Trong định nghĩa này, giáo dục đạo đức là quá trình tương tác chặt chẽ giữa cá nhân và xã hội. Các chuẩn mực và giá trị đạo đức bắt nguồn từ xã hội, giáo dục đạo đức bắt đầu từ xã hội nhưng nó lại phản ánh sự chủ động của cá nhân trong việc nắm bắt, hiểu rõ và chuyển đổi chúng thành niềm tin, nhu cầu, hành động cá nhân.

Tác giả Trần Đăng Sinh và Nguyễn Thị Thọ trong cuốn *Đạo đức học Mác - Lênin và giáo dục đạo đức* cho rằng, “giáo dục đạo đức là quá trình chuyển văn hóa đạo đức xã hội thành văn hóa đạo đức cá nhân. Đó là quá trình chuyển những tri thức, kinh nghiệm, chuẩn mực và lý tưởng đạo đức xã hội thành những phẩm chất đạo đức cá nhân, làm phát triển ý thức cũng như năng lực đánh giá và thực hiện hành vi đạo đức, năng lực tham gia vào các quan hệ đạo đức xã hội” [75, tr.69]. Theo định nghĩa này, giáo dục đạo đức là một quá trình quan trọng trong việc chuyển đổi và tích hợp văn hóa đạo đức xã hội vào tư duy và hành vi cá nhân. Quá trình giáo dục đạo đức không đơn thuần là truyền đạt kiến thức mà đích đến cuối cùng là hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực đạo đức cá nhân và thực hiện những hành vi đạo đức.

Kế thừa ý tưởng của các quan niệm trên, chúng tôi đưa ra cách hiểu về giáo dục đạo đức với tinh thần chung như sau: *Giáo dục đạo đức là quá trình truyền đạt và phát triển các giá trị, nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội đến cá nhân nhằm xây dựng nên con người có nhân cách tốt, có trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển xã hội.*

Giáo dục đạo đức nhằm hình thành, phát triển ý thức và hành vi đạo đức tạo nên bản chất đạo đức của mỗi cá nhân và cộng đồng xã hội. Thông qua quá trình giáo dục, con người hình thành khả năng đánh giá, lựa chọn các hành vi đạo đức xã hội và tự đánh giá hành vi đạo đức của bản thân, từ đó tự điều chỉnh, tự hoàn thiện mình. Quá trình giáo dục đạo đức giúp hình thành tình cảm đạo đức, đây là động lực thúc đẩy đối tượng giáo dục thực hiện những hành vi đạo đức. Đồng thời, quá trình giáo dục đạo đức giúp người được giáo dục nhận diện, phê phán, đấu tranh với những quan niệm, những biểu hiện phi đạo đức. Từ những quan điểm trên, theo chúng tôi, *thực chất giáo dục đạo đức là một quá trình chuyển hóa những giá trị chuẩn mực xã hội thành thói quen, hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội cho đối tượng được giáo dục (tức là quá trình chuyển từ giáo dục sang tự giáo dục).*

- Khái niệm GDĐĐST

GDĐĐST được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, với những quan điểm khác nhau. Tác giả Phan Thị Hồng Duyên cho rằng GDĐĐST là quá trình giáo dục về nhận thức khoa học, giá trị đạo đức, thẩm mỹ và khía cạnh chính trị liên quan đến lĩnh vực sinh thái. Với việc sử dụng các hình thức và phương pháp giáo dục thích hợp nhằm trang bị cho mỗi cá nhân khả năng tham gia tích cực, chủ động trong các hoạt động liên quan đến cải tạo, bảo vệ môi trường tự nhiên [35, tr.78-81]. Định nghĩa đã khái quát toàn diện nội hàm về GDĐĐST như một quá trình định hướng và phát triển nhận thức cá nhân về môi trường từ các khía cạnh khoa học, đạo đức, thẩm mỹ, chính trị để xây dựng một cộng đồng có ý thức, trách nhiệm với môi trường.

Tác giả Nguyễn Thị Hoài quan niệm GDĐĐST là hoạt động có mục đích hướng tới xây dựng ĐĐST. Trong quá trình này, các lực lượng giáo dục sử dụng những phương tiện cụ thể tác động lên đối tượng người học, nhằm hình thành ở họ ý thức và chuẩn mực ĐĐST. Mục đích cuối cùng là giúp họ hình thành thái độ và hành vi đúng đắn trong quá trình ứng xử với môi trường tự nhiên [42, tr.174-175]. Như vậy, theo tác giả, thực chất quá trình GDĐĐST là nhằm hình thành một cách tự giác thái độ và hành vi của đối tượng giáo dục đối với tự nhiên giúp xây dựng môi trường sống bền vững và có trách nhiệm.

Trên cơ sở kế thừa, tiếp thu những quan điểm của các nhà nghiên cứu trước đó, chúng tôi đưa ra khái niệm: *GDĐĐST là một bộ phận của giáo dục đạo đức xã hội, là hoạt động có mục đích của các chủ thể giáo dục thông qua các nội dung, hình thức, phương pháp nhất định tác động đến đối tượng giáo dục, nhằm định hướng nhận thức, thái độ, hành vi của con người trong mối quan hệ với tự nhiên, giúp họ thấy được nghĩa vụ, trách nhiệm, lương tâm của bản thân đối với môi trường tự nhiên.*

Từ khái niệm giáo dục đạo đức và GDĐĐST, chúng tôi đưa ra khái niệm: *GDĐĐST cho SV là một bộ phận của giáo dục đạo đức xã hội, là một hoạt động có mục đích của các chủ thể giáo dục bằng nhiều phương pháp, hình thức xác định truyền thụ những nội dung đạo đức sinh thái cho SV nhằm định hướng nhận thức,*

thái độ, hành vi của SV trong mối quan hệ với tự nhiên, giúp họ thấy được nghĩa vụ, trách nhiệm, lương tâm của bản thân đối với môi trường tự nhiên.

Mục đích cuối cùng của GDĐĐST cho SV là xây dựng một thể hệ SV nhạy bén với môi trường, có ý thức, trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững, luôn hành động phù hợp với các chuẩn mực ĐĐST, sẵn sàng tham gia và lan tỏa những hành động tốt đẹp hướng đến xây dựng hành tinh xanh.

2.2.2. Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Thứ nhất, GDĐĐST góp phần xây dựng nhân cách SV phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững hiện nay.

Ngày nay, bảo vệ môi trường sinh thái đã trở thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi quốc gia và toàn nhân loại. Do đó, xây dựng mối quan hệ gắn bó, hài hòa, thân thiện với môi trường tự nhiên phải trở thành một phẩm chất đạo đức cơ bản của con người. ĐĐST cần trở thành một phần của hệ thống chuẩn mực và là một tiêu chí đánh giá đạo đức cá nhân và cộng đồng. Đồng thời, ĐĐST cũng là một trong những yếu tố làm tăng tính nhân văn của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, góp phần xây dựng thể hệ có đạo đức và tài năng để sống và làm việc trong chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, hiện nay, việc GDĐĐST cho SV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đóng góp vào sự phát triển toàn diện nguồn nhân lực cho đất nước. TP.HCM cùng với cả nước đang tiến hành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các nguồn tài nguyên thiên nhiên vẫn được coi là nguồn vốn quý giá của xã hội mà cho đến thời điểm hiện tại chưa gì có thể thay thế được. Vì vậy, việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và bảo vệ môi trường sống không chỉ là vấn đề đạo đức mà quan trọng hơn là bảo vệ chính sự sống của con người. Sự hiểu biết về ĐĐST sẽ giúp SV phát triển những giá trị, phẩm chất đạo đức cá nhân như lòng biết ơn, tôn trọng, yêu thương, có trách nhiệm với tự nhiên, kiên trì và quyết tâm trong thực hiện các hành động bảo vệ môi trường. Điều này cũng đồng nghĩa với việc họ biết cách tôn trọng và bảo vệ sự sống của bản thân và cộng đồng. GDĐĐST là khâu quan trọng để

chuyển hóa những quy tắc, chuẩn mực ĐĐST của xã hội thành phẩm chất nội tại và hành vi tự giác của mỗi SV trong quan hệ với môi trường.

Thứ hai, GDĐĐST góp phần hướng SV đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người - tự nhiên.

GDĐĐST cho SV không chỉ là việc hướng dẫn cách bảo vệ môi trường mà quan trọng còn phải nhấn mạnh đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ giữa con người và tự nhiên. GDĐĐST giúp SV thấy được sự tương tác, liên kết giữa con người và môi trường, con người là một phần của hệ thống sinh thái và hành động của họ có ảnh hưởng đến cả môi trường và cộng đồng xung quanh, họ cần học cách tôn trọng đời sống và quyền lợi của mọi sinh linh. GDĐĐST mở rộng tầm nhìn giúp SV học cách liên kết với cộng đồng toàn cầu, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi từ các nền văn hóa khác nhau, từ đó xây dựng cầu nối nhân văn và nhân đạo giúp họ trở thành công dân tích cực, có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Như vậy, GDĐĐST góp phần thức tỉnh tình cảm đạo đức, sự cảm thông, quan tâm đến tự nhiên nhằm tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh cho sự phát triển của con người - xã hội - tự nhiên.

Thứ ba, GDĐĐST góp phần truyền đạt cho SV những chuẩn mực giá trị ĐĐST truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị ĐĐST của nhân loại trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Nhằm hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, TP.HCM cùng với cả nước phải tiến hành giáo dục cho đội ngũ nhân lực tương lai các chuẩn mực giá trị ĐĐST truyền thống qua đó góp phần giữ gìn, phát huy những giá trị tốt đẹp trong xã hội hiện đại như yêu thiên nhiên, sống hài hòa với thiên nhiên; khai thác tự nhiên một cách hợp lý, linh hoạt trong đối xử với tự nhiên thể hiện trong những sinh hoạt hàng ngày; thái độ ứng xử với tự nhiên được thể hiện qua tinh thần lao động cần cù, tiết kiệm... Bên cạnh đó, SV cần được giới thiệu về những giá trị ĐĐST nhân loại để tham gia giải quyết các thách thức toàn cầu về môi trường, bảo vệ sự sống còn của trái đất như tiết kiệm năng lượng và tài nguyên; bảo vệ và giữ gìn đa dạng sinh học; chống biến đổi khí hậu;... Như vậy, GDĐĐST giúp định hình

tư duy và hành động của SV theo hướng tích cực, vừa phát huy những giá trị ĐĐST truyền thống, vừa tiếp thu những giá trị ĐĐST nhân loại nhằm ứng phó với các thách thức môi trường và xã hội ngày càng phức tạp hiện nay.

Thứ tư, GDĐĐST góp phần thực hiện nhiệm vụ của bản thân SV trong giai đoạn hiện nay.

Trong công cuộc đổi mới xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta luôn đánh giá và khẳng định vai trò quan trọng của thế hệ trẻ, trong đó có SV. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng viết: “Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững đất nước” [86, tr.310]. SV là lực lượng xã hội đầy nhiệt huyết, bản lĩnh, tinh thần sáng tạo, không chấp nhận khuất phục trước những khó khăn, thách thức. SV là những người tràn đầy hoài bão, mơ ước. Với lý tưởng cao đẹp và năng lượng tích cực, họ luôn sẵn sàng cống hiến cho sự phát triển của quê hương, đất nước. Trong lịch sử dân tộc, thế hệ SV TP.HCM, luôn sẵn sàng đối diện với những khó khăn, gian khổ vì mục tiêu độc lập, tự do cho tổ quốc. Chúng ta nên tự hào và kỳ vọng vào thế hệ SV hôm nay, họ sẽ là nguồn lực quan trọng cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Với trí tuệ và đạo đức, vừa hồng lại vừa chuyên, nhạy bén với cái mới, có khả năng tiếp thu và áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật, SV hôm nay có thể đảm đương trách nhiệm xây dựng Tổ quốc trong tương lai.

Trước hiện trạng biến đổi khí hậu, GDĐĐST cho SV là một nhiệm vụ quan trọng đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. SV TP.HCM sẽ tham gia đóng góp trí tuệ, công sức cho nhiều lĩnh vực và ngành nghề khác nhau. Nếu đội ngũ nhân lực này có trách nhiệm với xã hội và môi trường sẽ giúp lan tỏa ĐĐST đến tất cả các lĩnh vực, ngành nghề trong xã hội. Họ sẽ trở thành những kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, doanh nhân, bác sĩ, giáo viên, nhà khoa học... trong tương lai, mà công việc của họ liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến bảo vệ môi trường. Họ sẽ là những công dân có trách nhiệm xây dựng một nền kinh tế xanh và xã hội xanh. Rất nhiều người trong số họ sẽ là những nhà lãnh đạo, quản lý có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính

sách và kế hoạch ảnh hưởng lớn đến xã hội và môi trường, đặc biệt là những cán bộ quản lý môi trường. Vì vậy, SV cần phải được xây dựng thành một lực lượng đông đảo, vững mạnh, là nòng cốt của xã hội, là lực lượng ưu tú kế thừa và lan tỏa giá trị ĐĐST đến mọi người. Họ sẽ là những tấm gương thực hành ĐĐST, hành động của họ sẽ mang tính chuẩn mực. Với sức trẻ và sự nhiệt huyết, SV sẽ đóng vai trò là lực lượng xung kích trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng đến phát triển bền vững cho tương lai của Việt Nam.

2.2.3. Nội dung giáo dục

Nội dung GDĐĐST cho SV rất đa dạng, tùy vào từng góc độ tiếp cận khác nhau. Trong cấu trúc GDĐĐST gồm có ba nội dung cơ bản là *giáo dục ý thức ĐĐST*, *giáo dục hành vi ĐĐST*, *giáo dục quan hệ ĐĐST*. Tuy nhiên, trong phạm vi luận án chúng tôi đi sâu phân tích về hai nội dung cơ bản là giáo dục ý thức ĐĐST và giáo dục hành vi ĐĐST.

2.2.3.1. Giáo dục ý thức đạo đức sinh thái

Ý thức đạo đức sinh thái bao gồm: tri thức, tình cảm, niềm tin đạo đức sinh thái.

*** Giáo dục tri thức ĐĐST**

Tri thức ĐĐST là sự hiểu biết về cái đẹp, cái xấu, cái đúng, cái sai, cái thiện, cái ác trong cách ứng xử của con người với giới tự nhiên. Giáo dục tri thức ĐĐST giúp SV hiểu về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường và hệ sinh thái cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố của tự nhiên và mối quan hệ giữa tự nhiên với con người. SV cần nhận thức đúng về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của suy giảm môi trường, mất cân bằng sinh thái, những nguy cơ sinh thái ở TP.HCM để tự tin đón nhận những thử thách liên quan đến biến đổi khí hậu và đưa ra những quyết định sáng suốt về vấn đề này.

SV cần được cung cấp những thông tin bảo vệ môi trường như các nguồn tài liệu nghiên cứu liên quan đến môi trường; những thành tựu và sáng kiến đã, đang được thực hiện để bảo vệ môi trường; những gương điển hình trong công tác bảo vệ môi trường; những tổ chức, cá nhân có hành động hủy hoại môi trường... Thông qua những kiến thức và thông tin chính xác về các vấn đề môi trường, bảo vệ môi

trường ở TP và cả nước, SV có thể hiểu rõ hơn tình hình môi trường hiện tại, qua đó nhận thức được nguy cơ và thách thức mà môi trường đang phải đối mặt, cũng như những giải pháp có thể được áp dụng.

SV cần được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của Thành ủy, UBND TP.HCM về vấn đề môi trường, đặc biệt cần thấy được những quyền lợi và trách nhiệm của họ trong quan hệ với tự nhiên. Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu sẽ tước đoạt những quyền này của con người. Vì vậy, để có được những quyền ấy thì bản thân họ cần phải có nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn môi trường.

SV cần được giáo dục những giá trị ĐĐST truyền thống. Từ xa xưa, hoạt động sản xuất nông nghiệp của người Nam bộ phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu dẫn đến hình thành phong tục, tập quán, nếp sống của họ gắn gũi, gắn bó với thiên nhiên từ những sinh hoạt hàng ngày. Những giá trị ĐĐST truyền thống như yêu thiên nhiên, sống hài hòa với thiên nhiên; khai thác tự nhiên hợp lý, tiết kiệm... sẽ góp phần thúc giục SV thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với giới tự nhiên.

SV cần được trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường như kỹ năng sử dụng, quản lý tài nguyên; kỹ năng tái chế và xử lý chất thải, kỹ năng sống xanh, kỹ năng bảo vệ, phục hồi, làm giàu giới tự nhiên, kỹ năng tuyên truyền bảo vệ môi trường, kỹ năng đấu tranh với các hành vi phá hoại môi trường... Khi được trang bị những kỹ năng này, họ sẽ trở thành những “công dân xanh” luôn hành động vì sự phát triển bền vững.

** Giáo dục tình cảm ĐĐST*

Tình cảm ĐĐST là một hình thái đặc biệt của tâm lý, là sự phản ánh mối quan hệ giữa SV với môi trường sinh thái. Mọi hành vi ĐĐST của họ đều xuất phát từ tình cảm ĐĐST. Tình cảm ĐĐST trở thành động lực và năng lực đạo đức của con người. Tình cảm ĐĐST của SV biểu hiện khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng đạo đức (đúng, sai) thông qua cảm xúc, đồng thời biểu hiện nhân cách đạo đức của họ (nghĩa là thái độ tích cực hay tiêu cực với các hiện tượng đạo đức). Nhận thức ĐĐST phải thông qua tình cảm ĐĐST thì mới trở thành hành vi ĐĐST.

Tình cảm ĐĐST trở thành động cơ bên trong thôi thúc SV thực hiện hành vi tự giác của mình trong quan hệ với môi trường tự nhiên.

SV cần được giáo dục về tình yêu thiên nhiên lành mạnh, trong sáng. Họ biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp, giá trị của tự nhiên từ đó hình thành những cảm xúc, khát vọng tốt đẹp, tình yêu thiên nhiên. Chính tình yêu thiên nhiên sâu sắc, mãnh liệt sẽ là nguồn động lực mạnh mẽ để SV hành động bảo vệ môi trường. Họ sẽ biết thể hiện thái độ ủng hộ, đồng tình trước những hành vi thân thiện với môi trường (cái thiện); phản nộ, căm giận, bất bình khi chứng kiến những hành vi gây ô nhiễm môi trường (cái ác), đồng thời cảm thông, thấu hiểu trước sự mất mát của giới tự nhiên. SV cần hiểu tình yêu thiên nhiên là sự trân trọng chứ không phải sở hữu. Nếu bản thân yêu tiếng chim hót thì hãy trồng cây, thích nhìn cá lội thì hãy giữ nguồn nước sạch ... Thiên nhiên là người mẹ nuôi sống con người nên thế hệ tương lai cần trân trọng, biết ơn, giữ gìn nó. SV cần thấy bảo vệ môi trường là niềm vui, hạnh phúc vì bảo vệ chính cuộc sống của mình. Đồng thời, họ cần được giáo dục những tri thức môi trường để nuôi dưỡng lòng trắc ẩn, tình yêu thương, sự quan tâm với những dạng tồn tại khác ngoài con người (với những sự vật khác), giúp hàn gắn lại mối quan hệ với môi trường tự nhiên.

** Giáo dục niềm tin ĐĐST*

Niềm tin ĐĐST được hình thành từ sự hòa quyện giữa tri thức và tình cảm ĐĐST cùng với những trải nghiệm thực tiễn của SV. Niềm tin ĐĐST là một yếu tố quan trọng quyết định hành vi ĐĐST, là cơ sở làm bộc lộ những phẩm chất ý chí đạo đức như sự quyết tâm đấu tranh chống cái ác, lòng dũng cảm bênh vực cái thiện trong ứng xử với tự nhiên. Niềm tin yêu đối với tự nhiên là chất xúc tác cho SV sống hướng thiện, tự tin vào khả năng nhận thức của bản thân và tự tin vào những quyết định đúng đắn trước hành vi mà bản thân thực hiện với môi trường sinh thái. Tình yêu thiên nhiên sâu sắc cùng những kiến thức đúng về tự nhiên sẽ giúp họ có niềm tin, sự nỗ lực hoàn thiện năng lực, phẩm chất, sẵn sàng hành động góp phần tích cực trong công tác bảo vệ, cải thiện môi trường. Giáo dục niềm tin đạo đức sinh thái cho SV bao gồm: một là, giáo dục niềm tin yêu đối với tự nhiên, môi trường

sống; hai là, giáo dục niềm tin vào khả năng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường của bản thân, gia đình, xã hội; ba là, giáo dục niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường; bốn là, giáo dục nâng cao nhận thức và sự tin tưởng vào các chuẩn mực ĐĐST truyền thống. Thông qua việc học tập và nhận thức về các vấn đề ĐĐST, SV có thể thay đổi suy nghĩ, hành động nhằm bảo vệ môi trường và tin tưởng rằng việc bảo vệ môi trường là quyền lợi, trách nhiệm của tất cả mọi người. Giáo dục niềm tin ĐĐST cho SV nhằm xây dựng nguồn nhân lực có tư duy sinh thái tích cực và lòng tin vào khả năng thay đổi tích cực của môi trường.

2.2.3.2 Giáo dục hành vi đạo đức sinh thái

Hành vi ĐĐST của SV là biểu hiện cao nhất của ĐĐST. Hành vi ĐĐST được điều chỉnh, quy định bởi các chuẩn mực ĐĐST nhất định. Chuẩn mực ĐĐST là quy tắc ứng xử có thể chấp nhận được hoặc không thể chấp nhận được trong quá trình con người quan hệ với tự nhiên, là thước đo cả một giai cấp, cộng đồng, một dân tộc, một thời đại một cách tự nhiên, tạo sự phát triển tốt đẹp bền vững của con người – tự nhiên. Từ những chuẩn mực ĐĐST lĩnh hội được, SV sẽ tự điều chỉnh hành vi đạo đức của mình trong quan hệ với tự nhiên. Chúng tôi tập trung vào một số chuẩn mực cơ bản sau đây:

Một là, yêu quý, tôn trọng, bảo vệ sự hài hòa của hệ thống con người – xã hội – tự nhiên: Đây là chuẩn mực chung nhất, định hướng cho quan hệ đạo đức giữa con người với tự nhiên. Tình thương yêu và tôn trọng của con người với giới tự nhiên thể hiện ở việc khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo khả năng tái tạo và tự phục hồi của tự nhiên. SV cần bồi dưỡng tình yêu tha thiết, lòng biết ơn và tinh thần trách nhiệm của mình với những tài nguyên đang sử dụng hàng ngày như nguồn nước, không khí, cây cỏ, đã nuôi sống con người và các sinh vật khác.

Hai là, bảo vệ khí hậu và tính đa dạng sinh học: Sự đa dạng sinh học là cơ sở, điều kiện cho sự tồn tại, phát triển của sinh vật và con người. Hiện nay, tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng, quá trình đô thị hóa ở TP.HCM đã tàn phá hệ sinh thái, cấu trúc các thành phần loài trong hệ sinh thái bị ảnh hưởng nghiêm

trọng, rất nhiều loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Điều này ảnh hưởng đến lợi ích to lớn của các ngành lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, du lịch... của địa phương. Vì vậy, SV cần có trách nhiệm bảo vệ khí hậu trong lành, tôn trọng sự đa dạng sinh học, xây dựng cuộc sống tốt đẹp dựa trên cơ sở duy trì tính đa dạng, phong phú của tự nhiên.

Ba là, công bằng trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: Chuẩn mực này liên quan đến quyền và trách nhiệm môi trường của con người. Môi trường là tiền đề tiên quyết cho việc hưởng thụ quyền con người. SV cần thấu hiểu rằng, con người có quyền được sống trong môi trường lành mạnh và không bị phân biệt đối xử trong việc tận hưởng quyền lợi từ môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên. Đồng thời, SV cần có trách nhiệm góp phần bảo vệ, duy trì sự toàn vẹn của môi trường vì lợi ích của chính con người và các sinh thể khác, không chỉ hiện tại mà cho cả thế hệ tương lai. SV là những người lao động trong tương lai cần được giáo dục về quyền lợi và trách nhiệm, nghĩa vụ môi trường của mình, để lan tỏa ra cộng đồng.

Bốn là, tự giác, tự nguyện nâng cao yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường: Đây là chuẩn mực giúp mang lại hiệu quả hơn trong bảo vệ môi trường. Sự tự giác, tự nguyện tạo động lực và trách nhiệm cho SV tham gia tích cực những hoạt động bảo vệ môi trường. Khi họ có sự tự giác, tự nguyện tuân thủ nghiêm hệ thống pháp lý như Luật bảo vệ môi trường (2020), Luật đa dạng sinh học (2018),... sẽ mang lại kết quả tốt như giảm lượng rác thải, sử dụng bền vững tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường sống...

Năm là, nâng cao tinh thần ủng hộ và phối hợp giải quyết các sự cố môi trường chung: Chuẩn mực này giúp SV hiểu được tầm quan trọng của sự nhất quán trong tư tưởng và hành động có thể tạo ra sức mạnh to lớn để giải quyết các vấn đề môi trường. Họ nhận thức được trách nhiệm của mình đối với môi trường và xã hội, kích thích tư duy sáng tạo, tích cực đóng góp vào những cải tiến, tìm kiếm giải pháp mới để bảo vệ môi trường hiện nay như sự cố đồng bằng sông Cửu Long về nước ngập mặn, sự cố chất thải...

Sáu là, *thực hành nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn*: “Nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn là tình yêu đối với thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên, luôn tạo và bảo vệ vẻ đẹp và sự trong sáng của thiên nhiên,... Nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn được thể hiện trong lối tư duy sinh thái, trong hành vi ứng xử cụ thể của con người đối với thiên nhiên” [58, tr.29-30]. Nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Là những cán bộ, người lao động ở tất cả các ngành nghề trong tương lai, SV TP.HCM cần hiểu rằng, tài nguyên thiên nhiên trên trái đất hữu hạn, nên mỗi người cần xây dựng nếp sống giản dị, chan hòa, nhân ái, thân thiện, gắn bó với tự nhiên, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tôn trọng quy luật tự nhiên. Họ cần ngăn chặn những hành vi gây tổn hại, suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên, hình thành thói quen tiêu dùng nhân văn, hạn chế dần và đi tới ngưng sử dụng những sản phẩm bất lợi với môi trường. Họ cần xây dựng lối sống tôn trọng pháp luật, đề cao và tự giác tuân thủ, chấp hành nghiêm túc những quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Từ những chuẩn mực ĐĐST cơ bản được học nêu trên, SV tự điều chỉnh hành vi đạo đức của mình trong quan hệ với giới tự nhiên. *Hành vi ĐĐST* của SV là những hành vi tự nguyện, tự giác tuân thủ những chuẩn mực ĐĐST, nó xuất phát từ động cơ bên trong bản thân họ và phải là hành vi có ích với con người và tự nhiên. Hành động tự giác, tự nguyện của SV chỉ diễn ra khi họ ý thức được đầy đủ mục đích, ý nghĩa hành vi ĐĐST. Hành vi ĐĐST cho SV gồm:

Một là, nhóm hoạt động trong sinh hoạt thường ngày của SV như giữ gìn, tạo lập môi trường sống xanh, sạch, đẹp; chăm sóc cây ở nhà và trường; Tiêu dùng, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng; Sử dụng phương tiện công cộng hay xe đạp; Nâng cao hiểu biết về những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, tinh anh lựa chọn những hàng hóa hợp vệ sinh, an toàn với con người và tự nhiên;...

Hai là, nhóm hoạt động gắn với quá trình học tập, nghiên cứu khoa học của SV. Bằng tình yêu, trí tuệ, họ sẽ sáng tạo ra những sản phẩm, dịch vụ, công nghệ thân thiện với môi trường, hay tìm ra những năng lượng tái tạo, thay thế để phục vụ xã hội...

Ba là, nhóm hoạt động gắn với các phong trào tình nguyện vì cộng đồng như tham gia phong trào hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Mùa hè xanh...

Bốn là, tự giác tuân thủ nghiêm các điều luật đã được ghi rõ trong Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước; đấu tranh, phê phán, lên án những hành vi gây ô nhiễm môi trường, lãng phí tài nguyên; tuyên truyền người thân, bạn bè, đồng nghiệp, láng giềng và xã hội về tác hại của ô nhiễm môi trường...

2.2.4. Phương thức giáo dục

Phương thức giáo dục đạo đức sinh thái bao gồm hình thức giáo dục và phương pháp giáo dục.

*** Hình thức GDĐĐST:** Hiện nay có đa dạng hình thức GDĐĐST cho SV, trong phạm vi luận án, chúng tôi nêu một số hình thức cơ bản sau:

Một là, GDĐĐST cho SV thông qua giảng dạy các môn học chính khóa

Giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM đã được quan tâm. Tuy nhiên, với các trường không có khoa chuyên ngành về môi trường thì nội dung GDĐĐST sẽ được tích hợp, lồng ghép ở một số môn học đại cương, môn học cơ sở ngành, môn chuyên ngành hoặc môn kỹ năng mềm. Thông qua các học phần, SV hiểu được vị trí, chức năng, vai trò của giới tự nhiên đối với cuộc sống của con người và các sinh vật khác, thực trạng môi trường sinh thái và những hậu quả mà giới tự nhiên phải gánh chịu từ những hoạt động của con người.

Hai là, GDĐĐST cho SV thông qua hoạt động ngoại khóa

GDĐĐST thông qua sinh hoạt chính trị đầu khóa, các buổi sinh hoạt chuyên đề, tổ chức các hội thảo khoa học; các cuộc thi, hội diễn về khoa học môi trường, tìm hiểu về bảo vệ môi trường; các hoạt động văn hóa – văn nghệ,... Thông qua những hoạt động này nhằm tuyên truyền về thực trạng ô nhiễm môi trường, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, GDĐĐST thông qua hoạt động ngoại khóa như thăm quan, học tập trải nghiệm thực tế, tổ chức các hoạt động tình nguyện và chương trình cộng đồng vì môi trường... giúp SV cảm nhận được sự tồn tại và mối liên hệ với các sinh vật xung quanh con người.

Ba là, GDĐĐT cho SV thông qua các phương tiện truyền thông

Có thể thông qua sách, báo, tạp chí, video, trang web và mạng xã hội trên internet hay những khẩu hiệu, tờ bướm, tờ rơi, bản tin phát thanh, phát hình... để truyền tải thông tin về môi trường và phát triển bền vững cho SV. Đây là hình thức có khả năng phổ biến sâu rộng, kịp thời các thông tin về thực trạng môi trường. Những hình ảnh trực quan sinh động của các phương tiện truyền thông có tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới tình cảm, lương tâm, trách nhiệm của SV. Nhờ tính lưu giữ và trao đổi thông tin được lâu dài, các bài báo, bài viết, bài nói... về vấn đề môi trường sinh thái có khả năng phổ biến thông tin về môi trường rộng rãi cho SV nói riêng, cộng đồng nói chung.

*** Phương pháp GDĐĐT:**

Trên thực tế, công tác GDĐĐT cho SVCTĐH ở TP.HCM rất đa dạng, chúng tôi đề cập đến một số phương pháp chủ yếu dưới đây:

Thứ nhất, nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Trong phương pháp này, “giảng viên và SV sử dụng lời nói và chữ viết để trình bày, mô tả, giải thích, phân tích, chứng minh để trao đổi, thảo luận với nhau từ đó tìm kiếm thông tin khoa học” [93, tr.28] về vấn đề môi trường. Chủ thể giáo dục có thể sử dụng nhiều phương pháp như thuyết trình, diễn giải, vấn đáp, thảo luận, dạy học nêu và giải quyết vấn đề, dạy học theo tình huống... để tổ chức, định hướng cho người học nắm vững kiến thức về môi trường (đặc điểm, chức năng, vai trò), giảng viên nêu ra những tình huống có vấn đề, yêu cầu SV dựa vào kiến thức đã học trình bày, phân tích, trao đổi, tranh luận để làm sáng tỏ các vấn đề môi trường đang diễn ra ở TP.HCM hay ở Việt Nam và trên thế giới. Nhóm phương pháp này phù hợp với hình thức giảng dạy ở trên lớp cho SV.

Thứ hai, nhóm phương pháp dạy học trực quan

Trong phương pháp này, giảng viên tác động đến các giác quan của SV thông qua các phương tiện trực quan như phương tiện in ấn (báo, tạp chí, sách, tờ rơi...); phương tiện tạo âm thanh, hình ảnh (bài hát, bản nhạc, video, phim ảnh, khẩu hiệu, tranh vẽ ...); phương tiện tượng trưng (sơ đồ, biểu đồ, bảng thống kê số liệu...).

Đồng thời, chủ thể giáo dục có thể sử dụng phương pháp minh họa, quan sát thực tế, ... để SV thấy được vẻ đẹp của tự nhiên cũng như những hoạt động tàn phá môi trường. Nhóm phương pháp dạy học trực quan phù hợp với cả hình thức GDĐĐST thông qua hoạt động trên lớp và ngoại khóa.

Thứ ba, nhóm phương pháp dạy học qua trải nghiệm, thực hành

Giảng viên tổ chức cho SV luyện tập vận dụng kiến thức vào thực tế để khắc sâu kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo như phương pháp thực hành tạo sản phẩm thân thiện với môi trường, phương pháp thực hành dự án (SV tham gia vào các dự án bảo vệ môi trường), phương pháp đóng vai.... Đồng thời, chủ thể giáo dục tổ chức các buổi thăm quan thực tế, những hoạt động thiện nguyện về công tác bảo vệ môi trường cho SV được trải nghiệm. Hoặc chủ thể giáo dục sử dụng phương pháp nêu gương thực tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [61, tr.284]. Chủ thể GDĐĐST có thể tổ chức các hoạt động như đưa SV thăm các mô hình sản xuất thân thiện với môi trường, giới thiệu về các nhóm thiện nguyện hành động vì môi trường sinh thái...

Như vậy, hình thức và phương pháp GDĐĐST cho SV rất phong phú, đa dạng. Để đạt được mục tiêu, hiệu quả GDĐĐST, các chủ thể giáo dục cần phải kết hợp đa dạng, linh hoạt nhiều hình thức, phương pháp giáo dục phù hợp với điều kiện vật chất, cũng như đặc thù ngành nghề đào tạo.

2.2.5. Chủ thể giáo dục

GDĐĐST là công việc chung mà toàn xã hội quan tâm. Chủ thể GDĐĐST cho SV gồm nhiều lực lượng khác nhau. Trong phạm vi luận án, chúng tôi tập trung làm rõ vai trò của các chủ thể trực tiếp giáo dục trong các trường ĐH ở TP.HCM.

Thứ nhất: Đảng ủy, BGH, Hội đồng trường tại các trường ĐH ở TP.HCM

Đây là những chủ thể đóng vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động GDĐĐST cho SV. Vai trò chủ đạo của các trường ĐH là giáo dục và đào tạo cho xã hội đội ngũ nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, có đạo đức, có trách nhiệm với xã hội. Trong điều kiện biến đổi khí hậu như hiện nay, GDĐĐST cũng nằm trong nhiệm vụ chung đó. Nhận thức rõ nhiệm vụ của công tác giáo dục đạo đức

nói chung, GDĐĐST nói riêng, các trường ĐH ở TP.HCM đã chú trọng và thực hiện từ rất sớm việc giáo dục này, coi đây là mục tiêu, là chiến lược đào tạo hàng đầu của nhà trường. Để hoàn thành mục tiêu này, *Đảng ủy* phải là đầu tàu lãnh đạo trong việc triển khai chương trình giáo dục đạo đức (trong đó có GDĐĐST). *Đảng ủy* sẽ chỉ đạo, điều hành, xây dựng chương trình giáo dục, tổ chức triển khai các hoạt động GDĐĐST cho SV; tuyên truyền và nâng cao ý thức ĐĐST cho cán bộ giảng viên và SV; khuyến khích và hỗ trợ các câu lạc bộ, các tổ chức ở trong trường tổ chức các hoạt động GDĐĐST cho SV. *BGH* sẽ đưa ra những chính sách đúng đắn, thực tiễn thúc đẩy hoạt động GDĐĐST, đồng thời có trách nhiệm đảm bảo ngân sách và các nguồn lực cần thiết cho công tác GDĐĐST cho SV. *BGH* có trách nhiệm xây dựng môi trường học tập và rèn luyện ĐĐST cho SV; chỉ đạo, đôn đốc sự tương tác giữa các bộ phận và đơn vị trong trường nhằm đảm bảo tính liên tục và hiệu quả của công tác GDĐĐST; hỗ trợ và thúc đẩy việc hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng xã hội có liên quan đến công tác GDĐĐST. *Hội đồng trường* tham gia cùng các đơn vị chức năng trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch và các hoạt động GDĐĐST cho SV. Bên cạnh đó, *Hội đồng trường* tiến hành giám sát các hoạt động và chương trình GDĐĐST của trường. Công tác GDĐĐST ở các trường ĐH sẽ thực sự hiệu quả nếu có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, phối hợp nhịp nhàng giữa *Đảng ủy*, *BGH*, *Hội đồng trường*.

Thứ hai: Đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý

Điều 66, Luật Giáo dục năm 2019 đã khẳng định: “Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được xã hội tôn vinh” [71, tr.27]. Đội ngũ giảng viên (mà lực lượng nòng cốt là những giảng viên giảng dạy các môn lý luận chính trị; khoa học xã hội và nhân văn và chuyên ngành về môi trường) có nhiệm vụ truyền đạt những kiến thức về ĐĐST cho SV để họ hiểu và nhận thức được tầm quan trọng của môi trường và công tác bảo vệ môi trường; giúp xây dựng ý thức môi trường và hình thành thái độ, hành vi sinh thái tốt đẹp. Viên chức quản lý của các phòng ban đặc biệt là phòng Công tác SV có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động GDĐĐST, hướng dẫn, tư vấn, khuyến khích,

hỗ trợ SV tham gia các hoạt động vì môi trường. Cán bộ quản lý ký túc xá có trách nhiệm xây dựng, duy trì môi trường sống ĐĐST cho SV. Đội ngũ giảng viên, viên chức là những tấm gương đạo đức, thông qua sự chia sẻ kinh nghiệm, giá trị, thái độ và hành động của họ sẽ tác động rất lớn đến sự thay đổi hành vi của SV.

Thứ ba: Thành Đoàn, HSV TP và ĐTN và HSV các trường ĐH

Đây là hai chủ thể được SV biết đến nhiều nhất trong công tác GDĐĐST, số liệu cho thấy 29.9% SV chọn chủ thể GDĐĐST là HSV, 28.3% chủ thể GDĐĐST là ĐTN [PL3, Biểu đồ 3.11]. ĐTN, HSV định hướng tư tưởng, giáo dục lý tưởng, truyền thống đạo đức, lối sống (trong đó có ĐĐST), tập hợp đoàn kết, cổ vũ, khuyến khích giúp đỡ, động viên đoàn viên, hội viên hoàn thành nhiệm vụ học tập, rèn luyện. Thực hiện các chiến dịch tuyên truyền về luật môi trường, thực trạng môi trường sinh thái... Trong *Luật Thanh niên* có ghi: “HSV Việt Nam là tổ chức xã hội của SV Việt Nam nhằm đoàn kết, tập hợp SV Việt Nam cùng phấn đấu học tập, rèn luyện và cống hiến cho đất nước” [72, tr.9], “ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam, giữ vai trò nòng cốt trong phong trào thanh niên và tổ chức thanh niên; tổ chức hướng dẫn hoạt động của thanh niên, nhi đồng, phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh” [70, tr.9]. Đồng thời, ĐTN và HSV đưa ra những đề xuất và kiến nghị cho các cơ quan chức năng về công tác bảo vệ môi trường và GDĐĐST cho đoàn viên và hội viên.

ĐTN, HSV các cấp ở TP.HCM tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo trao đổi, cuộc thi về vấn đề môi trường, về biến đổi khí hậu; giới thiệu các công trình tiết kiệm năng lượng và hướng dẫn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; Tổ chức các hoạt động tình nguyện chăm sóc, bảo vệ môi trường hoặc hợp tác với các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu để tổ chức những hoạt động hướng tới phát triển cộng đồng cho SV tham gia như Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện... thông qua các hoạt động này giúp SV có kiến thức về bảo vệ và bảo tồn môi trường, hiểu sâu sắc hơn sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sinh thái, từ đó họ nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân với vấn đề bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội.

Thứ tư: Bản thân SVCTĐH ở TP.HCM

Giáo dục là sự thống nhất giữa hai mặt giáo dục và tự giáo dục. Khi mặt tự giáo dục được thực hiện thì việc giáo dục mới mang lại hiệu quả. Để SV trở thành người có đạo đức, có trách nhiệm với xã hội cần khơi dậy sự tự giác, chủ động tu dưỡng, tập luyện của SV. Vì các chủ thể giáo dục đâu có làm tốt đến đâu, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục có đúng đắn đến bao nhiêu đi nữa cũng không thay thế được sự tự giác trong tự giáo dục, tự rèn luyện của chính SV. SV là trung tâm, giảng viên định hướng, trao truyền, hướng dẫn trong dạy học phản ánh quan điểm “tự thân vận động” trong triết học Mác – Lênin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Để phát huy tính tích cực, tự giác trong GDĐĐT, các chủ thể giáo dục cần tạo môi trường thuận lợi để SV thể hiện năng lực của bản thân. Thành công của quá trình giáo dục nói chung, GDĐĐT cho SVCTĐH ở TP.HCM nói riêng chỉ có được khi chính SV TP hăng hái, tự giác phấn đấu, tìm tòi, nỗ lực vượt qua những khó khăn, thử thách phát triển bản thân, hoàn thiện nhân cách.

Giáo dục hiện đại ngày nay là quá trình tự giáo dục, SV TP.HCM vừa là đối tượng, đồng thời cũng là chủ thể trực tiếp của quá trình tự giáo dục, đây là cách thức mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất. Họ là một bộ phận xã hội đặc thù, đang theo học ở các trường cao đẳng, ĐH với đa dạng loại hình đào tạo khác nhau. Trong phạm vi luận án, chúng tôi giới hạn chỉ nghiên cứu những SV trình độ ĐH chính quy có độ tuổi trung bình từ 18 đến 25 tuổi ở các trường ĐH trên địa bàn TP.HCM. Ngoài những đặc điểm chung của SV Việt Nam, SV TP.HCM có một số đặc điểm riêng như sau:

Thứ nhất, SV TP.HCM là những người năng động, sáng tạo, hăng hái, tiên phong trong các phong trào SV ở Việt Nam

TP.HCM là nơi tập trung nhiều trường ĐH lớn của khu vực phía Nam và cả nước. Hiện nay, trên địa bàn có 60 trường ĐH và học viện, chiếm 24.8% các trường ĐH trên cả nước [83, tr.796]. SVCTĐH ở TP.HCM chiếm số lượng đông đảo trong xã hội. TP.HCM có số SV và giảng viên đứng thứ hai cả nước, sau thủ đô Hà Nội, cụ thể năm 2019 có 520.981 SV, chiếm 31,2% và 17.921 giảng viên, chiếm 24,5%

cả nước; Năm 2020 có 599.782 SV, chiếm 31,5% và 17.921 giảng viên, chiếm 24,5% cả nước [83, tr.800-802].

SVCTĐH ở TP.HCM đến từ nhiều vùng miền khác nhau trên cả nước, nhưng chủ yếu từ các tỉnh thuộc đồng bằng Sông Cửu Long. Trải qua hơn 300 năm vất vả, cơ cực, những người dân nơi đây đã xây dựng nên một vùng đất trù phú với những con người mang đậm chất “Nam bộ” đó là năng động, phóng khoáng, dễ thích nghi với cái mới, dám vượt qua những tư duy hạn hẹp, những lề thói trói buộc, những khó khăn, trở ngại để có cuộc sống ấm no, thoải mái nhất. SV được nuôi dưỡng những phẩm chất đó từ người thân, gia đình, quê hương. Khi đến với TP.HCM - trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa lớn nhất phía Nam, họ có cơ hội thể hiện sự sáng tạo, năng động trong học tập cũng như các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội. SV TP.HCM luôn tự hào là lực lượng đi đầu trong các hoạt động phong trào thời kỳ xây dựng và bảo vệ đất nước. Các phong trào tiêu biểu được SV TP khởi nguồn phát động như Ánh sáng văn hóa hè (1990), Ngày Chủ Nhật xanh (1994), Mùa hè xanh (1997), Tiếp sức mùa thi (1997), phong trào “SV 3 tốt” (2001) (sau này HSV Việt Nam kế thừa và phát triển thành cuộc vận động “SV 5 tốt”), Xuân tình nguyện (2005), Chiến dịch Hành quân xanh (2007)... và nhiều mô hình, ý tưởng sáng tạo khác đã được nhân rộng, lan tỏa đến thanh niên, SV ở tất cả các tỉnh thành của Tổ quốc. Các trong trào này nói lên phẩm chất năng động, sáng tạo đặc trưng của SV TP.HCM, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của TP. SV TP luôn là ngọn cờ đầu, là lực lượng xung kích trong các phong trào ĐTN và HSV Việt Nam phát động. Số lượng đạt danh hiệu “SV 5 tốt” ngày càng tăng, TP.HCM luôn là đơn vị dẫn đầu cả nước về số lượng SV 5 tốt và tập thể SV 5 tốt từ cấp trường cho đến cấp Trung ương. Trong nhiệm kỳ 2020-2023, tổng số ngày tình nguyện của SV đạt 10.997.478 ngày; 54.066 ngày thứ bảy tình nguyện, chủ nhật xanh được tổ chức với 527.324 SV tham gia; có hơn 740 đợt hiến máu với 295.210 lượt SV tham gia. Hàng năm có hơn 30.000 SV tham gia chiến dịch Xuân tình nguyện... [14, tr.30 -37]. Đây là thành quả rất đáng tự hào về thế hệ trẻ TP.HCM.

Thứ hai, SV có tư duy độc lập, tự chủ, bản lĩnh, coi trọng giá trị bản thân

TP.HCM là trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học công nghệ nên SV có nhiều cơ hội học tập, làm việc, giao lưu và có thể dễ dàng chủ động trong việc tìm kiếm thông tin, khám phá những lĩnh vực quan tâm. Đồng thời, với phương pháp, hình thức học tập phù hợp với đào tạo tín chỉ, SV được khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo, đưa ra quan điểm, ý kiến riêng. Với môi trường học tập năng động, văn minh, hiện đại bậc nhất của Việt Nam, SV phải tự quản lý thời gian, công việc và đưa ra những quyết định trong cuộc sống, học tập hàng ngày. Bên cạnh đó, TP.HCM là xứ sở phồn hoa, sôi động, địa điểm ăn chơi, mua sắm đầy hấp dẫn - với môi trường sống đa dạng, phức tạp, đầy cạm bẫy, SV phải tự chủ, bản lĩnh đối mặt với những khó khăn, thách thức để đạt mục tiêu đặt ra. Họ coi trọng giá trị bản thân, tự tin vào khả năng của mình. Để phát huy tối đa và chứng minh giá trị bản thân, họ phải tự trang bị kỹ năng, kiến thức, trải nghiệm thông qua những hoạt động bên ngoài giảng đường như tham gia các câu lạc bộ, tổ chức xã hội và hoạt động tình nguyện.

Thứ ba, SV có lòng yêu nước nồng nàn, giàu lòng nhân ái

SVCTĐH tại TP.HCM sinh ra lớn lên ở những vùng đất giàu truyền thống yêu nước. Họ lại được quy tụ học tập ở TP mang tên Bác – TP.HCM, nơi có phong trào đấu tranh mạnh mẽ của học sinh, nhân sĩ, trí thức yêu nước trong kháng chiến chống Pháp, Mỹ với những tên tuổi đời đời Tổ quốc ghi công như Trần Văn Ôn, Quách Thị Trang, Lê Văn Ngọc, Trần Bội Cơ.... Tiếp nối truyền thống các thế hệ SV Sài Gòn – Gia Định xưa, SV TP.HCM hôm nay luôn thể hiện tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc qua ý thức công dân và sự quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, pháp luật, đặc biệt quan tâm đến hiện trạng môi trường của TP và sẵn sàng đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển TP nói riêng và đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa nói chung. Lòng yêu nước của SV phần nào thể hiện qua tình yêu thiên nhiên, ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ, gìn giữ và tôn trọng đất đai, sông ngòi, rừng biển và các tài nguyên thiên nhiên khác, vì tự nhiên không chỉ là tài sản quý báu mà còn là biểu tượng của quê hương và nguồn sống của con người. Xuất phát từ tình yêu TP.HCM, các đội, nhóm hoạt động bảo vệ môi trường của các bạn trẻ đã ra đời. Những hoạt động bảo vệ môi trường của nhóm Sài Gòn Xanh, Gen Xanh... đã tạo nên một làn sóng đánh thức tình

thần bảo vệ môi trường sống trong cộng đồng, lan tỏa sức nóng đến các địa phương khác trong cả nước. SV TP.HCM là những tấm gương sáng đầy nhiệt huyết, trách nhiệm trong hoạt động bảo vệ môi trường vì một TP văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

Thứ tư, SV có những phẩm chất đặc trưng của người dân Nam Bộ

SV TP.HCM đa dạng về thành phần xuất thân, tôn giáo, dân tộc. Họ mang theo những giá trị văn hóa từ quê hương mình về quy tụ lại ở TP.HCM. Khu vực Nam Bộ là vùng đất được thiên nhiên ưu đãi với địa hình không phức tạp và khí hậu, thổ nhưỡng ôn hòa ẩm áp quanh năm, ít bão đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế.... Chính điều này đã hình thành nên tính cách hào sảng, bao dung, “ăn to nói lớn”, thẳng thắn, bộc trực của người dân nơi đây. Vì vậy, con em của họ là những SV TP.HCM rất trọng nghĩa tình, hào hiệp, thẳng thắn, luôn thể hiện lòng biết ơn với quê hương, đất nước. Đây là những phẩm chất mang tính đặc trưng, tiêu biểu của người dân TP.HCM nói chung, SV nói riêng. Nhờ mang trong mình những phẩm chất này mà SV luôn sẵn sàng khởi xướng và tham gia tích cực các hoạt động vì cộng đồng, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Bên cạnh những đặc điểm tích cực trên, TP.HCM vẫn còn một bộ phận SV thiếu ý thức học tập, không có khát vọng chinh phục tri thức. SVCTĐH ở TP.HCM chủ yếu đến từ các tỉnh thành khác. Họ chưa thích nghi với môi trường sống nhộn nhịp, năng động của TP trong thời gian đầu nên dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, sa ngã vào những tệ nạn xã hội, những thói hư tật xấu. Đồng thời, mặt trái của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế đã sản sinh ra một bộ phận không nhỏ SV chạy theo lối sống thực dụng, coi trọng giá trị vật chất, ăn chơi, đua đòi, không có thái độ, động cơ học tập đúng đắn. Số lượng SV vi phạm quy chế, không đạt kết quả học tập và rèn luyện, bị buộc thôi học diễn ra phổ biến những năm gần đây ở tất cả các trường ĐH trên địa bàn. Năm học 2021-2022, trường ĐH Tài chính – Marketing buộc thôi học 123 SV [89], cảnh báo kết quả học tập 323 SV [90]. Trong năm học 2021-2022, trường ĐH Nông lâm TP.HCM cảnh báo học vụ 157 SV và buộc thôi học 51 SV [107]. Năm học 2019-2020, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM quyết định cảnh cáo học vụ 113 SV, buộc thôi học 144 SV [87]. Vì

SV thiếu ý thức học tập, không có khát vọng chinh phục tri thức dẫn đến lối sống buông thả, ích kỷ, không nhận thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, thiếu tinh thần cộng đồng, không tham gia vào các hoạt động xã hội (trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường). Vì vậy, để xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực đủ tài và đức, hồng và chuyên thì chúng ta cần tiến hành giáo dục, trong đó có GDĐĐST cho đối tượng trẻ này.

2.3. Những nhân tố tác động đến giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

2.3.1. Điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường thành phố Hồ chí Minh

** Điều kiện tự nhiên, xã hội của TP.HCM*

Vị trí địa lý: TP.HCM là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước. TP có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa. TP.HCM nằm ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á. TP là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong vùng, là cửa ngõ quốc tế sôi động bậc nhất cả nước và nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Sự ưu đãi về vị trí địa lý đã thúc đẩy các hoạt động kinh tế và thương mại, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tạo điều kiện cho việc trao đổi, giao lưu văn hóa Đông – Tây, tiếp thu, hội nhập với tinh hoa của nền văn hóa thế giới và giá trị văn hóa của thời đại, làm phong phú thêm nền văn hóa địa phương. Điều này đã tạo cơ hội cho TP phát triển mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, TP.HCM đã trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút nguồn nhân lực từ khắp mọi miền đất nước và quốc tế đến học tập, làm việc, trong đó có SV.

Điều kiện tự nhiên, khí hậu: Địa hình TP.HCM phần lớn bằng phẳng. Khí hậu mang tính chất cận xích đạo nên nhiệt độ cao, khá ổn định trong năm. Với địa hình không phức tạp và khí hậu, thổ nhưỡng ôn hòa ẩm áp quanh năm đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp, thủy sản cùng với nền “văn hóa lúa nước”. Do điều kiện canh tác lúa nước và làm hoa màu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên nên người dân bao đời sống gắn bó, hòa hợp, gần gũi với thiên nhiên,

trân quý, biết ơn thiên nhiên, ý thức sinh thái môi trường cũng hình thành và phát triển. Bên cạnh đó, với hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc, nối liền với đồng bằng sông Cửu Long nên TP.HCM chịu ảnh hưởng của nền văn minh sông nước. Sự phóng khoáng của thiên nhiên vùng đất Nam Bộ đã ảnh hưởng đến lối sống, văn hóa của người dân nơi đây. Thiên nhiên rộng lớn, bao la hình thành nên tính cách phóng khoáng, hào sảng, thân thiện, lối sống tự do, linh hoạt, thích ứng nhanh với các thay đổi về môi trường của người dân. Tuy nhiên, quá trình hội nhập đã tạo nên sự đặc biệt trong văn hóa so với đồng bằng sông Cửu Long, khiến cấu trúc văn hóa “làng” của địa phương thay đổi về các phương diện ăn - mặc - ở - đi lại. Tất cả những điều trên tác động đến lối sống, ý thức ĐĐST của SVCTĐH ở TP.HCM.

Đặc điểm dân cư: TP.HCM là nơi gắn kết, sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc ở Việt Nam và cả các quốc gia khác. Năm 2021, dân số của TP.HCM là 9.16 triệu người [27, tr.36]. TP.HCM đang ở thời kỳ cơ cấu dân số vàng, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội như thị trường tiêu thụ lớn, lao động dồi dào, thu hút doanh nghiệp đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm cho người dân. Dân số đông, mật độ dân số cao, hội tụ của những người dân tứ xứ về lập nghiệp tạo nên môi trường đa văn hóa và sự giao lưu, hòa nhập giữa các cộng đồng dân tộc ở trong và ngoài nước. SV có cơ hội tận hưởng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giáo dục đa dạng. Sự đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ, lối sống của TP tạo môi trường học thuật và xã hội phong phú, tạo điều kiện cho quá trình giao lưu, hòa nhập và phát triển cá nhân, kết hợp với cơ sở vật chất khang trang, hệ thống giáo dục phát triển hiện đại, SV có cơ hội tiếp xúc và học hỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Tuy nhiên, dân số tăng nhanh, bình quân 5 năm tăng thêm 01 triệu người nên TP.HCM cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn như áp lực về cơ sở hạ tầng, giao thông ùn tắc; hệ thống điện, thực phẩm, giáo dục, dịch vụ chăm sóc sức khỏe không đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt của số lượng dân cư quá lớn; thiếu không gian xanh; tình trạng ô nhiễm môi trường và tệ nạn xã hội gia tăng... Thực trạng này làm tăng cường sự nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường và tính cấp thiết cần GDĐST cho người dân, trong đó có đội ngũ SV.

Quá trình đô thị hóa: Cùng với những thành tựu đạt được trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, TP cũng đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tốc độ đô thị hóa nhanh chóng. Đô thị hóa là quá trình tất yếu của Việt Nam nói chung, TP.HCM nói riêng. Từ những năm đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, TP bắt đầu công cuộc đô thị hóa. Trải qua hơn 30 năm, bộ mặt nơi đây đã thay đổi đó là sự phát triển kinh tế, phát triển hạ tầng, công nghệ, tạo công ăn việc làm, tăng các tiện ích, dịch vụ, tạo điều kiện cho sự giao thoa và giao lưu văn hóa, xã hội giữa các cộng đồng dân cư... Tuy nhiên, tốc độ đô thị hóa tương đối nhanh khiến cho hệ thống cơ sở vật chất không đáp ứng đủ nhu cầu của số lượng cư dân đông đảo như vấn đề nhà ở, nước sạch, năng lượng, rác thải sinh hoạt... đây là nguyên nhân quan trọng gây nên tình trạng môi trường bị ô nhiễm. Đồng thời, trong quá trình đô thị hóa, TP mở rộng không gian đô thị dẫn đến giảm diện tích nông nghiệp, thay đổi cơ cấu sử dụng đất làm suy giảm đa dạng sinh học. Diện tích mặt nước giảm, diện tích cây xanh bị thu hẹp khiến cho không gian sống của các loài sinh vật bị ảnh hưởng. Đô thị hóa biến các vùng đệm sinh thái ở quận 2,7,9,12, huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh thành các vùng bê tông hóa. Cùng với việc khai thác cát bừa bãi ở sông Đồng Nai, sông Sài Gòn đã làm thay đổi dòng chảy, tạo các vòng xoáy dẫn đến xói lở và tình trạng nước ngập trong TP gia tăng [2, tr.524]. Nếu tất cả những vấn đề này không được giải quyết triệt để sẽ để lại hậu quả khôn lường cho sức khỏe của con người và môi trường, cho kinh tế - xã hội và sự phát triển bền vững của TP. Bên cạnh đó, đô thị hóa góp phần vào việc thay đổi lối sống, trong đó có cả cách hành xử không thân thiện với môi trường của người dân nói chung, SV nói riêng.

Tóm lại, những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và xã hội nêu trên có tác động không nhỏ đến công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

*** *Đặc điểm môi trường của TP.HCM hiện nay***

Cùng với quá trình phát triển của đất nước, TP.HCM không ngừng mở rộng quy mô phát triển các lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ,... Kinh tế phát triển nên TP có điều kiện chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, cải tạo môi trường với nhiều dự án mang lại diện mạo mới như cải tạo kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè, cải

thiện môi trường nước lưu vực kênh Tàu Hủ – Bến Nghé – Kênh Đôi – Kênh Tẻ... Đây là sự nỗ lực, quyết tâm và cũng là minh chứng cho ý thức bảo vệ môi trường của chính quyền và nhân dân TP.HCM. Tuy nhiên, do sức ép về dân số, vấn đề di cư và quá trình đô thị hóa khiến gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí, nước, đất, tiếng ồn... Với khoảng hơn 9 triệu dân, mỗi ngày TP thải vào nguồn tiếp nhận lượng nước thải sinh hoạt tương ứng khoảng 1.451.000 m³/ngày [76, tr.22]. Bên cạnh đó, còn có nước thải từ hoạt động công nghiệp với nồng độ các chất độc hại cao. Đồng thời, hoạt động giao thông cũng là nguồn phát thải lớn nhất các chất gây ô nhiễm không khí của toàn TP. Ngoài ra, lượng rác thải, khí thải từ lĩnh vực nông – lâm nghiệp và thủy sản; hoạt động y tế, hoạt động du lịch, dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu... đều tăng nhanh gây ô nhiễm môi trường.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, lượng chất thải rắn của TP.HCM không ngừng gia tăng. Ước tính khối lượng chất thải rắn phát sinh mỗi ngày khoảng 9.000 – 9.500 tấn/ngày [76, tr.96]. Với số lượng chất thải rắn lớn như vậy, nhưng TP.HCM chưa có các cơ sở tái chế chất thải rắn ở quy mô lớn. Tỷ lệ chất thải rắn được chôn lấp là 6.200 tấn/ngày (chiếm 69% khối lượng chất thải rắn/ngày), với tỷ lệ sử dụng công nghệ chôn lấp cao như vậy sẽ gây ô nhiễm thứ phát đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ô nhiễm nguồn nước, không khí, TP.HCM còn phải đối mặt với nhiều vấn đề ô nhiễm khác như ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm ánh sáng; hiện tượng biến đổi khí hậu,... Trên đây là những hậu quả từ những hoạt động thiếu ĐĐST của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân mà người dân phải gánh chịu. Thực trạng môi trường đang diễn ra cho thấy thực trạng ĐĐST của địa phương còn nhiều vấn đề tồn tại cần giải quyết.

TP.HCM đang phải đối mặt với những thách thức từ biến đổi khí hậu. Theo Công ước khung của Liên Hợp Quốc: “Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu do tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của các hoạt động của con người làm thay đổi thành phần khí quyển toàn cầu bên cạnh những biến đổi tự nhiên của khí hậu được quan sát trên một chu kỳ thời gian dài” [26, tr.136]. Như vậy, biến đổi khí hậu toàn cầu chủ yếu do hai nguyên nhân là sự biến đổi các yếu tố tự nhiên và các hoạt động

của con người. Vấn đề biến đổi khí hậu những năm gần đây diễn ra rất phức tạp, gia tăng các loại hình thiên tai, điển hình là bão, lốc xoáy, mưa lớn, ngập úng thường xuyên trong TP, triều cường, nắng nóng và tình trạng hạn hán kéo dài, sạt lở ở huyện Nhà Bè, huyện Bình Chánh, TP Thủ Đức, xói mòn và xâm thực ở Cần Giờ, tình trạng xâm nhập mặn trên các tuyến sông, kênh, rạch... ảnh hưởng đến nông nghiệp, năng lượng, công nghiệp, thương mại, xây dựng, giao thông... Sự biến đổi khí hậu nêu trên ảnh hưởng đến việc xây dựng nội dung các chuẩn mực ĐĐST cho SV trên địa bàn.

Những dự báo về môi trường thời gian gần đây, đặc biệt là thông tin của tổ chức khoa học Climate Central (Mỹ) cảnh báo về tình trạng sụt lún, nước biển dâng có thể nhấn chìm TP.HCM vào năm 2050 do biến đổi khí hậu. Đây là kết quả dự tính của Climate Central dựa trên số liệu quy mô toàn cầu nên độ chính xác chưa cao. Tuy nhiên, nó cũng là một cảnh báo đáng lo ngại, cần được quan tâm. Thực tế, mực nước biển dâng ở TP.HCM vào khoảng 2-4mm/năm, đến năm 2030 mực nước biển tăng khoảng 7.5cm và đến 2050 là 13,5 cm [100]. Tình trạng ngập lụt diễn ra ngày càng nghiêm trọng, nếu mực nước biển dâng 100cm thì Đồng bằng sông Cửu Long có nguy cơ ngập cao nhất cả nước (47,29%); TP.HCM có nguy cơ ngập khoảng 17,15% diện tích TP [24, tr.12]. Thực trạng trên cho thấy, TP.HCM và các tỉnh phía Nam cần đưa ra những chiến lược, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Ứng phó với biến đổi khí hậu, phục hồi, bảo vệ tự nhiên phải được ưu tiên trong mọi quyết sách phát triển, là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân.

Như vậy, hiện trạng môi trường TP.HCM đang ở mức báo động, tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng diễn ra ở tất cả các lĩnh vực. Thực trạng này cảnh báo con người cần phải hành động ngay để sớm khắc phục ô nhiễm, bảo vệ môi trường, đồng thời cũng thấy được thực trạng công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các cơ quan, đơn vị, cá nhân chưa thực sự hiệu quả. Có rất nhiều nguyên nhân gây nên tình trạng suy thoái môi trường TP.HCM, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do một bộ phận không nhỏ cơ quan, doanh nghiệp, người dân chưa nhận thức đúng đắn sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sinh thái. Để môi trường được cải thiện cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp, nhưng quan trọng hàng đầu là phải nâng cao ý thức, trách nhiệm

của người dân, trong đó có SV đối với môi trường sinh thái. Bởi con người là tác nhân chủ yếu gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường và chỉ con người mới có thể cải thiện, thay đổi điều đó. Thực trạng này, đặt ra một yêu cầu cần thiết phải nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho người dân nói chung, cho SVCTĐH tại TP.HCM nói riêng.

2.3.2. Kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ

**** Tác động của nền kinh tế thị trường ở TP.HCM***

Sau Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986, TP.HCM cùng với cả nước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với sự quyết đoán của Chính phủ, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của chính quyền và nhân dân, TP.HCM đã có những thành tựu quan trọng, luôn là đầu tàu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tiếp tục giữ vững vị trí đứng đầu kinh tế của cả nước. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có tác động phức tạp với hai chiều hướng tích cực và tiêu cực đến GDĐĐST cho SV cụ thể:

Nhờ đi theo đúng đường lối của Đảng, trong vài thập niên gần đây, nền kinh tế TP.HCM đã đạt được mức tăng trưởng nhanh làm cho đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Con người có điều kiện phát triển toàn diện. Tính đến 2022 TP có 17 khu chế xuất, khu công nghiệp, một khu công nghệ cao... Điều này mang lại nhiều cơ hội việc làm và phát triển doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho SV sau khi tốt nghiệp. Chính vì vậy, TP thu hút hàng nghìn SV đến học tập, sinh sống. Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỷ trọng kinh tế TP đóng góp trên 22,2% kinh tế cả nước, GDP đầu người tăng liên tục qua các năm, bình quân gấp 2,4 lần so với cả nước [38, tr.94]. Kinh tế phát triển, thu nhập của người dân tăng lên, họ có cơ hội học tập, trau dồi nâng cao trình độ. Các gia đình có điều kiện cho con em đi học. Sự phát triển này có tác động mạnh mẽ đến giáo dục nói chung, GDĐĐST cho SV nói riêng. Mặt khác, kinh tế phát triển là tiền đề quan trọng để người dân, trong đó có SV nhận thức ngày càng sâu sắc về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường sinh thái. Người dân tăng nhu cầu sử dụng những sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường dẫn đến sự phát triển của các ngành công nghiệp, dịch vụ, công nghệ mới tập trung vào tính bền vững. Vì vậy, ngày càng nhiều doanh nghiệp và các

tổ chức xã hội đầu tư cho hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường. Điều này đã tạo cơ hội cho SV theo đuổi sự nghiệp trong các lĩnh vực môi trường.

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng bộ TP.HCM xác định nhiệm vụ: “phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo... phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh” [38, tr.307], tích hợp tăng trưởng xanh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, huy động mọi nguồn lực tài chính thúc đẩy cho tăng trưởng xanh. Vì vậy, chuyển đổi xanh sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp TP.HCM vượt qua thử thách, nâng cao năng lực và thương hiệu, bắt kịp sự phát triển của thế giới. Năm 2023, TP có hơn 90 doanh nghiệp đạt tiêu chí “Doanh nghiệp xanh” như Vina CHG, Bidrico, Saigon Co.op,... Những doanh nghiệp này nhận thức ngày càng tăng về nhu cầu cân bằng giữa lợi nhuận doanh nghiệp với bảo vệ môi trường. Quá trình chuyển đổi xanh của các doanh nghiệp sẽ cần đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực chuyên môn và hiểu biết về môi trường. Do vậy, GDĐĐST trở thành một yêu cầu tất yếu đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Đồng thời, khi kinh tế phát triển ổn định, chính quyền TP đưa ra nhiều chính sách, kế hoạch tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường, cung cấp nguồn tài chính để phát triển kinh tế bền vững, tăng ngân sách nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường (trong đó có GDĐĐST) cụ thể: năm 2018 (2.487.735 tỷ đồng), năm 2019 (6.077.308 tỷ đồng), năm 2020 (6.153.685 tỷ đồng); năm 2021 (6.247.909 tỷ đồng) [76, tr.134]. Sự gia tăng ngân sách đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường tăng liên tục qua các năm cho thấy chính quyền TP đang ngày càng chú trọng hơn đến công tác bảo vệ môi trường, cải thiện chất lượng sống cho người dân.

Bên cạnh những tác động tích cực, kinh tế thị trường cũng gây ra những áp lực không nhỏ đối với công tác GDĐĐST. Nền kinh tế thị trường nhấn mạnh vào mục đích tăng trưởng kinh tế và lợi nhuận nên một bộ phận không nhỏ doanh nghiệp có xu hướng thường tập trung vào vấn đề thu lợi nhuận tối đa, ưu tiên lợi ích ngắn hạn, quên đi lợi ích chung của cộng đồng, bỏ qua các hoạt động xã hội, đạo đức và bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất. Họ coi điều kiện tự nhiên môi

trường là một tài sản để khai thác tìm kiếm lợi nhuận, tạo ra ảnh hưởng tiềm ẩn đối với nguồn lực tài nguyên, suy thoái môi trường. Một bộ phận doanh nghiệp thường xuyên sử dụng những thủ đoạn trái lương tâm, đạo đức nhằm tối đa hóa lợi nhuận như gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng, tiết kiệm chi phí bằng cách xả thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước, đất, không khí. Năm 2021, các cơ quan có thẩm quyền ban hành xử phạt vi phạm hành chính 200 vụ vi phạm pháp luật môi trường với tổng số tiền phạt là 16.672.000.000 đồng, thu nộp ngân sách 12 tỷ đồng [76, tr.137]. Điều này gây khó khăn trong việc xây dựng các giá trị đạo đức và tôn trọng môi trường trong xã hội.

Kinh tế thị trường tác động làm thay đổi cơ bản định hướng và lựa chọn giá trị trong nhân cách và đời sống của SV. Họ có nhiều cơ hội tiếp cận với những ngành nghề mới. Họ sẽ lựa chọn công việc phù hợp với chuyên môn, năng lực, sở trường của mình. Trong môi trường cạnh tranh khốc liệt của thị trường lao động, SV TP có xu hướng tập trung vào học những chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, những kỹ năng nghề nghiệp mà ít chú ý, ít quan tâm đến giáo dục đạo đức và giá trị sinh thái. Đồng thời, nhiều trường ĐH trên địa bàn cũng tập trung nhiều vào việc đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, xem nhẹ giáo dục đạo đức. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng GDĐĐST cho SV TP.HCM hiện nay.

Kinh tế thị trường dẫn đến hiện tượng phân hóa sâu sắc về thu nhập và lợi ích trong xã hội. Khuyết tật này của kinh tế thị trường dẫn đến một bộ phận người dân rơi vào tình trạng bị bỏ quên. Năm 2022, TP còn 21.315 hộ nghèo (chiếm 0.84%) và 18.070 hộ cận nghèo (chiếm 0.71% tổng hộ dân TP) [92, tr.31]. Những dân cư nghèo sẽ bị thiệt thòi trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, dịch vụ sản xuất, các nguồn tín dụng, pháp luật và chưa được bảo vệ quyền lợi về môi trường. Phần lớn họ sống ở những tuyến kênh, rạch như kênh Đôi, Kênh Tẻ, rạch Xuyên Tâm ở quận Bình Thạnh, khu vực ven sông thuộc quận 4, quận 6, quận 7, quận 8, huyện Nhà Bè hoặc những “khu ổ chuột” như Mả Lạ. Họ bị rơi vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo và thảm họa môi trường. Vì vậy, họ không có đủ trình độ hiểu

biết, thời gian, công sức và sự quan tâm để giáo dục con em mình về vấn đề ĐĐST. Đây là một lực cản lớn đối với công tác GDĐĐST cho SV đang sinh sống trên địa bàn.

** Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế*

Toàn cầu hóa đang diễn ra trên khắp thế giới, nó là quá trình gia tăng liên kết và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên quy mô toàn cầu. Nó thể hiện sự tương tác và kết nối ngày càng sâu rộng trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã trở thành tất yếu với đất nước ta. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và hoàn thiện nhân cách mới cho SV TP.HCM hiện nay. Quá trình hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho SV giới thiệu, quảng bá những giá trị đạo đức dân tộc nói chung, ĐĐST nói riêng đến với bạn bè quốc tế giúp lan tỏa và phát triển các giá trị văn hóa dân tộc. Đồng thời, nền văn hóa dân tộc có cơ hội phát triển sâu sắc, hoàn thiện hơn nhờ sự tiếp thu những giá trị tiến bộ, hiện đại của tinh hoa văn hóa thế giới. Đây là cơ sở định hướng các giá trị nhằm xây dựng lối sống mới cho SV, trong đó có nếp sống thân thiện với môi trường.

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế mở ra cơ hội cho các trường ĐH ở TP.HCM hợp tác, tạo môi trường học tập, nghiên cứu quốc tế cho SV và giảng viên. Hiện nay, TP có “163 chương trình liên kết với nhiều quốc gia hàng đầu; hơn 5.000 SV Việt Nam và 2.000 SV quốc tế đang theo học các chương trình quốc tế, hơn 1.500 lượt giảng viên quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu, giao lưu và học tập; có gần 900 hoạt động ký kết hợp tác với các tổ chức quốc tế trong 3 năm gần đây (2017-2020) [38, tr.222]. Nhiều trường ĐH ở TP đã ký kết thỏa thuận hợp tác với các trường ĐH quốc tế, tạo điều kiện cho người học tham gia chương trình trao đổi SV như trường ĐH Kinh tế TP.HCM, trường ĐH Nông Lâm TP.HCM... SV có thể học tập ở nước ngoài theo chương trình quốc tế trong một thời gian nhất định. Nhờ vậy, họ có những trải nghiệm thú vị, có cơ hội nâng cao kỹ năng, trình độ ngoại ngữ, tìm hiểu nhiều nền văn hóa khác nhau ở môi trường học tập mới, được tiếp cận với những phương pháp giảng dạy tiên tiến, kiến thức mới nhất về ĐĐST, đặc biệt ở những quốc gia chú trọng đến bảo vệ môi trường sinh thái với những tiêu chuẩn môi

trường, những kinh nghiệm trong nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh. Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho SV tham gia các hoạt động hợp tác, giao lưu với SV quốc tế hoặc tham gia các dự án, qua đó áp dụng những kiến thức được học vào thực tiễn, tăng khả năng giải quyết các vấn đề môi trường. Một số trường ĐH ở TP cũng thường hợp tác với các trường ĐH quốc tế trong nghiên cứu và trao đổi giảng viên như trường ĐH Mở TP.HCM, trường ĐH Y dược TP.HCM,... Nhờ vậy, giảng viên được tiếp cận với những tài liệu, phương pháp, kỹ thuật dạy học khác nhau từ khắp nơi trên thế giới để GDĐĐST hiệu quả hơn.

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế làm cho sự tác động của con người lên môi trường càng nghiêm trọng thông qua hoạt động kinh tế, chính trị, quân sự... Điều này làm tăng nhu cầu về GDĐĐST cho SV nhằm bảo vệ môi trường sống. Hội nhập quốc tế giúp cho vấn đề GDĐĐST mang tính toàn cầu. Nhờ sự kết nối, liên kết giữa các quốc gia, khu vực khác nhau ở trên thế giới mà GDĐĐST có cơ hội được phát triển toàn diện hơn, từ đó SV TP sẽ có môi trường học tập tốt hơn.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế cũng đặt ra những thách thức đối với công tác GDĐĐST. Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế tạo ra sự mất cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. TP.HCM đang phải đối mặt với những thách thức về ô nhiễm môi trường từ chính sự tăng trưởng kinh tế và quá trình đô thị hóa. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đến TP.HCM đã vi phạm pháp luật về môi trường như Chieh Lin Viet (Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi); Yujin Vina (Khu công nghiệp Linh Trung); Jin Kyong VN (Khu công nghiệp Lê Minh Xuân)... Những doanh nghiệp này xả thải vượt tiêu chuẩn, xử lý nước thải không đạt yêu cầu, không thực hiện đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường... gây bức xúc trong xã hội. Điều này ảnh hưởng đến các giá trị ĐĐST, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường của người dân nói chung, SV TP.HCM nói riêng.

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế có thể dẫn đến sự ảnh hưởng bởi những tập quán không bền vững và chủ nghĩa tiêu dùng có hại cho môi trường. Quá trình toàn cầu hóa khuyến khích sự phát triển của thời trang nhanh và tiêu dùng quá mức, thúc đẩy tiêu thụ tài nguyên, tạo ra khối lượng chất thải khổng lồ ở địa bàn TP. Xu hướng

này đặc biệt nổi bật ở giới trẻ - những người chịu ảnh hưởng bởi các giá trị và lối sống tiêu dùng phương Tây. Điều này dẫn đến lối sống thực dụng, sính ngoại thái quá của một bộ phận SV, ảnh hưởng đến giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng.

** Tác động của khoa học công nghệ*

Sự phát triển của khoa học công nghệ tác động rất lớn đến đời sống nói chung và công tác GDĐĐST nói riêng. TP.HCM là địa phương tiên phong trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã cung cấp nhiều công cụ, phương tiện hỗ trợ cho công tác GDĐĐST cho SV. Họ có cơ hội tiếp cận với các nguồn tài liệu, thông tin đa dạng về các vấn đề môi trường toàn cầu. Nhờ vậy, họ thấu hiểu hơn về thực trạng môi trường, nhận thức được vai trò quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường, đây là cơ sở để họ hình thành những hành vi sinh thái nhân văn.

Tuy nhiên, mặt trái của khoa học công nghệ cũng tác động đến GDĐĐST cho SV. Thời đại công nghệ thông tin có thể tạo ra những thế hệ phụ thuộc vào công nghệ, họ dành thời gian ở nhà và tham gia các hoạt động ảo nên sự tương tác giữa con người và tự nhiên bị hạn chế, SV sẽ khó thấy được sự gắn bó với tự nhiên dẫn đến thái độ thờ ơ, thiếu nhận thức về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. Đồng thời, khoa học công nghệ làm tăng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên thiếu bền vững dẫn đến môi trường tự nhiên bị phá hủy, các giá trị ĐĐST bị xem nhẹ, điều này gây khó khăn cho công tác GDĐĐST cho SV TP.HCM hiện nay.

2.3.3. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với GDĐĐST có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác GDĐĐST cho SV. Đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước quyết định đến chính sách GDĐĐST. Đảng và Nhà nước có thể xác định các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể cho GDĐĐST ở các trường ĐH thông qua các chủ trương, chính sách cụ thể. Không chỉ quyết định đến chính sách GDĐĐST, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước còn ảnh hưởng đến nội dung chương trình giáo dục và các chủ thể giáo dục. Nếu chủ trương của Đảng, chính sách của

Nhà nước ưu tiên đầu tư ngân sách, nguồn lực dành cho GDĐĐST, khuyến khích giảng dạy các vấn đề môi trường, các giá trị ĐĐST thì các trường ĐH sẽ đào tạo giảng viên và đưa nội dung này vào giảng dạy. Nhờ vậy, giảng viên sẽ có động lực quyết tâm hơn. Đồng thời, những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp, đúng đắn, kịp thời cùng với sự chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt sẽ thúc đẩy công tác GDĐĐST và ngược lại.

Trước những diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến những giải pháp bảo vệ môi trường, trong đó có GDĐĐST cho SV như Chỉ thị số 25/CT-TTg, ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường; Quốc hội ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, 2014, 2020... Tuy nhiên, bên cạnh việc ban hành những chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến GDĐĐST trong nhà trường, Đảng và Nhà nước chưa ban hành những đường lối, chính sách, pháp luật cụ thể về GDĐĐST cho SVCTĐH. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai và thực hiện công tác GDĐĐST cho SV. Khi không có chính sách và khung pháp lý cụ thể về GDĐĐST, các trường ĐH sẽ tiếp cận và triển khai chương trình giáo dục về môi trường bằng nhiều cách khác nhau. Điều này gây ra sự thiếu thống nhất trong nội dung, chương trình GDĐĐST cho SV. Vì vậy, để đảm bảo rằng GDĐĐST cho SV được triển khai hiệu quả và toàn diện trong hệ thống giáo dục ĐH, Đảng và nhà nước cần đưa ra chính sách, quy định cụ thể hơn.

Tại TP.HCM, Thành ủy luôn quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Thành ủy, UBND TP đã ban hành nhiều quyết định, chỉ thị yêu cầu các cơ quan, ban ngành, người dân thực hiện. Chỉ thị 23/2014/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý sử dụng và thải bỏ túi ni lông trên địa bàn TP.HCM. Các trường ĐH ở TP.HCM đã tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị 23 tới SV bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm giảm thiểu sử dụng túi ni lông. Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19/10/2018 về cuộc vận động “Người dân TP.HCM không xả rác ra đường và kênh rạch, vì TP sạch và giảm ngập nước”... Ngày 17/11/2021, UBND TP có Quyết định số 3907/QĐ-UBND về

Ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 trên địa bàn TP.HCM nhằm mục đích tuyên truyền, phổ biến Luật Bảo vệ môi trường đến nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân trong tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường. Đồng thời xác định nội dung công việc, trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan. Điều này thể hiện sự nhận thức sâu sắc của Đảng bộ và chính quyền TP trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, GDĐĐST nói riêng.

Tiểu kết chương 2

GDĐĐST cho SVCTĐH là một nội dung quan trọng hướng đến phát triển bền vững ở TP.HCM. Giáo dục ĐĐST cho SV bao gồm các yếu tố cơ bản: chủ thể giáo dục, nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục. Đứng trước nhiệm vụ cấp thiết phải khắc phục tình trạng môi trường TP.HCM đang bị ô nhiễm, suy thoái nghiêm trọng, GDĐĐST góp phần xây dựng nhân cách SV phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển; hướng SV đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người - tự nhiên; góp phần truyền lại cho SV những chuẩn mực giá trị ĐĐST truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị ĐĐST của nhân loại trong bối cảnh quốc tế hiện nay.

Để phát huy vai trò của công tác GDĐĐST, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể giáo dục thực hiện hiệu quả, luận án tập trung làm rõ hai nội dung cơ bản là giáo dục ý thức ĐĐST (tri thức, tình cảm, niềm tin ĐĐST) và giáo dục chuẩn mực, hành vi ĐĐST. Trên cơ sở làm sáng tỏ vai trò, nội dung, hình thức và phương pháp GDĐĐST, chúng tôi phân tích những nhân tố tác động đến công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM: điều kiện tự nhiên, xã hội, môi trường TP.HCM sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ; quan điểm của Đảng và Nhà nước về GDĐĐST cho SV. Việc nghiên cứu các nhân tố tác động tới công tác GDĐĐST cho SV có ý nghĩa trong việc phân tích thực trạng và đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM trong thời gian tới.

Chương 3

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thành tựu trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và nguyên nhân

3.1.1. Thành tựu trên phương diện giáo dục ý thức và hành vi đạo đức sinh thái

Quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến GDĐĐST, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra Chỉ thị số 02/2005/CT-BGD&ĐT ngày 31/01/2005 “*Về việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường*”, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trong cả nước tổ chức triển khai những nhiệm vụ về giáo dục bảo vệ môi trường và thực hiện tốt các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường” [23, tr.1]. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát chương trình đào tạo của 06 trường ĐH được xác định trong phạm vi nghiên cứu ở TP.HCM hiện nay, trong đó có cả những trường đào tạo khối ngành về môi trường thì thấy rằng ở tất cả các trường ĐH đều chưa có môn ĐĐST hay GDĐĐST trong chương trình đào tạo ĐH và sau ĐH. Tuy nhiên, thông qua một số học phần liên quan đến những vấn đề môi trường của các trường thì nội dung, chương trình GDĐĐST cũng được thể hiện ra. Thông qua các môn học có nội dung ĐĐST, bước đầu công tác GDĐĐST đạt được những kết quả nhất định:

Về giáo dục ý thức ĐĐST

****Trang bị tri thức ĐĐST***

Ý thức ĐĐST giúp xây dựng tư duy và hành động hướng tới bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái. Ý thức sinh thái sẽ chỉ đạo hoạt động thực tiễn của SV, giúp họ xác định được những hành vi thiện trong mối quan hệ với tự nhiên. Hay nói khác đi, khi SV có ý thức ĐĐST đúng đắn thì họ sẽ có những hành vi sinh thái tích cực. Kết quả phỏng vấn cho biết, 80% cán bộ quản lý và giảng viên khẳng định, nội

dung giáo dục ý thức ĐĐST cho SV là quan trọng nhất. Thông qua việc lồng ghép với những môn học trong chương trình đào tạo, thời gian qua, SV được tiếp cận những tri thức ĐĐST cơ bản. Điều này thể hiện sự quyết tâm của các trường ĐH trong việc trang bị tri thức ĐĐST đa dạng cho SV. Khảo sát 6 trường ĐH, chúng tôi thu được kết quả như sau: 16,0% SV được giới thiệu về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường, hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái, nguyên tắc phát triển bền vững; 22,1% SV biết về thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường, hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái; 17,8% SV được trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường. SV được giới thiệu về những giá trị ĐĐST truyền thống của dân tộc (11,3%), SV được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của Thành ủy, UBND TP.HCM về vấn đề môi trường (16,8%) [PL3, Bảng 3.3]. Với tỷ lệ 96,6% SV được trang bị ít nhiều những tri thức đạo đức sinh thái nêu trên có thể thấy rằng phần lớn SV đã được tiếp cận nội dung này trong quá trình học tập. Điều này chứng tỏ nhiều trường ĐH ở TP đang nỗ lực trong việc tích hợp giáo dục đạo đức sinh thái vào chương trình giảng dạy của mình. Việc trang bị những kiến thức liên quan đến môi trường và hệ sinh thái cho SV là một bước quan trọng để họ nhận biết và hiểu rõ những vấn đề môi trường cũng như những khó khăn, thách thức đang diễn ra. Tri thức ĐĐST không chỉ là cơ sở cho quá trình hình thành tình cảm, niềm tin đối với môi trường mà còn là động lực thúc đẩy những hành vi bảo vệ môi trường của SV.

Ở nội dung này, chúng tôi cũng tiến hành đánh giá theo khối ngành đào tạo nhận thấy, SV khối ngành môi trường được trang bị nhiều kiến thức, thông tin về môi trường, sinh thái, kỹ năng bảo vệ môi trường nhiều hơn, sau đó đến khối ngành khoa học xã hội và sư phạm, cuối cùng là khối ngành kỹ thuật, kinh tế [PL3, Bảng 3.18]. Thực tế này có thể do chương trình và mục tiêu đào tạo ở mỗi trường ĐH không giống nhau nên nội dung giáo dục tri thức ĐĐST ở các khối ngành là khác nhau. Khối ngành môi trường SV tiếp thu ĐĐST ở các môn cơ sở ngành, chuyên ngành, các hoạt động ngoại khóa nên kiến thức của họ ở lĩnh vực này sâu sắc hơn. Khối ngành khoa học xã hội, sư phạm thường có sự giao thoa giữa các lĩnh vực như

xã hội học, kinh tế học, chính trị học... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tích hợp kiến thức về ĐĐST vào các chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, hai khối ngành này thường khám phá mối quan hệ phức tạp giữa con người và môi trường tự nhiên từ các góc nhìn khác nhau như văn hóa, đạo đức... nên SV có cơ hội tiếp cận với vấn đề môi trường nhiều hơn. Điều này cũng thể hiện sự nhận thức, nỗ lực, tinh thần trách nhiệm của giảng viên đã tích cực trong việc lồng ghép kiến thức về môi trường sinh thái cho SV.

Trong quá trình học tập, SV cũng được nhà trường trang bị các quyền về môi trường của con người và trách nhiệm môi trường cá nhân. Tiến hành khảo sát theo năm học, chúng tôi thu được kết quả tích cực, số lượng SV năm thứ ba và SV năm thứ tư được giới thiệu về quyền được sống trong môi trường trong lành, quyền tham gia quyết định các vấn đề môi trường, trách nhiệm giám sát xã hội đối với hoạt động bảo vệ môi trường nhiều hơn SV năm thứ hai và SV năm thứ nhất [PL3, Bảng 3.23 - 3.24]. Kết quả cho thấy chương trình giảng dạy ở các năm học tác động tích cực giúp SV nhận thức rõ hơn về quyền lợi, trách nhiệm của mình đối với môi trường. Đây cũng là minh chứng cho tầm quan trọng của GDĐĐST trong nhà trường. Việc nhiều trường ĐH trang bị cho nguồn nhân lực tương lai về quyền và nghĩa vụ môi trường là vô cùng cần thiết để phát triển tư duy và ý thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường, thúc đẩy nhận thức về trách nhiệm cá nhân và cộng đồng với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, góp phần quan trọng trong việc xây dựng một tương lai bền vững. Đồng thời, tăng cường giáo dục về các quyền và trách nhiệm môi trường cho SV năm thứ nhất và thứ hai giúp họ sớm hình thành ý thức bảo vệ môi trường.

Công tác giáo dục tri thức ĐĐST ở nhà trường đã thu được những kết quả nhất định, 38,6% SV được hỏi khẳng định hiểu rất tốt về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường, hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái, nguyên tắc phát triển bền vững, 36,8% SV còn phân vân về nội dung này; 55% SV hiểu rõ thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường, hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái, 33,5% SV còn phân vân nội dung này [PL3, Bảng

3.4]. Như vậy, phần lớn SV nắm rõ những tri thức, có hiểu biết về ĐĐST. Họ hứng thú với những tri thức về sinh thái và môi trường. Tuy nhiên, số lượng SV còn phân vân về kết quả đạt được với những tri thức ĐĐST còn khá cao. Điều này đòi hỏi các trường ĐH cần quan tâm xem xét nguyên nhân để có cái nhìn sâu sắc hơn về các thách thức trong quá trình giảng dạy. Đồng thời, khảo sát cũng cho thấy, một bộ phận lớn SV (58,1%) đã hiểu và hiểu rõ về mối quan hệ gắn bó, phụ thuộc lẫn nhau giữa con người và giới tự nhiên [PL3, Biểu đồ 3.7]. Mối quan hệ này là cơ sở cho việc phát triển ĐĐST. Khi SV nắm được vai trò của giới tự nhiên đối với sự tồn tại và phát triển của con người giúp họ trân trọng, bảo vệ và sống có trách nhiệm với việc duy trì sự cân bằng sinh thái.

Một trong những biểu hiện tích cực trong ý thức ĐĐST của SV thể hiện ở khía cạnh nhận thức của họ về vấn đề môi trường từng bước được nâng cao. Phần lớn họ thừa nhận quy mô ô nhiễm môi trường xảy ra ở tất cả các địa phương, khu vực trong cả nước, 88,1% SV cho rằng tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái ở nước ta thực sự là vấn đề nghiêm trọng cần phải khẩn trương hành động [PL3, Biểu đồ 3.3]. Đồng thời, đa số họ hiểu được nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái là do ý thức bảo vệ môi trường của con người chưa cao (24,4%), do hoạt động sản xuất xả rác thải ra môi trường (21,7%), do hoạt động sinh hoạt của con người (16,8%), do sự gia tăng dân số (13,3%), do sự tác động của các yếu tố tự nhiên (12,3%) và sự phân hủy xác các sinh vật sống (10,5%). Ngoài ra, có 1% SV đưa ra phương án trả lời khác như: con người chưa nhận thức được tính nghiêm trọng của vấn đề phải đối mặt trong tương lai; các biện pháp xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường chưa đủ sức răn đe và thực hiện nghiêm túc; các biện pháp xử lý, khắc phục môi trường chưa hiệu quả; chưa nhận thức đúng mối quan hệ giữa con người với tự nhiên; chưa nhận thấy được vai trò của môi trường sinh thái... [PL3, Biểu đồ 3.4]. Điều này thể hiện, phần lớn SV đã và đang quan tâm đến hiện trạng môi trường hiện nay. Đây là cơ sở để SV thay đổi nhận thức và hành động, thôi thúc họ tìm hiểu về quá trình xử lý và đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường.

Đa số SV đã nhận thức được công tác bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Có 21,6% SV cho rằng bảo vệ môi trường sinh thái không chỉ là trách nhiệm của các doanh nghiệp, các cơ quan môi trường, các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương, của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội... mà là của tất cả mọi người. Trong đó, bản thân SV cũng cần có trách nhiệm tham gia công tác này [PL3, Bảng 3.5]. Đây là nhận thức quan trọng, sâu sắc và toàn diện về trách nhiệm bảo vệ môi trường của SV. Với nhận thức tích cực này, họ sẽ chủ động tham gia vào công tác bảo vệ môi trường của TP.HCM và cả nước.

Có thể nói, tri thức của SV về vấn đề môi trường sinh thái ngày càng được nâng lên. Sự hiểu biết này là cơ sở hình thành tình cảm và niềm tin ĐĐST, hun đúc ý chí, động lực giúp họ vượt qua những khó khăn, thách thức trong việc giải quyết các vấn đề môi trường. Tri thức ĐĐST là cơ sở cho sự phát triển triết lý sống và hành động tích cực vì môi trường của SV. Sự hiểu biết về môi trường sinh thái của SV ngày càng được nâng cao, đây là nền tảng tạo nên sự thay đổi thái độ và hành vi ĐĐST của họ.

** Giáo dục tình cảm ĐĐST*

Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay, việc tìm kiếm những thông tin liên quan đến vấn đề môi trường vô cùng thuận lợi. Vấn đề ở chỗ bản thân SV có thực sự quan tâm tìm hiểu về môi trường hay không. Kết quả khảo sát thể hiện có 75,4% SV chọn phương án rất quan tâm và quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái hiện nay [PL3, Biểu đồ 3.2]. Đây là kết quả khả quan trong giáo dục tình cảm ĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM.

Tình cảm ĐĐST của SV còn thể hiện ở sự quan tâm đến vấn đề GDĐĐST. Có 81,9% SV khẳng định GDĐĐST trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay là rất cần thiết và cần thiết [PL3, Biểu đồ 3.1]. Điều này cho thấy, phần lớn SV rất quan tâm đến vấn đề môi trường, họ thừa nhận sẽ không có ý thức và hành vi sinh thái tốt nếu không thông qua giáo dục. Ở nội dung này, chúng tôi tiến hành khảo sát theo khối ngành đào tạo thấy rằng SV ở khối ngành môi trường, sư phạm, khoa học xã hội được tiếp thu nhiều nội dung về tri thức ĐĐST nên nhận thức của họ về vai trò, sự cần thiết của công tác GDĐĐST cũng tốt hơn SV ở nhiều khối ngành kinh tế, kỹ

thuật, khoa học tự nhiên [PL 3, Bảng 3.17]. Qua đây chúng tôi thấy rằng, giáo dục là yếu tố then chốt trong việc nâng cao ý thức và hành vi đạo đức sinh thái của SV. Khối ngành nào có nội dung giáo dục liên quan đến môi trường và ĐĐST rõ ràng hơn thì SV ở những ngành này có nhận thức cao hơn về tầm quan trọng của GDĐĐST.

Bên cạnh đó, để đánh giá những thành tựu đạt được từ phía bản thân SV, chúng ta cần xem xét mức độ hiểu biết về vai trò của GDĐĐST đối với bản thân họ. SV cho rằng GDĐĐST góp phần xây dựng nhân cách phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững trong xã hội hiện nay (85,8%), góp phần hướng SV đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người - tự nhiên (88,6%), góp phần truyền lại cho SV những chuẩn mực giá trị ĐĐST truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị ĐĐST của nhân loại trong bối cảnh quốc tế (77,3%) [PL3, Bảng 3.2]. Như vậy, phần lớn SV đã thấy được vai trò, ý nghĩa của công tác GDĐĐST ở nước ta. Điều này chứng tỏ, họ đã nhận thức đúng vai trò của môi trường cũng như mối quan hệ lợi ích giữa con người và môi trường tự nhiên.

Thực tế những SV quan tâm và có những hành động bảo vệ môi trường đều là những người có tình yêu thiên nhiên sâu sắc. Có 17,9% SV cho biết động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường xuất phát từ tình yêu thiên nhiên. Từ tình yêu thiên nhiên sâu sắc, có 31,1% SV hiểu được vai trò quan trọng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống của con người, từ đó hình thành tình cảm gắn bó mật thiết với môi trường tự nhiên [PL3, Biểu đồ 3.6]. Kết quả giáo dục tình cảm ĐĐST cho SV cũng được thể hiện thông qua động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường các khóa từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. SV năm thứ tư chiếm tỷ lệ cao nhất khi họ khẳng định tình yêu thiên nhiên (28,5%) và sự nhận thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với đất nước (35,2%) là động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường, sau đó lần lượt là tỷ lệ SV năm thứ ba, thứ hai và thứ nhất [PL3, Bảng 3.22]. Điều này thể hiện rằng, qua các năm học, SV có xu hướng tăng dần nhận thức về tình yêu, tầm quan trọng, nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân trong công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, ở nội dung này, chúng tôi cũng tiến hành

khảo sát theo khối ngành đào tạo nhận thấy SV khối ngành môi trường, sư phạm và khoa học xã hội có tình cảm gắn bó với tự nhiên hơn các khối ngành khác. Tình cảm của họ thể hiện qua động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường sinh thái [PL3, Bảng 3.19]. Các khối ngành môi trường, sư phạm, khoa học xã hội trang bị nhiều hơn về những tri thức ĐĐST và các vấn đề xã hội trong chương trình đào tạo nên họ đã bước đầu thành công trong việc tạo ra những động lực mạnh mẽ và ý thức sâu sắc về bảo vệ môi trường. Điều này khẳng định vai trò quan trọng của giáo dục và chương trình học trong việc nâng cao nhận thức, hình thành tình cảm và động lực bảo vệ môi trường trong SV. Thực tế này cũng cho thấy, các trường ĐH và các khối ngành khác cần nâng cao GDĐĐST cho SV để họ thấu hiểu, yêu thương và hành động tích cực bảo vệ môi trường.

Sự nhận thức ngày càng tốt của SV về vấn đề GDĐĐST được thể hiện ở sự quan tâm của họ đến các hoạt động ngoại khóa mà nhà trường tổ chức. Với mỗi hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường thì số lượng SV năm thứ tư đều biết đến nhiều nhất, sau đó đến SV năm thứ ba, SV năm thứ hai, cuối cùng SV năm thứ nhất biết đến ít hơn [PL3, Bảng 3.26]. Như vậy, các hoạt động ngoại khóa về bảo vệ môi trường do các trường ĐH tổ chức có tác động tích cực đến nhận thức của SV. Sau quá trình học tập tại trường, SV đã nhận thức tích cực và có sự quan tâm đến vấn đề môi trường hơn trước. Đồng thời, ở nội dung này chúng tôi cũng tiến hành khảo sát theo khối ngành thấy rằng SV khối ngành môi trường quan tâm nhiều hơn đến những sinh hoạt chuyên đề và hội thảo khoa học về môi trường, bởi đây là vấn đề liên quan đến ngành học của họ (27,7%); SV khối sư phạm quan tâm đến hoạt động tổ chức các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu về môi trường và bảo vệ môi trường (29,9%); còn với SV khối ngành kỹ thuật, kinh tế ít chú ý đến các hoạt động ngoại khóa về môi trường [PL 3, Bảng 3.21]. SV ở các khối ngành khác nhau thì mức độ quan tâm của họ đến vấn đề môi trường thông qua các hoạt động ngoại khóa cũng khác nhau, thể hiện sự nhận thức khác nhau. Điều này cho thấy các trường ĐH cần đưa ra giải pháp phù hợp với đối tượng SV của mình để đạt hiệu quả cao hơn trong giáo dục đạo đức sinh thái.

Tình cảm ĐĐST của SV còn thể hiện ở sự quan tâm của họ về những quy định, văn bản của nhà trường có nội dung liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Chúng tôi tiến hành khảo sát theo năm học thu được kết quả khả quan [PL3, Bảng 3.25]. Số lượng SV nhận thức về các quy định, văn bản của nhà trường về công tác bảo vệ môi trường tăng dần theo các năm đã phản ánh hiệu quả của các hoạt động giáo dục và truyền thông về bảo vệ môi trường, đồng thời cũng thấy được sự tăng dần về nhận thức và tuân thủ của SV đối với các quy định của nhà trường.

Khi SV có tình cảm gắn bó với tự nhiên, họ sẽ quan tâm đến vấn đề môi trường sinh thái, xót xa, lo lắng, trăn trở trước thực trạng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, biến đổi khí hậu... Họ thể hiện thái độ bức xúc, bất bình khi chứng kiến những hành vi gây ô nhiễm môi trường sinh thái. Cụ thể, có tới 87,8% SV có thái độ không đồng ý với hành vi như vậy, trong đó có 61,8% SV trả lời hai phương án lên án gay gắt, phản đối quyết liệt và lên án, phản đối những hành vi gây ô nhiễm môi trường; 26% SV thấy bất bình nhưng không lên án. [PL3, Biểu đồ 3.5]. Đây là dấu hiệu tích cực trong đời sống ý thức sinh thái của SV khi họ không thờ ơ với vấn đề môi trường, biết phản đối cái ác, hướng đến cái thiện trong quan hệ với tự nhiên.

** Xây dựng niềm tin ĐĐST*

Một bộ phận lớn SV đã thể hiện lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường (46,9%). Họ tin vào khả năng có thể khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường thông qua hành động của bản thân, gia đình, xã hội (50,8%) và có niềm tin vào các chuẩn mực ĐĐST tốt đẹp của dân tộc (46,2%) [PL3, Bảng 3.7]. Niềm tin này giúp SV có động lực mạnh mẽ để tăng cường sự quan tâm và hành động bảo vệ môi trường. Niềm tin giúp họ tự tin nắm bắt và giải quyết các vấn đề môi trường, đồng thời giúp họ vượt qua những thách thức, trở ngại, kiên trì thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường.

Về giáo dục hành vi ĐĐST

Hành vi đạo đức sinh thái được thể hiện thông qua việc thực hiện các chuẩn mực đạo đức sinh thái. Các chuẩn mực ĐĐST định hướng nhận thức, thái độ, hành

vi của SV thông qua GDĐĐST, giúp họ nhận thức đúng về nghĩa vụ, trách nhiệm cá nhân với tương lai của đất nước, của dân tộc. Đây là một bước khởi đầu để tạo ra sự nhạy bén đối với các vấn đề môi trường và có những hành vi phù hợp nhằm bảo vệ môi trường sinh sống của con người.

Như đã phân tích ở chương 2, hành vi ĐĐST của SV được điều chỉnh, quy định bởi các chuẩn mực ĐĐST nhất định. Vì vậy, chúng tôi tiến hành đánh giá sự nhận thức của SV về các chuẩn mực ĐĐST trước khi đánh giá hành vi ĐĐST của họ. Khi được hỏi “Anh/chị đánh giá như thế nào về nội dung và kết quả giáo dục chuẩn mực ĐĐST cho SV ở TP. HCM”, có 43,2% SV trả lời yêu quý, tôn trọng, bảo vệ sự hài hòa của hệ thống con người – xã hội – tự nhiên; 40,5% SV thấy được ý nghĩa của bảo vệ khí hậu và tính đa dạng sinh học; 35% SV thực hành tốt nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn ... [PL3, Bảng 3.6]. Với tỷ lệ khá cao SV đánh giá rất tốt về kết quả giáo dục chuẩn mực ĐĐST chứng tỏ ít nhiều họ đã từng nghe tới, quan tâm đến các chuẩn mực ĐĐST. Khi SV nắm rõ và thực hiện các chuẩn mực ĐĐST sẽ tạo nền tảng vững chắc cho hành động bền vững trong tương lai, giúp họ trở thành công dân có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Nhận thức của SV về các chuẩn mực ĐĐST còn được thể hiện ở thái độ quan tâm đến vấn đề công bằng môi trường, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường của các cá nhân. Số SV rất quan tâm và quan tâm đến các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường là 63,6%. Tỷ lệ này khá cao so với những SV thấy bình thường và ít quan tâm (23,5%) [PL3, Bảng 3.8]. Như vậy, SV TP.HCM đã được tiếp cận với hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, những giá trị ĐĐST truyền thống và hiện đại. Đây là kết quả tích cực trong công tác GDĐĐST cho SV. Bởi vì khi lực lượng xã hội này hiểu được quyền và trách nhiệm môi trường của bản thân thì họ sẽ có những hành vi thiện với môi trường.

Kết quả nhận thức của SV về các chuẩn mực ĐĐST được thể hiện ở việc nhận thức và hành động của họ về nghĩa vụ và trách nhiệm của bản thân đối với môi trường sinh thái. Khi được hỏi: “Đánh giá của anh/chị về vấn đề thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với môi trường tự nhiên?”, có 46,5% SV trả lời là rất tốt

và tốt, 34% SV trả lời là bình thường [PL3, Bảng 3.9]. Với tỷ lệ gần một nửa số lượng SV được khảo sát khẳng định bản thân đã làm tốt nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường tự nhiên là một thành tựu đáng kể chứng minh SV đã nhận thức đúng được mối quan hệ lợi ích giữa con người và giới tự nhiên.

Khi SV ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân đối với môi trường là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững của con người cũng như xã hội, họ sẽ có những hành vi ĐĐST tích cực thể hiện trong việc chấp hành nội quy, quy định về giữ gìn môi trường sinh thái của nhà trường, tổ chức, cộng đồng, xã hội như: tự giác bỏ rác đúng nơi quy định (85,3%), thu gom, phân loại rác sinh hoạt (55,4%), tắt các thiết bị điện khi không sử dụng tại nhà, tại trường (75,7%), sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường (63,7%), sử dụng các phương tiện công cộng, xe đạp, đi bộ đến trường... (15,9%)... [PL3, Bảng 3.10]. Hành vi ĐĐST của SV còn thể hiện ở việc đấu tranh với những hành vi xâm hại đến môi trường, lên án gay gắt, phản đối quyết liệt khi chứng kiến những hành vi ác với môi trường của những người xung quanh (15,6%) [PL3, Biểu đồ 3.5]. Thêm vào đó, SV tham gia tuyên truyền cho người thân, bạn bè, xã hội sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. Bằng những hành động thiết thực, SV tự giác, tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường như tham gia trồng, chăm sóc cây xanh xung quanh khuôn viên trường, không hái hoa, bẻ cành, quét dọn, lau chùi sạch sẽ phòng học... Điều này chứng tỏ phần lớn SV đã thể hiện ý thức bảo vệ môi trường sinh thái một cách tự giác thông qua những hành động thường ngày của cá nhân ở nhà, ở trường và nơi công cộng.

Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát theo khối ngành về thái độ thực hiện hành vi ĐĐST của SV với nhóm hoạt động trong sinh hoạt thường ngày. Do nội dung tri thức ĐĐST mà SV các khối ngành được học khác nhau nên thái độ thực hiện hành vi ĐĐST cũng có sự khác biệt, trong đó nhìn chung SV khối ngành sư phạm, khoa học xã hội, môi trường có thái độ thực hiện hành vi sinh thái tích cực hơn một số khối ngành khác như kỹ thuật, kinh tế [PL3, Bảng 3.20]. Lý do, ba khối ngành (môi trường, sư phạm, khoa học xã hội) được giáo dục phần nào về tri thức ĐĐST và

trách nhiệm xã hội, trong đó bao gồm cả bảo vệ môi trường nên họ nhạy cảm hơn đối với các vấn đề sinh thái. Còn SV khối ngành như kinh tế, kỹ thuật có xu hướng tập trung nhiều vào các mục tiêu tài chính hoặc công nghệ nên ít quan tâm hơn đến tầm quan trọng của hành vi sinh thái. Thực tế này đòi hỏi lãnh đạo các trường ĐH, đặc biệt là khối ngành kinh tế, kỹ thuật cần tăng cường hơn nữa công tác GDĐĐST để xây dựng đội ngũ nhân lực có trách nhiệm với xã hội và môi trường hơn.

Hành vi đạo đức sinh thái của SV gắn với quá trình học tập, nghiên cứu khoa học cũng được nhiều trường ĐH quan tâm bằng việc tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ thông qua những cuộc thi như: “Công nghệ sinh học – Hành trình đến tương lai” của HSV trường ĐH Công nghệ; Cuộc thi “*Environment Robot*” do Đoàn trường ĐH Sài Gòn tổ chức; Cuộc thi “*Robot nhặt rác – GreenBot*” do Khoa Cơ khí chế tạo máy, trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM tổ chức... Những sân chơi này tạo cơ hội cho SV tham gia sáng tạo và đổi mới trong việc áp dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề môi trường, giúp kết nối giữa lý thuyết và thực hành trong giáo dục đào tạo.

Tại các trường ĐH ở TPHCM, có rất nhiều hoạt động, phong trào liên quan đến công tác bảo vệ môi trường do ĐTN, HSV nhà trường tổ chức [PL3, Bảng 3.11]. Tại trường ĐH Sư phạm TP.HCM, có nhiều SV tham gia tích cực phong trào như chương trình “Giờ trái đất” năm 2022, “Mỗi đoàn viên HCMUE – Một ý tưởng vì môi trường”; chương trình “Một cây xanh vì thế giới ngày mai”; trào lưu “Giờ Trái đất 2020 – Tắt đèn – Bật tương lai” thu hút hơn 8.000 lượt đoàn viên hưởng ứng. Triển khai các hoạt động hưởng ứng “Ngày Môi trường Thế giới – 05/6/2022”, chương trình “Thu gom pin cũ - Bảo vệ Trái đất xanh”;... thu hút hơn 80.000 lượt tiếp cận” do Đoàn trường tổ chức [8, tr.15]. Đồng thời, từ kết quả khảo sát cho biết nhiều SV rất tự giác tham gia phong trào do tổ dân phố, khu phố, ĐTN của quận/huyện, TP tổ chức [PL3, Bảng 3.11]. Theo số liệu của Thành Đoàn TP.HCM, trong nhiệm kỳ 2017-2022 đã tổ chức 22 Ngày Chủ Nhật xanh, Ngày cùng hành động bảo vệ môi trường đồng loạt trên phạm vi toàn TP với 964.519 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia; 8.696 Ngày Chủ Nhật xanh, hoạt động bảo vệ môi trường do

các cấp cơ sở thực hiện [3, tr.30]. Như vậy, phần lớn SV đã nhận thức khá tốt về những nội dung GDĐĐST, được thể hiện rõ ở những hành động nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày đến hoạt động tham gia bảo vệ môi trường do nhà trường, ĐTN các cơ quan, đơn vị tổ chức.

3.1.2. Thành tựu trong phương thức giáo dục đạo đức sinh thái

**** Về hình thức giáo dục***

Thứ nhất, thành tựu GDĐĐST thông qua giảng dạy các môn học chính khóa

Phần lớn đội ngũ giảng viên nhận thức được trách nhiệm của chủ thể giáo dục với môi trường. Kết quả phỏng vấn cho thấy, 68% giảng viên thường xuyên kết hợp, lồng ghép nội dung GDĐĐST cho SV thông qua các môn học chính khóa ở trên lớp. Nhiều thầy/cô đã kết hợp lồng ghép linh hoạt, đa dạng nội dung GDĐĐST vào môn học phụ trách. Với câu hỏi “Anh/chị được học những môn học nào có nội dung về GDĐĐST?”, có 10,6% SV cho biết được học nội dung GDĐĐST trong các môn chuyên ngành [PL3, Bảng 3.12]. Ở các trường có đào tạo khối ngành môi trường, SV được học các học phần có nội dung đạo đức sinh thái như với *ngành Khoa học môi trường* (trường ĐH Sài Gòn) năm 2020 có các học phần: Sinh thái môi trường và đa dạng sinh học (45 tiết), Sinh thái môi trường (45 tiết), Biến đổi khí hậu (45 tiết), Luật và chính sách môi trường (45 tiết), Đánh giá tác động và rủi ro môi trường (75 tiết);... với *ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường* (trường ĐH Nông lâm TP.HCM) năm 2020 gồm các học phần bắt buộc: Đa dạng sinh học (30 tiết); Môi trường và sức khỏe cộng đồng (30 tiết); Quản lý chất lượng môi trường (45 tiết); Sinh thái học môi trường (30 tiết); Giáo dục và truyền thông môi trường (30 tiết); Du lịch sinh thái (45 tiết); Năng lượng tái tạo (30 tiết)...; với chuyên ngành *Công nghệ kỹ thuật môi trường* (trường ĐH Tôn Đức Thắng) năm 2023, SV được học các học phần: *Quản lý tài nguyên nước (30 tiết), Đánh giá tác động môi trường (30 tiết), Phân tích môi trường (60 tiết); Sinh thái môi trường ứng dụng (30 tiết)*... Các môn học trong chương trình đào tạo đã phần nào cung cấp cho các cán bộ, người lao động tương lai trong lĩnh vực môi trường những kiến thức về ĐĐST như môi trường, tài nguyên, sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường với cuộc sống

của con người, những kỹ năng cần thiết để ứng phó với các thách thức của môi trường. Số liệu cũng cho thấy có 43,2% SV được giới thiệu nội dung GDĐĐST qua một số môn học khác [PL3, Bảng 3.12] như các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được triển khai giảng dạy bắt buộc ở các trường ĐH như Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam... hoặc các môn khoa học xã hội khác trong chương trình đào tạo. Nhờ vậy, SV ít nhiều nắm được nội dung GDĐĐST trong quá trình học tập các môn này.

Thứ hai, thành tựu GDĐĐST thông qua các hoạt động ngoại khóa

Với công tác GDĐĐST cho SV, ngoài giảng dạy kiến thức trong sách vở ở trên lớp thì giáo dục thông qua hoạt động ngoại khóa phù hợp sẽ mang lại hiệu quả, khuyến khích sự tham gia đông đảo của SV. Theo số liệu khảo sát có 25,9% SV tiếp cận với nội dung GDĐĐST qua các giờ học ngoại khóa [PL3, Bảng 3.12]. Điều này cho thấy, các trường ĐH đã bước đầu chú trọng đến hoạt động GDĐĐST cho SV. Trong các hoạt động ngoại khóa bảo vệ môi trường mà các trường ĐH tổ chức thì những hoạt động có tính thực tế cho SV trải nghiệm được biết đến nhiều nhất, thu hút đông đảo SV tham gia tích cực, thường xuyên nhất như hoạt động Ngày Chủ nhật xanh, Ngày Thứ Bảy tình nguyện, Mùa hè xanh... Vì vậy, để nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV, lãnh đạo nhiều trường ĐH đã chỉ đạo ĐTN, HSV tổ chức đa dạng các hoạt động ngoại khóa có nội dung liên quan GDĐĐST như tại trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM, Đoàn trường phối hợp với HSV định kỳ tổ chức chương trình “30 phút xanh” vào các ngày thứ sáu hàng tuần, cam kết thực hiện “Lớp học không rác”. Đoàn trường phối hợp với Công đoàn trường ĐH Nông lâm TP.HCM tổ chức trồng cây trong khuôn viên trường; tổ chức Tuần lễ Xanh – Sạch – Đẹp, một năm 02 lần tham gia chương trình thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn TP Thủ Đức với 100 tình nguyện viên tham gia, số buổi thực hiện là 9 buổi; gần 400 tình nguyện viên tham gia Giờ trái đất với các hoạt động: tắt đèn tiết kiệm điện tại ký túc xá, giảng đường, phòng trọ...” [6, tr.19-21]. Những phong trào, hoạt động sinh động, thực tế, ý nghĩa như vậy đã thu hút đông

đảo SV tham gia. Thông qua những trải nghiệm thực tế này, SV nhận thức sâu sắc hơn về thực trạng, sự cần thiết cũng như những kỹ năng bảo vệ môi trường.

Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, ĐTN và HSV nhiều trường ĐH đã năng động, sáng tạo thay đổi linh hoạt các hoạt động GDĐĐST cho SV từ hình thức trực tiếp sang trực tuyến. ĐTN trường ĐH Tài chính – Marketing tổ chức hoạt động trực tuyến “*Rác thải ơi, We need U*”; Thi online “*Tìm hiểu về ngày quốc tế bảo vệ tầng Ozon*” [11, tr.7]. ĐTN trường ĐH Sư phạm TP.HCM phát động những chuỗi thử thách trực tuyến “*Thanh niên HCMUE sống đẹp*” như Hành trình thứ 2 của chai nhựa; Hành trình thứ 2 của hạt... thu hút hơn 5.000 đoàn viên, thanh niên hưởng ứng” [9, tr.6]. Các hoạt động trực tuyến này không chỉ thể hiện sự nhạy bén, quan tâm của các tổ chức mà còn phản ánh thực trạng giáo dục GDĐĐST phần nào đáp ứng nhu cầu thực tế.

Hiện nay, với mục đích dần thay thế cho mô hình quản lý đoàn viên theo chi đoàn để phù hợp với chương trình đào tạo tín chỉ, ĐTN nhiều trường ĐH trên địa bàn đã xây dựng các mô hình hoạt động câu lạc bộ để tập hợp, quản lý đoàn viên. Bên cạnh các câu lạc bộ chuyên môn thì nhiều câu lạc bộ môi trường được thành lập như *CLB OU Green Plus* (ĐH Mở TP.HCM) ; *CLB Yêu Môi Trường* (ĐH Nông Lâm TP.HCM); *CLB Kiến lửa DTM* (ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM); *CLB Con người và môi trường (P & E Club)* (ĐH Kinh tế TP.HCM); *CLB An toàn – Môi trường (SE Club)* (ĐH Tôn Đức Thắng); *CLB Môi trường xanh* (ĐH Bách Khoa – ĐH Quốc gia TP.HCM).... Câu lạc bộ môi trường tổ chức các buổi thảo luận, hội thảo, sự kiện để các thành viên có cơ hội hiểu rõ hơn về những thách thức môi trường. Đồng thời, tạo không gian để SV chia sẻ ý tưởng, dự án và nghiên cứu liên quan đến bảo vệ môi trường. Các câu lạc bộ này tổ chức những chiến dịch tình nguyện hoạt động hiệu quả như trồng cây gây rừng, thu gom rác bảo vệ môi trường biển, cải tạo mảng tường cũ kết hợp tuyên truyền bảo vệ môi trường... Những hoạt động này giúp cải thiện chất lượng môi trường xung quanh khu vực trường ĐH, đồng thời tăng cường tinh thần đoàn kết, hỗ trợ giữa các SV với nhau.

Thứ ba, thành tựu GDĐĐST thông qua các phương tiện truyền thông

Trong bối cảnh sự phát triển khoa học công nghệ, các trường ĐH đã tận dụng những thành tựu khoa học công nghệ để giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST nói riêng. Đoàn trường và các cơ sở Đoàn ở các trường ĐH luôn chú trọng thực hiện công tác giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông trên mạng internet như website của Đoàn trường, cơ sở Đoàn, HSV, các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin, tận dụng không gian mạng xã hội như facebook, lập kênh Youtube riêng của trường để phát sóng những phong trào, hội thi, hội thảo do trường, khoa tổ chức. Trong nhiệm kỳ 2019-2022, các cấp bộ Đoàn trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức 20 hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thu hút 6.720 lượt đoàn viên thanh niên tham gia” [5, tr.23]. Đoàn trường và các cơ sở Đoàn trường ĐH Tài chính–Marketing thực hiện các sản phẩm truyền thông sáng tạo như video clip, hình ảnh vui nhộn, infographic để tuyên truyền chấp hành tốt nội quy nhà trường, văn hóa học đường [10, tr.8-9]. Với những hình ảnh, clip trực quan, SV nắm bắt thông tin về vấn đề môi trường nhanh hơn, thực hành hành vi sinh thái tích cực hơn. Trong tình hình dịch bệnh covid-19 diễn ra phức tạp từ năm 2019 đến cuối năm 2021, phần lớn thời gian SV phải học trực tuyến. Vì vậy, ĐTN đã phối hợp với HSV các trường ĐH tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền, giới thiệu phong trào đến SV thông qua các trang thông tin điện tử của trường như website trường, diễn đàn SV, chương trình trực tuyến, tương tác qua mạng xã hội... giúp SV tăng mức độ tiếp cận với các hoạt động ngoại khóa.

**** Về phương pháp giáo dục***

Để đạt được hiệu quả giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST cho SV nói riêng, các trường ĐH ở TP.HCM đã sử dụng nhiều phương pháp giáo dục khác nhau.

Thứ nhất, trong quá trình giảng dạy các môn học chính khóa ở trên lớp, nhiều giảng viên đã tiến hành lồng ghép các nội dung liên quan đến GDĐĐST thông qua việc sử dụng ngôn ngữ, mô tả, giải thích, diễn giải. Tùy vào từng học phần, giảng viên đã kết hợp sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực thu hút SV tham gia vào quá

trình học tập như phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại .v.v..

Thứ hai, nhóm phương pháp dạy học trực quan được sử dụng với hình thức giảng dạy ở trên lớp thông qua các môn học chính khóa và hoạt động ngoại khóa. Hiện nay, 100% các trường ĐH mà chúng tôi tiến hành khảo sát đều có những phương tiện dạy học hiện đại như máy chiếu, loa, âm thanh... nhờ vậy mà các giảng viên có thể đưa ra những hình ảnh, video, clip sinh động... về các vấn đề môi trường giới thiệu cho người học để quá trình dạy và học đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, nhiều trường ĐH còn thông qua các phương tiện truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả GDĐĐST, chẳng hạn, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức cuộc thi *Go green USSH*. Năm học 2023 - 2024, ĐTN trường ĐH Tôn Đức Thắng phát động chiến dịch truyền thông “*Sống xanh*” của Thành đoàn, tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường sống động vật hoang dã tháng 10/2023, tháng 04/2024; Tổ chức trạm thu gom, hướng dẫn tái chế rác thải nhựa, trạm thu hồi pin cũ trong tháng 05/2024...; tổ chức tuần lễ “*Stay Green TDTU*” tuyên truyền tác hại của rác thải nhựa, cung cấp kỹ năng về thực hành sống xanh [13, tr.9-13]. Những hoạt động ý nghĩa này đã thu hút sự tham gia đông đảo của SV, đồng thời cũng chứng tỏ hiệu quả của phương pháp trực quan trong GDĐĐST.

Thứ ba, phương pháp dạy học qua trải nghiệm, thực hành đã được các trường ĐH sử dụng phổ biến, nhằm tạo điều kiện cho SV có thể luyện tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn hình thành kỹ năng và thói quen bảo vệ môi trường. Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGH, ĐTN và HSV các trường ĐH đã tổ chức khá nhiều hoạt động, phong trào tác động làm thay đổi nhận thức, hành vi của SV với môi trường. Trong giai đoạn phòng chống dịch covid-19, nhiều sản phẩm của SV trường ĐH Tôn Đức Thắng được ra đời ứng dụng chuyên môn ngành học như robot khử khuẩn (khoa Điện – Điện tử), Khẩu trang (khoa Mỹ thuật công nghiệp), nước rửa tay sát khuẩn (khoa Dược) [18, tr.4-5]. Hay ĐTN trường ĐH Nông Lâm TP.HCM tổ chức chương trình “Tri thức khoa học trẻ tình nguyện” chuyển giao các mô hình nông nghiệp hiệu quả như nhà nấm bào ngư xám; Kỹ thuật trồng và chăm sóc rau

ăn lá...” [6, tr.19]. Đồng thời, ĐTN phối hợp với HSV các trường ĐH tổ chức những hoạt động tình nguyện để tuyên truyền xây dựng ý thức, trách nhiệm cho SV đối với môi trường sinh thái. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2023, HSV trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM tổ chức 146 *Ngày Chủ Nhật xanh* và *Ngày Thứ Bảy tình nguyện* thu hút 5000 lượt viên tham gia và 02 Ngày Chủ Nhật xanh cấp trường – Challenge for Change (gần 50 SV /ngày) [16, tr.6]. Thông qua những trải nghiệm trực tiếp với tự nhiên, SV có cơ hội phát triển mối liên hệ sâu sắc hơn với môi trường, nuôi dưỡng tình yêu và sự quan tâm hơn đến tự nhiên.

Như vậy, nhiều hình thức, phương pháp GDĐĐST cho SV đã được các trường ĐH TP.HCM phối kết hợp đa dạng. Nhờ vậy mà đại bộ phận SV trên địa bàn đã nhận thức được vai trò quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường. Từ đó, họ thay đổi ý thức, hành vi đạo đức trong mối quan hệ với giới tự nhiên.

3.1.3. Thành tựu thuộc về các chủ thể giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, Đảng ủy, BGH, Hội đồng trường đã thể hiện sự quan tâm đến vấn đề GDĐĐST cho SV

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở TP.HCM đang ở mức báo động, nhận thức được tình hình này, nhằm chung tay bảo vệ môi trường, Đảng ủy, BGH, Hội đồng trường tại nhiều trường ĐH đã thấy rõ được vai trò quan trọng của công tác GDĐĐST cho SV. Thời gian vừa qua, lãnh đạo nhiều trường ĐH đã thể hiện sự quyết tâm chính trị trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến giáo dục bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo nhà trường đã chỉ đạo cán bộ, giảng viên và SV nghiêm túc học tập, thường xuyên cập nhật thông tin, nắm vững Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên tổ chức học tập, phổ biến Nghị quyết của Trung ương và giáo dục pháp luật một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các nội dung được chọn lựa cụ thể và áp dụng linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế tại trường.

Lãnh đạo một số trường ĐH đã thực sự quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức sinh thái cho SV thể hiện trong xây dựng chương trình đào tạo, quy chế đào tạo,

thiết kế đề cương môn học cho từng ngành nghề... Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM triển khai giảng dạy học phần *Môi trường và phát triển (30 tiết)* ở hầu hết các ngành học khác nhau, với nhiều chuyên ngành đây là môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo năm 2022 như ngành Ngôn ngữ học; ngành Báo chí; ngành Lịch sử; ngành Nhân học; ngành Công tác xã hội; ngành Ngôn ngữ Trung Quốc; ngành Truyền thông đa phương tiện;... Trường ĐH Sư phạm TP.HCM xây dựng chương trình đào tạo năm 2021 có nội dung liên quan đến ĐDDST cho đội ngũ nhà giáo tương lai ở một số ngành như ngành Sư phạm địa lý có học phần tự chọn *Môi trường và phát triển bền vững (30 tiết)*; *Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (30 tiết)*; *Du lịch sinh thái (30 tiết)*; ngành *Sư phạm Khoa học tự nhiên có học phần Sinh thái học và môi trường (30 tiết)*; *Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên (45 tiết)*... Một số ngành sau khi SV ra trường sẽ là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục đạo đức nói chung, GDĐDDST nói riêng như ngành Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị (trường ĐH Sư phạm TP.HCM) có môn Đạo đức học và giáo dục đạo đức (30 tiết), Đạo đức Hồ Chí Minh (30 tiết); ngành Giáo dục tiểu học, Giáo dục chính trị (trường ĐH Sài Gòn) có môn Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức (45 tiết), Đạo đức học (45 tiết); ngành Triết học (trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM) có môn Đạo đức học đại cương; Triết học đạo đức... Những học phần này ít nhiều đề cập đến một số vấn đề đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường (trong đó có nội dung về ĐDDST).

Lãnh đạo các trường ĐH ở TP.HCM đã thể hiện sự quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức nói chung, trong đó ít nhiều có nội dung GDĐDDST. Đảng bộ trường ĐH Tài chính – Marketing xác định “Đảng ủy quan tâm làm tốt công tác chính trị giáo dục tư tưởng theo hướng thường xuyên, kiên trì... Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị” [41, tr.39]. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về bảo vệ môi trường, Người luôn đề cao việc sống gắn bó và hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ và phát triển bền vững môi trường. Học tập và làm theo những bài

học về chăm lo môi trường sống của Người giúp SV nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường. Đảng ủy nhiều trường ĐH chỉ đạo ĐTN, HSV tăng cường công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, tổ chức các hoạt động và tạo môi trường giáo dục văn minh cho SV. Bên cạnh đó, nội dung GDĐĐST cũng phần nào được thể hiện trong mục tiêu giáo dục của nhiều trường ĐH tại TP.HCM. Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM xác định mục tiêu giáo dục “Đào tạo những tri thức, những cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ có tài có đức, có kiến thức vừa rộng vừa sâu... có trách nhiệm... thích nghi với môi trường toàn cầu; Giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” cho cán bộ, viên chức, giảng viên, SV của nhà trường; giáo dục SV tinh thần tình nguyện, ý thức vì cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội” [37, tr.1-11]. Như vậy, mục tiêu giáo dục của các trường không chỉ đào tạo ra những cá nhân có kiến thức chuyên môn sâu rộng mà còn có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm với xã hội, với môi trường, góp phần quan trọng vào công tác GDĐĐST.

Đảng Ủy, BGH của các trường ĐH tại TP.HCM chỉ đạo các phòng, ban, khoa, trung tâm và các tổ chức chính trị - xã hội trong trường quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho SV (trong đó có GDĐĐST). Lãnh đạo một số trường ĐH chỉ đạo việc tuyên truyền phổ biến nội dung quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường đến SV thông qua các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa (12,5%), các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hội thảo khoa học về vấn đề môi trường sinh thái (14,5%), các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái (12,7%), cuộc thi thời trang tái chế, bảo vệ môi trường (9,5%)... [PL3, Bảng 3.13] với mức độ tổ chức rất thường xuyên là 12%, mức độ thường xuyên, có định kỳ là 46% [PL3, Biểu đồ 3.10]. Tuy con số chưa cao nhưng cũng thể hiện được trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST nói riêng.

Nhận thức về vai trò của công tác GDĐĐST, BGH các trường ĐH tại TP.HCM đã đưa ra những văn bản, quy định liên quan đến giáo dục ý thức bảo vệ

môi trường cho SV trong nội quy học đường, nội quy thư viện, nội quy ký túc xá, nội quy thang máy, nội quy phòng máy... Tất cả các trường chúng tôi tiến hành khảo sát đều ban hành nội quy yêu cầu SV thực hiện giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi quy định, không làm bẩn, mất vệ sinh dưới mọi hình thức lên các trang thiết bị như bàn, ghế, bảng viết thực hiện tiết kiệm điện, không uống rượu, bia, hút thuốc lá trong khuôn viên trường,... Một số trường ĐH đưa ra quy định xử lý nghiêm những hành vi vi phạm nội quy liên quan đến GDĐST, chẳng hạn trong nội quy thư viện trường ĐH Tôn Đức Thắng quy định chế tài với hành vi vi phạm về văn hóa công sở như mang đồ ăn, thức uống vào thư viện sẽ bị khóa thẻ và tài khoản sử dụng thư viện trong vòng 03 tháng [109]... Những quy định này đã tạo ra môi trường học tập và sống chung tích cực, sạch sẽ và tôn trọng môi trường.

Lãnh đạo nhiều trường ĐH đã phối hợp trong công tác chỉ đạo, định hướng, quản lý, tổ chức hoạt động GDĐST cho SV thông qua các tổ chức Công đoàn, ĐTN, HSV. Một số trường ĐH tổ chức những hoạt động, sự kiện, phong trào lan tỏa ý nghĩa bảo vệ môi trường đến SV như Công đoàn trường ĐH Tôn Đức Thắng hưởng ứng chương trình “10 triệu cây xanh” của TP.HCM, trồng thêm hơn 1.700 cây xanh nhằm phủ xanh khuôn viên trường [108]. Hành trình xây dựng một “Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn Xanh” đang được nhà trường thực hiện tích cực trên nhiều phương diện, một phần của hành trình này là USSH’s Garden – khu vườn cây xanh tại cơ sở Thủ Đức... Đồng thời, các trường ĐH cũng thường xuyên tổ chức những hoạt động bảo vệ môi trường như quét dọn, thu gom rác thải trong và ngoài khuôn viên trường (29,2%), trồng cây xanh, hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà trường (27%); thực hiện kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở căn tin (13%) [PL4, Biểu đồ 4.8]. Những hoạt động trên không chỉ giúp SV, cán bộ quản lý, giảng viên hiểu rõ hơn về môi trường mà còn thúc đẩy ý thức ĐĐST và tạo ra những thay đổi tích cực trong quan điểm và hành vi sinh thái của họ.

Sau Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục ĐH và thực hiện một trong số nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường là xây dựng và

phát triển mô hình “*Trường ĐH xanh*”, “trường ĐH thân thiện với môi trường theo hướng tiếp cận sinh thái” ở Việt Nam (Quyết định 2262/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2020 và Quyết định 2717/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2022). Tất cả các trường ĐH ở TP.HCM không ngừng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, môi trường sống và làm việc xanh như phòng học khang trang, sạch sẽ, khuôn viên trường rợp bóng cây xanh tạo không gian học tập thân thiện với môi trường nhằm tạo điều kiện đổi mới công tác dạy, học, nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn: trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM tiến hành thực hiện đề án ĐH Xanh, hướng tới xây dựng nhà trường có chương trình giáo dục xanh, cơ sở vật chất không gian xanh [4, tr.7]. Bên cạnh đó, sự quan tâm đến công tác GDĐĐT cho SV của các trường thể hiện ở việc đầu tư nguồn lực vật chất cho các hoạt động tình nguyện của SV, trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường. Trường ĐH Tài chính – Marketing đầu tư kinh phí 700.000.000 đồng cho chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh năm 2019; 750.000.000 đồng cho chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh năm 2020 với nhiều phong trào đa dạng, trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường [12, tr.17-18]. Chiến dịch “*Mùa hè xanh*” của trường ĐH Sư phạm TP.HCM đã vận động từ nhiều nguồn lực với tổng kinh phí hơn 2,3 tỷ đồng [9, tr.16]. Việc nhà trường cung cấp nguồn lực vật chất cho hoạt động tình nguyện nói chung, hoạt động bảo vệ môi trường nói riêng không chỉ khuyến khích sự sáng tạo, phát triển kỹ năng, tạo cơ hội cho SV tham gia tích cực, chung tay xây dựng môi trường sống bền vững mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường đối với hoạt động thực tế của SV.

Trước thực trạng môi trường suy thoái, nhiều trường ĐH trên địa bàn đã thể hiện trách nhiệm của mình, chú trọng đến chiều sâu của công tác GDĐĐT bằng cách mở những ngành, chuyên ngành liên quan đến môi trường. Hiện tại ở TP.HCM đã có 20 trường ĐH đào tạo về khối ngành này, trong đó có những trường có khoa chuyên ngành về môi trường như trường ĐH Tôn Đức Thắng, trường ĐH Hùng Vương TP.HCM.... Đồng thời, nhận thức của lãnh đạo các trường ĐH về vai trò của GDĐĐT cho SV được thực hiện trong việc quy định về chuẩn đầu ra của SV tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của tất cả các chuyên ngành đào tạo đều yêu cầu về thái độ

đối với SV phải có trách nhiệm xã hội, có đạo đức tốt (trong đó có ĐĐST). Một số trường ĐH có đào tạo chuyên ngành môi trường, quy định cụ thể hơn về vấn đề đạo đức sinh thái như trường ĐH Nông lâm TP.HCM quy định chuẩn đầu ra với ngành Kỹ thuật môi trường là SV phải có ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn và bảo vệ tài sản chung [106]; Chuẩn đầu ra ngành Khoa học môi trường, trường ĐH Sài Gòn yêu cầu SV phải đánh giá được tác động của việc sử dụng tài nguyên và sự phát thải để phục vụ cho quản lý tài nguyên và phát triển kinh tế - xã hội và phải thể hiện sự tôn trọng văn hóa của tổ chức, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững” [111]. Yêu cầu về mặt ĐĐST trong chuẩn đầu ra nhằm xây dựng và phát triển tư duy và hành vi ĐĐST tích cực, có trách nhiệm cho đội ngũ chuyên gia môi trường trong tương lai.

Một trong những thành tựu nổi bật tạo nét đặc thù trong giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng ở các trường ĐH tại TP.HCM là sự kết nối giữa nhà trường với các doanh nghiệp. Nhiều trường ĐH ở TP.HCM có trung tâm chuyên trách nhiệm vụ kết nối doanh nghiệp như trường ĐH Tài chính – Marketing có Trung tâm tuyển sinh và quan hệ doanh nghiệp; trường ĐH Nông Lâm TP.HCM có Trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp; trường ĐH Tôn Đức Thắng có Trung tâm hợp tác doanh nghiệp và cựu SV.... Hoạt động hợp tác, kết nối doanh nghiệp là một phần tất yếu không thể thiếu trong chiến lược phát triển đào tạo của các trường nhằm tạo điều kiện cho SV có cơ hội tham gia kiến tập, thực tập tại các doanh nghiệp. Năm 2020, trường ĐH Tài chính – Marketing đã ký kết hợp tác với 30 doanh nghiệp; năm 2021, ký kết hợp tác với 35 doanh nghiệp [91, tr.158-159]. Bên cạnh các hoạt động hỗ trợ thiết thực cho SV học tập, năm 2018 doanh nghiệp trao tặng, hỗ trợ xây dựng thư viện thông minh, phòng đọc đa chức năng (3 tỷ đồng), từ năm 2017 đến 2021, nhiều doanh nghiệp tài trợ các hoạt động cộng đồng khác cho nhà trường như chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, các hoạt động văn hóa nghệ thuật... từ 200 triệu đến 500 triệu đồng/chương trình [91, tr.158]. Giai đoạn 2018-2023, trường ĐH Sư phạm TP.HCM đã “kết nối thành công với các doanh nghiệp hỗ trợ các hoạt động của SV như Xuân tình nguyện, nhà trường vận động được nhiều nguồn lực

(trong đó có doanh nghiệp) với tổng giá trị 1,2 tỷ đồng” [88, tr.300]. Sự hỗ trợ của doanh nghiệp cho các hoạt động học tập, rèn luyện của SV thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến công tác giáo dục đào tạo nguồn nhân lực nói chung, GDĐĐST nói riêng cho SV. Doanh nghiệp góp phần như là một trong những chủ thể GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM.

Thứ hai, ĐTN, HSV tham gia tích cực công tác GDĐĐST cho SV.

Thành Đoàn, HSV TP.HCM luôn đi tiên phong, nổi bật về quy mô, tính đa dạng và khả năng sáng tạo, là nơi khởi nguồn nhiều chương trình, chiến dịch đầy ý nghĩa. Phong trào tình nguyện đã trở thành phẩm chất đặc trưng của thanh niên, SV TP và đã lan rộng ra cả nước, kết nối hàng triệu trái tim trẻ chung tay vì cộng đồng. Tiếp nối truyền thống cha anh, phong trào ĐTN, HSV TP luôn đi đầu trong cả nước.

Các cấp bộ Đoàn TP nghiêm túc, kiên trì trong triển khai việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ, giai đoạn 2015-2030. Thành Đoàn, HSV TP.HCM cùng ĐTN và HSV nhiều trường ĐH thường xuyên tuyên truyền, định hướng công tác giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST cho SV nói riêng; luôn đổi mới, sáng tạo tổ chức nhiều phong trào hoạt động, nhiều mô hình, dự án có ý nghĩa hướng tới bảo vệ môi trường trong TP, hưởng ứng, khuyến khích, động viên đông đảo SV tham gia. Đại bộ phận cán bộ đoàn, hội là những người có trình độ, nhiệt huyết, cùng với kinh nghiệm cá nhân họ đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin mang lại hiệu quả, nâng cao tính tương tác đối với SV trong công tác tuyên truyền, tổ chức hoạt động GDĐĐST.

HSV TP.HCM phát động hưởng ứng, tổ chức cuộc vận động “*Mười thói quen tốt trong SV*”, trong đó thói quen thứ bảy là: “*Có hành động bảo vệ môi trường*”. Cuộc vận động được tuyên truyền thực hiện ở HSV các trường ĐH. Điều này cho thấy, trong công tác giáo dục lối sống văn minh cho SV, HSV TP.HCM và các cơ sở giáo dục ĐH luôn quan tâm giáo dục lối sống thân thiện với môi trường cho SV của mình. Đồng thời, Thành Đoàn cũng quan tâm đến công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức cho đoàn viên, thanh niên về môi trường. Trong nhiệm kỳ

2017-2022, Thành Đoàn TP.HCM đã tổ chức 7.289 hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho 1.081.738 lượt đoàn viên, thanh niên [3, tr.30]. Bên cạnh đó, Thành Đoàn và HSV luôn thực hiện tốt việc vận động, mời gọi SV tham gia vào các hoạt động tình nguyện, huy động và phát huy tốt nguồn lực xã hội. Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh lần thứ 29 – năm 2022 (05/6-07/8/2022) thu hút 33.164 chiến sĩ, tổng nguồn lực triển khai các công trình, phần việc của chiến dịch Mùa hè xanh là hơn 27 tỷ đồng (trong đó có kinh phí được cấp cho các hoạt động vì môi trường cộng đồng) [15, tr.5].

Thành Đoàn, ĐTN, HSV các cấp, các trường ĐH đã đầu tư về nội dung, nguồn lực, đa dạng các hoạt động gắn với Chỉ thị 23/2014/CT-UBND ngày 09/9/2014 về tăng cường công tác quản lý sử dụng và thải bỏ túi ni lông trên địa bàn; Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19/10/2018 về cuộc vận động “Người dân TP.HCM không xả rác ra đường và kênh rạch, vì TP sạch và giảm ngập nước” của Thành ủy TP.HCM, từ đó góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của đoàn viên thanh niên. HSV TP.HCM tổ chức nhiều phong trào, hội thi, hoạt động nhằm hướng đến GDĐĐST cho SV như Hội thi “Tìm kiếm ý tưởng, dự án tình nguyện” với các ý tưởng, dự án tiêu biểu: Hệ thống tạo nước ngọt từ nước biển sử dụng năng lượng mặt trời; vườn rau trên đảo; mô hình Xử lý chất thải chăn nuôi và lọc nước tại đảo Thổ Chu...” [14, tr.36]. Trong nhiệm kỳ 2015 – 2020, HSV các trường ĐH ở TP.HCM tiếp tục duy trì các hoạt động tình nguyện liên quan đến bảo vệ môi trường thông qua các *Ngày Chủ Nhật xanh*, *Thứ Bảy tình nguyện* tại trường, ký túc xá và nơi cư trú với tổng 54.066 ngày, với sự tham gia của 527.324 lượt SV [14, tr.37]. Các hoạt động này được ĐTN, HSV ở tất cả các trường ĐH triển khai. Điều này cho thấy, HSV, ĐTN các cấp, các trường đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm và nội dung chỉ đạo của lãnh đạo TP, phát huy tối đa đặc thù của SV để thu hút họ thực hiện những hành vi ĐĐST. Qua đây cũng khẳng định được vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong trường ĐH với tư cách là người đứng đầu, người bạn đồng hành cùng SV và được SV đánh giá cao.

Được sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGH, ĐTN và HSV các trường ĐH tổ chức nhiều hoạt động đa dạng tại trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho SV, cụ thể ĐTN trường ĐH Sư phạm TP.HCM tổ chức nhiều hoạt động như tập huấn rác thải nhựa, cuộc thi thiết kế video Clip hưởng ứng chủ đề “*Sống xanh*” thu hút 40 tác phẩm dự thi, Tổ chức đội hình “Bảo vệ môi trường”; Hội thi “SV HCMUE với môi trường”, Cuộc thi thiết kế thời trang từ vật liệu tái chế; Hội thi “*Góc làm việc xanh*”, hoạt động “*Đổi rác lấy cây xanh*”, “*Thu gom pin cũ*”... thu hút hơn 9.830 lượt đoàn viên, thanh niên hưởng ứng [9, tr.6]. Đồng thời, để tăng cường hiệu quả công tác GDĐĐST cho SV, ĐTN các trường ĐH thường xuyên phối hợp với nhiều địa phương để tổ chức hoạt động tình nguyện cho SV, trong đó có hoạt động bảo vệ môi trường. Ban thường vụ Đoàn trường ĐH Tôn Đức Thắng phối hợp với Quận Đoàn 7 tổ chức ngày cao điểm cải tạo kênh trên địa bàn phường Tân Kiểng thu hút hơn 500 lượt tình nguyện tham gia [13, tr.12]. Sự phối hợp giữa trường ĐH với địa phương thể hiện sự đồng lòng trong công tác GDĐĐST cho thế hệ trẻ nói chung, SV nói riêng. Đồng thời sự hợp tác này giúp SV kết nối kiến thức học thuật với thực tế địa phương, tạo cơ hội cho họ trải nghiệm những khía cạnh mới, đa dạng của vấn đề môi trường, giúp họ kết nối với nhau và với cộng đồng xã hội, hiểu rõ hơn về trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, từ đó có thể kích thích sự tò mò, sáng tạo trong việc giải quyết các thách thức môi trường địa phương.

Bên cạnh đó, ĐTN một số trường ĐH chủ động tham mưu và phối hợp với Đảng ủy tổ chức các đợt tuyên truyền, phổ biến, tập huấn đến SV những nội dung góp phần tăng cường hiệu quả của công tác GDĐĐST. Năm học 2021-2022, ĐTN trường ĐH Sài Gòn tổ chức 5 buổi tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế rác thải nhựa, không xả rác ra đường và kênh rạch, tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, ý thức vệ sinh nơi công cộng cho SV [12, tr.9]. Những hoạt động này giúp định hướng, giáo dục đạo đức, lối sống, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, thói quen ứng xử văn hóa của SV với môi trường tự nhiên.

Như vậy, Thành đoàn, HSV TP.HCM cùng với ĐTN và HSV các trường ĐH trên địa bàn đã tổ chức những hoạt động thiết thực, ý nghĩa nhằm tuyên truyền, kêu gọi, giáo dục nâng cao nhận thức, hành vi ĐĐST, chung tay bảo vệ môi trường đến

SV. Thông qua những hoạt động, phong trào đa dạng cùng với số lượt SV tham gia khá đông đảo, chúng ta thấy được hiệu quả của công tác GDĐĐST cho SV cũng như sự quyết tâm, nhiệt huyết của các cán bộ Đoàn, Hội của TP và các trường ĐH.

Thứ ba, phần lớn giảng viên, cán bộ quản lý các phòng, ban, khoa luôn có tinh thần trách nhiệm, là tấm gương ĐĐST cho SV.

Giảng viên là một trong những chủ thể đóng vai trò quan trọng đến hiệu quả của công tác GDĐĐST cho SV. Họ là những người có tri thức, trình độ chuyên môn cao, nhiệt huyết, yêu nghề, nhận thức tốt các vấn đề xã hội, trong đó có thực trạng môi trường, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. Họ nắm rõ những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các vấn đề môi trường. Họ thể hiện rõ trách nhiệm của mình trong quá trình giảng dạy, công tác. Thông qua quá trình giảng dạy, nhiều giảng viên tiên hành lòng ghép, kết hợp nội dung GDĐĐST cho SV đạt kết quả. Để phù hợp với xu thế của thời đại, đội ngũ giảng viên không ngừng tăng nhanh về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của giáo dục ĐH hiện nay.

Qua nghiên cứu tình hình nhận thức của cán bộ quản lý và giảng viên của 6 trường ĐH trên ở TP.HCM cho thấy 100% cán bộ, giảng viên được phỏng vấn khẳng định GDĐĐST cho SV trong bối cảnh biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái hiện nay là vô cùng cấp bách, cần thiết. 45% số cán bộ quản lý và giảng viên khẳng định, GDĐĐST cho SV có vai trò rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của SV nói riêng, thế hệ trẻ nói chung đối với môi trường sinh thái vì sự phát triển bền vững của TP và đất nước.

Nhận thức được vai trò quan trọng của GDĐĐST cho SV, cùng với đội ngũ giảng viên đầy tâm huyết, phần lớn các cán bộ quản lý ở các phòng ban như phòng Công tác SV, Ban Quản lý ký túc xá, phòng Quản lý Đào tạo, phòng Thông tin – Thư viện... luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm với môi trường và họ là những gương điển hình trong bảo vệ môi trường như vệ sinh cơ quan, văn phòng sạch sẽ, tạo mảng xanh ở góc làm việc, thường xuyên kiểm tra, giám sát, nhắc nhở SV vệ sinh nơi ở, phòng học, phòng đọc. Các cán bộ phòng Công tác SV và Ban Quản lý

ký túc xá phối hợp với ĐTN và HSV tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức ĐĐST cho SV như cuộc vận động xây dựng “*Ký túc xá văn minh – sạch đẹp – an toàn*”, “*Chủ nhật xanh tại ký túc xá*”... Tinh thần trách nhiệm của phần lớn giảng viên và cán bộ quản lý góp phần không nhỏ vào thành quả của công tác GDĐĐST cho SV.

Thứ tư, đại đa số SV nhận thức đúng về những vấn đề môi trường sinh thái. Với tư cách là chủ thể đặc biệt của quá trình tự giáo dục, SVCTĐH ở TP.HCM có những đóng góp nhất định để đạt được hiệu quả GDĐĐST nói riêng, giáo dục nói chung. Phần lớn SV luôn thể hiện tinh thần chủ động trong quá trình học tập, tích lũy tri thức, rèn luyện kỹ năng. Họ luôn muốn chứng tỏ sự trưởng thành của bản thân, vì vậy họ trau dồi khả năng tự học, tự tìm hiểu để lĩnh hội những tri thức mới, trong đó có tri thức về môi trường. Họ là những người năng động, sáng tạo, có hoài bão lớn, họ muốn dùng sức trẻ của mình đóng góp cho sự phát triển của TP và đất nước. Trước hiện trạng biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái, bước đầu họ đã nhận thức được vai trò của công tác bảo vệ môi trường, thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân đối với môi trường. Họ sẽ ra sức học tập, rèn luyện để trở thành những công dân có trách nhiệm với sự phát triển bền vững của đất nước.

3.1.4. Nguyên nhân của những thành tựu đạt được

Thứ nhất, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã tạo cơ hội kinh doanh và sự phát triển kinh tế cho cả nước, trong đó có TP.HCM. TP.HCM là trung tâm kinh tế lớn nhất đất nước nên có thể cung cấp nguồn tài nguyên và sự hỗ trợ tài chính cho các chương trình, hoạt động nghiên cứu, giảng dạy ĐĐST. Mặt khác, kinh tế thị trường thúc đẩy sự cạnh tranh và đổi mới, khuyến khích các doanh nghiệp tại TP tìm cách nâng cao hiệu suất và giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Điều này tạo cơ hội cho việc áp dụng công nghệ xanh, các giải pháp tiết kiệm năng lượng và các phương pháp sản xuất bền vững. Vì vậy, họ sẽ cần một lực lượng lao động có kiến thức về kỹ thuật, công nghệ môi trường. Do đó, các trường ĐH đã tăng quy mô đào tạo hoặc mở chuyên ngành về môi trường, thực tế số lượng SV được học về sinh thái, ĐĐST đã tăng lên.

Thứ hai, Đảng, Nhà nước, Bộ giáo dục và Đào tạo, Thành ủy và UBND, Thành Đoàn, HSV TP.HCM đã quan tâm đến công tác giáo dục bảo vệ môi trường, trong đó có đối tượng SV. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, đường lối, chính sách, hệ thống pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường. Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đưa ra nhiều quyết định, chỉ thị, công văn, chương trình nhằm tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường như Chương trình phối hợp số 01/CTrPH-BTNMT-BGDĐT “về công tác bảo vệ môi trường giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2019-2025” nhằm đẩy mạnh hoạt động thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, thay đổi hành vi, hình thành lối sống xanh cho toàn thể nhà giáo và người học; hoặc gần đây nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra Quyết định số 2262/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2020 phê duyệt Danh mục nhiệm vụ giáo dục bảo vệ môi trường tuyển chọn thực hiện từ năm 2021. Danh mục có 22 nhiệm vụ (nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ thường xuyên), trong đó có 07 nhiệm vụ đề cập trực tiếp đến giáo dục bảo vệ môi trường cho SV tại các cơ sở giáo dục ĐH ở Việt Nam. Quyết định số 2718/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2022 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra tuyển chọn thực hiện từ năm 2023. Danh mục gồm 08 nhiệm vụ, trong đó có 03 nhiệm vụ liên quan tới công tác GDĐĐT cho cán bộ chủ chốt, giảng viên, SV trong các cơ sở giáo dục ĐH [104]. Thực hiện quyết định này, nhiều trường ĐH tại TP.HCM đã thiết lập và phát triển mô hình “ĐH xanh” với nhiều cách làm sáng tạo, độc đáo góp phần thay đổi nhận thức và thói quen sinh hoạt của SV tác động tích cực đến môi trường sống.

Sau khi UBND TP.HCM ban hành Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh hướng đến phát triển bền vững trên địa bàn TP.HCM giai đoạn 2021-2030 và Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP.HCM đã thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững trong các lĩnh vực quản lý đô thị, tài nguyên và môi trường.

Một trong những giải pháp hàng đầu đẩy mạnh phát triển kinh tế xanh được UBND TP đề xuất là giải pháp về nguồn lực (gồm tài chính xanh và nguồn nhân lực chất lượng xanh). Chính sách này tạo thuận lợi cho công tác GDĐĐST, khuyến khích các trường ĐH và viện nghiên cứu tập trung vào các dự án về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thúc đẩy phong trào sống xanh trong cộng đồng SV... nhờ vậy công tác giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng có điều kiện phát triển.

Quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách về môi trường và bảo vệ môi trường, Thành Đoàn, HSV TP.HCM, ĐTN, HSV các cấp, các trường ĐH trên địa bàn luôn đầu tư về nội dung, nguồn lực, đổi mới giải pháp để thực hiện tốt các nhiệm vụ. Bên cạnh đó Chính phủ và Ủy ban nhân dân TP.HCM cũng đã đầu tư nguồn kinh phí khá lớn cho công tác bảo vệ môi trường. Theo thông tư 02/2017/TT-BTC quy định ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương) không thấp hơn 1% tổng chi, ngoài ra còn các nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có). Như vậy, những kết quả đạt được của hoạt động GDĐĐST cho SV TP.HCM không chỉ là sự nỗ lực của các trường ĐH mà còn phản ánh sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các cơ quan và cả hệ thống chính trị nói chung. Đây là biểu hiện rõ ràng về sự đoàn kết, thống nhất cùng xây dựng một môi trường giáo dục đạo đức và tư duy sinh thái hiệu quả, mang lại lợi ích cho SV và xã hội.

Thứ ba, Đảng ủy, BGH, cán bộ các phòng, ban, khoa, trung tâm, các tổ chức chính trị - xã hội trong trường ĐH đã phần nào nhận thức được vai trò quan trọng của công tác GDĐĐST cho SV. Lãnh đạo nhà trường đã đưa ra những quy định, nội quy liên quan đến công tác GDĐĐST cho SV và đầu tư nguồn lực vật chất cho hoạt động này. Các phòng, ban, khoa, các tổ chức chính trị - xã hội đặc biệt là ĐTN, HSV luôn duy trì công tác giáo dục nói chung, trong đó có GDĐĐST. Đoàn và HSV các trường ĐH TP.HCM luôn đổi mới, sáng tạo nhiều phong trào hoạt động, nhiều dự án, mô hình để thu hút sự tham gia đông đảo của SV. Đại bộ phận cán bộ Đoàn, Hội là những người có trình độ, nhiệt huyết, cùng với kinh nghiệm cá nhân họ đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin mang lại những giá trị hiệu quả, nâng

cao tính tương tác đối với SV trong công tác tuyên truyền, tổ chức hoạt động GDĐĐST.

Thứ tư, vai trò của đội ngũ giảng viên. Để đáp ứng nhu cầu tạo nguồn nhân lực cho khu vực phía nam, đội ngũ giảng viên các trường ĐH ở TP.HCM không ngừng tăng lên về số lượng và chất lượng. Chúng tôi tiến hành thống kê số lượng, trình độ giảng viên một số trường ĐH có kết quả như sau: trường ĐH Sư phạm TP.HCM năm học 2021-2022 tổng số giảng viên toàn trường là 512, trong đó có 3 giáo sư, 32 phó giáo sư, 164 tiến sĩ, 296 thạc sĩ, 15 cử nhân, tỷ lệ trình độ sau ĐH của giảng viên là 96.7%; trường ĐH Sài Gòn năm học 2021-2022 có tổng số giảng viên là 534, trong đó có 01 giáo sư, 31 phó giáo sư, 143 tiến sĩ, 350 thạc sĩ và 9 cử nhân, tỷ lệ trình độ sau ĐH của giảng viên là 98.3% [PL3, Bảng 3.27]. Đặc biệt, tỷ lệ giảng viên được đào tạo ở nước ngoài tăng lên. Đội ngũ này được tiếp thu những tri thức và phương pháp tiếp cận mới ở nước ngoài nên có thể thúc đẩy chất lượng đào tạo của TP phát triển. Phần lớn giảng viên TP là những người có trình độ chuyên môn cao, nhận thức tốt các vấn đề xã hội, trong đó có thực trạng môi trường, sự cần thiết phải bảo vệ môi trường. Thông qua quá trình giảng dạy, họ tiến hành lồng ghép nội dung giáo dục đạo sinh thái cho SV đạt kết quả.

Thứ năm, đại đa số SVCTĐH ở TP.HCM là người năng động, sáng tạo, có hoài bão lớn, họ muốn dùng sức trẻ của mình đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Cùng với quá trình GDĐĐST, bản thân SV tiến hành đồng thời quá trình tự giáo dục. Họ tự tìm hiểu về các vấn đề môi trường, biến đổi khí hậu,... từ đó tự nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của ĐĐST. Từ nhận thức này, SV có khả năng tự đánh giá, tự đối chiếu nhận thức và hành vi của mình với các chuẩn mực ĐĐST, qua đây tự điều chỉnh tư duy, nhận thức đạo đức, phát triển kỹ năng và đưa ra những quyết định đạo đức trong các tình huống thực tế liên quan đến môi trường. Họ sẽ là lực lượng truyền cảm hứng, khích lệ, lan tỏa ĐĐST đến với gia đình, bạn bè và cộng đồng xã hội.

3.2. Hạn chế trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và nguyên nhân

3.2.1. Nội dung giáo dục đạo đức sinh thái chủ yếu được lồng ghép vào các môn học khác nên hiệu quả chưa cao

Trong thời gian vừa qua, ngành giáo dục đã chú trọng xây dựng nội dung, tài liệu, chương trình giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, SV. Quán triệt quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chỉ thị, Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường ĐH trên địa bàn TP.HCM có sự quan tâm đến công tác GDĐĐST. Tuy nhiên, trên thực tế ĐĐST chưa trở thành một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ở bậc ĐH. Hệ thống tài liệu về nội dung ĐĐST trong chương trình ĐH chủ yếu là những cuốn sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài báo, tạp chí hay những công trình khoa học các cấp. Số lượng đầu sách xuất bản còn quá ít, chưa đáp ứng được yêu cầu. Nội dung trong các cuốn sách về ĐĐST hiện nay chủ yếu đề cập đến vấn đề ĐĐST nói chung ở trong xã hội, chưa có cuốn sách nào tập trung hướng đến SV với tư cách là cuốn giáo trình trong chương trình học. Vì vậy, kết quả nội dung GDĐĐST chưa thực sự cao, biểu hiện trong các nội dung giáo dục sau đây:

*** Biểu hiện trong giáo dục ý thức ĐĐST**

- *Giáo dục tri thức ĐĐST*: Một bộ phận SV chưa nắm vững được tri thức ĐĐST. Số liệu khảo sát cho thấy, có 61,3% SV cho rằng bản thân hiểu chưa tốt hoặc phân vân về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường, hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái, nguyên tắc phát triển bền vững; 45,1% SV chưa nắm được thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường, hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái... [PL3, Bảng 3.4]. Có tới 3,4% SV cho biết không được học nội dung nào có tri thức ĐĐST [PL3, Bảng 3.3]. Trong đó, SV khối ngành kinh tế là 1,1%, SV khối ngành khoa học tự nhiên là 0,9%, SV khối ngành kỹ thuật là 0,7%, SV khối ngành khoa học xã hội và môi trường là 0,3%, SV khối ngành sư phạm là 0,2% [PL3, Bảng 3.18]. Điều này cho thấy vẫn còn một bộ phận SV không quan tâm đến trang bị tri thức ĐĐST đặc biệt với SV khối ngành

môi trường, sự phạm. Khi họ không có hoặc tri thức ĐĐST không tốt sẽ ảnh hưởng đến quá trình hình thành tình cảm, niềm tin và hành vi sinh thái không phù hợp. Thực trạng đáng lo ngại về hiểu biết và nhận thức của một bộ phận SV liên quan đến tri thức ĐĐST cho thấy thực trạng GDĐĐST còn nhiều thiếu sót yêu cầu các chủ thể giáo dục cần khẩn trương đưa ra và thực hiện các giải pháp tăng cường chương trình giáo dục về môi trường để đảm bảo SV hiểu đúng và đầy đủ về vấn đề này. Đến thời điểm hiện tại, có lẽ là đã muộn để chúng ta nhìn nhận lại vai trò của giáo dục đạo đức, GDĐĐST trong hệ thống các trường ĐH.

- *Giáo dục tình cảm ĐĐST*: Vẫn còn một bộ phận nhỏ SV nhận thức chưa đúng về vấn đề môi trường sinh thái, chưa có tình yêu thiên nhiên, thái độ ứng xử và hành vi sinh thái chưa phù hợp. Xuất phát từ việc chưa nắm vững tri thức ĐĐST nên vẫn còn một bộ phận nhỏ SV thể hiện sự thiếu hiểu biết về các vấn đề môi trường đang diễn ra. Qua khảo sát có 7,8% SV cho rằng tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái ở nước ta hiện nay là không nghiêm trọng [PL3, Biểu đồ 3.3]. Điều này thể hiện sự thờ ơ của họ đối với sự phát triển của đất nước, của xã hội. Sự thiếu hiểu biết, sự thờ ơ này dẫn đến họ không nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của các cá nhân hay tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường. Có 10,9% SV cho rằng bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các công nhân vệ sinh, 14,6% SV trả lời bảo vệ môi trường là trách nhiệm của các doanh nghiệp, các cơ quan môi trường [PL3, Bảng 3.5]. Đây là nhận thức sai lệch và thiếu trách nhiệm xã hội của SV. Bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của công nhân vệ sinh, của các doanh nghiệp mà còn là trách nhiệm của cả cộng đồng, bao gồm SV. Có 13,4% SV cho biết động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường sinh thái của họ là được cộng đồng rèn luyện trong trường ĐH chứ không xuất phát từ nghĩa vụ, trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với môi trường và sự phát triển bền vững của xã hội [PL3, Biểu đồ 3.6]. Trong số đó, có 1,5% là SV khối ngành sư phạm, 1,4% là SV khối ngành khoa học xã hội, 0,5% là SV khối ngành môi trường. Thậm chí có một bộ phận SV của tất cả khối ngành cho rằng bị yêu cầu, bắt buộc thực hiện hành động bảo vệ môi trường [PL3, Bảng 3.19]. Thực trạng này rất đáng lo

ngại, đặc biệt với đội ngũ nhà giáo, cán bộ môi trường tương lai. Sự thật đáng buồn khi có một số SV thể hiện thái độ vô trách nhiệm, thờ ơ, không quan tâm khi chứng kiến hành vi gây ô nhiễm môi trường (8,4%) [PL3, Biểu đồ 3.5]. Khi SV vô trách nhiệm, thờ ơ có thể dẫn đến tăng cường những hành vi gây ô nhiễm môi trường, không tham gia vào các chiến dịch và chương trình vì môi trường... Thái độ này có thể phá rối tinh thần hợp tác cộng đồng trong nỗ lực bảo vệ môi trường. Thực trạng trên cho thấy nhiều trường ĐH chưa có chương trình GDĐST toàn diện. GDĐST không chỉ giáo dục về tri thức mà còn về thái độ, hành vi. Nếu SV chỉ học kiến thức môi trường từ góc độ học thuật mà không được thực hành, trải nghiệm thực tế, họ có thể không nhận ra trách nhiệm của bản thân. Để cải thiện thái độ và hành vi chưa tốt của một bộ phận SV đối với môi trường, các trường ĐH cần nâng cao trách nhiệm, quyết tâm hơn nữa.

- *Giáo dục niềm tin ĐĐST*: Một bộ phận SV chưa thực sự tin tưởng vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường (24,5%). Sự thiếu niềm tin này có thể gây ra những khó khăn trong việc triển khai và thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường khi mà một bộ phận dân cư, đặc biệt là SV không hoàn toàn ủng hộ và tin tưởng vào các biện pháp bảo vệ của Đảng, Nhà nước. Có 21,5% SV chưa tin tưởng vào khả năng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường của bản thân, gia đình và xã hội [PL3, Bảng 3.7]. Nếu SV – những người trẻ tuổi – chủ nhân tương lai của đất nước không tin tưởng vào khả năng của bản thân và cộng đồng trong việc khắc phục tình trạng môi trường ô nhiễm thì sẽ rất khó có được sự tham gia tích cực và hiệu quả từ họ trong hoạt động bảo vệ môi trường. Để giải quyết vấn đề này cần phải tăng cường giáo dục, tăng cường truyền thông nhằm nâng cao tầm quan trọng và khả năng của mỗi cá nhân, cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường.

*** *Biểu hiện trong giáo dục hành vi ĐĐST***

Một bộ phận SV chưa nắm rõ được các chuẩn mực ĐĐST như chưa biết yêu quý, tôn trọng, bảo vệ tự nhiên (20,3%), chưa tự giác thực hành nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn (23,5%), chưa hiểu rõ về công bằng trong khai thác, sử dụng tài

nguyên và bảo vệ môi trường (34,9%)...[PL3, Bảng 3.6]. Đây là kết quả của chương trình GDĐĐST chưa hiệu quả. Khi SV thiếu hiểu biết về các chuẩn mực ĐĐST sẽ dẫn đến hành vi sinh thái tiêu cực. Để cải thiện thực trạng này, cần có cuộc cách mạng trong chương trình giáo dục.

Những SV không hiểu rõ về các chuẩn mực đạo đức sinh thái có thái độ vô trách nhiệm thông qua hành vi sinh thái của mình. Số SV thực hiện những hành vi ĐĐST với thái độ đối phó không nhỏ, cụ thể 10,4% SV làm đối phó với hành vi bỏ rác đúng nơi quy định, 10,7% SV làm đối phó với hành vi tắt các thiết bị điện khi không sử dụng tại nhà, ở trường; 10,7% SV làm đối phó với hành vi thu gom, phân loại rác sinh hoạt... [PL3, Bảng 3.10]. Một bộ phận SV ở tất cả các khối ngành mà chúng tôi khảo sát đều trả lời có thái độ làm đối phó với các hành vi này, trong đó khối ngành kinh tế chiếm tỷ lệ nhiều nhất, khối ngành khoa học tự nhiên đứng thứ 2, khối ngành kỹ thuật đứng thứ 3, tiếp đến là khối ngành sư phạm, khoa học xã hội và môi trường [PL3, Bảng 3.20]. Tỷ lệ SV làm đối phó với các hành vi bảo vệ môi trường cho thấy nhận thức và ý thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường của một bộ phận SV còn hạn chế. Đặc biệt SV khối ngành môi trường, sư phạm, khoa học xã hội thường được kỳ vọng có nhận thức và ý thức cao về các vấn đề xã hội và môi trường. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ SV trong các khối ngành này có thái độ làm đối phó với hành vi bảo vệ môi trường cho thấy các chương trình giáo dục hiện tại chưa đủ hiệu quả để tạo ra sự thay đổi nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của tất cả SV. Kết quả này cho chúng ta thấy nội dung, chương trình GDĐĐST cho SV chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra trong Chỉ thị 02/2005/CT-BGDĐT và Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT. Các trường ĐH cần thay đổi phương pháp giảng dạy, tăng cường hoạt động thực tiễn tạo môi trường học tập thúc đẩy ý thức và hành vi bảo vệ môi trường một cách tự nguyện và tích cực. Theo quan sát thực tế của chúng tôi, một bộ phận SVCTĐH tại TP.HCM chạy theo lối sống thực dụng, chủ nghĩa tiêu dùng nhanh, thói quen tiêu dùng không lành mạnh, sử dụng những sản phẩm không thân thiện với môi trường. Họ lơ là với các vấn đề xử lý hậu tiêu dùng như phân loại, tái chế. Họ chưa

thấy được nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường. SV là đội ngũ có tri thức, trí tuệ cao trong xã hội, họ có khả năng truyền đạt kiến thức và ý thức môi trường cho người khác thông qua việc thực hành hành vi tích cực. Hành vi của họ sẽ ảnh hưởng đến toàn xã hội. Một bộ phận không nhỏ SV thực hiện hành vi ác với môi trường thông qua hoạt động hàng ngày tạo nên một chuỗi tác động tiêu cực trong cộng đồng là dấu hiệu của một chương trình GDĐĐST kém hiệu quả.

3.2.2. Phương thức giáo dục đạo đức sinh thái còn nhiều bất cập

* ***Bất cập biểu hiện trong hình thức GDĐĐST:*** Qua quá trình khảo sát SV của 6 trường ĐH và tìm hiểu Văn kiện Đại hội Đoàn, Văn kiện Đại hội HSV, Báo cáo công tác Đoàn và phong trào Thanh niên của một số trường ĐH, chúng tôi thấy rằng ĐTN và HSV của hầu hết trường ĐH ở TP.HCM đã kết hợp khá đa dạng các hình thức GDĐĐST cho SV. Tuy nhiên, nhiều hoạt động còn mang tính hình thức chưa thực sự đem lại hiệu quả cao, dưới đây là thực trạng một số hình thức giáo dục cơ bản:

Thứ nhất, GDĐĐST cho SV thông qua các môn học chính khóa chưa thu được nhiều kết quả. Kết quả khảo sát cho thấy có 14,1% SV không được học và không được giới thiệu nội dung giáo dục đạo đức sinh thái trong chương trình học [PL3, Bảng 3.12]. Tỷ lệ không nhỏ này cho thấy sự hạn chế trong tích hợp các nội dung đạo đức sinh thái vào chương trình giảng dạy ở trên lớp. Sự thiếu sót trong chương trình giáo dục này có thể dẫn đến sự thiếu ý thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường, phát triển những hành vi tiêu cực với môi trường ở một bộ phận SV. Điều này ảnh hưởng đến mục tiêu giáo dục con người toàn diện luôn được Thành ủy TP.HCM xác định trong quá trình lãnh đạo: “TP chú trọng xây dựng văn hóa, con người TP.HCM phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh” [38, tr.107].

Thứ hai, GDĐĐST thông qua hoạt động ngoại khóa chưa đạt kết quả như mong muốn. ĐTN, HSV các trường ĐH phát động nhiều phong trào liên quan tới công tác GDĐĐST cho SV, tuy nhiên việc thực hiện chưa đồng đều, chưa thường xuyên, chủ yếu diễn ra vào những ngày lễ hoặc đầu xuân, kỳ hè. Thực tế, ở một số cơ sở Đoàn, Hội hoạt động chủ yếu mang tính phong trào, hình thức, chưa thiết thực và số lượng SV tham gia còn hạn chế so với tổng số SV của trường; số phong trào,

hoạt động chưa nhiều so với tiềm lực của các trường. Trong năm học 2021-2022, Đoàn trường ĐH Tài chính – Marketing tổ chức 01 Ngày Chủ Nhật xanh cấp trường và 09 Ngày Chủ Nhật xanh cấp khoa [11, tr.15]. Số lần tổ chức phong trào như vậy chưa thực sự hiệu quả so với tổng số SV toàn trường là hơn 19.000 SV. Xuyên suốt cả nhiệm kỳ 2020-2023, HSV trường ĐH Sư phạm TP.HCM đã tổ chức 130 Ngày Chủ Nhật xanh cấp cơ sở (01 lần/học kì/cơ sở, trung bình 100 lượt SV/lần) và 06 Ngày Chủ Nhật xanh cấp trường (01 lần/học kì, thu hút 300 lượt SV/lần); tổ chức hơn 200 Ngày Thứ Bảy tình nguyện cấp cơ sở (01 lần/tháng/cơ sở, trung bình 40 lượt SV/ngày [17, tr.17], số ngày hoạt động tình nguyện ít so với số lượng SV của trường năm học 2020-2021 là 22.090 SV (cả hệ chính quy và vừa làm vừa học) [110].

Thứ ba, GDĐĐT thông qua các phương tiện truyền thông. Hầu hết các trường ĐH chưa khai thác, tận dụng nhiều hình thức truyền thông như sách, báo, video, trang web, khẩu hiệu, tờ rơi, áp phích... để tuyên truyền, phổ biến nội dung các hoạt động, phong trào đến SV. Kết quả khảo sát một số trường ĐH, chúng tôi thấy rằng các trường chỉ áp dụng một vài phương tiện truyền thông như trường ĐH Sài Gòn sử dụng trang web, áp phích, mạng xã hội; trường ĐH Tôn Đức Thắng dán nội quy học đường, sử dụng web, áp phích, mạng xã hội; trường ĐH Sư phạm TP.HCM, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM sử dụng trang web, tranh cổ động ở tất cả các tầng của tòa nhà, áp phích, video tuyên truyền, mạng xã hội... Với ưu thế của các phương tiện truyền thông, các trường ĐH cần tận dụng để mang lại hiệu quả giáo dục cao hơn.

*** *Bất cập trong phương pháp GDĐĐT:***

Do môn ĐĐT chưa được triển khai giảng dạy trong chương trình đào tạo mà chủ yếu được lồng ghép trong các môn học khác. Vì vậy, những bất cập trong phương pháp giảng dạy nội dung ĐĐT cũng chính là những bất cập mà các nhà nghiên cứu đã bàn đến khi giảng dạy các học phần khác ở các trường ĐH.

Thứ nhất, nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Phần lớn các chủ thể giáo dục đã sử dụng kết hợp phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại trong GDĐĐT. Tuy nhiên, GDĐĐT chỉ được các chủ

thể giáo dục kết hợp ở một số các học phần hoặc thông qua những buổi phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Chỉ thị và Quyết định của Thành ủy và UBND TP.HCM trong hoạt động sinh hoạt chính trị đầu khóa hoặc đầu học kỳ nên phương pháp chủ yếu là thuyết giảng, chưa phát huy được ưu điểm của những phương pháp khác.

Thứ hai, nhóm phương pháp dạy học trực quan

Phương pháp này có vai trò rất quan trọng, mang lại hiệu quả cao trong quá trình giáo dục đạo đức nói chung, phù hợp với GDĐĐST nói riêng. Bằng các hình ảnh trực quan như tranh, ảnh, video,... sẽ tác động trực tiếp đến các giác quan của đối tượng giáo dục mang lại hiệu quả. Các chủ thể giáo dục ở các trường ĐH đã sử dụng phương pháp này, hầu hết các trường chúng tôi tiến hành khảo sát đều có dán áp phích, khẩu hiệu về bảo vệ môi trường, như trường ĐH Sư phạm TP.HCM, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH quốc gia TP.HCM có thêm những bức tranh tuyên truyền kèm theo khẩu hiệu trên đó được đặt ở các chiều nghỉ tại khu vực cầu thang bộ tác động trực quan đến SV. Tuy nhiên một số trường ĐH chỉ trang trí trong khuôn viên trường vào những dịp kỉ niệm.

Thứ ba, nhóm phương pháp dạy học qua trải nghiệm, thực hành

Dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường, ĐTN và HSV đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV nhưng chưa đa dạng. SV chưa có nhiều hoạt động, sân chơi để thực hành những kiến thức đã học vào thực tiễn. Chủ yếu các trường tổ chức hoạt động như Ngày Thứ Bảy tình nguyện và Ngày Chủ Nhật xanh với mức độ khá thường xuyên. Một số hoạt động khác nhà trường chưa thực sự chú trọng, kém hiệu quả, nguyên nhân chính do kinh phí cho hoạt động thực tế còn hạn hẹp như tổ chức hoạt động đi thăm quan thực tế khu Bảo tồn thiên nhiên (7,2%), thường SV năm thứ 3 và 4 khối ngành về môi trường mới được tham gia; tổ chức hội trại về chủ đề bảo vệ môi trường (8,9%), tổ chức cuộc thi thời trang tái chế, bảo vệ môi trường (9,5%) [PL3, Bảng 3.13]. Như vậy, các trường ĐH cũng chưa đặt sự chú ý và ưu tiên đối với công tác GDĐĐST. Các hoạt động ngoại khóa cho SV chưa đa

dạng bắt nguồn từ sự thiếu nguồn lực tài chính, nhân sự và cơ sở vật chất để mở rộng các chương trình ngoại khóa cho SV tham gia.

3.2.3. Hạn chế từ phía chủ thể giáo dục đạo đức sinh thái

Thứ nhất, Đảng ủy, BGH cùng các phòng chức năng, các khoa, ĐTN, HSV của một số trường ĐH ở khía cạnh nào đó chưa thực sự quan tâm đến vấn đề GDĐĐST cho SV.

Khảo sát chương trình đào tạo, chúng tôi nhận thấy GDĐĐST chưa thực sự được chú trọng ở một số trường ĐH. Tại trường ĐH Tài chính – Marketing, có 15 ngành với nhiều chương trình khác nhau, tuy nhiên, chỉ có ngành Kinh tế có học phần Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên; ngành Luật kinh tế có học phần Luật môi trường, những chuyên ngành còn lại SV chỉ có thể được tiếp cận với nội dung GDĐĐST qua các môn lý luận chính trị. Tại trường ĐH Tôn Đức Thắng, trong chương trình đào tạo nhiều ngành học không có nội dung về ĐĐST như Kỹ thuật điện tử - viễn thông; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Công tác xã hội... Thực tế này khá lo ngại vì những cử nhân về kinh tế, kỹ thuật trong tương lai không nắm rõ được ĐĐST có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng như tăng sử dụng tài nguyên không bền vững, tàn phá môi trường vì lợi ích kinh tế; doanh nghiệp không được dẫn dắt bởi người có ý thức ĐĐST có thể thiếu trách nhiệm xã hội, không quan tâm đến tác động của hoạt động kinh doanh lên môi trường và cộng đồng xung quanh.

Hơn thế nữa, với một số ngành đặc thù (ngoài khối ngành môi trường) sau khi SV ra trường sẽ đóng vai trò là lực lượng chủ đạo trong công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường nhưng lãnh đạo khoa, nhà trường chưa thực sự lưu tâm đến GDĐĐST. Nếu như rất nhiều ngành ở trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM bắt buộc phải học môn Môi trường và phát triển thì ngành Triết học (khoa Triết học) môn này thuộc học phần tự chọn của SV. Hay ngành Giáo dục tiểu học (trường ĐH Sài Gòn) xác định môn Giáo dục môi trường là học phần tự chọn cho SV. Với học sinh tiểu học thì việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường là vô cùng cần thiết, vì vậy nhà trường cần cân nhắc để đưa môn học

này thành bắt buộc. Hoặc tại trường ĐH Sư phạm TP.HCM, rất nhiều nhà giáo trẻ tương lai không được tiếp cận với những môn học có nội dung ĐĐST hay môn Đạo đức học và giáo dục đạo đức như ngành Giáo dục đặc biệt, Sư phạm toán học, Sư phạm tin học, Sư phạm ngữ văn, Sư phạm lịch sử... Chúng tôi cho rằng, để góp phần cùng TP.HCM thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, các trường cần chú trọng xây dựng nội dung GDĐĐST cho nguồn nhân lực tương lai của xã hội.

Nhiều trường ĐH mới chỉ chú trọng đến việc đào tạo kiến thức chuyên môn, hoặc tập trung vào các lĩnh vực khác có tiềm năng tài chính lớn hơn. Họ chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong quá trình định hướng, quản lý, giám sát hoạt động GDĐĐST, nhất là ở các trường không đào tạo các chuyên ngành về môi trường. Đồng thời, cấp Ủy, BGH của một số trường ĐH chưa thực sự phát huy vai trò trong công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển GDĐĐST; chưa thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi, chưa đưa ra các chính sách, quy định hỗ trợ, khuyến khích công tác GDĐĐST cho SV trong nhà trường. Những trường ĐH chúng tôi tiến hành khảo sát đã đầu tư nguồn lực vật chất cho các hoạt động, phong trào nói chung nhưng hoạt động GDĐĐST chưa có nguồn kinh phí riêng, chủ yếu được tổ chức đan xen vào những đợt ra quân Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện nên quá trình giáo dục thông qua những hoạt động này không liên tục, không hệ thống và bị động, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan bên ngoài.

Lãnh đạo các trường ĐH đã chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng nói chung như giáo dục các giá trị truyền thống của dân tộc, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh, phổ biến thông tin về chủ quyền biển đảo, nhưng những văn bản, quyết định dành riêng cho GDĐĐST chưa được ban hành. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Chỉ thị, Quyết định của Thành ủy và UBND TP.HCM về vấn đề bảo vệ môi trường cho SV chưa được triển khai thường xuyên (33,4%), thậm chí có đến 6% SV khẳng định chưa bao giờ nhà trường tổ chức phổ biến pháp luật và những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường [PL3, Biểu đồ 3.10]. Đồng thời, chúng tôi tiến hành tìm hiểu văn bản của 6 trường ĐH trong thời gian từ 2018-

2023 chỉ có một số ít đề cập đến Chỉ thị, Quyết định của chính quyền TP.HCM như trong Văn kiện Đại hội Đại biểu ĐTN cộng sản Hồ Chí Minh trường ĐH Sư phạm TP.HCM lần thứ XX, nhiệm kỳ 2022-2024 có đề cập trực tiếp tới việc triển khai các hoạt động gắn với Chỉ thị 19-CT/TU ngày 19/10/2018 của Thành ủy TP.HCM về thực hiện Cuộc vận động “Người dân TP.HCM không xả rác ra đường và kênh rạch, vì TP sạch và giảm ngập nước”. Nhiều trường còn lúng túng trong cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về vấn đề giáo dục ý thức bảo vệ môi trường dẫn đến nội dung giáo dục chưa thật sâu, rộng và không thường xuyên. Thực tế ở 06 trường ĐH mà chúng tôi tiến hành khảo sát, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền về pháp luật cho SV, nhưng chủ yếu tuyên truyền Luật Thanh niên, Luật giao thông Đường bộ, Luật sở hữu trí tuệ.... Các Đoàn khoa chuyên ngành của các trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật, nhưng trọng tâm là hệ thống luật liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Năm học 2020 – 2021, ở trường ĐH Sài Gòn tổ chức nhiều hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật liên quan đến ngành học như tổ chức cuộc thi “Thiết kế poster chủ đề An toàn giao thông”, tìm hiểu luật kinh tế... [7, tr.4]. Năm học 2021 – 2022 ở trường ĐH Tài chính – Marketing, Đoàn Khoa Du lịch tổ chức “Tìm hiểu luật Du lịch 2017, Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú cho người nước ngoài tại Việt Nam; Đoàn khoa Công nghệ thông tin tổ chức hội thảo “Tìm hiểu về an ninh mạng”... [12, tr.14-15]. Bên cạnh đó, phòng Công tác SV tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa hoặc đầu năm học theo chủ trương của Đảng ủy và BGH. Tuy nhiên, theo số liệu khảo sát cho thấy chỉ có 12,5% SV được hỏi cho rằng nhà trường mình đang theo học đã tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa có nội dung GDĐĐST [PL3, Bảng 3.13]. Từ thực tế trên cho thấy, hầu như chỉ có các SV khối ngành môi trường mới được tiếp cận với những quy định, chính sách và pháp luật về môi trường, những SV chuyên ngành khác thì ít hơn. Vì vậy, chưa khơi dậy được ý thức, thái độ, hành vi tự giác bảo vệ môi trường của SV. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về GDĐĐST chậm, chưa đồng bộ, chưa thực sự đi vào cuộc sống. Đồng thời khẳng định, một bộ phận không

nhỏ SV chưa quan tâm tìm hiểu hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường. Điều này bộc lộ sự yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chiến lược, kế hoạch GDĐĐST của Đảng ủy, BGH cho SV.

Qua khảo sát một số trường ĐH, chúng tôi nhận thấy Đảng ủy, BGH đã phát huy tốt vai trò của mình trong công tác giáo dục đào tạo, tuy nhiên chưa thể hiện sự quan tâm đến công tác GDĐĐST, cụ thể: tất cả các cơ sở giáo dục đều xây dựng nội quy, quy chế thể hiện nội dung ĐĐST yêu cầu SV thực hiện, nhưng chế tài xử lý hành vi vi phạm đối với những lỗi liên quan đến ý thức bảo vệ môi trường chưa có hoặc chưa đủ sức răn đe, việc kiểm tra, giám sát không được thực hiện một cách nghiêm túc, chặt chẽ dẫn đến không phát hiện kịp thời các vi phạm của SV. Có đến 2,9% SV cho biết tại trường đang theo học không có quy định, văn bản nào liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường [PL3, Biểu đồ 3.9]. Số liệu chứng tỏ công tác tuyên truyền, giới thiệu thông tin nội quy, quy định của nhà trường đến SV chưa thực sự tốt, đồng thời cũng thấy được một bộ phận nhỏ SV không tôn trọng quy tắc và quy định của nhà trường, thiếu trách nhiệm trong việc duy trì một môi trường học tập tích cực, hiệu quả.

Một số cơ sở ĐTN và HSV ở nhiều trường ĐH còn thiếu kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động cho đoàn viên, hội viên. Hoạt động mang tính hình thức, nhằm chán. Một bộ phận Ban chấp hành chi Đoàn, cơ sở Hội còn chưa quyết liệt trong việc đề ra các giải pháp để tổ chức các hoạt động hiệu quả. Đặc biệt, một số chi Đoàn, cơ sở Hội ở các trường ĐH là năm nhất vì còn mới nên chưa có kinh nghiệm trong việc tổ chức hoạt động. Một số chi Đoàn, cơ sở Hội năm cuối vì bước vào giai đoạn nước rút nên Ban Chấp hành chi Đoàn bị bỏ bê trong việc tổ chức hoạt động. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch cán bộ Đoàn, Hội chủ chốt, xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa chưa thực hiện tốt tại một số đơn vị. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Hội chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

Thứ hai, trong chương trình giáo dục ĐH chưa triển khai giảng dạy môn đạo đức sinh thái nên hiện nay chưa có đội ngũ giảng viên có chuyên môn về lĩnh vực này.

Chúng tôi tiến hành tìm hiểu các khóa đào tạo ở một số trường ĐH thấy rằng, phần lớn giảng viên không giảng dạy chuyên ngành về môi trường không được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những nội dung liên quan đến môi trường cũng như ĐĐST. Một số giảng viên đã nhận thức được vai trò quan trọng của GDĐĐST nhưng họ không chủ động tìm tòi để có thể lồng ghép nội dung GDĐĐST thông qua các môn học mà bản thân đảm nhận. Một bộ phận giảng viên thiếu kiến thức về các vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường, coi GDĐĐST là vấn đề không quan trọng hoặc không liên quan đến lĩnh vực chuyên môn giảng dạy của mình. Do đó, họ thờ ơ với vấn đề môi trường, không kết hợp lồng ghép GDĐĐST vào học phần phụ trách cho SV. Tuy nhiên, cũng rất khó cho đội ngũ giảng viên không chuyên về khoa học môi trường, nhận thức của họ về lĩnh vực này còn hạn chế nên việc lồng ghép kiến thức ĐĐST vào giảng dạy không phải ở môn học nào cũng thuận lợi. Mặt khác, hầu hết các giảng viên thường phải đối mặt với áp lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nên họ còn rất ít quỹ thời gian để tìm hiểu về tri thức ĐĐST để có thể lồng ghép phù hợp với nội dung học phần giảng dạy. Đồng thời, phần lớn các trường ĐH chưa đưa ra những chính sách và cơ chế hỗ trợ giảng viên trong việc triển khai các hoạt động GDĐĐST. Sự thiếu đầu tư và hỗ trợ của nhà trường khiến giảng viên không có đủ động lực để thúc đẩy công tác GDĐĐST cho SV.

Thứ ba, *một số SV chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của ĐĐST và chưa dành sự quan tâm thích đáng cho vấn đề này.*

Điều này có thể do sự ưu tiên của họ đang dồn vào việc học chuyên môn và các hoạt động khác. Thực tế, SV phải hoàn thành khối lượng học tập rất lớn từ chương trình học. Họ thường phải đối mặt với áp lực thời gian từ việc hoàn thành chương trình học, các bài tập, dự án và các hoạt động ngoại khoá. Điều đó khiến cho việc GDĐĐST trở nên khó khăn, vì SV coi nó là một vấn đề không cần thiết hoặc không ưu tiên. Họ có thể làm giảm thời gian và sự tập trung cho vấn đề môi trường. Bên cạnh đó, do sự tác động của điều kiện kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng đến tư tưởng, nhận thức, lối sống của một bộ phận SV, nhu cầu của họ ngày càng đa dạng. Thực tế hiện nay có khá nhiều SV không quan tâm tới các vấn đề chính trị -

xã hội của đất nước, thờ ơ, lạnh nhạt với các những vấn đề mang tính toàn cầu trong đó có vấn đề môi trường sinh thái. Họ quan tâm đến lợi ích cá nhân hơn là lợi ích cộng đồng. Quá trình khảo sát cho thấy có 8,1% SV cho rằng vấn đề giáo dục đạo đức cho SVCTĐH ở TP.HCM là không cần thiết [PL3, Biểu đồ 3.1]. Số SV phủ nhận sự cần thiết của công tác GDĐĐST chiếm tỷ lệ nhỏ, tuy nhiên đây cũng là điều mà các trường ĐH vẫn cần tiếp tục quan tâm hơn nữa. Một bộ phận không nhỏ SV chưa nhận thức được vai trò quan trọng của công tác GDĐĐST, cho rằng GDĐĐST không quan trọng với việc xây dựng, hoàn thiện nhân cách SV phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững của xã hội hiện nay (8,9%); không hướng SV đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người - tự nhiên (8%), không truyền lại cho SV những chuẩn mực giá trị ĐĐST truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị ĐĐST của nhân loại trong bối cảnh quốc tế hiện nay (9,3%) [PL3, Bảng 3.2]. Tất cả những điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác GDĐĐST cho SV. Vì vậy, các chủ thể giáo dục cần đưa ra những giải pháp quyết liệt hơn nữa để nguồn nhân lực tương lai nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ sinh thái của mình.

3.2.4. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, do tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường

Kinh tế thị trường nhấn mạnh vào mục đích tăng trưởng lợi nhuận, do vậy vì lợi ích kinh tế của mình mà các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp vắt kiệt nguồn lực tài nguyên, phá hủy môi trường. Việc khai thác tài nguyên môi trường thiếu bền vững và không chú trọng đến bảo vệ môi trường đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với hệ sinh thái. Vì tập trung vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lợi ích cá nhân, một bộ phận doanh nghiệp chỉ quan tâm đến mẫu mã, chủng loại, chất lượng hàng hóa mà lãng quên việc đầu tư bảo vệ môi trường, không chấp nhận phải chịu trách nhiệm với hành động mà bản thân gây ra cho môi trường. Một số lãnh đạo địa phương và các ban ngành chỉ quan tâm đến GDP, tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá đã làm ngơ trước hiện trạng môi trường bị các cá nhân, doanh nghiệp tàn phá. Những tác nhân này không chỉ làm cho các động, thực vật mất đi mà con người cũng dần dần không trụ vững. Khi nhiều cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp không có ĐĐST sẽ là những tấm gương xấu cho thế hệ SV. Điều này gây trở ngại, khó khăn

không nhỏ cho công tác GDĐĐST nói chung, GDĐĐST cho SV nói riêng. Tuy nhiên, kinh tế thị trường là tất yếu khách quan mang tính hai mặt. Muốn thoát khỏi tình trạng nước nghèo kém phát triển, Việt Nam không thể không phát triển nền kinh tế này. Vấn đề là phải tìm được hạt nhân hợp lý để vừa thực hiện được kinh tế thị trường, vừa tham gia vào quá trình toàn cầu hóa mà vẫn bảo toàn được nòi giống và cuộc sống của chúng ta không bị hủy diệt. Đó là nhiệm vụ của GDĐĐST. ĐĐST phải đi từ cộng đồng, đi từ SV. SV mới nắm bắt được vấn đề lý luận và thực tiễn nhanh, tốt, làm hạt nhân phổ cập cho xã hội xây dựng nên một nền ĐĐST chung cho dân tộc.

Thứ hai, do hệ thống pháp luật chưa theo kịp thực tiễn, còn nhiều bất cập

Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 bộc lộ khá nhiều những hạn chế, bất cập, để phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 ra đời thay thế. Luật mới khá hoàn chỉnh, tuy nhiên quá trình triển khai gặp nhiều khó khăn, hướng dẫn thi hành còn chậm, các văn bản quy định có hiện tượng chồng chéo, cơ chế kiểm tra, giám sát doanh nghiệp thiếu cụ thể, xử phạt còn chậm, chế tài xử lý vi phạm pháp luật môi trường còn thấp chưa mang tính răn đe. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường quản lý lỏng lẻo, thực thi qua loa, chưa thực sự đi sâu sát thực tiễn..., các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường từ người dân, đặc biệt từ phía doanh nghiệp ngày càng tăng. Một bộ phận doanh nghiệp coi thường pháp luật, suy giảm đạo đức kinh doanh, vì lợi nhuận cố tình thực hiện những hành vi có hại cho sức khỏe của con người và môi trường. Vì vậy, tình trạng ô nhiễm môi trường ở TP ngày càng gia tăng. Thực trạng môi trường và đạo đức môi trường như vậy cho thấy thời gian qua công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập. Việc thiếu thông tin về pháp luật môi trường dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường gia tăng, điều này tác động xấu đến công tác GDĐĐST cho SV trên địa bàn.

Thứ ba, nội dung, chương trình GDĐĐST chưa thực sự mang lại hiệu quả

Hiện nay trong chương trình bậc ĐH chưa có môn ĐĐST. Nội dung GDĐĐST chỉ là sự lồng ghép với các môn học khác, tuy nhiên nội dung, phương pháp lồng ghép lại chưa cụ thể, thống nhất ở bậc ĐH; giảng viên các bộ môn khác

không được đào tạo kiến thức đầy đủ về ĐĐST, họ không có đủ kiến thức, kỹ năng, phương pháp để truyền đạt thông điệp môi trường một cách hiệu quả, dẫn đến kết quả giáo dục chưa cao. Sự thiếu vắng một môn học dẫn đến thiếu nhất quán trong nội dung truyền đạt ĐĐST ở các cơ sở giáo dục khác nhau. Môn ĐĐST trang bị cho SV kiến thức môi trường một cách hệ thống, chuẩn xác nhất và những kỹ năng thực hành để thực hiện những hành vi ĐĐST. Vì vậy, không có môn học này dẫn đến sự thiếu hiểu biết và nhận thức về những vấn đề môi trường và các ứng xử bền vững, thiếu ý thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện thay đổi tích cực đối với môi trường. Theo chúng tôi, sự thiếu vắng môn học và chương trình lồng ghép chưa cụ thể là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hiệu quả công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM chưa cao.

Thứ tư, nguyên nhân từ phía các chủ thể GDĐĐST

Một số cơ sở giáo dục ĐH chưa thực sự quan tâm đến vấn đề GDĐĐST cho SV. Ban lãnh đạo nhà trường chưa thực sự phát huy vai trò trong công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển GDĐĐST; chưa thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi, chưa đưa ra các chính sách, quy định hỗ trợ, khuyến khích công tác GDĐĐST cho SV trong nhà trường. Mặt khác, một số trường ĐH thiếu nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và con người để triển khai và duy trì các chương trình GDĐĐST khiến cho công tác giáo dục không đạt hiệu quả như mong muốn.

Các cấp Đoàn, Hội, đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội còn lúng túng, thiếu chủ động trong đổi mới phương thức hoạt động. Trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và giáo dục pháp luật còn hạn chế giải pháp mới. Một số hoạt động phong trào có nội dung và phương thức triển khai chưa đổi mới, thiếu sự chăm chút, đầu tư ở cả cấp Thành và cơ sở dẫn đến chưa phát huy hết tiềm năng, nguồn lực, lực lượng trong xã hội. Một bộ phận cán bộ Đoàn, Hội còn hạn chế về tác phong, tư duy chậm đổi mới, chưa thể hiện rõ vai trò thủ lĩnh của thanh niên.

Về đội ngũ giảng viên. Trên thực tế với hình thức học tín chỉ được triển khai ở tất cả các trường ĐH thì trong khoảng thời gian số tiết quy định cho một môn học cụ thể, giảng viên rất khó truyền tải hết nội dung môn học. Vì vậy, để họ có thể kết

hợp với các nội dung ĐĐST đôi khi quá tải về nội dung cho cả người dạy và người học. Kết quả phỏng vấn cho thấy, 32% giảng viên, cán bộ quản lý không kết hợp GDĐĐST trong quá trình giảng dạy, công tác. Lý do họ đưa ra rất đa dạng như GDĐĐST cần có những giảng viên chuyên ngành phụ trách; GDĐĐST nên thông qua hoạt động ngoại khóa sẽ hiệu quả; thời lượng môn học họ phụ trách ngắn mà nội dung lại nhiều nên không thể kết hợp lồng ghép; học phần phụ trách không phù hợp để kèm theo các nội dung GDĐĐST;... Mặt khác, thông thường giảng viên ngoài nhiệm vụ giảng dạy còn phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nên đôi khi họ ít quan tâm nghiên cứu để có thể lồng ghép kiến thức ĐĐST vào môn học của mình. Bên cạnh đó, có một bộ phận nhỏ giảng viên chưa nhận thức đúng vai trò quan trọng của công tác GDĐĐST. Họ chưa dành nhiều thời gian tìm hiểu nên thiếu kiến thức về ĐĐST để có thể lồng ghép phù hợp với nội dung học phần phụ trách dẫn đến hiệu quả GDĐĐST chưa tốt.

Về bản thân SV. Một bộ phận SV thiếu nhận thức về tầm quan trọng của ĐĐST nên thiếu tình cảm, niềm tin và động cơ tích cực bảo vệ môi trường. Một bộ phận SV thiếu ý thức học tập, mãi chạy theo lối sống thực dụng, thờ ơ với các vấn đề xã hội, trong đó có vấn đề bảo vệ môi trường.

3.3. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

3.3.1. Mâu thuẫn giữa yêu cầu thực hiện các chuẩn mực đạo đức sinh thái với thực trạng thực hiện còn nhiều bất cập

Một trong những vấn đề khó khăn cho công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM là mâu thuẫn giữa yêu cầu người dân, tổ chức, doanh nghiệp phải chấp hành các chuẩn mực ĐĐST và thực trạng thực thi. Mức độ ô nhiễm môi trường ở TP.HCM ngày càng nghiêm trọng với nhiều loại ô nhiễm như “ô nhiễm trắng”, ô nhiễm không khí ở mức báo động đỏ, ô nhiễm âm thanh. v.v.. Thực trạng này đã ảnh hưởng đến ý thức và nhận thức của người dân nói chung và SV nói riêng.

Ở cộng đồng dân cư tại khắp các tổ dân phố, phường, quận, huyện trong TP vẫn còn quá nhiều những hành vi ứng xử chưa văn minh như xả rác thải, chất thải

bừa bãi ra kênh, rạch, sông, lòng và lề đường, ... Có rất nhiều dòng kênh đen giữa lòng TP như rạch Xuyên Tâm, Kênh Sáu Sứ, rạch Bà Tiếng..., có nhiều tuyến đường chưa bao giờ hết rác như Hàng Tre (TP Thủ Đức), Nguyễn Văn Linh (quận 7)... Nguyên nhân chính của tình trạng này là do người dân chưa có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, chưa nhận thức đầy đủ và tự giác chấp hành những quy định về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người dân chưa thực hành nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn, chuộng sử dụng những sản phẩm gây hại cho môi trường, tiêu dùng nhanh, không tiết kiệm.

Hiện nay, ở TP.HCM và một số tỉnh lân cận có nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đặt lợi ích kinh tế lên hàng đầu bất chấp làm tổn hại đến môi trường tự nhiên, xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn cho phép như công ty Navaglory, Công ty Woodworth Wooden (huyện Củ Chi), Công Ty Thái Tuấn (quận Tân Phú)... Thậm chí, có nhiều doanh nghiệp bị xử lý vi phạm pháp luật về môi trường nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục vi phạm như công ty trách nhiệm hữu hạn An Hưng Nông (Long An), công ty giấy Nam Tiến, công ty TNHH MTV gỗ nông nghiệp (Bình Dương)... Tình trạng vi phạm các chuẩn mực ĐĐST của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngày càng diễn biến phức tạp và nghiêm trọng xảy ra ở tất cả lĩnh vực từ công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp, thương mại, y tế và chưa có chiều hướng giảm đi... Họ đã cố ý thực hiện những hành vi hủy hoại môi trường, gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe của cả môi trường và con người. Họ không nhận thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng xã hội và tương lai của nhân loại. Thực trạng ĐĐST xuất phát từ nhiều nguyên nhân: doanh nghiệp trốn tránh vì kinh phí đầu tư cho sản xuất xanh, sạch tốn kém; Nhà nước và các cơ quan chức năng về môi trường buông lỏng quản lý, hình thức xử phạt của pháp luật chưa nghiêm, chủ yếu xử phạt hành chính, các cơ quan chức năng thiếu trách nhiệm trong xét duyệt những chương trình, dự án kinh tế, xã hội... gây hại đến môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện các chuẩn mực ĐĐST.

Trên thực tế, SV chứng kiến nhiều hành vi thiếu ĐĐST từ xã hội, những người xung quanh, thậm chí cả một bộ phận nào đó trong nhà trường trái ngược với

những kiến thức được học trên lớp ở các cấp học. Một bộ phận SV nhận thấy nội dung GDĐĐST được học với thực tiễn đời sống ĐĐST không thống nhất với nhau. Thực trạng trên góp phần làm giảm niềm tin của họ vào chế độ xã hội chủ nghĩa, vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết sách của ngành giáo dục, những lý luận được trang bị trong nhà trường. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến công tác GDĐĐST cho người dân nói chung, cho SV nói riêng. Vì vậy, để công tác GDĐĐST cho SV đạt hiệu quả cần có sự phối kết hợp đồng bộ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, kết hợp giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội.

3.3.2. Mâu thuẫn giữa yêu cầu phải xây dựng nội dung, chương trình, phương thức giáo dục đạo đức sinh thái với thực tế chậm được đổi mới của chúng

Vấn đề ô nhiễm môi trường ở TP.HCM hết sức đáng lo ngại, gây nhiều bức xúc cho dư luận xã hội bởi những tác hại của nó đến con người, sinh vật và thiên nhiên. Để bảo vệ tương lai của TP.HCM, cần tăng cường công tác GDĐĐST cho mọi người dân, trong đó có SV. Tuy nhiên, trên thực tế ĐĐST chưa trở thành một môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo ở bậc ĐH mà được lồng ghép vào nội dung của một số môn học. Vấn đề bất cập thể hiện ở chỗ, trong chương trình đào tạo, nội dung ĐĐST lồng ghép ở các học phần khác không được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể chương, số tiết hay tiêu mục mà chỉ dừng lại ở sự chỉ đạo chung chung, mơ hồ. Vì vậy, mỗi cơ sở giáo dục, mỗi giảng viên lại triển khai nội dung này không thống nhất, ở nhiều mức độ khác nhau, thậm chí chỉ trang bị những tri thức cơ bản mà phần lớn SV đã được học ở phổ thông. Thực trạng này dẫn đến hiện tượng chông chéo kiến thức giữa các bậc học, cấp học làm cho chương trình GDĐĐST thiếu đồng bộ, thiếu cụ thể, thiếu thực tiễn, không hiệu quả. Điều này thấy được khi so sánh tương quan giữa các trường, với câu hỏi “Các nội dung trong giáo dục tri thức ĐĐST hiện nay mà anh/chị được học”, có 25,6% SV trường ĐH Nông lâm TP.HCM, 20,7% SV trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP.HCM, 18,4% SV trường ĐH Sư phạm TP.HCM, 17,6% SV trường ĐH Tôn Đức Thắng, 11% SV trường ĐH Sài Gòn, 6,6% SV trường ĐH Tài chính – Marketing được học về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường [PL3, Bảng

3.14]. Hoặc với các quyền và trách nhiệm về môi trường của con người mà SV được học giữa các trường cũng khác nhau [PL3, Bảng 3.15 - 3.16]. Nội dung giáo dục tri thức ĐĐST ở các trường ĐH khác nhau dẫn đến sự đa dạng và khác biệt trong mức độ hiểu biết, nhận thức và hành vi đạo đức sinh thái của SV.

Bên cạnh đó, trong chương trình GDĐĐST và các hoạt động thực tiễn bảo vệ môi trường chưa được thiết kế và triển khai một cách đồng bộ và tương thích dẫn đến sự thiếu liên kết và hiệu quả trong việc nâng cao ý thức và hành động bảo vệ môi trường trong SV. Nội dung GDĐĐST chưa được triển khai thống nhất dẫn đến SV không nhận thức rõ cách áp dụng những kiến thức và chuẩn mực ĐĐST vào các hoạt động bảo vệ môi trường trong cuộc sống thường ngày. Các chương trình giáo dục và hoạt động bảo vệ môi trường hiện nay chưa phản ánh đầy đủ và phù hợp với điều kiện và tình hình môi trường TP.HCM. Điều này làm giảm tính thực tế và hiệu quả của các chương trình và hoạt động GDĐĐST cho SV trên địa bàn. Vì vậy, để đạt được hiệu quả GDĐĐST cần xây dựng bộ môn ĐĐST về cả nội dung và phương pháp cho một số khối ngành như môi trường, khoa học xã hội, sư phạm trên cả nước nói chung, TP.HCM nói riêng. Đồng thời, xác định cụ thể nội dung tích hợp, lồng ghép nội dung ĐĐST vào các môn học khác.

Mặt khác, mâu thuẫn giữa hình thức, phương pháp GDĐĐST rất đa dạng với quá trình vận dụng chúng trong thực tiễn gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, một số trường ĐH tại TP.HCM mới chỉ chú trọng đến đào tạo kiến thức chuyên môn, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong quá trình định hướng, quản lý, giám sát hoạt động GDĐĐST, nhất là ở các trường không đào tạo các chuyên ngành về môi trường. Hình thức GDĐĐST còn mang nặng tính phong trào, thời điểm, nặng thành tích.

GDĐĐST cho SV cần sử dụng linh hoạt, phối kết hợp nhiều hình thức và phương pháp giáo dục khác nhau tùy thuộc vào mục tiêu giáo dục. Tuy nhiên, theo chúng tôi hình thức giáo dục hiệu quả với hoạt động GDĐĐST cho SV là thông qua hoạt động ngoại khóa và các phương tiện truyền thông. GDĐĐST sẽ thu được kết quả cao khi sử dụng phương pháp trực quan và phương pháp thực hành, thực tế.

Tuy nhiên, để duy trì thường xuyên những hình thức, phương pháp trên rất tốn kém đòi hỏi có sự đầu tư lớn trong khi kinh phí các trường ĐH hạn hẹp.

3.3.3. Mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên với vấn đề nhận thức trách nhiệm của các chủ thể

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM còn tồn tại những vấn đề đặt ra dẫn đến hiệu quả GDĐĐST chưa cao, trước hết về phía các chủ thể giáo dục. Về mặt lý luận, chủ thể giáo dục đóng vai trò quyết định đến các yếu tố khác. Họ là người xác định mục đích và xây dựng nội dung giáo dục, lựa chọn hình thức và phương pháp giáo dục phù hợp để đạt hiệu quả. Tuy nhiên, chủ thể GDĐĐST hiện nay còn tồn tại một số vấn đề cần giải quyết.

Ban lãnh đạo một số trường ĐH ở TP.HCM chưa thực sự thể hiện sự quan tâm đến GDĐĐST cho SV. Công tác triển khai thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các Chỉ thị, Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến GDĐĐST cho SV còn mơ hồ, lúng túng, mang nặng tính hình thức và không hiệu quả. GDĐĐST cho SV không nhận được sự chú trọng và đầu tư để phát triển một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, các trường ĐH cũng đang phải đối mặt với thời gian và tài nguyên hạn chế khi triển khai các chương trình GDĐĐST. Để nâng cao hiệu quả GDĐĐST cần đầu tư nhiều nguồn lực tài chính để đào tạo giảng viên, xây dựng cơ sở vật chất. Vì vậy, các cơ sở giáo dục có thể phải cân nhắc giữa việc đầu tư vào công tác GDĐĐST và vấn đề đáp ứng các yêu cầu khác như cải thiện cơ sở vật chất, mở rộng chương trình đào tạo, hay nghiên cứu khoa học.

Trong các trường ĐH, hoạt động GDĐĐST chủ yếu được thực hiện thông qua các tổ chức ĐTN và HSV. Tuy nhiên, một bộ phận đội ngũ cán bộ Đoàn không được đào tạo chuyên sâu về công tác thanh niên dẫn đến thiếu kỹ năng lãnh đạo, quản lý, thiếu kỹ năng triển khai các hoạt động, khó khăn khi đưa ra các giải pháp để tập hợp đoàn viên, thanh niên. Mặt khác, họ thiếu kinh nghiệm trong lãnh đạo,

quản lý, tổ chức các hoạt động; thiếu tầm ảnh hưởng và uy tín trong việc tập hợp hội viên tham gia các phong trào, các hoạt động liên quan đến GDĐĐST.

GDĐĐST yêu cầu đội ngũ cán bộ giảng dạy, quản lý phải có chất lượng ngày càng cao. Nhưng một bộ phận đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý các phòng, ban, khoa thiếu kiến thức chuyên môn về ĐĐST. Điều này gây khó khăn cho việc tích hợp nội dung GDĐĐST vào chương trình giảng dạy. Mặt khác, họ thiếu động lực thực hiện hoạt động GDĐĐST. Trên thực tế, chưa có một quy định, văn bản, chính sách nào tạo điều kiện vật chất hay có hoạt động khen thưởng để khích lệ, động viên giảng viên tham gia vào công tác GDĐĐST. Do đó, họ không có động lực, không muốn đóng góp công sức vào quá trình GDĐĐST cho SV.

Về phía SV, bên cạnh những SV nhận thức sâu sắc về vai trò quan trọng của công tác bảo vệ môi trường sinh thái, còn một bộ phận SV thờ ơ, lạnh nhạt với vấn đề này. Họ thiếu kiến thức và hiểu biết về các vấn đề môi trường hiện tại và tác động của chúng đến cuộc sống của con người và xã hội trong tương lai. Họ không có ý thức và tinh thần chủ động trong việc tìm hiểu về môi trường. Họ không cảm thấy phiền lòng hay bức bối, tức giận trước những hành vi hủy hoại môi trường. Họ không thể hiện sự ủng hộ và tham gia vào các hoạt động cộng đồng về bảo vệ môi trường. Sự thiếu quan tâm đến vấn đề môi trường có thể do họ chưa nhận thức và thấu hiểu đủ về tầm quan trọng của vấn đề môi trường đối với con người và xã hội. Nguyên nhân của vấn đề này phần lớn xuất phát từ việc SV thụ động trong quá trình học tập, rèn luyện. Điều này dẫn đến một bộ phận SV thiếu ý thức đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong quan hệ với môi trường tự nhiên. Vấn đề này đặt ra một yêu cầu cấp bách cần khơi dậy sự chủ động, tích cực, sáng tạo của SV trong quá trình học tập, rèn luyện. SV cần phải có năng lực biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục một cách hiệu quả, biết vận dụng sáng tạo những tri thức được học vào trong hoạt động thực tiễn.

3.3.4. Mâu thuẫn giữa yêu cầu giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên đòi hỏi sự đầu tư về nhiều phương diện nhưng các điều kiện đảm bảo cho hoạt động giáo dục này còn hạn chế

Hiện nay điều kiện vật chất đảm bảo cho quá trình giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng nhìn chung còn nhiều hạn chế. Để công tác GDĐĐST đạt hiệu quả yêu cầu nguồn lực vật chất khá lớn từ cơ sở vật chất phục vụ quá trình giảng dạy, học tập như phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm; các phương tiện dạy học như máy chiếu, máy tính, giáo cụ trực quan (bản đồ, tranh ảnh, sách, báo...). Ngoài ra còn cần những điều kiện vật chất phục vụ cho sinh hoạt cá nhân về ăn, ở, vui chơi, giải trí cho SV khi học tập tại trường như xây dựng nhà ăn, sân vận động, nhà đa năng... với những trang thiết bị hiện đại để tạo không gian học tập năng động, hiệu quả cho SV. Nhà trường cũng cần xây dựng không gian xanh, thoáng đãng giúp SV kết nối với thiên nhiên. Tuy nhiên, thực tế có nhiều trường ĐH ở TP.HCM chưa có điều kiện đầu tư cơ sở vật chất khang trang đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại, thậm chí nhiều trường vẫn phải đi thuê cơ sở nên thiếu thư viện, kí túc xá, không gian xanh...

Mặt khác, để công tác GDĐĐST cho SV hiệu quả cần tạo điều kiện để SV hoạt động thực tiễn thông qua các phong trào Đoàn, Hội của trường và địa phương. Các hoạt động ngoại khóa này cần nguồn tài chính không nhỏ để duy trì thường xuyên. Tuy nhiên, các trường ĐH cũng đang gặp nhiều khó khăn hoặc có những mục tiêu khác nên đầu tư chưa nhiều, kinh phí chủ yếu huy động từ nguồn hỗ trợ, tình thần đóng góp tự nguyện hoặc kêu gọi các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Đây là những vấn đề đặt ra cần giải quyết để đạt hiệu quả hơn trong công tác GDĐĐST cho SV trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 3

GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM thời gian qua đã đạt được những thành tựu nhất định, các chủ thể giáo dục đã bước đầu quan tâm đến công tác GDĐĐST cho SV. Đại bộ phận SV TP.HCM đã có ý thức sinh thái tích cực thể hiện ở việc nắm vững tri thức ĐĐST, có tình cảm ĐĐST và có niềm tin vào khả năng giải quyết các vấn đề môi trường. Phần lớn SV đã nhận thức đúng các chuẩn mực ĐĐST, đồng thời thực hiện hành vi ĐĐST tích cực. Tuy nhiên, so với mục tiêu, yêu cầu của công tác GDĐĐST trong điều kiện biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái hiện nay thì GDĐĐST cho SV ở TP.HCM vẫn còn một số hạn chế, bất cập và đặt ra những vấn đề cần giải quyết như lãnh đạo một số cơ sở giáo dục ĐH chưa thực sự quan tâm đến công tác GDĐĐST cho SV. Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa có ý thức cao về bảo vệ môi trường, họ làm cho có, thờ ơ với ô nhiễm môi trường. Một số SV ít quan tâm, thờ ơ, lạnh nhạt với các vấn đề môi trường; chương trình, nội dung GDĐĐST chưa thống nhất, đồng bộ giữa các cơ sở giáo dục; hình thức và phương pháp GDĐĐST rất đa dạng nhưng quá trình vận dụng trong thực tiễn lại gặp nhiều khó khăn. Để giải quyết những vấn đề đặt ra trong công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM đòi hỏi các chủ thể phải thực hiện đồng thời, hiệu quả các giải pháp thiết thực nhằm mang lại thành quả cao trong GDĐĐST cho SVCTĐH ở địa phương này trong những năm tiếp theo.

Chương 4

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC SINH THÁI CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

Từ thực trạng giáo dục đạo đức sinh thái cho SV các trường ĐH TP HCM và những vấn đề đặt ra, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy những thành tựu đạt được và khắc phục những hạn chế trong công tác này, hướng đến đào tạo những cử nhân không chỉ có chuyên môn giỏi mà còn có nhận thức đầy đủ và thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức sinh thái, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

4.1. Bảo đảm các điều kiện về môi trường thể chế cho hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

4.1.1. Đưa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái vào đời sống xã hội

Trong quá trình thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cùng với những thành tựu đáng kể về kinh tế, chính trị, văn hóa..., TP.HCM đang phải đối mặt với nhiều vấn đề môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng tiêu cực đến chiến lược phát triển bền vững. Để giải quyết những vấn đề này, Thành ủy, UBND đã đưa ra nhiều chủ trương, chiến lược, chính sách, kế hoạch, trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh. Trước yêu cầu cấp bách của thực tiễn, công tác giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng cần quán triệt quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước để giải quyết hiệu quả những vấn đề môi trường đặt ra. Để đảm bảo chủ trương, chính sách về công tác bảo vệ môi trường được thực hiện một cách hiệu quả, chúng ta cần đưa quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của Thành ủy, UBND TP.HCM về bảo vệ môi trường vào đời sống xã hội.

Thứ nhất, xây dựng chương trình giáo dục và tuyên truyền rộng rãi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quyết định, Chỉ thị của Thành ủy, UBND TP.HCM về môi trường và bảo vệ môi trường cho nhân dân. Trên cơ sở hiểu biết về pháp luật, người dân mới có thể sống và làm việc theo pháp luật. Nội dung tuyên truyền, phổ biến pháp luật môi trường cần được thiết kế linh hoạt, đa dạng phản ánh thực trạng môi trường ở TP.HCM và phù hợp với đối tượng tiếp nhận.

Thứ hai, tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi và đánh giá tình hình triển khai thực hiện chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường.

Thứ ba, xây dựng cơ chế và môi trường thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc thảo luận, đề xuất và thực hiện các chính sách, pháp luật về môi trường.

Thứ tư, phát triển kinh tế - xã hội để đảm bảo những chính sách và pháp luật về môi trường của Nhà nước có điều kiện được thực thi và mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Một khi người dân nhận thức và hành động theo những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sẽ dẫn đến việc giảm ô nhiễm, bảo vệ được các nguồn tài nguyên, cải thiện chất lượng môi trường sống. Thực tế này tạo môi trường học tập tích cực với những giá trị sinh thái nhân văn nhằm nâng cao nhận thức, thúc đẩy hành vi thiện của SV với môi trường tự nhiên.

4.1.2. Tăng cường giáo dục pháp luật về môi trường cho sinh viên

Để đạt được mục tiêu GDĐĐST, các trường đại học tại TP.HCM cần tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về môi trường cho SV. Giáo dục pháp luật về môi trường giúp SV hiểu về quyền và trách nhiệm của mình trong công tác bảo vệ môi trường. Thông qua đó, SV không chỉ hiểu rõ vai trò của bản thân trong việc duy trì và bảo vệ sự tương tác cân bằng giữa con người và tự nhiên mà còn nâng cao ý thức trách nhiệm với môi trường sống. Khi nắm vững hệ thống pháp luật liên quan đến môi trường, SV có thể chủ động tham gia tích cực

vào các hoạt động bảo vệ môi trường, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của con người lên môi trường sống. Bên cạnh đó, giáo dục pháp luật môi trường còn giúp SV hình thành tư duy pháp lý, nhận thức sâu sắc về hệ thống pháp luật và ý nghĩa của việc tuân thủ pháp luật. Điều này không chỉ giúp xây dựng một xã hội tuân thủ pháp luật mà còn góp phần hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật môi trường tạo nền tảng cho một xã hội phát triển bền vững. Đồng thời, giáo dục pháp luật môi trường còn cung cấp cho SV những công cụ và kỹ năng để phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường, giúp họ trở thành những người chủ động, trách nhiệm trong việc tìm kiếm những giải pháp cho các thách thức môi trường ở hiện tại và tương lai.

Các trường đại học tại TP.HCM cần tăng cường công tác giáo dục pháp luật về môi trường cho sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau, cụ thể: *Một là*, tích hợp nội dung pháp luật môi trường vào chương trình học để đảm bảo rằng mọi sinh viên đều tiếp cận được kiến thức; *Hai là*, nhà trường có thể cung cấp tài liệu học tập pháp luật môi trường phong phú như giáo trình, bài giảng trực tuyến, tài liệu tham khảo... ; *Ba là*, nhà trường có thể tổ chức các sự kiện, hội thảo, buổi thảo luận về pháp luật môi trường tạo cơ hội cho sinh viên tham gia trao đổi ý kiến, trình bày nghiên cứu và nắm bắt những thông tin mới liên quan đến môi trường; *Bốn là*, ĐTN, HSV trường thường xuyên tổ chức các hoạt động như các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu về pháp luật môi trường, thi hùng biện về chủ đề pháp luật môi trường...; *Năm là*, nhà trường cần hợp tác với các tổ chức, cơ quan liên quan đến môi trường và pháp luật cập nhật chương trình giáo dục, đảm bảo nội dung luôn phù hợp với xu hướng và sự thay đổi trong lĩnh vực môi trường, bảo vệ môi trường.

4.2. Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

4.2.1. Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Óc những người trẻ tuổi trong sạch như một tấm lụa trắng, nhuộm xanh thì nó sẽ xanh, nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ” [59, tr.57]. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng nội dung GDĐĐST phù hợp để mang lại hiệu quả

giáo dục cao. Mục đích của GDĐĐST nhằm thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, nâng cao nhận thức các giá trị đạo đức ở SV về tính bền vững của môi trường, mối liên hệ giữa con người với giới tự nhiên nhằm hướng tới hình thành những hành vi đạo đức tích cực với môi trường và thúc đẩy hoạt động bền vững.

Trong Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách, chủ trương, pháp luật và các thông tin về môi trường và phát triển bền vững cho mọi người, đặc biệt là trong thanh niên, thiếu niên; đưa nội dung giáo dục môi trường vào chương trình, sách giáo khoa của hệ thống giáo dục quốc dân, tăng dần thời lượng và tiến tới hình thành môn học chính khóa đối với các cấp học phổ thông” [103]. Quán triệt chỉ đạo của Đảng, các trường ĐH cần xây dựng nội dung GDĐĐST cho SV, cụ thể:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Chỉ thị, Quyết định của Thành ủy, UBND TP.HCM liên quan đến GDĐĐST.

Trong công tác GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM, nội dung tuyên truyền quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, Chỉ thị, Quyết định của Thành ủy, UBND TP.HCM liên quan đến GDĐĐST có vai trò rất quan trọng giúp SV hiểu rõ, hiểu đúng quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước và quan điểm của TP.HCM về vấn đề môi trường, bảo vệ môi trường giúp SV hình thành ý thức trách nhiệm cộng đồng trong bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa tôn trọng pháp luật trong sinh viên.

Một là, xây dựng nội dung tuyên truyền đa dạng, phù hợp và thường xuyên được cập nhật. Nội dung giáo dục phải làm cho SV thấu hiểu sâu sắc về tinh thần quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Điều này không chỉ giúp SV nắm vững kiến thức mà còn nâng cao khả năng nhận diện các luận điểm xuyên tạc, sai lệch của các thế lực thù địch, bảo vệ quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về vấn đề môi trường.

Hai là, kết hợp sử dụng các phương tiện truyền thông đa dạng như truyền hình, truyền thanh, báo chí, mạng xã hội... đảm bảo nội dung được lan tỏa rộng rãi và tiếp cận được với nhiều đối tượng SV. Bên cạnh các buổi học tập quán triệt Nghị quyết của Đảng, nghe các buổi báo cáo chuyên đề, nhà trường nên tổ chức các hoạt động phong phú như hội thi tìm hiểu Nghị quyết của Đảng, thi hùng biện, hội thảo, hội nghị, triển lãm, diễn đàn trao đổi với các chuyên gia, nhà giáo dục về thực trạng môi trường TP hay trong quản lý môi trường...

Ba là, xây dựng hệ thống học liệu dễ tiếp cận, hấp dẫn phù hợp với giới trẻ thông qua tích hợp công nghệ như sử dụng video, hình ảnh, biểu đồ, ứng dụng di động, mạng xã hội,... các tài liệu tuyên truyền nên ngắn gọn, súc tích để tối ưu hóa sự chú ý và tiếp thu, giúp truyền đạt quan điểm, chủ trương một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và hiệu quả.

Bốn là, nội dung tuyên truyền về GDĐĐST cần được thiết kế phù hợp với từng đối tượng SV. Nhà trường cần xác định rõ các nhóm đối tượng SV dựa theo năm học, ngành học để xây dựng nội dung, phương pháp tuyên truyền hiệu quả, đảm bảo tính phù hợp và tác động sâu sắc.

Thứ hai, cần xây dựng Bộ môn “Đạo đức sinh thái” cho SV một số ngành ở các trường ĐH tại TP.HCM, đồng thời tích hợp vào chương trình giảng dạy khiến nó trở thành một bộ phận quan trọng của giáo dục ĐH trong các lĩnh vực khác nhau.

Với giải pháp này, chúng tôi chia thành hai nhóm: khối ngành môi trường, sư phạm, khoa học xã hội (trong đó có ngành lý luận chính trị) và các khối ngành còn lại.

Với các khối ngành đào tạo liên quan đến môi trường, sư phạm, khoa học xã hội (đặc biệt là ngành lý luận chính trị) cần thiết đưa môn ĐĐST vào chương trình đào tạo bắt buộc trên phạm vi cả nước. Vì họ là đội ngũ nguồn nhân lực tương lai trực tiếp làm việc trong lĩnh vực môi trường và là lực lượng nòng cốt tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống (trong đó có GDĐĐST) cho thế hệ trẻ. Môn ĐĐST sẽ có quy trình kiểm tra, đánh giá theo quy định chung giống như các học phần khác. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần quy định thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức tối thiểu (ban hành khung chương trình đào tạo chuẩn). Trên cơ sở này, các trường ĐH

sẽ căn cứ vào chuyên ngành đào tạo, mục tiêu đào tạo để xây dựng chương trình, quy định số tín chỉ phù hợp. Bộ giáo dục và Đào tạo cần định hướng xây dựng khung nội dung chương trình và phương pháp giáo dục cho môn học ĐĐST. Bộ này cần đưa ra một lộ trình cụ thể về thiết kế nội dung môn học, đồng thời giao nhiệm vụ cho một số trường ĐH đào tạo chuyên ngành về ĐĐST để tạo nguồn giảng viên giảng dạy học phần này. Bên cạnh việc đưa môn ĐĐST vào chương trình học chính khóa của SV khối ngành môi trường, sư phạm, khoa học xã hội thì cũng cần tích hợp nội dung ĐĐST vào các môn đại cương, môn cơ sở ngành, môn kiến thức bổ trợ của các ngành này. Để làm được như vậy, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần thường xuyên mở các lớp tập huấn về vấn đề ĐĐST cho giảng viên để họ có kiến thức tích hợp nội dung ĐĐST vào môn học phụ trách. Các trường ĐH cần thiết phải tham khảo chương trình đào tạo của nhiều cơ sở đào tạo ĐH khác trên cả nước để xây dựng nội dung chương trình cho phù hợp với yêu cầu, xu thế của sự phát triển. Chúng tôi tiến hành tìm hiểu chương trình đào tạo của ngành sư phạm, khoa học xã hội và môi trường nhận thấy một số trường ĐH đã thực sự chú trọng vấn đề giáo dục đạo đức sinh thái cho SV thông qua những môn học cụ thể như tại trường ĐH Sư phạm Hà Nội, chương trình đào tạo chuyên ngành Triết học (Mác – Lênin) bậc ĐH, SV có học phần bắt buộc là Triết học về môi trường và con người (30 tiết, môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành). Triết học về môi trường và con người cũng là một học phần cung cấp cho SV nội dung ĐĐST, các trường có khối ngành sư phạm, khoa học xã hội nên tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo.

Với các khối ngành còn lại, các trường ĐH tại TP.HCM nói riêng, cả nước nói chung cần xây dựng chương trình đào tạo kết hợp lồng ghép với các môn học chính khóa ở trên lớp. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần đưa ra chính sách nhất quán về vấn đề tích hợp nội dung GDĐĐST vào chương trình học ở các cấp học khác nhau, bắt đầu từ bậc mầm non cho đến ĐH, sau ĐH. Nội dung GDĐĐST cần được xây dựng đồng bộ, đảm bảo tính hệ thống từ cấp học thấp đến cấp học cao, tránh tình trạng nội dung giáo dục chồng chéo, kém hiệu quả.

Đồng thời, ĐĐST là một bộ phận cấu thành của hình thái ý thức xã hội. Vì vậy, công tác GDĐĐST cho SV cần được kết hợp với nội dung giáo dục chính trị, pháp luật, văn hóa, thẩm mỹ, đạo đức nhằm trang bị cho SV một thế giới quan đúng đắn, khoa học và nhân sinh quan tích cực. Điều này được truyền tải thông qua một số môn học đại cương như Triết học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương... Thông qua các môn học này, SV nhận thức được những quy luật vận động tất yếu của lịch sử xã hội cũng như mối quan hệ giữa các lĩnh vực trong đời sống xã hội với vấn đề môi trường và những cân nhắc về đạo đức liên quan. Khi xem xét ĐĐST từ góc độ là một hình thái ý thức xã hội, nó bao gồm các khía cạnh như chính trị, văn hóa, tôn giáo, pháp luật, khoa học, thẩm mỹ,... Khía cạnh chính trị trong ĐĐST thể hiện tập trung trong nhận thức chính trị về bảo vệ và tôn trọng môi trường bao gồm nhận thức đúng các quyết định, chính sách liên quan đến môi trường sinh thái, trách nhiệm của SV trong công tác bảo vệ môi trường, tham gia các hoạt động chính trị - xã hội... Khía cạnh văn hóa trong ĐĐST thể hiện ở vấn đề tôn trọng, bảo tồn những giá trị của tự nhiên, thấy được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa con người và môi trường sinh thái, có tư duy, hành vi, lối sống hài hòa, gần gũi với tự nhiên, góp phần bảo tồn văn hóa bền vững. Khía cạnh pháp luật trong ĐĐST thể hiện ở việc phát triển những giá trị, nhận thức, thái độ, hành vi liên quan đến việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khía cạnh khoa học trong ĐĐST thể hiện sự khám phá, nắm bắt và vận dụng kiến thức khoa học để hiểu rõ về các quy luật vận động của môi trường sinh thái, sự tương tác giữa con người với giới tự nhiên... trên cơ sở đó phân tích và đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường hướng đến việc duy trì và phát triển bền vững. Khía cạnh tôn giáo của ĐĐST thể hiện sự nhấn mạnh vào việc tương tác giữa tôn giáo và môi trường, các giá trị tôn giáo có thể hướng dẫn hành vi con người trong việc bảo vệ và duy trì sự cân bằng của tự nhiên. Tôn giáo thường đề cao trách nhiệm của con người với môi trường tự nhiên, khuyến khích lối sống hài hòa, đối xử nhân văn và tôn trọng tự nhiên từ việc sử dụng tài nguyên bền vững đến việc duy trì cân bằng với các hệ thống môi trường.

Khía cạnh thẩm mỹ của ĐĐST thể hiện ở khả năng cảm nhận, tận hưởng và trân trọng vẻ đẹp của tự nhiên và môi trường xung quanh cũng như việc tạo ra và duy trì môi trường sống hài hòa; khích lệ con người sáng tạo nghệ thuật thể hiện tình yêu và sự quan tâm đến môi trường như những bức tranh, tác phẩm âm nhạc, bài thơ, văn... Như vậy, công tác giáo dục chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống và các khía cạnh khác đã dần hình thành tinh thần trách nhiệm của SV với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời giúp họ xây dựng niềm tin đúng đắn vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM. Trên cơ sở đó, SV nhận thức được nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với môi trường, họ sẽ tự nguyện tham gia công tác bảo vệ môi trường. Từ những lý giải trên cho thấy, để công tác GDĐĐST cho SV đạt hiệu quả cần tiến hành quá trình giáo dục tổng hợp bao gồm cả việc truyền đạt quan điểm, tư tưởng chính trị, pháp luật, khoa học, văn hóa, tôn giáo... nhằm tạo nền tảng nhận thức vững chắc, định hướng thái độ, hành vi của SV phù hợp với môi trường và sự phát triển của xã hội.

Mặt khác, GDĐĐST có cách tiếp cận liên ngành, liên kết với nhiều lĩnh vực khác nhau như khoa học, kỹ thuật, y học, nhân văn, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội học... Thông qua nghiên cứu khoa học và kỹ thuật giúp SV hiểu rõ hơn về hoạt động con người tác động đến môi trường sống, cách sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững, áp dụng các công nghệ xanh để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Thông qua kiến thức y học giúp SV nhận thức về tác động của môi trường sống đến sức khỏe con người và vai trò quan trọng của sự cân bằng hệ sinh thái. Thông qua kiến thức môn Pháp luật đại cương, Luật thương mại... giúp SV nhận thức rõ hơn vấn đề pháp luật ảnh hưởng đến quản lý và bảo vệ môi trường, hiểu rõ về trách nhiệm đạo đức cá nhân và tổ chức trong việc tuân thủ luật pháp liên quan đến môi trường, hiểu rõ hơn về cách luật pháp môi trường có thể tác động đến quyết định kinh doanh... Vì vậy, các trường cần tích hợp nội dung GDĐĐST vào các học phần để SV nắm rõ về sự tương tác phức tạp giữa các yếu tố và khám phá, tìm kiếm các giải pháp toàn diện cho các vấn đề môi trường và đạo đức.

Thứ ba, xây dựng nội dung GDĐĐST phù hợp với mục tiêu giáo dục và đối tượng SV, đồng thời gắn với yêu cầu phát triển của TP.HCM, của đất nước và thời đại

Một là, xây dựng nội dung GDĐĐST phù hợp với mục tiêu giáo dục: ĐĐST là một bộ phận của giáo dục ĐH nói chung nên mục tiêu của công tác GDĐĐST cho SV cũng chính là mục tiêu của giáo dục ĐH đã được xác định trong Luật Giáo dục 2019: “đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ” [69, tr.15], đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước như Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhấn mạnh: “Chăm lo xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, trọng tâm là bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách...” [39, tr.49-50] và “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học” [40, tr.232]. Như vậy, mục tiêu giáo dục mà Đảng, Nhà nước ta đề ra là xây dựng con người phát triển toàn diện cả đạo đức và tài năng. Để đạt được mục tiêu này, công tác GDĐĐST ở các trường ĐH tại TP.HCM phải đảm bảo tính khoa học, tính khả thi, tính thống nhất, tính toàn diện, tính toàn cầu.

Tính khoa học trong GDĐĐST cho SV thể hiện ở việc các trường ĐH trang bị hệ thống ý thức đạo đức sinh thái, chuẩn mực, hành vi ĐĐST chính xác, sử dụng phương pháp giảng dạy và hình thức tổ chức dạy học khoa học, hợp lý, hiệu quả; Tính khả thi thể hiện ở việc thiết kế, triển khai hiệu quả các hoạt động GDĐĐST như tích hợp nội dung GDĐĐST một cách hợp lý, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong giáo dục, khuyến khích sự tham gia tích cực của SV vào hoạt động thực tế bảo vệ môi trường...; Tính thống nhất thể hiện ở việc xây dựng nền tảng chung về các giá trị, các quy tắc, nguyên tắc đạo đức, kiến thức, hành vi đạo đức, thông qua chương trình học, hình thức tổ chức hoạt động giảng dạy thống nhất... ; Tính toàn diện thể hiện thông qua việc cung cấp kiến thức đa dạng về môi trường, văn hóa, đạo đức, pháp luật, khoa học... giúp SV hiểu được bản chất phức tạp và liên kết với nhau của các vấn đề môi trường và những cân nhắc về đạo đức liên quan, phát triển các kỹ năng giải quyết các vấn đề môi trường, khích lệ tư duy sáng tạo; Tính toàn cầu thể hiện qua việc trang bị kiến thức về môi trường trên phạm vi toàn cầu (biến

đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái... và sự tác động của những vấn đề này lên môi trường và cuộc sống con người trên khắp hành tinh) và trang bị kỹ năng môi trường trên phạm vi toàn cầu (kỹ năng tìm kiếm và phản ánh thông tin môi trường hiệu quả, kỹ năng tương tác và làm việc cùng người nước ngoài, kỹ năng đánh giá, ứng phó, giải quyết các vấn đề môi trường, kỹ năng kết nối xin tài trợ về kinh phí, nhân lực cho các hoạt động môi trường toàn cầu...). Khi được nhà trường trang bị những kiến thức, kỹ năng môi trường toàn cầu, SV sẽ sẵn sàng đối mặt với những thách thức môi trường và tự giác tham gia vào quá trình xây dựng một thế giới bền vững.

Đồng thời, để hướng tới giáo dục SV trở thành những chủ nhân phát triển toàn diện, bên cạnh trang bị kiến thức, kỹ năng thì nhà trường cần đẩy mạnh giáo dục văn hóa ứng xử, trong đó có văn hóa ứng xử với môi trường sinh thái. Văn hóa ứng xử của SV với môi trường sinh thái là tổng hòa các giá trị, thái độ, hành vi của họ với môi trường sinh thái nhằm tạo nên một môi trường sống bền vững cho con người, xã hội, muôn loài. Văn hóa ứng xử thể hiện thông qua sự tôn trọng và bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh sạch sẽ không gian học tập, sử dụng tài nguyên có trách nhiệm, tham gia các hoạt động tình nguyện về môi trường

Hai là, xây dựng nội dung GDĐĐST phù hợp với đối tượng SV. Các trường ĐH cần xây dựng, thiết kế nội dung GDĐĐST phù hợp với đặc điểm về lứa tuổi, tâm sinh lý, trình độ, khả năng nhận thức, chuyên ngành đào tạo và phù hợp với môi trường học tập (điều kiện vật chất, tình hình thực tế của môi trường học tập) cụ thể của SV. Bên cạnh môn ĐĐST bắt buộc trong chương trình học ở một số chuyên ngành (chúng tôi đề xuất ở trên), các trường ĐH cần giao nhiệm vụ xây dựng nội dung GDĐĐST tích hợp vào các học phần trong chương trình đào tạo cho Khoa, Bộ môn phụ trách chuyên ngành và học phần thiết kế phù hợp với đối tượng SV của mình. Chẳng hạn, trong môn Đạo đức kinh doanh cần thiết kế nội dung giúp SV phát triển nhận thức đạo đức và vai trò quan trọng của môi trường trong lĩnh vực kinh doanh, phân tích tác động (cả tích cực và tiêu cực) của hoạt động kinh doanh lên môi trường... (cần lấy ví dụ thực tế các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường)

giúp SV nhận thức rõ hơn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với môi trường, khuyến khích họ đưa ra các giải pháp sáng tạo để cân bằng giữa mục tiêu kinh doanh và bảo vệ môi trường; Hoặc trong môn Quản trị tài chính cần thiết kế nội dung để SV hiểu về tầm quan trọng của quản lý tài chính bền vững, tác động của các quyết định tài chính đối với môi trường, sự cân nhắc giữa mục tiêu tài chính và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với vấn đề môi trường....

Bên cạnh đó, nhà trường cần giao nhiệm vụ cho các Khoa chuyên môn phối hợp với phòng Công tác SV, ĐTN và HSV thiết kế những chuyên đề, cuộc thi, hội thảo gắn với chuyên ngành đào tạo để GDĐĐST cho SV. Chẳng hạn, với SV chuyên ngành Quản trị kinh doanh có thể thiết kế chuyên đề về Quản trị kinh doanh bền vững, hội thi ý tưởng kinh doanh bền vững, hội thảo về đạo đức trong quản trị kinh doanh. Với SV chuyên ngành Thiết kế thời trang có thể tổ chức các hội thi thiết kế thời trang từ việc sử dụng vật liệu tái chế, thiết kế đa dạng, tiết kiệm tài nguyên, Hội thảo về nguồn cảm hứng thiết kế thời trang từ thiên nhiên.... Thông qua những hoạt động gắn với chuyên môn như vậy, SV có thể hiểu thêm về vai trò, mối quan hệ giữa tự nhiên với đời sống xã hội và dần hình thành trách nhiệm với giới tự nhiên và sự phát triển của xã hội.

Ba là, xây dựng nội dung GDĐĐST cho SV gắn với yêu cầu phát triển của TP.HCM, đất nước và thời đại. Tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: “Giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường” là một trong 07 mối quan hệ lớn, “phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới” [40, tr.39] của đất nước ta. Thành ủy TP.HCM khẳng định: “thực hiện tốt chủ trương gắn kết phát triển hài hòa kinh tế và văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu... Kiên quyết không đánh đổi dự án kinh tế và bảo vệ môi trường” [38, tr. 83-84]. Điều này cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam và Thành ủy TP.HCM rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Vì vậy, trong chương trình giáo dục ở bậc ĐH, ngoài kiến thức chuyên ngành, các trường cần xây dựng chương

trình đào tạo nhằm trang bị ý thức, chuẩn mực và hành vi ĐĐST phù hợp với yêu cầu phát triển của TP.HCM và cả nước.

Các trường ĐH, đặc biệt với khối ngành kinh tế, kỹ thuật, khoa học tự nhiên khi thái độ thực hiện hành vi ĐĐST của một bộ phận SV còn hạn chế cần xây dựng nội dung giáo dục về *ý thức ĐĐST* như trang bị tri thức về vấn đề môi trường và phát triển bền vững, nắm rõ vai trò quan trọng của việc bảo vệ, quản lý, sử dụng tài nguyên môi trường; trang bị kỹ năng môi trường; phát triển tư duy sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ để đưa ra các giải pháp đột phá trước những thách thức môi trường và phát triển bền vững..., đặc biệt phải giới thiệu cho SV biết về thực trạng môi trường, bảo vệ môi trường và nguy cơ sinh thái ở TP.HCM hiện nay; trang bị cho SV những *chuẩn mực ĐĐST* như yêu quý, tôn trọng, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo vệ khí hậu và tính đa dạng sinh học; thực hành nếp sống văn hóa sinh thái; ...

Trong môi trường số hiện nay, các trường ĐH cần trang bị hành vi ĐĐST cho SV để họ thể hiện tinh thần bảo vệ và duy trì sự cân bằng trong hệ thống môi trường điện tử. Một số hành vi đạo đức cơ bản cần được giáo dục là *tiết kiệm năng lượng* bằng cách tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng chế độ tiết kiệm năng lượng; *Sử dụng mã hóa hiệu quả và lưu trữ dữ liệu một cách tiết kiệm, hiệu quả* để giảm thiểu lượng dữ liệu cần thiết và tối ưu hóa sử dụng tài nguyên lưu trữ; *Sử dụng phần mềm năng lượng và phát triển bền vững* nhằm truy cập dữ liệu chính xác, giảm chi phí thu thập dữ liệu, sử dụng năng lượng hiệu quả thúc đẩy tăng trưởng bền vững; *Tái sử dụng và tái chế thiết bị điện tử* để giảm lượng rác điện tử và tài nguyên cần thiết cho sản xuất mới; *Cân nhắc về tình trạng tài nguyên khi sử dụng dịch vụ trực tuyến*: tải tài liệu chỉ khi cần thiết giúp giảm tải trọng mạng và tiết kiệm băng thông (lượng dữ liệu mà trang web truyền tải trong 1s), sử dụng chế độ xem ngoại tuyến cho các ứng dụng và dịch vụ trực tuyến giúp tiết kiệm năng lượng thiết bị; *Thiết lập cài đặt tiết kiệm dữ liệu* nhằm tiết kiệm tài nguyên mạng, xóa dữ liệu cũ và không cần thiết, chọn các ứng dụng nhẹ và tối ưu....

Bên cạnh đó, ngày nay khoa học công nghệ phát triển các thiết bị và công nghệ thân thiện với môi trường (công nghệ xanh) ra đời ngày càng nhiều. Kiến thức

này có thể truyền đạt cho SV thông qua GDĐĐST. Các trường ĐH cần tổ chức các hội thảo, chuyên đề, diễn đàn liên quan đến chủ đề công nghệ xanh. Bằng cách tìm hiểu về các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió và thủy điện, SV có thể hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc giảm lượng khí thải carbon và bảo vệ môi trường, chứng minh khoa học và công nghệ có thể góp phần bảo vệ môi trường.

Để thực hiện được những nội dung giáo dục nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có kế hoạch xây dựng nội dung GDĐĐST đồng bộ, thống nhất giữa các cấp học; hỗ trợ kinh phí cho các trường ĐH thực hiện những dự án, kế hoạch về vấn đề môi trường; mở các khóa học bồi dưỡng về vấn đề môi trường cho các giảng viên không giảng dạy chuyên ngành môi trường; thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, hội nghị bàn về GDĐĐST. Có như vậy đất nước ta mới xây dựng được những công dân có ý thức về môi trường, ủng hộ, tham gia các hoạt động bền vững.

4.2.2. Đổi mới hình thức giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

SV có khả năng lĩnh hội, sáng tạo tri thức khoa học kỹ thuật công nghệ và có khả năng nhạy cảm với những vấn đề chính trị - xã hội. Họ là bộ phận xã hội dễ tiếp thu, lĩnh hội những quan điểm tư tưởng mới (cả tích cực và tiêu cực). Vì vậy, các chủ thể giáo dục phải thường xuyên đổi mới hình thức GDĐĐST cho phù hợp. Các hình thức GDĐĐST có mối quan hệ biện chứng với nhau, chúng có vị trí, vai trò, chức năng, đặc điểm riêng nên các trường ĐH cần kết hợp nhiều hình thức giáo dục khác nhau để phù hợp với mục tiêu và nội dung chương trình giảng dạy nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

Thứ nhất, GDĐĐST cho SV thông qua giảng dạy các môn học chính khóa:
Nhu chúng tôi đã trình bày ở phần nội dung giáo dục, để đạt hiệu quả trong GDĐĐST cho SV cần triển khai giảng dạy môn ĐĐST vào chương trình đào tạo bắt buộc ở trên lớp của một số khối ngành như môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, sư phạm.

Bên cạnh việc đưa môn ĐĐST vào chương trình học chính khóa của một số khối ngành thì cũng cần tích hợp nội dung ĐĐST vào các môn đại cương, môn cơ sở ngành, môn kiến thức bổ trợ, môn chuyên ngành của tất cả các ngành đào tạo.

Bằng cách này, SV có thể được học về vai trò quan trọng của ĐĐST và cách áp dụng nó vào cuộc sống hàng ngày. Với các môn học đại cương bao gồm các nhóm kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật đại cương, Tiếng Anh tổng quát, GDĐĐST đều có thể tích hợp vào các môn học này. Chẳng hạn, với môn Triết học Mác - Lênin có thể kết hợp nội dung liên quan đến GDĐĐST ở chương 2 chủ nghĩa duy vật biện chứng (Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả; Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại; Quy luật Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập; Lý luận nhận thức), chương 3 chủ nghĩa duy vật lịch sử (Ý thức xã hội; Bản chất con người); Môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin có thể kết hợp nội dung GDĐĐST ở chương 5 (Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam), Chương 6 (Toàn cầu hóa và Hội nhập kinh tế quốc tế); Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có thể tích hợp vào nội dung chương 3 phần Đường lối công nghiệp hóa (Công nghiệp hóa gắn với bảo vệ môi trường); Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ kết hợp vào chương 6 (Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng/trung với nước, hiếu với dân/chấp hành nghiêm chỉnh đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước); Môn Pháp luật đại cương có thể tích hợp vào nội dung chương 5 (pháp luật Hình sự và Tố tụng Hình sự - đưa ra những vụ án về môi trường bị xử lý hình sự), chương 8 (Pháp luật Đất đai và Môi trường); Hay với môn Tiếng Anh tổng quát có thể đưa các topic về môi trường, ô nhiễm môi trường... Với các môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành và môn kiến thức bổ trợ ngành thì sẽ tùy vào đặc thù môn học, bộ môn và khoa đào tạo sẽ xây dựng nội dung tích hợp cụ thể. Chẳng hạn, với ngành marketing, có thể tích hợp nội dung GDĐĐST ở môn cơ sở ngành ví dụ như môn Quản trị học – phân tích tác động của các hoạt động kinh doanh và quản trị ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng xã hội, thiết kế chiến lược kinh doanh bền vững...; Môn chuyên ngành như môn Tổ chức sự kiện – SV cần được trang bị những kiến thức về việc lập kế hoạch sự kiện sao cho tối ưu hóa tài nguyên, lựa chọn địa điểm tổ chức sự kiện gắn gũi với thiên nhiên và sử dụng những thiết bị thân thiện với môi trường; Môn kiến thức bổ trợ ngành như môn Khởi nghiệp và đổi mới – SV có thể được định hướng phát triển các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, xây

dựng mô hình kinh doanh bền vững ... Ngoài ra, tùy vào chương trình đào tạo, nhà trường có thể kết hợp GDĐĐST thông qua các môn kỹ năng mềm.

Thứ hai, GDĐĐST cho SV thông qua hoạt động ngoại khóa: Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ đạo: “chuyên mạnh quá trình giáo dục... từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học” [40, tr.232] có như vậy mới đạt hiệu quả, đặc biệt với công tác GDĐĐST.

Một là, nhà trường cần chỉ đạo phòng Công tác SV kết hợp với khoa Lý luận chính trị (một số trường là bộ môn lý luận chính trị thuộc khoa cơ bản), thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa hoặc đầu học kỳ, các hội nghị quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị liên quan đến công tác bảo vệ môi trường của Đảng, của Nhà nước và của TP.HCM.

ĐTN, HSV, các khoa đào tạo cần thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, hội thảo, diễn đàn về các vấn đề đạo đức và môi trường để khuyến khích SV tích cực tư duy, thảo luận và tìm kiếm giải pháp phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh... tổ chức buổi thảo luận, hội thảo về thực trạng môi trường và những nguy cơ sinh thái mà TP.HCM đang phải đối mặt (tình trạng xâm nhập mặn, nguy cơ TP bị nước biển nhấn chìm...). Khi SV hiểu rõ được thực trạng này sẽ thôi thúc hành vi bảo vệ môi trường của họ. Đây là hình thức tiếp cận rất hiệu quả để giới thiệu về ĐĐST, tạo sự nhận thức và gắn kết giữa SV với thực tế môi trường.

Hai là, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Nhà trường tạo điều kiện để ĐTN và HSV tổ chức Ngày môi trường SV với những hoạt động thực tế phù hợp với chuyên ngành đào tạo chẳng hạn với ngành kiến trúc có thể tổ chức cuộc thi vẽ tranh cổ động, thiết kế bền vững, thiết kế không gian xanh trong TP, thiết kế xây dựng nhà tự chủ năng lượng. Với ngành marketing có thể tổ chức cuộc thi thiết kế chiến dịch truyền thông bảo vệ môi trường, thiết kế sản phẩm hoặc dịch vụ bền vững, thiết kế chiến dịch tiếp thị cho các sản phẩm xanh, cuộc thi startup và ý tưởng sáng tạo về môi trường...). Hay Chương trình giảng đường xanh khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm và thân thiện với môi trường trong sinh hoạt hàng ngày như tổ chức các cuộc

thi thúc đẩy sử dụng xe đạp hoặc giao thông công cộng; Tổ chức *Sân chơi thể thao xanh* với các giải thi đấu thể thao như marathon, đua xe đạp, bóng đá và các hoạt động thể thao ngoài trời khác; Tổ chức các *lớp học ngoại khóa* liên quan đến chủ đề môi trường như cách làm trang trại hữu cơ, tìm hiểu quá trình tái chế, quản lý, giảm thiểu chất thải, khám phá cách thiết kế, sản xuất và tiếp thị sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường, ...

ĐTN và HSV các trường ĐH, đặc biệt là các khoa chuyên ngành về môi trường có thể tổ chức các chương trình học tập thực tế và trải nghiệm thiên nhiên để tạo cơ hội học hỏi, tăng cường nhận thức bảo vệ môi trường và thúc đẩy tinh thần học tập trong SV. Nhà trường có thể đưa SV đến trải nghiệm thực tế tại các khu vực như Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn, Trung tâm cứu hộ, du lịch xanh... Những trải nghiệm này giúp họ có cơ hội tìm hiểu và yêu thương thiên nhiên, đồng thời hiểu rõ được vai trò của môi trường đối với cuộc sống con người; hoặc tổ chức các buổi tham quan nhà máy, xí nghiệp, các đơn vị sản xuất “vật liệu xanh”, nhà máy xanh, quy trình sản xuất xanh, đầu tư công nghệ xanh như nhà máy Coca Cola Việt Nam (TP.HCM), nhà máy Bel Greenfield Asean (Bình Dương), nhà máy Jakob Sài Gòn – Green Mark Engineering (Bình Dương)... qua đây SV hiểu rõ hơn về vấn đề bảo vệ môi trường.

Đoàn và HSV các trường ĐH, đặc biệt các khoa chuyên ngành môi trường tổ chức các dự án môi trường hoặc tạo điều kiện để SV tham gia các dự án môi trường, các hoạt động tình nguyện của địa phương, các tổ chức phi chính phủ... Thông qua việc hỗ trợ và làm việc cùng với các tổ chức và cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường giúp SV hiểu và thực hành ĐĐST. Đây là những cách thực tế để giúp họ tăng cường ý thức bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, nhà trường cần khuyến khích SV tham gia nghiên cứu khoa học. Thông qua GDĐĐST, giảng viên có thể hướng dẫn, định hướng và khuyến khích SV nghiên cứu và phát triển các công nghệ, sản phẩm hay dịch vụ thân thiện với môi trường.

Để các hoạt động ngoại khóa của SV hiệu quả, Đoàn và HSV các trường ĐH cần khuyến khích thành lập các câu lạc bộ môi trường. Các câu lạc bộ này cung cấp không gian mở cho các ý tưởng, giải pháp môi trường mới, sáng tạo; tạo cơ hội cho SV tham gia các hoạt động xã hội vì môi trường. Thực tế, hiện nay ở TP.HCM chỉ

có một số trường ĐH có câu lạc bộ môi trường (chủ yếu là các trường đào tạo khối ngành môi trường như đã đề cập ở chương 3). Vì vậy, BGH, ĐTN và HSV cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn thành lập câu lạc bộ môi trường, hỗ trợ về chính sách, cơ sở vật chất, cung cấp tài chính, thúc đẩy liên kết, hợp tác với các tổ chức khác trong cộng đồng hoặc thiết lập quan hệ với doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ liên quan đến môi trường.

Thứ ba, GDĐĐT cho SV thông qua các phương tiện truyền thông. Hiện nay, SV không ngừng cập nhật thông tin về các vấn đề của đời sống xã hội. Họ là đội ngũ có trình độ học vấn cao nên có nhu cầu tiếp thu những tri thức của đất nước, nhân loại. Vì vậy, các trường ĐH cần sử dụng đa dạng các phương tiện truyền thông để chuyển tải nội dung GDĐĐT đến SV.

Ngày nay, SV dành nhiều thời gian tương tác trên không gian mạng xã hội, vì vậy các trường ĐH cần phải sử dụng mạng xã hội để tập hợp SV tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường. SV dễ tiếp nhận thông tin từ thế giới mạng hơn là các phương tiện truyền thông truyền thống như truyền hình, truyền thanh, báo giấy... Do vậy, công tác GDĐĐT cần triển khai hoạt động tuyên truyền, giáo dục thông qua mạng internet. Các khoa, phòng, ban, ĐTN và HSV các trường ĐH cần thiết thành lập các hội, nhóm để biến các thông tin từ nguồn không chính thống thành chính thống dựa trên các nền tảng xã hội chẳng hạn *Mạng xã hội học tập như Edmodo, Moodle, Google Classroom, Coursera, Khan Academy* để tạo các lớp học ảo, chia sẻ tài liệu học tập liên quan đến ĐĐT và những dự án, sự kiện môi trường; *Thiết lập các kênh Youtube, Tiktok, facebook* khuyến khích SV tạo và chia sẻ hình ảnh, video ngắn về các hoạt động bảo vệ môi trường; *Thiết lập zalo, WhatsApp, Telegram, Snapchat* để tạo các nhóm chat trao đổi thông tin, bài viết, hình ảnh, video về ĐĐT; *Thiết lập trang web của trường hoặc blog cá nhân hay Reddit* để chia sẻ thông tin, tạo sự kiện, diễn đàn liên quan đến ĐĐT;... Để công tác truyền thông đến SV hiệu quả, nhà trường cần quan tâm, bồi dưỡng chuyên môn, hỗ trợ trang thiết bị, tài chính cho các câu lạc bộ truyền thông trực thuộc cấp trường và các

đội nhóm truyền thông cấp cơ sở nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm truyền thông GDĐĐST.

Bên cạnh những hình thức nêu trên, các chủ thể giáo dục cần *GDĐĐST thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ* trong SV. Thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ để truyền tải thông điệp về bảo vệ môi trường và khuyến khích hành động bền vững: tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật và văn nghệ như hát, nhảy, kịch, múa, hòa nhạc, xem phim ngắn... về chủ đề môi trường; tổ chức triển lãm nghệ thuật về môi trường như triển lãm tranh, ảnh, tượng điêu khắc, tác phẩm thủ công; tổ chức các sự kiện văn hóa với chủ đề môi trường như Ngày hội môi trường với các gian hàng trưng bày về sản phẩm tái chế, tổ chức các sự kiện văn hóa dân gian như Lễ hội mùa xuân, Lễ hội đèn lồng với các hoạt động truyền thống liên quan đến môi trường; tổ chức cuộc thi văn hóa và nghệ thuật như thi viết văn, viết thơ,... Những sự kiện văn hóa và hoạt động nghệ thuật không chỉ truyền tải thông điệp về môi trường một cách sáng tạo, thú vị mà còn tạo cơ hội để SV tương tác, học hỏi, hành động bảo vệ hành tinh xanh.

4.2.3. Đối mới phương pháp giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Cũng giống như hình thức GDĐĐST, các phương pháp GDĐĐST cho SV có mối quan hệ biện chứng với nhau, không có một phương pháp nào có thể đóng vai trò là “chìa khóa vạn năng” đem lại hiệu quả tuyệt đối. Đối tượng GDĐĐST là SV – những con người cụ thể, với những đặc điểm riêng biệt về tâm, sinh lý, về văn hóa, lối sống, thói quen, về hoàn cảnh xuất thân khác nhau... nên tùy vào điều kiện hoàn cảnh cụ thể, các chủ thể giáo dục có thể lựa chọn hoặc kết hợp nhiều phương pháp giáo dục khác nhau nhằm phát huy được hiệu quả tốt nhất.

Thứ nhất, nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ

Nhóm phương pháp này phù hợp với hình thức giảng dạy ở trên lớp bao gồm các phương pháp như diễn giảng, vấn đáp, thảo luận,... để cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và ĐĐST. Với nhóm phương pháp này, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, vì nó phù hợp với đặc điểm của lứa tuổi SV, đặc biệt là SV TP.HCM có sự năng động, sáng tạo, thích tìm tòi, khám phá, có tư duy độc lập. Giảng viên có thể nêu ra những tình huống có vấn đề

về môi trường hiện nay để SV tìm tòi, khám phá, giải quyết như việc sử dụng một lượng lớn túi nhựa dùng một lần trong cuộc sống hàng ngày, bất bình đẳng môi trường... Thông qua quá trình tìm tòi, phân tích thực trạng, nguyên nhân và tìm ra những giải pháp cho những vấn đề môi trường giúp SV phát triển nhận thức và hình thành kỹ năng cần thiết góp phần bảo vệ môi trường, xây dựng tương lai bền vững.

Thứ hai, nhóm phương pháp dạy học trực quan

Phương pháp này được nhà giáo dục người Séc – Cômexki gọi là “nguyên tắc vàng ngọc”. Phương pháp này giúp truyền đạt thông tin đến người học một cách rõ ràng và dễ hiểu. Thông qua môn ĐĐST hoặc kết hợp lồng ghép nội dung ĐĐST với các môn học khác, giảng viên có thể kết hợp cho SV xem những video, hình ảnh, thước phim ngắn về vẻ đẹp của tự nhiên, những hành động đẹp bảo vệ môi trường của các nhóm SV, nhóm các bạn trẻ, các tổ chức và cộng đồng xã hội giúp lan tỏa năng lượng tích cực đến SV; những hoạt động tàn phá môi trường thế giới; những biểu đồ, số liệu về ô nhiễm môi trường và hậu quả của nó, về biến đổi khí hậu... yêu cầu SV trả lời những câu hỏi gợi mở liên quan đến nội dung bài học. Đồng thời, nhà trường cần tổ chức các buổi thăm quan thực tế môi trường nhằm tác động đến SV một cách sinh động và tự nhiên nhất mang lại hiệu quả GDĐĐST. Bên cạnh đó, chủ thể giáo dục cần phát huy những ưu điểm của phương pháp trực quan trong việc thiết kế pano, khẩu hiệu, tờ rơi và các tài liệu truyền thông khác để tạo ra những tác phẩm tuyên truyền độc đáo, sáng tạo giúp truyền tải thông điệp một cách rõ ràng, dễ hiểu, chính xác, hiệu quả nhằm thúc đẩy sự tương tác và hành động đạo đức từ người xem.

Để nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy đạo đức sinh thái, các giảng viên cần thiết ứng dụng công nghệ xây dựng bài giảng thú vị như powerpoint, canva, myViewBoard cho phép sử dụng video, hình ảnh... nhằm thu hút sự chú ý của người học; hoặc ứng dụng trong quản lý lớp học như Schoology, Moodle,... giúp sự tương tác giữa giảng viên và SV hiệu quả hơn. Giảng viên (đặc biệt giảng dạy khối ngành môi trường) nên áp dụng những công nghệ tiên tiến như hệ thống thông tin

địa lý (Gis) để phân tích dữ liệu ứng dụng; mô phỏng thực tế ảo hay ứng dụng trò chơi điện tử thú vị giúp SV hiểu hơn về môi trường.

Thứ ba, nhóm phương pháp dạy học qua trải nghiệm, thực hành.

Đây là nhóm phương pháp được 48% cán bộ, giảng viên tham gia phỏng vấn đánh giá là hiệu quả nhất khi tiến hành GDĐĐT cho SV TP.HCM. Để đạt được hiệu quả, các chủ thể giáo dục cần tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy và gắn những kiến thức lý thuyết về môi trường với giải quyết những vấn đề môi trường thực tế nảy sinh hiện nay. SV TP.HCM là những người rất năng động, thích sự trải nghiệm với những điều thú vị, mới lạ. Vì vậy, GDĐĐT cần gắn với thực hành, thực tiễn sẽ hiệu quả hơn. Nhóm phương pháp này phù hợp với hình thức giáo dục thông qua hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động ngoại khóa của SV như tổ chức các cuộc thi, học tập qua trải nghiệm; tham gia các tổ chức vì môi trường như Việt Nam Sạch và Xanh, Hạt mầm xanh (Green Seed), WildAct, Let's Do It, Change...;

Bên cạnh đó, trong GDĐĐT, các chủ thể giáo dục cần sử dụng *phương pháp nêu gương*. Những tấm gương trong công tác bảo vệ môi trường sẽ gây cảm hứng và tạo động lực thôi thúc SV nhận thức và hành động vì môi trường. BGH, ĐTN và HSV cần phát hiện, coi trọng, nêu gương những SV đạt được thành tích trong nghiên cứu khoa học và hoạt động tình nguyện trong bảo vệ môi trường để nhân rộng các tấm gương người tốt, việc tốt, lan tỏa, truyền tải những hình ảnh đẹp đến SV. Nhà trường cần giới thiệu cho SV biết đến những tấm gương trẻ tuổi ở TP.HCM và cả nước trong công tác bảo vệ môi trường như nhóm “Sài Gòn Xanh” lột xác cho những dòng kênh, rạch ô nhiễm; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Doanh nghiệp Xã hội Gen Xanh với các chiến dịch “Rác đi, quà về”, “Ngày hội sống xanh”, tổ chức SV “Nhà nhiều lá” khuyến khích thực hiện lối sống thân thiện với môi trường thông qua gom rác đổi quà.... Bằng nhiều hành động thiết thực của những người cụ thể sẽ là tấm gương sáng để SV noi theo.

Ngoài ra, các chủ thể giáo dục cần sử dụng *phương pháp liên ngành* nhằm khuyến khích SV khám phá, hiểu sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa các hệ thống sinh thái, mối quan hệ giữa con người và môi trường. Phương pháp liên ngành kết

hợp kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, nghiên cứu khoa học, kinh tế, chính trị, đạo đức... để giải quyết những vấn đề cụ thể. Chẳng hạn, trong lĩnh vực môi trường, phương pháp liên ngành có thể giúp SV hiểu rõ hơn về tác động của biến đổi khí hậu không chỉ dựa trên khoa học môi trường (cung cấp kiến thức về cơ chế và tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường, hệ thống sinh thái và hệ thống khí quyển...) mà còn dựa vào kinh tế, xã hội (tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội) và đạo đức (trách nhiệm của mỗi người và cộng đồng trong bảo vệ môi trường hiện tại và tương lai). Từ việc tìm ra tác động biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực khác nhau sẽ đưa ra các giải pháp từ góc độ môi trường, xã hội, kinh tế, đạo đức...; Hay vấn đề quản lý và bảo vệ rừng có thể tiếp cận từ việc kết hợp kiến thức khoa học môi trường (cung cấp kiến thức về hệ thống sinh thái rừng, quá trình tự nhiên, các yếu tố tác động đến môi trường rừng...), kiến thức về kinh tế (cung cấp góc nhìn về giá trị kinh tế của rừng), đạo đức (xem xét tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đảm bảo sự công bằng với thế hệ tương lai, cân nhắc đến quyền, lợi ích cộng đồng địa phương và đảm bảo quản lý rừng không gây hại đến người và môi trường), chính trị (đưa ra cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật liên quan đến bảo vệ rừng) để đề xuất các giải pháp quản lý rừng và bảo vệ đa dạng sinh học một cách bền vững.

Tóm lại, mỗi một hình thức và phương pháp giáo dục sẽ có những đặc điểm riêng, có những ưu điểm và hạn chế riêng. Vì vậy, mỗi trường ĐH sẽ căn cứ vào mục tiêu và nội dung trong chương trình đào tạo để cân nhắc sử dụng hình thức, phương pháp nào cho phù hợp với đối tượng SV của mình để đạt hiệu quả giáo dục cao.

4.3. Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ giữa các chủ thể GDĐĐST cho SV trong trường ĐH tại TP.HCM có ý nghĩa rất quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục, thống nhất truyền đạt nội dung GDĐĐST đến SV. Điều này tránh tình trạng mâu

thuần, tạo môi trường học tập đồng thuận và thống nhất giữa các chủ thể giáo dục để mang lại hiệu quả giáo dục cao.

**** Về phía Ban lãnh đạo các cơ sở giáo dục ĐH***

Lãnh đạo nhà trường cần xây dựng chiến lược, xác định rõ mục tiêu, xây dựng kế hoạch chi tiết, thiết thực về GDĐĐST. Nhà trường cần xây dựng một mô hình GDĐĐST rõ ràng, thống nhất, trong đó quy định rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của các chủ thể giáo dục như giảng viên, cán bộ quản lý và SV. Đảng ủy, BGH có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo và nội dung môn học ĐĐST. Nhà trường cần đưa ra nguyên tắc hoạt động, phối hợp giữa các khoa, bộ môn với các phòng, ban, trung tâm trong trường để tích hợp kiến thức ĐĐST thống nhất truyền đạt đến SV. Đảng ủy, BGH đề xuất và thiết lập chính sách, quy định và hướng dẫn liên quan đến GDĐĐST. Nhà trường cần xây dựng khung pháp lý, thiết lập cơ chế đánh giá thường xuyên để đo lường hiệu quả công tác GDĐĐST. Đồng thời, nhà trường cần có những hướng dẫn rõ ràng, cụ thể vấn đề GDĐĐST trong trường học:

Thứ nhất, nhà trường cần xây dựng nội quy, quy chế chặt chẽ để thiết lập kỉ luật, kỷ cương, nề nếp. Đồng thời, nhà trường cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những SV vi phạm quy chế, nội quy giảng đường, nội quy thư viện,... để bảo đảm trật tự, kỷ luật, tạo môi trường học tập chất lượng. Cần nhân rộng việc triển khai thực hiện nội quy, quy chế hiệu quả của một số trường ĐH ở TP.HCM như trường ĐH Tôn Đức Thắng đưa ra những quy định yêu cầu SV phải thực hiện và giám sát việc thực hiện những quy định liên quan đến bảo vệ môi trường. Chính những nội quy và hình thức xử lý nghiêm các vi phạm đã giúp trường ĐH Tôn Đức Thắng đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực có có ý thức, trách nhiệm với môi trường.

Thứ hai, lãnh đạo nhà trường cần thiết phải xây dựng quy chế khen thưởng xứng đáng đối với những cá nhân, tổ chức có thành tích trong hoạt động bảo vệ môi trường nhằm mục đích khuyến khích, tôn vinh những nỗ lực đóng góp tích cực của SV. Nhà trường có thể xây dựng quy chế khen thưởng dựa trên một vài gợi ý sau:

Một là, xây dựng tiêu chí đánh giá thành tích hoạt động bảo vệ môi trường của cá nhân, tập thể như một tiêu chí quan trọng tính điểm trong đánh giá rèn luyện của SV.

Tiêu chí đánh giá cần được thiết lập một cách rõ ràng, minh bạch, phản ánh đầy đủ các khía cạnh của hoạt động môi trường. Tiêu chí này có thể bao gồm việc tham gia hoạt động xã hội liên quan đến môi trường (đánh giá kết quả cụ thể như số lượng cây trồng, lượng rác đã tái chế, hiệu quả tiết kiệm năng lượng...); tham gia hoặc chủ trì các dự án nghiên cứu khoa học về môi trường đạt được hiệu quả trong giải quyết vấn đề môi trường; có đóng góp tích cực trong các chương trình và hoạt động xã hội liên quan đến môi trường....

Hai là, thiết lập các cấp độ khen thưởng tương xứng với thành tích và sự cống hiến của cán bộ, giảng viên, SV và các tập thể, tổ chức. Chẳng hạn, “khen thưởng bạc” cho những thành tích tốt, “khen thưởng vàng” cho những thành tích xuất sắc, “khen thưởng kim cương” cho những thành tích đặc biệt ấn tượng. Hoặc có nhiều hình thức khen thưởng có giá trị và ý nghĩa để tạo động lực cho SV tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như tặng thưởng giấy khen, bằng khen, học bổng hoặc cơ hội tham gia chương trình học tập hoặc trải nghiệm liên quan đến môi trường.

Ba là, xây dựng quy trình đánh giá công bằng, minh bạch. Nhà trường cần thiết lập một ban hoặc nhóm độc lập để đánh giá, xác định những cá nhân, tổ chức đạt được các tiêu chí và xứng đáng nhận khen thưởng. Quy chế khen thưởng phải được công bố công khai để giảng viên, cán bộ quản lý, SV hiểu rõ, cố gắng đạt được.

Bốn là, tổ chức những buổi lễ tuyên dương và trao giải cho những cá nhân, tập thể đạt thành tích trong công tác bảo vệ môi trường nhằm khích lệ tinh thần cống hiến của họ. Đồng thời lan tỏa, quảng bá, tuyên truyền những hành động đẹp, những gương điển hình trong hoạt động bảo vệ môi trường đến các cá nhân, tập thể khác, đến cộng đồng và toàn xã hội.

Năm là, ban lãnh đạo nhà trường, các khoa, phòng, ban, trung tâm phải thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình thực hiện công tác GDĐĐST, đảm bảo rằng các hoạt động được tiến hành theo đúng kế hoạch và đạt được mục tiêu đề ra. Đồng thời, nhà trường phải đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó tiếp tục ban hành nghị quyết, kế hoạch chỉ đạo cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

Thứ ba, Đảng ủy, BGH cần quan tâm tạo nguồn lực vật chất cho hoạt động GDĐĐST cho SV, bao gồm:

Một là, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, cung cấp các phòng học, phòng hội thảo tạo điều kiện thuận lợi cho các buổi thảo luận, trao đổi ý kiến và hợp tác với các dự án liên quan đến ĐDDST; xây dựng phòng thực hành, phòng thí nghiệm để SV có thể thực hành các kỹ năng bảo vệ môi trường, thiết kế khu vực mô phỏng để SV có thể thực hiện các hoạt động thực tế liên quan đến bảo vệ môi trường, khám phá các hiện tượng tự nhiên. Đồng thời, nhà trường cần đầu tư xây dựng khuôn viên xanh, sạch sẽ, thoáng đãng. Môi trường xanh sẽ khuyến khích sự sáng tạo và tư duy của SV. Cảm giác thoải mái và thư giãn có thể giúp họ tìm ra các ý tưởng mới và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Học tập trong môi trường gần gũi với tự nhiên như vậy giúp SV sống thân thiện với môi trường và trở thành những người bảo vệ môi trường trong tương lai.

Hai là, nhà trường quan tâm tạo điều kiện và có những hỗ trợ cần thiết về tài chính, cung cấp nguồn tài liệu học tập, tư vấn, tổ chức các chương trình, sự kiện, hội thảo, tọa đàm liên quan đến công tác GDĐDDST cho SV. Đồng thời, nhà trường chỉ đạo, đầu tư kinh phí để ĐTN và HSV tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế trải nghiệm môi trường; Bên cạnh đó, nhà trường cần tạo điều kiện, đầu tư kinh phí cử cán bộ Đoàn, Hội đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao kỹ năng, năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ tư, Lãnh đạo nhà trường cần chỉ đạo các phòng, ban chức năng, khoa chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội trong trường thường xuyên tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về những nội dung liên quan đến vấn đề môi trường; những Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường; những Nghị quyết, Chỉ thị của Thành ủy, UBND TP.HCM về công tác GDĐDDST cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, SV nắm rõ và thực hiện. Để đạt hiệu quả công tác tuyên truyền, mỗi cơ sở giáo dục cần thiết lập ra một tổ/ nhóm làm đầu mối và triển khai các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường tại đơn vị, triển khai đến từng cán bộ giảng viên, nhân viên và SV; Chỉ đạo các phòng chức năng, đặc biệt là Trung tâm tuyển sinh và quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác SV tìm kiếm cơ hội hợp tác với các tổ chức môi trường, cơ quan chính phủ và chính

quyền địa phương nơi trường có trụ sở, chính quyền địa phương nơi SV ngoại trú, các tổ chức chính trị - xã hội của địa phương tạo điều kiện cho SV có cơ hội học tập đa dạng và trải nghiệm thực tế môi trường.

Thứ năm, nhà trường phát huy hơn nữa hoạt động hợp tác, kết nối với doanh nghiệp, đặc biệt trong công tác GDĐĐST cho SV. Với tiềm năng và các mối quan hệ sẵn có giữa các trường ĐH và các doanh nghiệp ở TP.HCM trong thời gian qua, nhà trường cần đưa ra Nghị quyết về chủ trương, kế hoạch hợp tác, kết nối với các doanh nghiệp trong thời gian tới. Để mang lại hiệu quả hợp tác với các doanh nghiệp, các trường ĐH cần: *một là*, xây dựng chương trình khung về duy trì, kết nối doanh nghiệp, tổ chức các diễn đàn, hội thảo, hội nghị để kết nối nhà trường với doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, năng lượng tái tạo và phát triển bền vững; *hai là*, phát triển chương trình đào tạo tương ứng, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo dựa trên nhu cầu thực tế của thị trường lao động, tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo thực tế; *ba là*, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp trong giảng dạy, mời các chuyên gia, quản lý từ doanh nghiệp tham gia chia sẻ kinh nghiệm thực tế, đặc biệt là các doanh nhân có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế xanh để SV hiểu rõ hơn về tác động của hoạt động kinh doanh đến môi trường; *bốn là*, kêu gọi sự tham gia của các doanh nghiệp vào các dự án giáo dục thông qua việc hỗ trợ, tài trợ tài chính cho các hoạt động học tập, hoạt động tình nguyện và các cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế cho SV; *năm là*, tăng cường vai trò của Hội cựu SV trong việc kết nối, hợp tác với các doanh nghiệp, thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp của cựu SV hoặc các doanh nghiệp nơi cựu SV đang làm việc để tìm nơi thực tập, tìm nhà tài trợ cho các hoạt động của SV (trong đó có hoạt động tình nguyện vì môi trường).

Thứ sáu, nhà trường cần xây dựng chương trình giáo dục đa dạng và phong phú, kết hợp giữa học lý thuyết và thực hành để SV hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc tự học và chủ động nắm bắt kiến thức áp dụng vào thực tế cuộc sống. Đồng thời, nhà trường cần xây dựng môi trường học tập tích cực, cung cấp kết quả đánh

giá về quá trình học tập, rèn luyện, phát triển cá nhân SV để họ thấy rõ ưu điểm và hạn chế cần khắc phục trong quá trình tự giác rèn luyện ĐĐST của mình.

Thứ bảy, xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có tâm huyết, có trách nhiệm, là tấm gương điển hình về ĐĐST.

Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của đội ngũ giáo viên, Người nói: “Nhiệm vụ của giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa” [63, tr.345]. Thấm nhuần tư tưởng của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, “đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển” [71, tr.7]. Đảng rất coi trọng vị trí, vai trò của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, Đảng khẳng định: “chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo” [40, tr.232], “Đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Sắp xếp, đổi mới căn bản hệ thống các cơ sở đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp để cải thiện mức sống, nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” [40, tr.138-139].

Quán triệt quan điểm chỉ đạo nêu trên, nhà trường cần đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên. Các cán bộ quản lý, giảng viên không giảng dạy chuyên ngành về môi trường nên được đào tạo, bồi dưỡng các khóa học về môi trường, về phát triển bền vững, nâng cao năng lực về giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Đặc biệt, nhà trường cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ĐĐST cho đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị - họ là một trong những lực lượng nòng cốt truyền đạt những giá trị ĐĐST đến SV. Nhà trường cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức môi trường, các cơ sở giáo dục có chuyên ngành môi trường, các chuyên gia trong lĩnh vực môi trường, các doanh nghiệp và cộng đồng để mở các lớp tập huấn, các buổi thảo luận chuyên sâu về ĐĐST, về môi trường và phát triển bền vững. Đồng thời, nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích, hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu, viết bài báo, tham gia các hội thảo để nâng cao kiến thức và tạo ra những giá trị cho GDĐĐST.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND TP.HCM, Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM cung cấp nguồn giáo trình, tài liệu tham khảo, các tài nguyên khác về ĐDDST cho các trường ĐH trên địa bàn để giảng viên, cán bộ quản lý có thể nắm vững kiến thức cơ bản, phong phú về lĩnh vực môi trường thế giới và cả nước nói chung, về TP.HCM nói riêng.

Bên cạnh trang bị những tri thức, kỹ năng về môi trường, nhà trường cần tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội trải nghiệm thực tế như trực tiếp tham gia các hoạt động tình nguyện, chương trình du lịch sinh thái, thăm quan khu bảo tồn hay các vùng đất nông nghiệp sinh thái, đặc biệt với các giảng viên chuyên ngành về môi trường cần phải thực hiện những chuyến đi trải nghiệm trực tiếp để hiểu rõ hơn về hệ sinh thái, sự đa dạng sinh học và những thách thức mà môi trường đang phải đối mặt.

Nhà trường phải xây dựng môi trường sư phạm thuận lợi, chú ý đến môi trường làm việc như không gian làm việc thoải mái, trang bị đầy đủ công cụ, thiết bị, phương tiện cần thiết cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu. Đảm bảo không gian được thiết kế mở, thân thiện và khuyến khích sự giao lưu giữa các giảng viên, giữa giảng viên với SV. Đồng thời, nhà trường cần có chính sách đãi ngộ cho giảng viên khi tiến hành GDĐDDST như chính sách lương thưởng, thăng tiến và chế độ đãi ngộ hợp lý.

*** Về phía các khoa đào tạo, phòng, ban chức năng, các trung tâm, các tổ chức chính trị - xã hội**, đặc biệt phòng Công tác SV; phòng Quản lý đào tạo; Trung tâm dịch vụ ký túc xá, ĐTN và HSV các cơ sở giáo dục ĐH:

Thứ nhất, phòng Công tác SV có nhiệm vụ tham mưu cho Đảng ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất kế hoạch xây dựng chuyên đề liên quan đến GDĐDDST cho SV trong các hoạt động ngoại khóa lẫn chính khóa, đặc biệt là những buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm học. Phòng công tác SV cần tham mưu cho BGH trong việc xác định mục tiêu, lập kế hoạch hành động cụ thể, lộ trình triển khai và các biện pháp cần thiết để đảm bảo tính liên tục và bền vững của công tác GDĐDDST; tham mưu về việc hợp tác

với các đơn vị khác trong trường để đảm bảo tích hợp hiệu quả trong GDĐĐST; đề xuất cách xác định các tiêu chí, phương thức đánh giá kết quả công tác GDĐĐST cho SV.

Phòng Công tác SV cần tăng cường phối hợp hơn nữa với ĐTN, HSV và các đơn vị chức năng khác nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung liên quan đến môi trường cho SV, đặc biệt là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Tổ chức các cuộc thi, chương trình, sự kiện về vấn đề môi trường; Hỗ trợ, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức SV, câu lạc bộ, đội, nhóm tình nguyện tham gia các hoạt động thực tế bảo vệ môi trường. Đồng thời, phòng Công tác SV cần thiết lập hệ thống đánh giá kết quả đạt được, ghi nhận hoạt động và thành tích của SV liên quan đến GDĐĐST.

Thứ hai, Trung tâm dịch vụ ký túc xá có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường học tập và sinh hoạt có ý thức môi trường và đạo đức cho SV. Ban quản lý ký túc xá có nhiệm vụ thu thập, cung cấp thông tin, phân tích và đề xuất chính sách, biện pháp, chương trình cụ thể để đẩy mạnh GDĐĐST trong ký túc xá. Ban quản lý ký túc xá có trách nhiệm thiết kế, quản lý, duy trì môi trường sống bền vững trong ký túc xá; tham gia tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho SV trong ký túc xá; phối hợp với ĐTN, HSV tổ chức các hoạt động, sự kiện, chương trình và tạo điều kiện về không gian, cơ sở vật chất cho SV thực hiện các dự án, hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Thứ ba, Phòng Quản lý đào tạo và các Khoa chuyên môn xây dựng, đề xuất triển khai các chương trình đào tạo về GDĐĐST. Phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động đào tạo; thiết kế, phân phối tài liệu giảng dạy, tài liệu học tập và tài liệu tham khảo về GDĐĐST cho các khoa và triển khai đến SV.

Thứ tư, ĐTN, HSV là những tổ chức chính trị - xã hội của SV. ĐTN, HSV các trường ĐH cần bám sát kế hoạch, chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên, SV của Thành đoàn và HSV TP.HCM. ĐTN, HSV các trường ĐH cần xác định các mục tiêu, chủ đề, kế hoạch và tổ chức hoạt động phù hợp với điều kiện vật chất và đặc điểm SV của trường.

ĐTN và HSV các cấp, đặc biệt là ĐTN, HSV các trường ĐH cần phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của SV trong công tác bảo vệ môi trường. ĐTN và HSV các trường ĐH cần thực hiện một số nội dung cơ bản sau:

Một là, xây dựng mục tiêu cụ thể, chiến lược GDĐĐST rõ ràng.

Hai là, hỗ trợ SV phát triển các kỹ năng cần thiết để tham gia vào các hoạt động tình nguyện.

Ba là, thường xuyên đổi mới phương thức tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho SV, đồng thời ĐTN, HSV cần đổi mới nhiều hình thức hoạt động tình nguyện đa dạng, tổ chức nhiều chương trình, sân chơi ý nghĩa gắn với vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái, tổ chức các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường ở trong trường và khu dân cư... để thu hút sự tham gia của SV. Đồng thời, ĐTN các trường ĐH cần phát huy vai trò của cơ sở đoàn các Khoa, HSV, các câu lạc bộ, đội, nhóm tuyên truyền, cổ vũ, động viên đoàn viên, hội viên tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Bốn là, ĐTN, HSV cần thiết phải xây dựng đối tác với cộng đồng. Hợp tác với chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo ra các chương trình GDĐĐST bổ ích. Kết nối SV với các dự án, các nhóm xã hội tình nguyện vì môi trường. Điều này giúp SV có cơ hội tiếp xúc, học hỏi kinh nghiệm thực tế, phong phú, đồng thời ứng dụng những kiến thức được học vào thực tế cuộc sống. Qua đây, họ thấu hiểu sâu sắc hơn về vấn đề bảo vệ môi trường và duy trì cân bằng sinh thái.

Năm là, thực hiện giám sát, đánh giá thường xuyên các hoạt động tình nguyện của SV trong công tác bảo vệ môi trường, thiết lập chính sách khen thưởng, tôn vinh các thành tựu và đóng góp của họ trong công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, cần có sự phối kết hợp nhịp nhàng giữa ĐTN và HSV trong các hoạt động GDĐĐST.

Sáu là, ĐTN, HSV phải quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội vững mạnh làm trung tâm đoàn kết, tập hợp, khuyến khích, động viên SV tham gia các hoạt động GDĐĐST. Cán bộ Đoàn, Hội có trách nhiệm tạo ra môi trường thân thiện, xây dựng mối quan hệ gần gũi kết nối cán bộ, đoàn viên, hội viên và cộng đồng. Họ có vai

trò lãnh đạo trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động GDĐĐST. Họ định hướng, lập kế hoạch và tạo điều kiện thuận lợi để đoàn viên, hội viên tham gia. Do đó, bản thân người đoàn viên thanh niên, đặc biệt cán bộ đoàn, hội phải thực sự gương mẫu, luôn phấn đấu học tập, rèn luyện, hành động theo các chuẩn mực đạo đức và trau dồi kỹ năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**** Về phía đội ngũ giảng viên***

SV là những người rất năng động, sáng tạo, nhiệt tình. Tuy nhiên, do nhân cách chưa thực sự hoàn thiện nên đôi khi họ còn bông bột, ảo tưởng, thiếu kinh nghiệm sống. Vì vậy, trong quá trình tự rèn luyện, tự giáo dục đạo đức nói chung, ĐĐST nói riêng cần đến sự định hướng của các chủ thể giáo dục, đặc biệt là các thầy/cô giáo. Thông qua các hình thức và phương pháp giáo dục phù hợp, người thầy cần trang bị những tri thức ĐĐST và bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên cho SV. Đồng thời, người thầy cần khơi dậy được nghĩa vụ, trách nhiệm của SV với sự phát triển bền vững của xã hội và trách nhiệm đối với thế hệ tương lai. Người thầy cần đưa ra những giải pháp giúp kích thích tư duy sáng tạo của SV, đặc biệt trong công tác nghiên cứu khoa học để tạo ra những sản phẩm, dịch vụ, công nghệ xanh.

Để có được nguồn nhân lực xanh chất lượng cao, đội ngũ giảng viên phải thực sự tâm huyết, trách nhiệm với nghề, với xã hội. Họ là người tác động trực tiếp nhất đến quá trình hoàn thiện nhân cách, đạo đức của SV. Trong môi trường ĐH, giảng viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn truyền dạy các giá trị đạo đức (trong đó có giá trị ĐĐST) và nhân cách cho SV. Hay nói khác đi, giảng viên không chỉ hướng dẫn cho SV biết cách làm mà còn giúp họ hiểu tại sao phải làm. Bằng cách này, SV không chỉ thành thạo kiến thức chuyên môn mà còn phát triển tư duy đạo đức, thái độ tôn trọng môi trường, văn hóa và có khả năng thẩm định giá trị đạo đức.

Thái độ làm việc và hành vi ứng xử của giảng viên ở trong và ngoài lớp học có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư duy, nhận thức, hành vi và sự phát triển của SV, có thể giúp hình thành tính chủ động, tự giác trong học tập, rèn luyện ĐĐST cho SV. Sự tương tác thường xuyên và mẫu mực của giảng viên sẽ giúp xây dựng thế hệ SV có kiến thức, tư duy đạo đức, ý thức trách nhiệm, góp phần vào sự phát triển của xã

hội và môi trường. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển tích cực, sáng tạo của SV, đội ngũ giảng viên phải giỏi chuyên môn, mẫu mực về đạo đức, nhân cách, lối sống.

Bản thân mỗi giảng viên, đặc biệt là giảng viên giảng dạy lý luận chính trị, các môn khoa học xã hội và nhân văn, các chuyên ngành môi trường cần thấy được nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân với sự phát triển bền vững của đất nước và nhân loại, tự trau dồi tri thức, nâng cao năng lực, kỹ năng sư phạm... để truyền lửa bảo vệ môi trường cho các thế hệ SV. GDĐĐST cho SV chỉ hiệu quả khi “người lái đò” – giảng viên đã chuẩn bị sẵn sàng về tri thức, trình độ, năng lực, chuyên môn, kỹ năng, trách nhiệm, niềm tin với vấn đề môi trường. Giảng viên cần tự trang bị những phương pháp giảng dạy tích cực nhằm khuyến khích sự tương tác và thảo luận trong lớp học, biết cách tạo cơ hội cho SV thể hiện quan điểm, ý kiến riêng, xây dựng môi trường học tập năng động; giảng viên cần có phương pháp khích lệ SV hành động tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh tri thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy ĐĐST, bản thân giảng viên cần là những tấm gương thực hành ĐĐST. Sự cống hiến cùng những hành vi thân thiện với môi trường của giảng viên lan tỏa sự tích cực đến SV, giúp họ hình thành những giá trị và hành vi sinh thái.

Cuối cùng, để đạt được hiệu quả giáo dục đạo đức nói chung, GDĐĐST nói riêng cho SV cần tạo sức mạnh tổng hợp, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục của nhà trường với gia đình. Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên, nuôi dưỡng nhân cách đạo đức của SV. Gia đình giáo dục con em mình về trách nhiệm bảo vệ môi trường, lối sống bền vững, tiết kiệm tài nguyên. Gia đình giúp SV phát triển những kỹ năng sống cần thiết để thực hiện các hành động đạo đức và sống bền vững. Để phát huy vai trò của gia đình cần thực hiện một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, Đảng, Nhà nước và chính quyền TP.HCM cần quan tâm xây dựng gia đình văn hóa để hình thành, phát triển ý thức, thái độ và hành vi ĐĐST cho SV; *Thứ hai*, ông bà, cha mẹ, anh chị phải là những tấm gương thực hành đạo đức và ĐĐST cho SV; *Thứ ba*, các thành viên trong gia đình thường xuyên quan tâm theo dõi tình hình học tập và các hoạt động của SV, đặc biệt khi họ phải sống xa gia đình, động viên và tạo điều kiện cho con em tham gia các hoạt động tình nguyện và dự án môi trường; *Thứ tư*, nhà trường cần thường xuyên liên lạc,

thông báo kết quả học tập, rèn luyện của SV về gia đình (đồng thời thiết kế tài khoản cho gia đình có thể truy cập vào web đào tạo của nhà trường để nắm bắt thông tin), để gia đình kịp thời động viên, khen ngợi hoặc đưa ra những giải pháp ngăn chặn những biểu hiện xấu của SV nếu có.

4.4. Phát huy tính tích cực, chủ động trong tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức sinh thái của sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Trong quan niệm giáo dục hiện đại, quá trình giáo dục gồm bốn yếu tố là người giáo dục, người được giáo dục, yếu tố môi giới của quá trình giáo dục (nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục, thiết bị và công cụ giáo dục) và yếu tố môi trường của quá trình giáo dục (gồm cơ sở vật chất của trường, xã hội (điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa ...). Như vậy, hiệu quả của quá trình giáo dục phụ thuộc vào cả yếu tố chủ quan và khách quan. Tuy nhiên, nếu tất cả các yếu tố là người giáo dục, yếu tố môi giới và yếu tố môi trường của quá trình giáo dục đều rất tốt nhưng nếu người được giáo dục (SV) không chủ động, tự giác trong quá trình giáo dục, không biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục thì hiệu quả sẽ không cao. Theo chúng tôi, các giải pháp GDĐĐST cho SV đã được đề cập ở trên đều hướng đến mục tiêu chung là xây dựng, nuôi dưỡng tinh thần tích cực, tự giác, khuyến khích tính sáng tạo và tinh thần chủ động trong quá trình học tập và rèn luyện phẩm chất đạo đức và nhân cách của cá nhân SV.

Việc phát huy tính tự giác, chủ động học tập rèn luyện của SV đóng vai trò quyết định không chỉ giúp họ phát triển nhân cách toàn diện mà còn đóng góp vào công tác bảo vệ môi trường, xây dựng một tương lai bền vững cho xã hội. Triết học Mác – Lênin khẳng định, sự vật tồn tại được là do chúng vận động, sự tự vận động của sự vật được tạo nên do sự tác động lẫn nhau của chính các thành tố nội tại trong cấu trúc của nó. Vì vậy, trong quá trình giáo dục đạo đức sinh thái, SV không chỉ đơn thuần tiếp thu kiến thức mà còn phải tự mình phản ánh, tự đánh giá và hình thành các giá trị đạo đức sinh thái. Sự tự giác và chủ động học tập giúp SV nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của bảo vệ môi trường và duy trì cân bằng sinh thái. Họ nhận thức rõ bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của một cá nhân mà

của cả cộng đồng và xã hội. Điều này thôi thúc họ thực hiện những hành động tích cực để bảo vệ môi trường. Để SV nâng cao ý thức tự giác, chủ động học tập, rèn luyện thì đòi hỏi SV phải có những việc làm thiết thực sau:

Thứ nhất, SV cần nâng cao nhận thức về vai trò của tính tự giác, chủ động học tập, rèn luyện ĐĐST.

Trong công tác GDĐĐST cho SV, tự học và tự rèn luyện là quá trình tự hoàn thiện, thay đổi bản thân thích nghi với điều kiện sống cụ thể của SV. Để đạt được thành tựu trong học tập, rèn luyện SV cần tích cực tham gia vào các hoạt động học tập dựa trên ý thức tự giác và khả năng trí tuệ của mình. SV cần hiểu rằng, trong quá trình học tập, yếu tố quan trọng và cơ bản nhất là khả năng tự học. Những người dành nhiều thời gian cho việc tự học sẽ tích lũy một tiềm năng sáng tạo vô cùng phong phú. Đồng thời, những người có nhu cầu sáng tạo mạnh mẽ sẽ thúc đẩy ý chí tự học cao hơn. Khi SV có năng lực tự học không những giúp họ nắm sâu hơn kiến thức được học trong nhà trường mà còn tự trang bị những tri thức đạo đức nói chung, trong đó có tri thức ĐĐST. Tri thức đó của SV sẽ dần chuyển thành tình cảm, niềm tin, ý chí ĐĐST và thể hiện chúng qua hành vi ĐĐST cụ thể. Đạo đức không phải tự nhiên mà có được, ĐĐST cũng vậy, nó là kết quả của quá trình chủ động, tự giác rèn luyện, tu dưỡng suốt đời.

SV cần tự giác xây dựng thói quen học tập hiệu quả, thiết lập kế hoạch học tập rõ ràng và quản lý thời gian hợp lý. Sử dụng các công cụ như ứng dụng quản lý thời gian, lập mục tiêu học tập cụ thể và tự đánh giá tiến độ học tập, rèn luyện để thấy rõ ưu điểm và hạn chế cần khắc phục trong quá trình tự giác rèn luyện ĐĐST của mình. Việc chủ động và tự giác học tập giúp SV không chỉ nâng cao kiến thức mà còn phát triển phẩm chất đạo đức và ý thức bảo vệ môi trường.

SV tự giác nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm với môi trường. Ngày nay, việc tìm kiếm nguồn tài liệu, sách, bài giảng trực tuyến... về vấn đề môi trường, phát triển bền vững, cũng như các chính sách, chương trình bảo vệ môi trường đã trở nên dễ dàng, SV cần chủ động tìm kiếm để tự tìm hiểu và nghiên cứu sau giờ học. Khi đã hiểu sâu về các vấn đề môi trường, SV sẽ tự xây dựng ý thức

trách nhiệm cá nhân đối với các hoạt động bảo vệ môi trường, có động lực trong việc thay đổi hành vi cá nhân phù hợp với chuẩn mực của xã hội. Bên cạnh đó, SV cần chia sẻ kiến thức, tham gia thảo luận nhóm về các vấn đề môi trường mở rộng hiểu biết, rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề môi trường phức tạp.

Thứ hai, SV phải tự giác thực hiện những hành vi đạo đức sinh thái, tham gia tích cực các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường.

Để các giá trị ĐĐST thấm sâu vào suy nghĩ và hành động cá nhân thì SV phải được thực hành đạo đức. *Một là*, SV tự giác thực hiện hành vi đạo đức sinh thái trong cuộc sống hàng ngày như sử dụng các phương tiện công cộng, giảm thiểu rác thải nhựa, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.... SV cần lan tỏa thói quen tích cực đến bạn bè, người thân và cộng đồng xung quanh, qua đó tạo ra một mạng lưới nhận thức về bảo vệ môi trường rộng rãi. SV phải tự giác tuân thủ nghiêm các điều luật đã được ghi rõ trong Luật Bảo vệ môi trường của Nhà nước; tuyên truyền cho người thân, bạn bè và cộng đồng xã hội về vai trò của môi trường sinh thái, ý nghĩa của công tác bảo vệ môi trường. Đồng thời, SV phải tự biết đấu tranh với những hành vi sai trái, hủy hoại môi trường.

Hai là, SV phải tự giác, hăng hái tham gia các phong trào, hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường của các đơn vị, tổ chức trong và ngoài trường phát động. Hoặc tham gia/khởi xướng các dự án kết nối SV với cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề môi trường tại địa phương... Thông qua đó, SV được trải nghiệm, được rèn luyện, đúc rút ra những kinh nghiệm quý báu cho bản thân. Việc tham gia phong trào thiết thực này sẽ khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tiềm năng của SV, tác động đến nhận thức của họ. Họ thấy được vai trò vô cùng quan trọng của công tác bảo vệ môi trường đối với cuộc sống của con người và sự phát triển bền vững của nhân loại. Họ sẽ là lực lượng tiên phong trong công tác tuyên truyền, vận động đến người thân, bạn bè và xã hội tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

4.5. Bảo đảm các điều kiện về môi trường giáo dục, tài chính cho hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

4.5.1. Xây dựng môi trường thành phố Hồ Chí Minh sạch đẹp, văn minh

Công tác GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM cần phải được thực hiện một cách toàn diện từ gia đình, nhà trường đến cộng đồng xã hội. Một không gian sống văn minh, thân thiện với môi trường sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục nâng cao ý thức và hành vi bảo vệ môi trường của SV. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng TP.HCM sạch đẹp, thân thiện với môi trường, để làm điều này cần:

Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm của Thành ủy và UBND TP.HCM. Chính quyền TP.HCM cần thực hiện nhiều biện pháp: *Một là*, xây dựng và triển khai các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích công tác bảo vệ môi trường, đồng thời ban hành cơ chế, chế tài xử phạt nghiêm khắc, có tính răn đe đối với những hành vi gây tổn hại đến môi trường sinh thái; tăng cường quản lý rác thải, khuyến khích sử dụng các phương tiện công cộng thân thiện với môi trường. Đặc biệt TP.HCM cần quyết liệt hơn nữa trong thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng ngập lụt đô thị, xâm ngập mặn, thúc đẩy chương trình năng lượng xanh và sử dụng năng lượng tiết kiệm...; *Hai là*, tăng cường giám sát và thực thi pháp luật về môi trường để đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường và vệ sinh công cộng được tuân thủ đúng mức; thường xuyên tổ chức tuyên truyền pháp luật môi trường đến người dân. Đồng thời, chính quyền TP.HCM cần đưa thông tin về thực trạng môi trường kịp thời tới người dân; *Ba là*, chính quyền TP.HCM cần tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chức năng như Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo các biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện hiệu quả và hài hòa các mục tiêu phát triển khác của TP; *Bốn là*, Chính quyền TP.HCM cần tạo điều kiện để cộng đồng (trong đó có SV) có thể tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường; tổ chức các chương trình giáo dục nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân...

Thứ hai, nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương (quận, phường, tổ dân phố) nơi các trường ĐH có trụ sở. Chính quyền địa phương cần đưa ra những chính sách, quy định rõ ràng liên quan đến bảo vệ môi trường, vệ sinh công cộng và quản lý đô thị trong khu vực trường ĐH có trụ sở; thực hiện các biện pháp kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường; kết hợp với trường ĐH ở địa phương tổ chức các chiến dịch tình nguyện vệ sinh công cộng tại địa bàn....

4.5.2. Xây dựng môi trường giáo dục đại học tích cực thúc đẩy hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

ĐĐST là một bộ phận của ý thức xã hội, nó là sản phẩm của tồn tại xã hội. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV cần tạo lập môi trường giáo dục ĐH thực sự lành mạnh để các giá trị ĐĐST hình thành, tồn tại và phát triển. Trường ĐH không chỉ cung cấp điều kiện cho SV tiếp nhận kiến thức về môi trường sinh thái mà còn là nơi tổ chức, khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường. Muốn xây dựng môi trường giáo dục ĐH tích cực, lành mạnh cần thực hiện một số nội dung sau:

Một là, xây dựng môi trường văn hóa dân chủ, nhân văn trong giáo dục ĐH. Môi trường văn hóa dân chủ, nhân văn có vai trò đặc biệt quan trọng tác động đến chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Môi trường văn hóa dân chủ, nhân văn tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và SV tương tác và học hỏi từ nhau một cách tự do. SV được khuyến khích chủ động trong quá trình học tập như khuyến khích đặt câu hỏi, khuyến khích nghiên cứu khoa học... Môi trường dân chủ, nhân văn tạo cơ hội cho cả giảng viên và SV tham gia đóng góp ý kiến về chương trình học, quản lý của nhà trường hay các hoạt động ngoại khóa. Chính môi trường dân chủ sẽ khuyến khích SV tư duy độc lập, phân tích và đánh giá thông tin một cách tự tin. Môi trường nhân văn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành công dân có ý thức về xã hội, về môi trường và có khả năng đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội. Muốn xây dựng môi trường như vậy, các chủ thể giáo dục trong nhà trường cần tôn trọng và đối xử công bằng với SV, bảo đảm dân chủ giữa các chủ thể giáo dục với SV; đảm bảo tất cả các thành viên trong trường ĐH có quyền bày tỏ và đề xuất ý kiến; Quy trình ra quyết định tại trường ĐH cần công khai, minh bạch,

công bằng; nhà trường khuyến khích sự tham gia tích cực của giảng viên, SV trong các quyết định và hoạt động, đồng thời tạo điều kiện để SV phát triển kỹ năng tự học, tư duy độc lập, khả năng phân tích vấn đề chính xác .v.v..

Hai là, xây dựng cơ sở vật chất khang trang, gần gũi với tự nhiên. Các trường ĐH cần thiết phải đầu tư xây dựng khuôn viên trường đáp ứng nhu cầu GDĐST như xây dựng các tòa nhà xanh theo tiêu chuẩn bền vững, có hiệu suất năng lượng cao, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo và nguyên liệu xây dựng bền vững, tích hợp các hệ thống tiết kiệm nước và quản lý chất thải hiệu quả; xây dựng môi trường xanh với nhiều cây cỏ, vườn hoa và không gian tự nhiên nhằm tạo cơ hội cho việc giảng dạy ngoài trời diễn ra, thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường; tích hợp các khu vườn nhỏ và hệ thống xử lý nước thải tái sử dụng; thực hiện quy trình xử lý chất thải hiệu quả để giảng viên và SV học hỏi; xây dựng các khu vực ngoài trời linh hoạt cho các hoạt động ngoại khóa, các buổi thể dục hoặc các sự kiện giúp khuyến khích sự tương tác giữa SV với môi trường; Sử dụng sân thượng và không gian trên mái để tạo ra các khu vườn mái và sân thượng xanh để có môi trường sinh thái trên các bề mặt cao; Thiết kế các phòng học, phòng đọc mở, linh hoạt và xây dựng các khu vực học tập ngoài trời với bàn ghế, không gian làm việc thúc đẩy sự tương tác với môi trường cho SV; Nhà trường cần xây dựng cơ sở hạ tầng để khuyến khích sử dụng xe đạp, xe điện hoặc các phương tiện giao thông xanh khác trong khuôn viên trường. v.v.. Các trường ĐH trên thế giới như ở Singafore, Hàn Quốc, Trung Quốc... rất ưu tiên đầu tư cho khuôn viên trường ĐH rộng, sạch đẹp, nhiều cây, hoa như một công viên sinh thái tạo cảm hứng học tập, nghiên cứu, sự sáng tạo của SV. Học tập, nghiên cứu trong một môi trường ĐH xanh như vậy giúp SV tích cực trau dồi các giá trị, thực hiện tốt chuẩn mực ĐĐST phù hợp với mục tiêu giáo dục đã đề ra.

4.5.3. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn xã hội cho hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Công tác GDĐST là một trong những giải pháp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Đảng và Nhà nước. Để công tác GDĐST hiệu quả cần có

nguồn tài chính nhất định. Nguồn tài chính đầu tư cho công tác GDĐĐST cũng chính là nguồn tài chính đầu tư cho giáo dục nói chung được quy định tại Điều 95 Luật Giáo dục bao gồm ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, nguồn đầu tư hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước, nguồn vốn vay.

Để góp phần nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV, các cơ sở giáo dục ĐH cần sử dụng hiệu quả các nguồn vốn xã hội cho hoạt động GDĐĐST. Điều này đòi hỏi các trường ĐH cần quản lý tài chính thông minh và sáng tạo, cụ thể:

Một là, xây dựng chiến lược tài chính chi tiết cho hoạt động GDĐĐST bao gồm việc xác định nguồn tài trợ dự kiến, kế hoạch chi tiêu và tiết kiệm nguồn lực cho công tác GDĐĐST.

Hai là, thành lập quỹ hoặc nguồn hỗ trợ đặc biệt dành riêng cho hoạt động GDĐĐST. Điều này giúp tách biệt nguồn vốn này khỏi ngân sách chung và tạo tính minh bạch.

Ba là, hợp tác với các tổ chức phi lợi nhuận, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để thu hút nguồn vốn xã hội hoặc lập ra các chiến dịch/sự kiện/hội nghị để quyên góp, gây quỹ từ cộng đồng.

Bốn là, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tránh lãng phí khi tổ chức các hoạt động phong trào liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

Năm là, đảm bảo sự minh bạch trong quản lý tài chính và báo cáo kết quả sử dụng nguồn tài chính cụ thể cho công tác GDĐĐST.

Sáu là, nhà trường cần tuyên truyền đến cán bộ, giảng viên, SV thực hiện tiết kiệm tài nguyên trong trường để giảm chi phí cho công tác giáo dục nói chung, GDĐĐST nói riêng như sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các trang thiết bị dạy học, tiết kiệm điện, nước, giấy vệ sinh, quản lý khoa học hệ thống học liệu trong thư viện.

Tiểu kết chương 4

Những năm gần đây, đứng trước sự lên ngôi ngoạn mục của khoa học kỹ thuật buộc Việt Nam phải theo kịp cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Bởi thế, hậu quả khôn lường có thể xảy ra nếu phát triển kinh tế nhanh không đi đôi với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Vì sự nóng vội thúc đẩy phát triển nhanh nền kinh tế mà sẵn sàng tàn phá đến môi trường, khai thác quá mức dẫn đến cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng sinh thái. Nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, GDĐĐST cho SV là một vấn đề quan trọng mang tính chiến lược lâu dài. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận và phân tích thực trạng GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM, chúng tôi đã đề xuất năm nhóm giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SV TPHCM. Các giải pháp bao gồm: Bảo đảm các điều kiện về môi trường thể chế cho hoạt động GDĐĐST; Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp GDĐĐST; Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể; Phát huy tính tích cực, chủ động trong tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐST của SVCTĐH tại TP.HCM hiện nay; Bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động GDĐĐST cho SV.

Để công tác GDĐĐST cho SV đạt kết quả cao, các trường ĐH tại TP.HCM phải triển khai một loạt các giải pháp một cách linh hoạt, đồng bộ và sáng tạo. Đồng thời, cần có sự chỉ đạo chặt chẽ từ các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội cả trong và ngoài trường ĐH, sự đóng góp nhiệt tình của đội ngũ giảng viên, đặc biệt là các giảng viên chuyên ngành môi trường và sự chủ động, tích cực, tự giác của SV trong rèn luyện và học tập. Sự kết hợp chặt chẽ tất cả những yếu tố này sẽ dẫn đến thành công trong công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM hiện nay.

KẾT LUẬN

Phát triển bền vững là một trong những thách thức lớn nhất của thế giới ngày nay. Hiện nay, cả nước nói chung, TP.HCM nói riêng đang phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng về môi trường. GDĐĐST cho SV là một trong những yếu tố quan trọng góp phần bảo đảm cho phát triển bền vững của đất nước. GDĐĐST cho SV nhằm xây dựng, hoàn thiện nhân cách cho lực lượng trẻ - những chủ nhân tương lai của dân tộc thành những người không chỉ có tài mà còn có đức, có trách nhiệm với xã hội, với môi trường sống, vì sự phát triển bền vững của con người, xã hội và tự nhiên. Nội dung GDĐĐST cho SV rất đa dạng, song chúng tôi đề cập tới hai vấn đề cơ bản đó là giáo dục ý thức ĐĐST và giáo dục hành vi ĐĐST. Để đạt được hiệu quả giáo dục, các chủ thể cần tiến hành đa dạng các hình thức và phương pháp GDĐĐST. Công tác GDĐĐST cho SVCTĐH ở TP.HCM chịu sự tác động của nhiều yếu tố cơ bản như điều kiện tự nhiên môi trường của TP.HCM, sự phát triển của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học công nghệ và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Nhờ có sự quan tâm, định hướng của các chủ thể giáo dục như Đảng uỷ, BGH, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên nên công tác GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Phần lớn SV đã nhận thức đúng về những vấn đề môi trường sinh thái, đã có ý thức ĐĐST tích cực, nhận thức đúng về các chuẩn mực cũng như thực hiện hành vi ĐĐST. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, GDĐĐST cho SV vẫn còn tồn tại một số những hạn chế nhất định như vẫn còn một bộ phận SV có thái độ thờ ơ, lạnh nhạt với những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, trong đó có vấn đề môi trường. Họ chưa nhận thức đúng về vấn đề môi trường sinh thái, chưa có tình yêu thiên nhiên, thái độ ứng xử và hành vi ĐĐST chưa phù hợp. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Phân tích thực trạng công tác GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM cho thấy đã bộc lộ rõ một số vấn đề đặt ra cần giải quyết sớm trong thời gian tới, đó là: Mâu thuẫn giữa yêu cầu chấp hành các chuẩn mực ĐĐST với thực

trạng thực hiện còn nhiều bất cập; Mâu thuẫn giữa yêu cầu cần xây dựng nội dung, chương trình, phương thức GDĐĐST với thực tế chậm được đổi mới của chúng; Mâu thuẫn giữa yêu cầu không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể trong GDĐĐST cho SV với vấn đề nhận thức trách nhiệm của một số chủ thể; Mâu thuẫn giữa yêu cầu GDĐĐST cho SV đòi hỏi có sự đầu tư nhiều mặt, nhiều phương diện, song những các điều kiện đảm bảo cho hoạt động GDĐĐST còn khá hạn chế.

Để nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM, các chủ thể giáo dục cần nhanh chóng thực hiện phối kết hợp các nhóm giải pháp từ đảm bảo các điều kiện về thể chế, môi trường giáo dục và tài chính đến nâng cao vai trò của các chủ thể giáo dục, đổi mới nội dung và phương pháp GDĐĐST, nâng cao tính tích cực, chủ động sáng tạo của bản thân SV trong quá trình tự giáo dục. Việc nâng cao hiệu quả GDĐĐST cho SVCTĐH tại TP.HCM là một trong những mục tiêu quan trọng để xây dựng TP xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững, góp phần vào sự phát triển, hội nhập của đất nước. Sự đầu tư và quyết tâm trong việc thực hiện các giải pháp sẽ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người và cho thế hệ tương lai. Vì vậy, thúc đẩy công tác GDĐĐST cho SV không chỉ là nhiệm vụ của hệ thống giáo dục mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đỗ Thị Thanh Huyền (2022), “Vai trò của giáo dục “đạo đức sinh thái” đối với thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay: Một số vấn đề lý luận”, *Tạp chí giáo dục* (số đặc biệt 11), tr. 329 – 333.
2. Đỗ Thị Thanh Huyền (2023), “Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (335), tr. 92-96.
3. Do Thi Thanh Huyen (2023), “The role of eco-ethics education in human resource training for green economic development in Vietnam”, *Proceedings 2023 The International Conference on Human Resources for Sustainable Development (ICPT.HUST 2023)*, Bach Khoa Publishing House, pp. 358-365.
4. Do Thi Thanh Huyen (2023), “Ecological ethics education with the issues of training human resources for sustainable development”, *Conference proceedings 6th International Conference on Contemporary Issues in Economics, Management and Business (6th CIEMB 2023)*, National Economic University Publishing House, pp. 1914-1934.
5. Dang Thi Lan and Do Thi Thanh Huyen (2023), “Ecological ethics education for the young. Towards sustainable development in Vietnam today”, *Social and Human development in Vietnam*, Nomos publisher, pp. 249-263.
6. Pham Thanh Ha and Do Thi Thanh Huyen (2023), “The Environment in Vietnam from the perspective of ecological philosophy”, *Social and Human development in Vietnam*, Nomos publisher, pp. 169-187.
7. Đặng Thị Lan, Đỗ Thị Thanh Huyền (2023), “Triết lý Phật Giáo với vấn đề giáo dục đạo đức sinh thái ở Việt Nam hiện nay”, *Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng đất nước trong sự nghiệp đổi mới*, NXB Hồng Đức, tr. 221-238.
8. Đỗ Thị Thanh Huyền (2023), “Vai trò của trường đại học trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*

Quốc gia “Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ mới và đổi mới sáng tạo nhằm thực hiện khát vọng Việt Nam”, NXB Dân trí, tr. 745-758.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Như An (2011), “Biện pháp phát triển năng lực giáo dục bảo vệ môi trường cho sinh viên Đại học sư phạm ngành giáo dục tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục* (276) (kì 2-12/2011), tr. 14-16.

2. Lê Huy Bá (2016), *Bảo vệ môi trường đô thị Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM, TP.HCM.
3. Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh TP.HCM (2022), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh TP.HCM lần thứ XI, nhiệm kỳ 2022 – 2027*, TP.HCM.
4. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM (2019), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM lần thứ X, nhiệm kỳ 2019-2022*, TP.HCM.
5. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM (2022), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM lần thứ XI, nhiệm kỳ 2022-2024*, TP.HCM.
6. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Nông lâm TP.HCM (2022), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Nông lâm TP.HCM lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2022-2024*, TP.HCM.
7. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Sài Gòn (2021), *Báo cáo tổng kết về Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường Đại học Sài Gòn năm học 2020 – 2021*, số: 03-BC/ĐTN-VP ngày 20/5/2021, TP.HCM.
8. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Sư phạm TP.HCM (2021), *Báo cáo về Tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2020 – 2021*, số: 31-BC/ĐTN-VP, ngày 20/5/2021, TP.HCM.
9. Ban Chấp hành Đoàn Trường Đại học Sư phạm TP.HCM (2022), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư phạm TP.HCM lần thứ XX, nhiệm kỳ 2022-2024*, TP.HCM.
10. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Tài chính – Marketing (2020), *Báo cáo Tổng kết Công tác Đoàn và phong trào thanh niên, Năm học 2019 – 2020*, TP.HCM.

11. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Tài chính – Marketing (2022), *Báo cáo Tổng kết Công tác Đoàn và phong trào thanh niên, Năm học 2021 – 2022*, TP.HCM.
12. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Tài chính – Marketing (2022), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường Đại học Tài chính – Marketing lần thứ XII, nhiệm kỳ 2022-2024*, TP.HCM.
13. Ban Chấp hành Đoàn trường Đại học Tôn Đức Thắng (2024), *Báo cáo tổng kết Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường Đại học Tôn Đức Thắng năm học 2023-2024, số 29-BC/ĐTN ngày 20/5/2024*, TP.HCM.
14. Ban Chấp hành Hội Sinh viên Việt Nam TP.HCM (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Hội sinh viên Việt Nam TP.HCM lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2023*, TP.HCM.
15. Ban Chấp hành Hội sinh viên Việt Nam TP.HCM (2023), *Báo cáo “Sơ kết công tác Hội và phong trào sinh viên thành phố Học kì I, năm học 2022-2023”*, số: 16/BC-BTK ngày 28/12/2022, TP.HCM.
16. Ban Chấp hành Hội sinh viên trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM (2022), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội sinh viên Việt Nam trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM lần thứ X, nhiệm kỳ 2023 – 2025*, TP.HCM.
17. Ban Chấp hành Hội sinh viên trường Đại học Sư phạm TP.HCM (2023), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Hội sinh viên Việt Nam trường Đại học Sư phạm TP.HCM lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2023-2025*, TP.HCM.
18. Ban Chấp hành Hội sinh viên trường Đại học Tôn Đức Thắng (2023), *Dự thảo ngày 08/5/2023 về Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Việt Nam trường Đại học Tôn Đức Thắng lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023-2025*, TP.HCM.
19. G.BandzeLadze (1985), *Đạo đức học*, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
20. Trần Lê Bảo (chủ biên) (2001), *Văn hóa sinh thái nhân văn*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
21. Lê Bình (2005), “Giáo dục đạo đức sinh thái đối với cán bộ chủ chốt”, *Tạp chí Xây dựng Đảng* (7), tr. 33-34.

22. Phạm Văn Boong (2002), *Ý thức sinh thái và sự phát triển lâu bền*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chỉ thị số 02/2005/CT-BGD&ĐT, về “Việc tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường”, *Cổng Thông tin điện tử Thư viện pháp luật*.
24. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2021), *Kịch bản biến đổi khí hậu (Bản tóm tắt)*, NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội.
25. Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê (2004), *Đại cương triết học Trung Quốc*, NXB Thanh Niên, TP.HCM.
26. Nguyễn Hữu Chiêm, Lê Hoàng Việt (2012), *Giáo trình Giáo dục môi trường*, NXB Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.
27. Cục thống kê TP.HCM (2021), *Niên giám thống kê TP.HCM năm 2021*, NXB Tổng hợp TP.HCM, TP.HCM.
28. Phạm Khắc Chương, Hà Nhật Thăng (2002), *Đạo đức học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
29. Phạm Khắc Chương, Nguyễn Thị Yến Phương (2007), *Đạo đức học*, NXB ĐH sư phạm, Hà Nội.
30. Vũ Trọng Dung (Chủ nhiệm đề tài) (2004), *Đạo đức sinh thái và việc giáo dục đạo đức sinh thái cho cán bộ chủ chốt cấp huyện các tỉnh phía bắc nước ta hiện nay*, Tổng quan khoa học đề tài cấp bộ năm 2003-2004, Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
31. Vũ Trọng Dung (2009), *Đạo đức sinh thái và giáo dục đạo đức sinh thái*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Lê Thị Thùy Dung và Trần Thị Lệ Hoa (2018), “Vai trò của giáo dục trách nhiệm xã hội về bảo vệ tài nguyên môi trường trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành tài nguyên và môi trường”, *Tạp chí Giáo dục* (433), tr. 56-59, 64.
33. Vũ Dũng (2009), “Một số hành vi ứng xử với môi trường không mang tính đạo đức ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Tâm lý học* (10), tr. 1-10.

34. Vũ Dũng (2011), *Đạo đức môi trường ở nước ta: lý luận và thực tiễn*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
35. Phan Thị Hồng Duyên (2008), “Giáo dục đạo đức sinh thái vì sự phát triển bền vững cho con người và giới tự nhiên”, *Tạp chí triết học* (1), tr. 78-81.
36. Phan Thị Hồng Duyên (2008), Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức sinh thái hiện nay, *Tạp chí Khoa học chính trị* (3), tr. 63-66.
37. Đại học Quốc gia TP.HCM (2017), *Quyết định về phê duyệt Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 609/QĐ-ĐHQG ngày 30/6/2017, TP.HCM.
38. Đảng Bộ TP.HCM (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ TP.HCM lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, TP.HCM.
39. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
41. Đảng ủy trường Đại học Tài chính – Marketing, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Tài chính – Marketing lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025*, TP.HCM.
42. Nguyễn Thị Hoài (2006), “Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tuyển chọn các nghiên cứu từ Hội nghị khoa học cán bộ trẻ và học viên sau Đại học, Khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2017, tr. 167-183.
43. Đỗ Huy (2007), “Giáo dục đạo đức sinh thái và xây dựng môi trường văn hóa trong lịch trình thế kỷ XXI”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (2), tr. 41-46.
44. Nguyễn Văn Huyền (2013), “Những vấn đề về văn hóa sinh thái hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (11), tr. 87-96.
45. Nguyễn Thị Lan Hương (2019), “Chủ nghĩa xã hội sinh thái và một số gợi ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Triết học* (11), tr. 64-75.

46. Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên) (2020), *Thực hiện công bằng môi trường tại Việt Nam hiện nay. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Thúy Hương, Phạm Minh Ái (2015), “Một số giải pháp nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường sinh thái nhân văn cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí giáo dục* (số đặc biệt 12/2015), tr. 46-48.
48. Nguyễn Đức Khiển, Nguyễn Kim Hoàng (2011), *Đạo đức môi trường*, NXB Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
49. Lê Văn Khoa (2016), “Đạo đức môi trường – từ tư duy đến hành động”, *Tạp chí Môi trường* (8), tr. 32-33.
50. Nguyễn Thế Kiệt, Nguyễn Ngọc Long (chủ biên) (2004), *Giáo trình đạo đức học* (dùng cho hệ cử nhân chính trị), NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Nguyễn Thế Kiệt (2012), *Mấy vấn đề đạo đức học Mác-xít và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
52. Võ Anh Kiệt, Phạm Thị Thanh Trang, Trần Quang Bình và cộng sự (2018), “Khảo sát thái độ đối với các vấn đề môi trường của sinh viên tại TP.HCM”, *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Thực phẩm* 18 (2), tr. 99-109.
53. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 41, Nxb.Tiến bộ, Mátxcova.
54. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 42, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
58. Nguyễn Thị Thanh Mai (2013), “Xây dựng nếp sống văn hóa sinh thái nhân văn trong điều kiện đô thị hóa ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học* (9), tr. 25-32.

59. Hồ Chí Minh (1990), *Về vấn đề giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
60. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
63. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Phạm Thành Nghị (2002), *Giải pháp nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng ở nước ta trong những năm tới*, Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu cấp Nhà nước về Quản lý nhà nước về môi trường, Viện nghiên cứu con người, Hà Nội.
66. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1998), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
67. Phạm Công Nhất (2017), “Đạo đức sinh thái theo quan điểm của Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (3), tr. 22-27.
68. Nguyễn Ngọc Phú (chủ biên) (2006), *Chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam hiện nay*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
69. Nguyễn Văn Phúc (2008), “Quan niệm của C.Mác về đạo đức và ý nghĩa của nó đối với sự nghiệp xây dựng nền đạo đức mới ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học* (9), tr.12-17.
70. Nguyễn Văn Phúc (2013), *Đạo đức môi trường*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
71. Quốc Hội (2019), *Luật Giáo dục*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
72. Quốc hội (2020), “Luật Thanh niên”, *Cổng Thông tin điện tử Chính phủ*.
73. Quốc Hội (2020), *Luật bảo vệ môi trường (hiện hành)*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
74. Hồ Sĩ Quý (2005), “Về đạo đức môi trường”, *Tạp chí triết học* (9), tr. 45-48.
75. Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ (chủ biên) (2018), *Đạo đức học Mác – Lênin và giáo dục đạo đức* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng ngành sư phạm), NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
76. Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM (2021), *Báo cáo hiện trạng môi trường TP.HCM năm 2021*, TP.HCM.

77. Vũ Minh Tâm (2004), “Giáo dục văn hóa sinh thái nhân văn trong nhà trường nhằm nâng cao chất lượng dân số”, *Tạp chí Cộng sản* (12), tr. 66-69.
78. Hà Huy Thành (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề xã hội và nhân văn trong việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
79. Trịnh Phương Thảo (2022), “Một số giải pháp xây dựng đạo đức môi trường vì sự phát triển bền vững”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh nghiệm* (183), tr.129 – 132.
80. Nguyễn Thanh Thủy (2015), “Giáo dục đạo đức sinh thái – giải pháp khắc phục tình trạng suy thoái tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn* (4) , tr. 26-30.
81. Tô Thị Thu Thủy (2020), “Giáo dục đạo đức môi trường cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý giáo dục* (6), tr. 60-64.
82. Nguyễn Hiếu Tín (2010), “Ứng xử với môi trường tự nhiên cần có đạo đức sinh thái”, *Tạp chí Khoa học và Ứng dụng* (12), tr. 38 – 39.
83. Tổng cục Thống kê (2021), *Niên giám thống kê quốc gia năm 2021*, NXB Thống kê, Hà Nội.
84. Phạm Thị Ngọc Trâm (2005), “Đạo đức sinh thái trong hoạt động khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững”, *Tạp chí Triết học* (12), tr. 29-34.
85. Phạm Thị Ngọc Trâm (2009), “Xây dựng đạo đức sinh thái – Một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên”, *Tạp chí Triết học* (6), tr. 10-17.
86. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.
87. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM, *Quyết định về việc thôi học, cảnh báo học vụ đối với sinh viên*, số 155/QĐ-XHNV – CTSV, ngày 19/11/2019, TP.HCM.

88. Trường Đại học Sư phạm TP.HCM (2023), *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục, Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Giai đoạn đánh giá: năm 2018-2023)*, TP.HCM.
89. Trường Đại học Tài chính – Marketing (2022), *Quyết định về việc buộc thôi học đối với sinh viên khóa 19D, 20D, 21D trình độ đại học chính quy học học kỳ 3 năm 2022*, Số 2822 /QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 26/10/2022, TP.HCM.
90. Trường Đại học Tài chính – Marketing (2022), *Quyết định về việc cảnh báo kết quả học tập đối với sinh viên khóa 19D, 20D, 21D trình độ đại học chính quy từ học kỳ 3 năm 2022*, Số 2824 /QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 26/10/2022, TP.HCM.
91. Trường Đại học Tài chính – Marketing (2022), *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục, Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (giai đoạn đánh giá 2018-2022)*, TP.HCM.
92. Ủy ban nhân dân TP.HCM (2022), *Báo cáo về “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2022, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2023”*, số 247/BC-UBND ngày 30/12/2022, TP.HCM.
93. Phạm Viết Vượng (2008), *Lý luận dạy học đại học*, Tài liệu bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm giảng viên các trường đại học và cao đẳng, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tiếng Anh

94. Andreas Nordlander (2020), “Green Purpose: Teleology, Ecological Ethics, and the Recovery of Contemplation”, *Studies in Christian Ethics* 00 (0), pp. 1 –20.
95. H. Washington, M. Maloney (2020), “The need for ecological ethics in a new ecological economics”, *Ecological Economics* Vol. 169, pp. 1-8.
96. Kendöl, Jutka Nmarné (2021), “Natural scientific and ecological environmental. Education in the training of kindergarten teacher students at the university of Sopron, Hungary”, *Acta Univ. Sapientiae, Social Analysis* Vol. 11, pp. 132-143.
97. Paul Wapner, Richard A. Matthew (2009), “The humanity of global environmental ethics”, *The Journal of environment & Development* Vol. 18 (2), pp. 203 – 222.

98. Reiko Matsubaguchi, Yeon-A Son, Toshiya Kodama et al (2019), “Comparative study on school-Based environmental education in Japan and Korea”, *Japanese Journal of Environmental Education* Vol. 28 (4), pp. 60-67.
99. Yamaphat, Saowapong; Jamjuree et al (2021), “A Learning Model of Environmental Education to Enhance Environmental Ethics Behavior for Undergraduate Students in a University”, *Turkish Journal of Computer and Mathematics Education* Vol. 12 (8), pp. 2538-2543.
100. Yekimov, Sergey; Karmanny, Yevhenii; Zenin et al (2021), “Using the project method to improve environmental education for law students”, *E3S Web of Conferences* Vol. 265, pp. 1-5.

Website

101. Trần Lê Bảo (2021), *Đạo đức sinh thái trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*.
<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi//2018/824309/dao-duc-sinh-thai-trong-boi-can-h-toan-cau-hoa-va-hoi-nhap-quoc-te.aspx>, xem 10/8/2022.
102. Báo Tài nguyên và môi trường (2021), Cần hiểu rõ về thông tin cảnh báo nguy cơ nước biển nhấn chìm thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2030, <<https://baotainguyenmoitruong.vn/can-hieu-ro-ve-thong-tin-can-h-bao-nguy-co-nuoc-bien-nhan-chim-tp-hcm-vao-nam-2030-335160.html>>, xem 14/7/2024.
103. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 15/11/2024 về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, tại: <<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-quyet-41-NQ-TW-bao-ve-moi-truong-trong-thoi-ky-day-manh-cong-nghiep-hoa-hien-dai-hoa-dat-nuoc-53199.aspx>>, xem 15/5/2023.
104. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Quyết định số 2718/QĐ-BGDĐT ngày 21/9/2022 Về việc duyệt danh mục nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra tuyển chọn thực hiện từ năm 2023*, <<https://thuvienphapluat.vn/van->

ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyết-dinh-2718-QĐ-BGDDT-2022-danh-muc-nhiem-vu-bao-ve-moi-truong-thuc-hien-tu-2023-541503.aspx > , xem 16/3/2023.

105. Phạm Văn Lương (2021), “Giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho sinh viên các trường đại học ở TP.HCM”, <<https://tapchicongthuong.vn/giao-duc-nang-cao-y-thuc-bao-ve-moi-truong-cho-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-o-thanh-pho-ho-chi-minh-86334.htm>>, xem 22/5/2023.

106. Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, *Chuẩn đầu ra ngành Kỹ thuật Môi trường*, <<https://env.hcmuaf.edu.vn/env-8420-1/vn/ky-thuat-moi-truong.html>>, xem 19/8/2023.

107. Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, *Danh sách SV bị cảnh báo học vụ và buộc thôi học, năm học 2021 – 2022*, <<https://eco.hcmuaf.edu.vn/eco-40272-1/vn/danh-sach-sinh-vien-bi-canhh-bao-hoc-vu-va-buoc-thoi-hoc-nam-hoc-2021-2022.html>>, Xem 18/3/2024

108. Trường Đại học Tôn Đức Thắng (2022), *Công đoàn trường Đại học Tôn Đức Thắng hưởng ứng chương trình Tết trồng cây*, ngày 11/5/2022, <<https://tdtu.edu.vn/tin-tuc/2022-05/cong-doan-truong-dai-hoc-ton-duc-thang-huong-ung-chuong-trinh-tet-trong-cay>>, xem 14/6/2023.

109. Trường Đại học Tôn Đức Thắng, *Nội quy thư viện trường Đại học Tôn Đức Thắng*, <<https://lib.tdtu.edu.vn/vi/gioi-thieu/noi-quy-thu-vien-truong-dai-hoc-ton-duc-thang>>, xem 20/3/2023.

110. Trường Đại học Sư phạm TP.HCM (2022), Quy mô đào tạo, tỷ lệ sinh viên có việc làm năm học 2021 – 2022, <<https://hcmue.edu.vn/vi/dam-bao-chat-luong/ba-cong-khai/5163-ba-cong-khai-nam-hoc-2021-2022/1885-quy-mo-dao-tao-t-l-sinh-vien-co-vi-c-lam-nam-h-c-2021-2022>>, xem 1/9/2023.

111. Trường Đại học Sài Gòn, *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, ban hành theo quyết định số 3287/QĐ-ĐH SG ngày 23/12/2019, chuyên ngành Khoa học môi trường*, <<https://www.sgu.edu.vn/chuan-dau-ra/>>, xem 16/6/2023.

112. Zhang Yunfei (2021), “A Preliminary study of Ecological Ethics”, *Capitalism Nature Socialism*, Vol. 32, No. 1, pp. 27-36, <<https://doi.org/10.1080/10455752.2021.1880356> >, xem 17/9/2023.

PHỤ LỤC 1
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT

*Đề tài: Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học
ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*

1. Mục đích khảo sát

Bước đầu đánh giá thực trạng công tác giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại TP.HCM. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên tại TP.HCM hiện nay.

2. Đối tượng, phương pháp và thời gian khảo sát

- *Đối tượng điều tra* là sinh viên và cán bộ quản lý và giảng viên thuộc 06 trường đại học trên địa bàn TP.HCM đại diện cho nhiều khối ngành đào tạo: trường Đại học Sài Gòn, trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP.HCM, trường Đại học Sư phạm TP.HCM, trường Đại học Tôn Đức Thắng, trường Đại học Tài chính – Marketing, trường Đại học Nông lâm TP.HCM.

- *Phương pháp điều tra*: điều tra bằng bảng hỏi với tổng số 665 phiếu dành cho sinh viên (mẫu điều tra theo phương pháp chọn ngẫu nhiên) và kết hợp phỏng vấn sâu 25 cán bộ quản lý và giảng viên của 6 trường đại học trên.

Tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu bán cấu trúc (phỏng vấn thông qua xây dựng các câu hỏi dưới dạng gợi ý các đáp án có sẵn), phỏng vấn sâu theo cách chọn có chủ định (giảng viên đại học, cán bộ phòng ban, cán bộ đoàn).

- *Thời gian tiến hành điều tra*: Từ 13/04/2023 đến 30/05/2023.

Thời gian tiến hành phỏng vấn sâu: 06/5/2023-25/7/2023

Đề tài xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê SPSS

3. Quy mô khảo sát

STT	Trường	Sinh viên	Giảng viên, cán bộ quản lý
1	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	127	5
2	Trường Đại học Sài Gòn	117	4

3	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM	101	3
4	Trường Đại học Nông lâm TP.HCM	108	4
5	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	100	4
6	Trường Đại học Tài chính – Marketing	112	5
Tổng		665	25

PHỤ LỤC 2
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
(Dành cho sinh viên)

Chào các anh/chị sinh viên!

Nhóm nghiên cứu của chúng tôi đang làm một khảo sát cho đề tài: ***“Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”***. Chúng tôi rất mong nhận được sự tham gia trả lời câu hỏi của các anh/chị về những vấn đề dưới đây. Các anh/chị đóng góp ý kiến bằng cách đọc và lựa chọn các đáp án phù hợp. Thông tin của các anh/chị cung cấp sẽ góp phần giúp cho nghiên cứu của chúng tôi thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

(Các anh/chị vui lòng đánh dấu X vào phương án được chọn)

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.Trường ĐH mà anh/chị đang theo học?

- 1. ĐH Tôn Đức Thắng ☐
- 2. ĐH Sài Gòn ☐
- 3. ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn,
ĐH Quốc gia TP.HCM ☐
- 4. ĐH Nông lâm TP.HCM ☐
- 5. ĐH Sư phạm TP.HCM ☐
- 6. ĐH Tài chính – Marketing ☐

2. Anh/chị đang theo học khối ngành nào?

- 1. Khối ngành Khoa học xã hội ☐
- 2. Khối ngành Khoa học tự nhiên ☐
- 3. Khối ngành Kỹ thuật ☐
- 4. Khối ngành Kinh tế ☐
- 5. Khối ngành Môi trường ☐
- ☐

6. Khối ngành Sư phạm ☐

7. Khác (ghi rõ).....

2. Anh/chị đang học năm thứ mấy?

3. Năm thứ nhất ☐

4. Năm thứ hai ☐

5. Năm thứ ba ☐

6. Năm thứ tư ☐

7. Khác ☐

8. Năm sinh của các anh/chị?

1. 2004 2. 2003 3. 2002 4. 2001 5. Khác (ghi rõ)

9. Giới tính

1. Nam ☐

2. Nữ ☐

CÂU HỎI KHẢO SÁT

Câu 1: Xin anh/chị đánh giá về tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên trên địa bàn TP.HCM hiện nay ?

STT	Đo lường	Lựa chọn
1.1	Rất cần thiết	☐
1.2	Cần thiết	☐
1.3	Tương đối cần thiết	☐
1.4	Không ý kiến	☐
1.5	Không cần thiết	☐
1.6	Khác (ghi rõ)...	☐

Câu 2. Anh/chị đánh giá như thế nào về tầm quan trọng của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở TP.HCM hiện nay? (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	Không quan trọng	Không ý kiến	Quan trọng	Rất quan trọng
-----	----------	------------------	--------------	------------	----------------

2.1	Góp phần xây dựng, nhân cách sinh viên phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững của xã hội hiện nay	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4
2.2	Góp phần hướng sinh viên đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người – tự nhiên	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4
2.3	Góp phần truyền lại cho sinh viên những chuẩn mực giá trị đạo đức sinh thái truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị đạo đức sinh thái của nhân loại trong bối cảnh quốc tế hiện nay	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4
2.4	Khác (ghi rõ).....	☐ 1	☐ 2	☐ 3	☐ 4

Câu 3: Anh/chị đã được học các nội dung nào sau đây trong giáo dục ý thức đạo đức sinh thái? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

STT	Đo lường	Lựa chọn
3.1	Cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	☐
3.2	Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	☐
3.3	Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	☐
3.4	Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	☐
3.5	Được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành Ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	☐

3.6	Giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	☐
3.7	Không có nội dung nào	☐
3.8	Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 4. Mức độ lĩnh hội của anh/chị về các nội dung thuộc ý thức đạo đức sinh thái như thế nào ? (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	1.Chưa tốt	2.Phân vân	3.Rất tốt
4.1	Hiểu về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	☐	☐	☐
4.2	Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	☐	☐	☐
4.3	Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	☐	☐	☐
4.4	Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	☐	☐	☐
4.5	Được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	☐	☐	☐
4.6	Hiểu những giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	☐	☐	☐
4.7	Khác (ghi rõ).....	☐	☐	☐

Câu 5. Anh/chị có quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái ở Việt Nam và toàn cầu hay không?

STT	Đo lường	Lựa chọn
5.1	Rất quan tâm	☐
5.2	Quan tâm	☐
5.3	Ít quan tâm	☐
5.4	Không quan tâm (chưa bao giờ tìm hiểu)	☐

5.5	Khác (ghi rõ).....	☐
-----	--------------------	--------------------------

Câu 6. Đánh giá của anh /chị về tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái ở Việt Nam hiện nay?

STT	Đo lường	Lựa chọn
6.1	Rất nghiêm trọng	☐
6.2	Nghiêm trọng	☐
6.3	Ít nghiêm trọng	☐
6.4	Không nghiêm trọng	☐
6.5	Khác (ghi rõ)....	☐

Câu 7. Theo anh/chị, nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái là gì? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
7.1	Ý thức bảo vệ môi trường sinh thái của con người chưa cao.	☐
7.2	Sự tác động của các yếu tố tự nhiên.	☐
7.3	Sự phân hủy xác các sinh vật sống.	☐
7.4	Hoạt động sản xuất của con người.	☐
7.5	Hoạt động sinh hoạt của con người.	☐
7.6	Sự gia tăng dân số	☐
7.7	Khác (ghi rõ)....	☐

Câu 8. Trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái hiện nay thuộc về các cơ quan, tổ chức, ban ngành, nhóm xã hội, cá nhân nào? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
8.1	Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	☐
8.2	Các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ....	☐

8.3	Các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương.	☐
8.4	Các doanh nghiệp, các cơ quan môi trường	☐
8.5	Toàn dân	☐
8.6	Các cá nhân	☐
8.7	Các công nhân vệ sinh môi trường.	☐
8.8	Khác (ghi rõ)....	☐

Câu 9. Động lực thúc đẩy nhận thức và hoạt động nhằm bảo vệ môi trường sinh thái của anh/chị là gì? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
9.1	Vì tình yêu thiên nhiên sâu sắc	☐
9.2	Vì thấy được vai trò quan trọng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống con người.	☐
9.3	Vì hiểu được trách nhiệm, nghĩa vụ của thế hệ trẻ với đất nước.	☐
9.4	Để được khen ngợi.	☐
9.5	Để được cộng điểm rèn luyện trong trường ĐH.	☐
9.6	Sợ bị thầy, cô, bạn bè, người xung quanh lên án.	☐
9.7	Bị yêu cầu, bắt buộc.	☐
9.8	Khác (ghi rõ)...	☐

Câu 10. Thái độ và phản ứng của anh/chị khi chứng kiến những hành vi gây ô nhiễm môi trường sinh thái?

STT	Đo lường	Lựa chọn
10.1	Lên án gay gắt, phản đối quyết liệt.	☐
10.2	Lên án, phản đối.	☐
10.3	Thấy bất bình, nhưng không lên án.	☐
10.4	Bình thường.	☐
10.5	Không quan tâm.	☐
10.6	Khác (ghi rõ)...	☐

Câu 11. Anh/chị đánh giá như thế nào về nội dung và kết quả giáo dục chuẩn mực đạo đức sinh thái cho sinh viên ở TP. HCM (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	1.Chưa tốt	2.Phân vân	3.Rất tốt
11.1	Yêu quý, tôn trọng, bảo vệ sự hài hòa của hệ thống con người – xã hội – tự nhiên	☐	☐	☐
11.2	Bảo vệ khí hậu và tính đa dạng sinh học.	☐	☐	☐
11.3	Công bằng trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường	☐	☐	☐
11.4	Tự giác, tự nguyện nâng cao yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường	☐	☐	☐
11.5	Nâng cao tinh thần ủng hộ và phối hợp giải quyết các sự cố môi trường chung	☐	☐	☐
11.6	Thực hành nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn	☐	☐	☐

Câu 12. Anh/chị đánh giá như thế nào về Nội dung và Kết quả giáo dục niềm tin đạo đức sinh thái cho sinh viên ở TP.HCM hiện nay? (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	1.Chưa tốt	2.Phân vân	3.Rất tốt
12.1	Giáo dục nâng cao nhận thức và sự tin tưởng vào các chuẩn mực đạo đức sinh thái truyền thống	☐	☐	☐
12.2	Giáo dục niềm tin yêu đối với tự nhiên, môi trường sống	☐	☐	☐
12.3	Giáo dục niềm tin vào khả năng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường của bản thân, gia đình, xã hội.	☐	☐	☐
12.4	Giáo dục niềm tin vào đường lối, chủ	☐	☐	☐

	trương của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường.			
--	---	--	--	--

Câu 13. Anh/chị có hiểu biết như thế nào về mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái?

STT	Đo lường	Lựa chọn
13.1	Hiểu rõ.	☐
13.2	Hiểu.	☐
13.3	Hiểu một phần.	☐
13.4	Không hiểu.	☐
13.5	Không quan tâm (chưa bao giờ tìm hiểu).	☐
13.6	Khác (ghi rõ)...	☐

Câu 14. Anh/chị có quan tâm đến các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cá nhân đối với môi trường hay không?

STT	Đo lường	Lựa chọn
14.1	Rất quan tâm	☐
14.2	Quan tâm	☐
14.3	Bình thường	☐
14.4	Ít quan tâm	☐
14.5	Không quan tâm (chưa bao giờ tìm hiểu).	☐
14.6	Chưa nghe tới bao giờ.	☐

Câu 15. Nội dung các quyền về môi trường của con người và trách nhiệm môi trường của các cá nhân mà anh/chị được học là gì? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời)

STT	Đo lường		Lựa chọn
15.1	Các quyền về môi	Quyền được sống trong môi trường an toàn, trong lành.	☐
		Quyền tiếp cận thông tin môi trường.	☐

	trường của con người	Quyền tham gia quyết định các vấn đề môi trường	☐
15.2	Trách nhiệm môi trường của cá nhân	Trách nhiệm kiểm soát dân sự đối với vấn đề ô nhiễm môi trường.	☐
		Trách nhiệm giám sát xã hội đối với hoạt động bảo vệ môi trường.	☐
		Trách nhiệm phải có hành vi ứng xử thân thiện, tôn trọng môi trường.	☐
		Không có nội dung nào	☐
		Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 16. Đánh giá của anh/chị về vấn đề thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với môi trường tự nhiên?

STT	Đo lường	Lựa chọn
16.1	Rất tốt	☐
16.2	Tốt	☐
16.3	Bình thường	☐
16.4	Phân vân	☐
16.5	Chưa tốt	☐
16.6	Chưa nghe tới bao giờ nên không biết	☐
16.7	Khác (ghi rõ)....	☐

Câu 17. Thái độ của anh/chị khi tham gia thực hiện những hành vi đạo đức sinh thái dưới đây (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	Thái độ			
		Rất tự giác	Tự giác	Khi được yêu cầu	Làm đối phó
17.1	Bỏ rác đúng nơi quy định.	☐	☐	☐	☐
17.2	Thu gom, phân loại rác sinh hoạt.	☐	☐	☐	☐

17.3	Vệ sinh sạch sẽ nơi ở, học tập.	☐	☐	☐	☐
17.4	Trồng cây, chăm sóc cây.	☐	☐	☐	☐
17.5	Không giẫm lên cỏ, hái hoa, bẻ cành.	☐	☐	☐	☐
17.6	Tiết kiệm nước.	☐	☐	☐	☐
17.7	Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng tại nhà và trường học	☐	☐	☐	☐
17.8	Sử dụng phương tiện công cộng, xe đạp, đi bộ	☐	☐	☐	☐
17.9	Sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường.	☐	☐	☐	☐
17.10	Sử dụng các sản phẩm tái chế.	☐	☐	☐	☐
17.11	Tham gia các hoạt động vì môi trường của trường học, địa phương.	☐	☐	☐	☐
17.12	Không khạc nhổ bừa bãi	☐	☐	☐	☐
17.13	Khác (ghi rõ).....	☐	☐	☐	☐

Câu 18. Nhà trường anh/chị đang theo học đã tổ chức những hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều ý/nhiều lựa chọn).

STT	Đo lường	Lựa chọn
18.1	Quét dọn, lau chùi bàn ghế, phòng học, phòng làm việc.	☐
18.2	Quét dọn, thu gom rác thải trong và ngoài khuôn viên trường.	☐
18.3	Trồng cây xanh, hoa, cây cảnh trong khuôn viên nhà trường.	☐
18.4	Kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm ở căng-tin nhà trường.	☐
18.5	Không có hoạt động nào	☐
18.6	Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 19. Anh/chị đã tham gia những phong trào bảo vệ môi trường sinh thái do tập thể, đơn vị nào tổ chức và thái độ khi tham gia như thế nào? (Yêu cầu chọn 01 phản hồi trong mỗi nội dung)

STT	Đo lường	Thái độ			
		Rất tự giác	Tự giác	Được yêu cầu	Làm đối phó
19.1	Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của trường anh/chị đang theo học.	☐	☐	☐	☐
19.2	Đoàn Thanh niên của phường/ xã.	☐	☐	☐	☐
19.3	Đoàn Thanh niên của quận/huyện đoàn.	☐	☐	☐	☐
19.4	Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của tỉnh/thành phố	☐	☐	☐	☐
19.5	Tổ dân phố, khu phố.	☐	☐	☐	☐
19.6	Khác (ghi rõ).....	☐	☐	☐	☐

Câu 20. Nhà trường nơi anh/chị đang học có những quy định, văn bản nào liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
20.1	Nội quy học đường.	☐
20.2	Quy tắc ứng xử của người học.	☐
20.3	Nội quy giảng đường	☐
20.4	Nội quy ký túc xá	☐
20.5	Nội quy thư viện	☐
20.6	Không có quy định, văn bản nào	☐
20.6	Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 21. Anh/chị được học những môn học nào có nội dung về giáo dục đạo đức sinh thái? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
21.1	Có môn học trong chuyên ngành	☐
21.2	Không học trong chuyên ngành, nhưng được giới thiệu qua một số môn học khác	☐

21.3	Không học trong chuyên ngành, nhưng được học qua các giờ học ngoại khóa	☐
21.17	Không được học và không được giới thiệu trong chương trình học	☐
21.18	Khác (ghi rõ)	☐

Câu 22. Nhà trường anh/chị đang học đã tổ chức những hoạt động ngoại khóa nào dưới đây để giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
22.1	Sinh hoạt chính trị đầu khóa.	☐
22.2	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hội thảo khoa học về vấn đề môi trường sinh thái.	☐
22.3	Tổ chức các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái.	☐
22.4	Hội trại về chủ đề bảo vệ môi trường.	☐
22.5	Tổ chức cuộc thi Thời trang tái chế, bảo vệ môi trường.	☐
22.6	Đi thăm quan thực tế khu Bảo tồn thiên nhiên.	☐
22.7	Hoạt động “Ngày Thứ Bảy tình nguyện”.	☐
22.8	Hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”; “Mùa hè xanh”...	☐
22.9	Không có hoạt động nào	☐
22.10	Không biết	☐
22.11	Khác (ghi rõ)...	☐

Câu 23. Pháp luật và những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường tại trường anh/chị đang học được tổ chức phổ biến như thế nào?

STT	Đo lường	Lựa chọn
23.1	Rất thường xuyên.	☐
23.2	Thường xuyên, có định kỳ	☐
23.3	Thỉnh thoảng	☐

23.4	Chưa bao giờ	☐
23.5	Chưa rõ	☐
23.6	Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 24. Các hoạt động giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên ở trường của anh/chị đang học có sự tham gia của những chủ thể nào dưới đây? (Có thể chọn nhiều phương án trả lời).

STT	Đo lường	Lựa chọn
24.1	Ban Giám hiệu nhà trường	☐
24.2	Giảng viên Khoa Lý luận Chính trị (cơ hữu và thỉnh giảng)	☐
24.3	Hội Sinh viên	☐
24.4	Đoàn Thanh niên	☐
24.5	Cố vấn học tập	☐
24.6	Khác (ghi rõ).....	☐

Một lần nữa xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị !

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU
(Dành cho giảng viên, cán bộ phòng ban)

Kính chào quý thầy/cô!

Nhóm nghiên cứu của chúng tôi đang tiến hành khảo sát cho đề tài: “*Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*”.

Kính mong quý thầy/cô dành chút thời gian để trả lời những câu hỏi dưới đây. Những ý kiến của quý thầy/cô có ý nghĩa đóng góp rất lớn đối với sự thành công của đề tài nghiên cứu.

Xin cảm ơn sự giúp đỡ của quý thầy/cô!

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:.....

Đơn vị công tác:.....

Chức vụ:.....

II. NỘI DUNG

1. Trong bối cảnh tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái nghiêm trọng hiện nay, thầy/cô đánh giá thế nào về vai trò của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học?

(Gợi ý: Giáo dục đạo đức sinh thái có vai trò rất quan trọng: xây dựng, hoàn thiện nhân cách cho sinh viên; Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của sinh viên về các vấn đề môi trường; Góp phần bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới phát triển bền vững; Góp phần tăng hiệu quả bảo vệ môi trường; Góp phần giúp sinh viên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của thế hệ trẻ)

2. Trong quá trình giảng dạy, thầy/cô có kết hợp nội dung giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên không?

3. Theo thầy/cô, nội dung nào là quan trọng nhất trong giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên, vì sao? *(Gợi ý: ý thức đạo đức sinh thái, hành vi đạo đức sinh thái, quan hệ đạo đức sinh thái)*

4. Theo thầy/cô, hình thức giáo dục nào là hiệu quả khi tiến hành giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên TP.HCM hiện nay?

(Gợi ý: giáo dục thông qua các môn học chính khóa; giáo dục thông qua hoạt động ngoại khóa; giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông; giáo dục thông qua vai trò của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Đoàn thanh niên...).

5. Theo thầy/cô, phương pháp giáo dục nào là hiệu quả khi tiến hành giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên TP.HCM hiện nay? Vì sao? *(Gợi ý, nhóm phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ; Nhóm phương pháp dạy học trực quan; Nhóm phương pháp dạy học thực hành, thực tiễn).*

6. Theo thầy/cô yếu tố nào tác động mạnh mẽ nhất đến giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên TP.HCM hiện nay? Vì sao? *(Gợi ý: Kinh tế thị trường; Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Nhà trường; tổ chức Đoàn thanh niên; Gia đình; Bản thân sinh viên)*

7. Với tư cách là người chỉ đạo/tổ chức/giảng dạy, thầy/cô cho biết những thuận lợi và khó khăn trong công tác giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên ở các trường ĐH ở TP.HCM hiện nay?

8. Quý thầy/cô có những kiến nghị, đề xuất nào góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học tại TP.HCM hiện nay?

Xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của quý thầy/cô

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT

“Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”

Bảng 3.1. Tổng hợp chung về mẫu nghiên cứu

Mô tả mẫu nghiên cứu		Số lượng	Tỷ lệ %
1. Trường ĐH mà anh/chị đang theo học	Trường ĐH Tôn Đức Thắng	127	19.1
	Trường ĐH Sài Gòn	117	17.6
	Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG TP. HCM	101	15.2
	Trường ĐH Nông lâm TP.HCM	108	16.2
	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	100	15.0
	Trường ĐH Tài chính - Marketing	112	16.8
	Tổng	665	100.0
2. Khối ngành anh/chị đang theo học?	Khối ngành Khoa học xã hội	112	16.8
	Khối ngành Khoa học tự nhiên	113	17.0
	Khối ngành Kỹ thuật	110	16.5
	Khối ngành Kinh tế	112	16.8
	Khối ngành Môi trường	108	16.2
	Khối ngành Sư phạm	110	16.5
	Tổng	665	100.0
3. Anh/chị đang học năm thứ mấy?	Năm thứ nhất	155	23.3
	Năm thứ hai	178	26.8
	Năm thứ ba	155	23.3
	Năm thứ tư	177	26.6
	Tổng	665	100.0
4. Năm sinh của anh/chị	2004	151	22.7
	2003	177	26.6
	2002	153	23.0
	2001	174	26.2
	Khác	10	1.5
	Tổng	665	100.0
5. Giới tính	Nam	327	49.2
	Nữ	338	50.8

	Tổng	665	100.0
--	-------------	------------	--------------

Bảng 3.2. Vai trò của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở TP.HCM hiện nay

Vai trò của giáo dục đạo đức sinh thái		Không quan trọng	Không ý kiến	Quan trọng	Rất quan trọng	Tổng
Góp phần xây dựng, nhân cách sinh viên phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự phát triển bền vững của xã hội hiện nay	Số lượng	59	35	336	235	665
	Tỷ lệ %	8.9	5.3	50.5	35.3	100.0
Góp phần hướng sinh viên đến những giá trị nhân văn, nhân đạo trong quan hệ con người - tự nhiên	Số lượng	53	23	325	264	665
	Tỷ lệ %	8.0	3.5	48.9	39.7	100.0
Góp phần truyền lại cho sinh viên những chuẩn mực giá trị đạo đức sinh thái truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những giá trị đạo đức sinh thái của nhân loại trong bối cảnh quốc tế hiện nay	Số lượng	62	89	326	188	665
	Tỷ lệ %	9.3	13.4	49.0	28.3	100.0

Bảng 3.3. Nội dung trong giáo dục ý thức đạo đức sinh thái hiện nay mà sinh viên được học

Nội dung giáo dục tri thức đạo đức sinh thái cho sinh viên	Số lượng	Tỷ lệ %
Hiểu về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	347	16.0
Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	274	12.6
Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	480	22.1
Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	385	17.8
Được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	364	16.8
Giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	245	11.3

Không có nội dung nào	74	3.4
Tổng	2169	100.0%

Bảng 3.4. Kết quả giáo dục nội dung ý thức đạo đức sinh thái

Nội dung giáo dục tri thức đạo đức sinh thái hiện nay	Kết quả đạt được	Chưa tốt	Phân vân	Rất tốt	Tổng
Hiểu về cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	Số lượng	163	245	257	665
	Tỷ lệ %	24.5	36.8	38.6	100.0
Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	Số lượng	189	274	202	665
	Tỷ lệ %	28.4	41.2	30.4	100.0
Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	Số lượng	77	222	366	665
	Tỷ lệ %	11.6	33.5	55.0	100.0
Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	Số lượng	137	168	360	665
	Tỷ lệ %	20.6	25.3	54.1	100.0
Được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	Số lượng	134	245	286	665
	Tỷ lệ %	20.2	36.8	43.0	100.0
Hiểu những giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	Số lượng	179	221	265	665
	Tỷ lệ %	26.9	33.2	39.8	100.0

Bảng 3.5. Trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái hiện nay của các chủ thể

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	314	13.8%
Các tổ chức chính trị - xã hội như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội chữ thập đỏ...	271	11.9%
Các cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương	326	14.4%
Các doanh nghiệp, các cơ quan môi trường	332	14.6%
Toàn dân	491	21.6%
Các cá nhân	287	12.6%
Các công nhân vệ sinh môi trường	247	10.9%

Khác	3	0.1%
Tổng	2271	100.0%

Bảng 3.6. Nội dung và kết quả giáo dục chuẩn mực đạo đức sinh thái cho sinh viên ở TP.HCM

Nội dung giáo dục niềm tin đạo đức sinh thái cho sinh viên	Kết quả đạt được	Chưa tốt	Phân vân	Rất tốt	Tổng
Yêu quý, tôn trọng, bảo vệ sự hài hòa của hệ thống con người – xã hội – tự nhiên	Số lượng	135	243	287	665
	Tỷ lệ %	20.3	36.5	43.2	100.0
Bảo vệ khí hậu và tính đa dạng sinh học.	Số lượng	207	189	269	665
	Tỷ lệ %	31.1	28.4	40.5	100.0
Công bằng trong khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường	Số lượng	232	212	221	665
	Tỷ lệ %	34.9	31.9	33.2	100.0
Tự giác, tự nguyện nâng cao yêu cầu pháp lý về bảo vệ môi trường	Số lượng	184	231	250	665
	Tỷ lệ %	27.7	34.7	37.6	100.0
Nâng cao tinh thần ủng hộ và phối hợp giải quyết các sự cố môi trường chung	Số lượng	202	255	208	665
	Tỷ lệ %	30.4	38.3	31.3	100.0
Thực hành nếp sống văn hóa sinh thái – nhân văn	Số lượng	156	276	233	665
	Tỷ lệ %	23.5	41.5	35.0	100.0

Bảng 3.7. Kết quả giáo dục niềm tin đạo đức sinh thái cho sinh viên

Nội dung giáo dục niềm tin đạo đức sinh thái cho sinh viên	Kết quả đạt được	Chưa tốt	Phân vân	Rất tốt	Tổng
Giáo dục nâng cao nhận thức và sự tin tưởng vào các chuẩn mực đạo đức sinh thái truyền thống	Số lượng	129	229	307	665
	Tỷ lệ %	19.4	34.4	46.2	100.0
Giáo dục niềm tin vào khả năng khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường của bản thân, gia đình, xã hội.	Số lượng	143	184	338	665
	Tỷ lệ %	21.5	27.7	50.8	100.0
Giáo dục niềm tin yêu đối với tự nhiên.	Số lượng	88	230	347	665
	Tỷ lệ %	13.2	34.6	52.2	100.0
Giáo dục niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước trong công tác bảo vệ môi trường.	Số lượng	163	190	312	665
	Tỷ lệ %	24.5	28.6	46.9	100.0

Bảng 3.8. Mức độ quan tâm của sinh viên đến các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm đối với môi trường

Mức độ	Rất quan tâm	Quan tâm	Bình thường	Ít quan tâm	Không quan tâm (chưa bao giờ tìm hiểu)	Chưa nghe tới bao giờ	Tổng
Số lượng	128	295	93	63	64	22	665
Tỷ lệ %	19.2	44.4	14.0	9.5	9.6	3.3	100.0

Bảng 3.9. Thái độ của sinh viên khi thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với môi trường

Nghĩa vụ, trách nhiệm của sinh viên đối với môi trường tự nhiên							
Mức độ	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Phân vân	Chưa tốt	Chưa nghe tới bao giờ nên không biết	Tổng
Số lượng	89	220	226	12	98	20	665
Tỷ lệ %	13.4	33.1	34.0	1.8	14.7	3.0	100.0

Bảng 3.10. Thái độ thực hiện hành vi đạo đức sinh thái của sinh viên

Hành vi đạo đức sinh thái		Rất tự giác	Tự giác	Khi được yêu cầu	Làm đối phó	Tổng
Bỏ rác đúng nơi quy định	Số lượng	248	319	29	69	665
	Tỷ lệ %	37.3	48.0	4.4	10.4	100.0
Thu gom, phân loại rác sinh hoạt.	Số lượng	67	301	226	71	665
	Tỷ lệ %	10.1	45.3	34.0	10.7	100.0
Vệ sinh sạch sẽ nơi ở, học tập.	Số lượng	158	367	68	72	665
	Tỷ lệ %	23.8	55.2	10.2	10.8	100.0
Trồng cây, chăm sóc cây.	Số lượng	64	262	242	97	665
	Tỷ lệ %	9.6	39.4	36.4	14.6	100.0
Không giẫm lên cỏ, hái hoa, bẻ cành.	Số lượng	160	356	78	71	665
	Tỷ lệ %	24.1	52.5	11.7	10.7	100.0
Tiết kiệm điện, nước	Số lượng	143	340	111	71	665
	Tỷ lệ %	21.5	51.1	16.7	10.7	100.0
Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng tại nhà, trường	Số lượng	194	309	91	71	665
	Tỷ lệ %	29.2	46.5	13.7	10.7	100.0
Sử dụng phương tiện công cộng, xe đạp, đi bộ	Số lượng	62	253	244	106	665
	Tỷ lệ %	9.3	38.0	36.7	15.9	100.0

Sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường	Số lượng	84	340	166	75	665
	Tỷ lệ %	12.6	51.1	25.0	11.3	100.0
Sử dụng các sản phẩm tái chế.	Số lượng	68	323	192	82	665
	Tỷ lệ %	10.2	48.6	28.9	12.3	100.0
Tham gia các hoạt động vì môi trường của trường học, địa phương.	Số lượng	79	283	211	92	665
	Tỷ lệ %	11.9	42.6	31.7	13.8	100.0
Không khắc khổ bừa bãi	Số lượng	268	289	36	72	665
	Tỷ lệ %	40.3	42.5	5.4	10.8	100.0

Bảng 3.11. Thái độ của sinh viên khi tham gia những phong trào bảo vệ môi trường sinh thái

Tập thể, đơn vị tổ chức phong trào bảo vệ môi trường		Rất tự giác	Tự giác	Được yêu cầu	Làm đối phó	Tổng
Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của trường anh/chị đang theo học.	Số lượng	67	307	223	68	665
	Tỷ lệ %	10.1	46.2	33.5	10.2	100.0
Đoàn Thanh niên của phường/xã.	Số lượng	40	242	303	80	665
	Tỷ lệ %	6.0	36.4	45.6	12.0	100.0
Đoàn Thanh niên của quận/huyện.	Số lượng	41	221	320	83	665
	Tỷ lệ %	6.2	33.2	48.1	12.5	100.0
Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của tỉnh/thành phố.	Số lượng	45	223	317	80	665
	Tỷ lệ %	6.8	33.5	47.7	12.0	100.0
Tổ dân phố, khu phố.	Số lượng	46	237	300	82	665
	Tỷ lệ %	6.9	35.6	45.1	12.3	100.0

Bảng 3.12. Những môn học có nội dung về giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Những môn học có nội dung về giáo dục đạo đức sinh thái	Số lượng	Tỷ lệ %
Có môn học trong chuyên ngành	112	16.8%
Không học trong chuyên ngành, nhưng được giới thiệu qua một số môn học khác	287	43.2%
Không học trong chuyên ngành, nhưng được học qua các giờ học ngoại khóa..	172	25.9%
Không được học và không được giới thiệu trong chương trình học	94	14.1%

Tổng	665	100%
------	-----	------

Bảng 3.13. Những hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa	Số lượng	Tỷ lệ %
Sinh hoạt chính trị đầu khóa.	302	12.5%
Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hội thảo khoa học về vấn đề môi trường sinh thái.	350	14.5%
Tổ chức các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái.	308	12.7%
Hội trại về chủ đề bảo vệ môi trường.	214	8.9%
Tổ chức cuộc thi Thời trang tái chế, bảo vệ môi trường.	229	9.5%
Đi thăm quan thực tế khu Bảo tồn thiên nhiên.	174	7.2%
Hoạt động “Ngày Thứ Bảy tình nguyện”.	310	12.8%
Hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”; “Mùa hè xanh”...	471	19.5%
Không có hoạt động nào	58	2.4%
Tổng	2416	100.0%

*** Kết quả khảo sát một số nội dung phân chia theo trường, ngành học và năm học**

Bảng 3.14. Nội dung giáo dục tri thức đạo đức sinh thái hiện nay mà sinh viên được học

Nội dung	Số lượng/ Tỷ lệ	Trường Đại học mà sinh viên đang theo học						
		Trường ĐH Tôn Đức Thắng	Trường ĐH Sài Gòn	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM	Trường ĐH Tài chính - Marketing	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	Trường ĐH Nông lâm TP. HCM	Tổng
Cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	Số lượng	61	38	72	23	64	89	347
	Tỷ lệ %	17.6%	11%	20.7%	6.6%	18.4%	25.6%	
	Tổng tỷ lệ %	2.8%	1.8%	3.3%	1.1%	3.0%	4.1%	16.0%
Được tuyên truyền về	Số lượng	52	43	71	27	76	95	364

chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành Ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	Tỷ lệ %	14.3%	11.8%	19.5%	7.4%	20.9%	26.1%	
	Tổng tỷ lệ %	2.3%	2.0%	3.3%	1.2%	3.5%	4.4%	16.8%
Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	Số lượng	99	72	84	59	70	96	480
	Tỷ lệ %	20.6%	15.0%	17.5%	12.3%	14.6%	20%	
	Tổng tỷ lệ %	4.6%	3.3%	3.9%	2.7%	3.2%	4.4%	22.1%
Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	Số lượng	42	37	53	20	49	73	274
	Tỷ lệ %	15.3%	13.5%	19.3%	7.3%	17.9%	26.6%	
	Tổng tỷ lệ %	1.9%	1.7%	2.4%	0.9%	2.3%	3.4%	12.6%
Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	Số lượng	67	58	71	31	66	92	385
	Tỷ lệ %	17.4%	15.1%	18.4%	8.1%	17.1%	23.9%	
	Tổng tỷ lệ %	3.1%	2.7%	3.3%	1.4%	3.0%	4.2%	17.8%
Giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	Số lượng	43	41	58	2	57	44	245
	Tỷ lệ %	17.6%	16.7%	23.7%	0.8%	23.3%	18.0%	
	Tổng tỷ lệ %	2.0%	1.9%	2.7%	0.1%	2.6%	2.0%	11.7%
Không có nội dung nào	Số lượng	9	24	7	23	3	8	74
	Tỷ lệ %	12%	32.4%	9.5%	31.1%	4.1%	10.8%	
	Tổng tỷ lệ %	0.4%	1.1%	0.3%	1.1%	0.1%	0.4%	3.4%
Tổng	Số lượng	373	313	416	185	385	497	2169
	Tỷ lệ %	17.2%	14.4%	19.2%	8.5%	17.8%	22.9%	100%

Bảng 3.15. Các quyền về môi trường mà sinh viên được học

Các quyền về môi trường con người ^a	Số lượng/ Tỷ lệ%	Trường Đại học mà sinh viên đang theo học						Tổng
		Trường ĐH Tôn Đức Thắng	Trường ĐH Sài Gòn	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM	Trường ĐH Tài chính-Marketing	Trường ĐH Sư phạm TP. HCM	Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM	
Quyền được sống trong môi trường an toàn trong lành	Số lượng	79	63	80	60	82	99	463
	Tỷ lệ %	17.1%	13.6%	17.3%	13.0%	17.7%	21.4%	
Quyền tiếp cận thông tin môi trường	Số lượng	62	48	69	27	61	68	335
	Tỷ lệ %	18.5%	14.3%	20.6%	8.1%	18.2%	20.3%	
Quyền tham gia quyết định các vấn đề môi trường	Số lượng	55	50	40	7	66	73	291
	Tỷ lệ %	18.9%	17.2%	13.7%	2.4%	22.7%	25.1%	
Tổng	Số lượng	224	161	189	94	209	212	1089

Bảng 3.16. Trách nhiệm môi trường cá nhân mà sinh viên được học

Trách nhiệm môi trường của cá nhân ^a	Số lượng/ Tỷ lệ%	Trường Đại học mà sinh viên đang theo học						Tổng
		ĐH Tôn Đức Thắng	ĐH Sài Gòn	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia TP. HCM	ĐH Tài chính-Marketing	ĐH Sư phạm TP. HCM	ĐH Nông lâm TP. HCM	
Trách nhiệm kiểm soát dân sự đối với vấn đề ô nhiễm môi trường	Số lượng	43	34	62	19	51	70	279
	Tỷ lệ %	15.4%	12.2 %	22.2%	6.8%	18.3%	25.1 %	

Trách nhiệm giám sát xã hội đối với hoạt động bảo vệ môi trường	Số lượng	58	40	24	13	58	50	243
	Tỷ lệ %	23.9%	16.5 %	9.9%	5.3%	23.9%	20.6 %	
Trách nhiệm phải có hành vi ứng xử thân thiện, tôn trọng môi trường	Số lượng	64	59	68	58	69	89	407
	Tỷ lệ %	15.7%	14.5 %	16.7%	14.3%	17.0%	21.9 %	
Không có nội dung nào	Số lượng	12	23	8	25	4	3	75
	Tỷ lệ %	16%	30.7 %	10.7%	33.3%	5.3%	4.0%	
Tổng	Số lượng	177	156	162	115	182	212	1004

Bảng 3.17. Sự cần thiết của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP.HCM nay

Khối ngành			Khoa học xã hội	Khoa học tự nhiên	Kỹ thuật	Kinh tế	Môi trường	Sư phạm	Tổng
Giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học trên địa bàn TP. HCM hiện nay là	Rất cần thiết	Số lượng	85	19	16	21	81	96	318
		Tỷ lệ %	26.6%	6.0%	5.0%	6.6%	25.5%	30.2%	47.8%
	Cần thiết	Số lượng	16	57	63	71	15	5	227
		Tỷ lệ %	7.0%	25.1%	27.8%	31.3%	6.6%	2.2%	34.1%
	Tương đối cần thiết	Số lượng	10	14	14	10	7	6	61
		Tỷ lệ %	16.4%	23%	23%	16.4%	11.5%	9.8%	9.2%
	Không ý kiến	Số lượng	0	2	2	0	1	0	5
		Tỷ lệ %	0.0%	4 %	40%	0.0%	20%	0.0%	0.8%
	Không cần thiết	Số lượng	1	21	15	10	4	3	54
Tỷ lệ %		1.9%	38.9%	27.8%	18.5%	7.4%	5.6%	8.1%	
Tổng			112	113	110	112	108	110	665

Bảng 3.18. Nội dung giáo dục tri thức đạo đức sinh thái hiện nay mà sinh viên được học

Khối ngành	Khoa học xã hội	Khoa học tự nhiên	Kỹ thuật	Kinh tế	Môi trường	Sư phạm	Tổng
------------	-----------------	-------------------	----------	---------	------------	---------	------

Cấu trúc, chức năng, vai trò của môi trường; Hệ sinh thái, cấu trúc, chức năng, cơ chế của hệ sinh thái; Nguyên tắc phát triển bền vững.	Số lượng	81	30	41	36	91	68	347
	Tỷ lệ %	23.3%	8.6%	11.8%	10.4%	26.2%	19.6%	
	Tổng tỷ lệ %	3.7%	1.4%	1.9%	1.7%	4.2%	3.1%	16.0%
Cung cấp thông tin bảo vệ môi trường	Số lượng	62	31	38	9	74	60	274
	Tỷ lệ %	22.6%	11.3%	13.9%	3.3%	27.0%	21.9%	
	Tổng tỷ lệ %	2.9%	1.4%	1.8%	0.4%	3.4%	2.8%	12.6%
Thực trạng, nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm môi trường; Hiện trạng biến đổi khí hậu, mất cân bằng hệ sinh thái	Số lượng	88	63	79	58	97	95	480
	Tỷ lệ %	18.3%	13.1%	16.5%	12.1%	20.2%	19.8%	
	Tổng tỷ lệ %	4.1%	2.9%	3.6%	2.7%	4.5%	4.4%	22.1%
Được tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyết định, chỉ thị của Thành Ủy, Ủy ban nhân dân TP.HCM về vấn đề môi trường	Số lượng	74	36	63	23	87	81	364
	Tỷ lệ %	20.3%	9.9%	17.3%	6.3%	23.9%	22.3%	
	Tổng tỷ lệ %	3.4%	1.7%	2.9%	1.1%	4.0%	3.7%	16.8%
Trang bị những kỹ năng bảo vệ môi trường	Số lượng	73	39	60	58	85	70	385
	Tỷ lệ %	19.0%	10.1%	15.6%	15.1%	22.1%	18.1%	
	Tổng tỷ lệ %	3.4%	1.8%	2.8%	2.7%	3.9%	3.2%	17.8%
Giá trị đạo đức sinh thái truyền thống.	Số lượng	68	26	23	22	49	57	245
	Tỷ lệ %	27.8%	10.6%	9.4%	9.0%	20%	23.3%	
	Tổng tỷ lệ %	3.1%	1.2%	1.1%	1.1%	2.3%	2.6%	11.3%
Không có nội dung nào	Số lượng	7	19	14	23	6	5	74
	Tỷ lệ %	9.5%	25.7%	18.9%	31.1%	8.1%	6.8%	
	Tổng tỷ lệ %	0.3%	0.9%	0.7%	1.1%	0.3%	0.2%	3.4%
Tổng	Số lượng	453	244	318	229	489	436	2169
	Tỷ lệ	20.9%	11.2%	14.7%	10.6%	22.5%	20.1%	100.0 %

Bảng 3.19. Động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường sinh thái của sinh viên

Khối ngành		Khoa học xã hội	Khoa học tự nhiên	Kỹ thuật	Kinh tế	Môi trường	Sư phạm	Tổng
Vì tình yêu thiên nhiên sâu sắc.	Số lượng	79	32	30	33	52	65	291
	Tỷ lệ %	27.1%	11.0%	10.3%	11.3%	17.9%	22.3%	100%
	Tổng tỷ lệ %	4,9%	2.0%	1,8%	2.0%	3,2%	4,0%	17,9%
Vì thấy được vai trò quan trọng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống con người.	Số lượng	102	46	83	66	103	105	505
	Tỷ lệ %	20.2%	9.1%	16.4%	13.1%	20.4%	20.8%	100%
	Tổng tỷ lệ %	6,3%	2,8%	5,1%	4,1%	6,4%	6,5%	31,1%
Vì hiểu được trách nhiệm, nghĩa vụ của thế hệ trẻ với đất nước.	Số lượng	70	41	56	24	74	67	332
	Tỷ lệ %	21.1%	12.3%	16.9%	7.2%	22.3%	20.2%	100%
	Tổng tỷ lệ %	4,3%	2,5%	3,5%	1,5%	4,6%	4,1%	20,5%
Để được khen ngợi.	Số lượng	5	5	14	20	2	6	52
	Tỷ lệ %	9.6%	9.6%	26.9%	38.5%	3.8%	11.5%	100%
	Tổng tỷ lệ %	0.3%	0.3%	0.9%	1,2%	0.1%	0,4%	3,2%
Để được cộng điểm rèn luyện trong trường ĐH.	Số lượng	22	55	34	74	9	24	218
	Tỷ lệ %	10.1%	25.2%	15.6%	33.9%	4.1%	11%	100%
	Tổng tỷ lệ %	1,4%	3,4%	2,1%	4,6%	0.5%	1,5%	13,4%
Sợ bị thầy, cô, bạn bè, người xung quanh lên án.	Số lượng	21	32	25	16	15	9	118
	Tỷ lệ %	17.8%	27.1%	21.2%	13.6%	12.7%	7.6%	100%
	Tổng tỷ lệ %	1,3%	3,4%	1,5%	1,0%	0.9%	0.5%	7,3%
Bị yêu cầu, bắt buộc.	Số lượng	13	27	9	30	7	14	100
	Tỷ lệ %	23.0%	27.0%	9.0%	30.0%	7.0%	14.0%	100%
	Tổng tỷ lệ %	0.8%	1,7%	0.5%	1,8%	0.4%	0.9%	6,2%
Khác (ghi rõ)...	Số lượng	1	0	2	2	0	1	6
	Tỷ lệ %	16.7%	0.0%	33.3%	33.3%	0.0%	16.7%	100%
Tổng	Số lượng	313	238	253	265	262	291	1622

Bảng 3.20. Thái độ thực hiện hành vi đạo đức sinh thái của sinh viên

Khối ngành			Khoa học xã hội	Khoa học tự nhiên	Kỹ thuật	Kinh tế	Môi trường	Sư phạm	Tổng
Bỏ rác đúng nơi	Rất tự giác	Số lượng	58	25	32	15	45	61	236
		Tỷ lệ %	24.6%	10.6%	13.6%	6.4%	19.1%	25.8%	
		Tổng tỷ lệ %	8.7%	3,8%	4,8%	2,3%	6,8%	9,2%	37,3%

quy định	Tự giác	Số lượng	44	67	58	68	56	39	332
		Tỷ lệ %	13.3%	20.2%	17.5%	20.1%	16.9%	11.7%	
		Tổng tỷ lệ %	6,6%	10.0%	8,7%	10,2%	8,4%	5,9%	48%
	Khi được yêu cầu	Số lượng	6	4	5	8	3	3	28
		Tỷ lệ %	21.4%	14.3%	17.9%	28.6%	10.7%	10.7%	
		Tổng tỷ lệ %	0,9%	0,6%	0,8%	1,2%	0,5%	0,5%	4,4%
	Làm đôi phó	Số lượng	5	17	15	21	4	7	69
		Tỷ lệ %	7.2%	24.6%	21.7%	30.4%	5.8%	10.1%	
		Tổng tỷ lệ %	0.8%	2,6%	2,3%	3,2%	0,6%	1.0%	10,4%
	Tổng		112	113	110	112	108	110	665
Vệ sinh sạch sẽ nơi ở, học tập.	Rất tự giác	Số lượng	35	29	28	40	32	23	187
		Tỷ lệ %	18.7%	15.5%	15%	21.4%	17.1%	12.2%	
	Tự giác	Số lượng	56	50	53	42	52	73	326
		Tỷ lệ %	17.2%	15.3%	16.3%	12.9%	16%	22.4%	
	Khi được yêu cầu	Số lượng	14	4	12	7	18	10	65
		Tỷ lệ %	21.5%	6.25	19.5%	10.8%	27.7%	15.4%	
	Làm đôi phó	Số lượng	7	30	17	23	6	4	87
		Tỷ lệ %	8%	34.5%	19.5%	26.4%	6.9%	4.6%	
	Tổng		112	113	110	112	108	110	665
Tất các thiết bị điện khi không sử dụng tại nhà, trường	Rất tự giác	Số lượng	48	25	23	39	35	36	206
		Tỷ lệ %	23.3%	12.1%	11.2%	18.9%	17%	17.5%	
		Tổng tỷ lệ %	7,2%	3,8%	3,5%	5,9%	5,3%	5,4%	
	Tự giác	Số lượng	50	47	44	41	51	58	291
		Tỷ lệ %	17.2%	16.2%	15.1%	14.1%	17.5%	19.9%	46,5%
		Tổng tỷ lệ %	7,5%	7,1%	6,6%	6,2%	7,7%	8,7%	29,2%
	Khi được yêu cầu	Số lượng	10	11	20	3	15	9	59
		Tỷ lệ %	16.9%	18.6%	33.9%	5.1%	25.4%	15.3%	
		Tổng tỷ lệ %	1,5%	1,7%	3,0%	0,5%	2,3%	1,4%	13,7%
	Làm đôi phó	Số lượng	4	27	23	29	7	7	97
		Tỷ lệ %	4.1%	27.8%	23.7%	29.9%	7.2%	7.2%	
		Tổng tỷ lệ %	0,6%	4,1%	3,5%	4,4%	1,0%	1,0%	10,7%
	Tổng		112	113	110	112	108	110	665
Sử dụng	Rất tự	Số lượng	15	11	4	6	12	14	62

phương tiện công cộng, xe đạp, đi bộ	giác	Tỷ lệ %	24.2%	17.7%	6.5%	9.7%	19.4%	22.6%	
	Tự giác	Số lượng	42	34	33	16	62	59	246
		Tỷ lệ %	17.1%	13.8%	13.4%	6.5%	25.2%	24%	
	Khi được yêu cầu	Số lượng	34	42	40	52	32	20	220
		Tỷ lệ %	15.5%	19.1%	18.2%	23.6%	14.5%	9.1%	
	Làm đối phó	Số lượng	21	26	31	38	2	17	135
		Tỷ lệ %	15.6%	19.3%	23%	28.1%	1.5%	12.6%	
	Tổng		112	113	110	112	108	110	665
Tham gia các hoạt động vì môi trường của trường học, địa phương.	Rất tự giác	Số lượng	21	11	14	6	15	17	84
		Tỷ lệ %	25%	13.1%	16.7%	7.1%	17.9%	20.2%	
	Tự giác	Số lượng	47	34	19	19	55	57	231
		Tỷ lệ %	20.3%	14.7	8.2%	8.2%	23.8%	24.7%	
	Khi được yêu cầu	Số lượng	32	41	46	50	28	22	219
		Tỷ lệ %	14.6%	18.7%	21%	22.8%	12*%	10%	
	Làm đối phó	Số lượng	12	27	31	37	10	14	131
		Tỷ lệ %	9.2%	20.6%	23.7%	28.2%	7.6%	10.7%	
	Tổng		112	113	110	112	108	110	665

Bảng 3.21. Những hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

Khối ngành		Khoa học xã hội	Khoa học tự nhiên	Kỹ thuật	Kinh tế	Môi trường	Sư phạm	Tổng
Sinh hoạt chính trị đầu khóa.	Số lượng	65	28	57	26	40	86	302
	Tỷ lệ %	21.5%	9.3%	18.9%	8.6%	13.2%	28.5%	
Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hội thảo khoa học về vấn đề môi trường sinh thái.	Số lượng	71	31	56	26	97	69	350
	Tỷ lệ %	20.3%	8.9%	16.0%	7.4%	27.7%	19.7%	
Tổ chức các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái.	Số lượng	42	25	52	20	77	92	308
	Tỷ lệ %	13.6%	8.1%	16.9%	6.5%	25.0%	29.9%	
Hội trại về chủ đề bảo vệ môi trường.	Số lượng	16	6	33	13	54	92	214
	Tỷ lệ %	7.5%	2.8%	15.4%	6.1%	25.2%	43.0%	
Tổ chức cuộc thi Thời trang tái chế, bảo vệ môi trường.	Số lượng	35	16	26	23	56	73	229
	Tỷ lệ %	15.3%	7.0%	11.4%	10.0%	24.5%	31.9%	
Đi thăm quan thực tế khu Bảo tồn	Số lượng	32	19	24	13	61	25	174

thiên nhiên.	Tỷ lệ %	18.4%	10.9%	13.8%	7.5%	35.1%	14.4%	
Hoạt động “Ngày Thứ Bảy tình nguyện”.	Số lượng	71	28	43	33	77	58	310
	Tỷ lệ %	22.9%	9.0%	13.9%	10.6%	24.8%	18.7%	
Hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”; “Mùa hè xanh”...	Số lượng	90	40	89	58	99	95	471
	Tỷ lệ %	19.1%	8.5%	18.9%	12.3%	21.0%	20.2%	
Không có hoạt động nào	Số lượng	9	13	4	25	6	1	58
	Tỷ lệ %	15.5%	22.4%	6.9%	43.1%	10.3%	1.7%	
Tổng	Số lượng	431	206	384	237	567	591	2416

Bảng 3.22. Động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường sinh thái của sinh viên

		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Vì tình yêu thiên nhiên sâu sắc.	Số lượng	57	70	81	83	291
	Tỷ lệ%	19.6%	24.1%	27.8%	28.5%	100
Vì thấy được vai trò quan trọng của môi trường sinh thái đối với cuộc sống con người.	Số lượng	99	116	150	140	505
	Tỷ lệ%	19.6%	23.0%	29.7%	27.7%	100%
Vì hiểu được trách nhiệm, nghĩa vụ của thế hệ trẻ với đất nước.	Số lượng	63	69	83	117	332
	Tỷ lệ%	19.0%	20.8%	25.0%	35.2%	100%
Để được khen ngợi.	Số lượng	13	24	8	7	52
	Tỷ lệ%	25.0%	46.2%	15.4%	13.5%	100%
Để được cộng điểm rèn luyện trong trường đại học.	Số lượng	50	61	61	46	218
	Tỷ lệ%	22.9%	28.0%	28.0%	21.1%	100%
Sợ bị thầy, cô, bạn bè, người xung quanh lên án.	Số lượng	32	39	33	14	118
	Tỷ lệ%	27.1%	33.1%	28.0%	11.9%	100%
Bị yêu cầu, bắt buộc.	Số lượng	38	35	14	13	100
	Tỷ lệ%	38.0%	35.0%	14.0%	13.0%	100%
Khác (ghi rõ)...	Số lượng	2	3	0	1	6
	Tỷ lệ%	33.3%	50.0%	0.0%	16.7%	100%
Tổng	Số lượng	387	448	352	435	1622

Bảng 3.23. Quyền về môi trường con người mà sinh viên được học

		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Quyền được sống trong môi trường an	Số lượng	101	118	116	128	463

toàn trong lành.	Tỷ lệ%	21.8%	25.5%	25.1%	27.6%	
Quyền tiếp cận thông tin môi trường.	Số lượng	61	87	89	98	335
	Tỷ lệ%	18.2%	26.0%	26.6%	29.3%	
Quyền tham gia quyết định các vấn đề môi trường	Số lượng	45	59	84	103	291
	Tỷ lệ%	15.5%	20.3%	28.9%	35.4%	
Số lượng		221	329	250	289	1089

Bảng 3.24. Trách nhiệm môi trường cá nhân mà sinh viên được học

		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Trách nhiệm kiểm soát dân sự đối với vấn đề ô nhiễm môi trường.	Số lượng	56	62	77	84	279
	Tỷ lệ%	20.1%	22.2%	27.6%	30.1%	
Trách nhiệm giám sát xã hội đối với hoạt động bảo vệ môi trường.	Số lượng	31	56	76	80	243
	Tỷ lệ%	12.8%	23.0%	31.3%	32.9%	
Trách nhiệm phải có hành vi ứng xử thân thiện, tôn trọng môi trường.	Số lượng	75	111	110	111	407
	Tỷ lệ%	18.4%	27.3%	27.0%	27.3%	
Không có nội dung nào	Số lượng	30	24	13	8	75
	Tỷ lệ%	40.0%	32.0%	17.3%	10.7%	
Số lượng		219	268	212	305	1004

Bảng 3.25. Những quy định, văn bản liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường tại các trường đại học sinh viên đang theo học

		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Tổng
Nội quy học đường	Số lượng	94	107	127	138	466
	Tỷ lệ %	20.2%	23.0%	27.3%	29.6%	
Quy tắc ứng xử của người học.	Số lượng	70	69	110	112	361
	Tỷ lệ %	19.4%	19.1%	30.5%	31.0%	
Nội quy giảng đường	Số lượng	73	115	115	117	420
	Tỷ lệ %	17.4%	27.4%	27.4%	27.9%	
Nội quy kí túc xá	Số lượng	75	106	125	111	417
	Tỷ lệ %	18.0%	25.4%	30.0%	26.6%	
Nội quy thư viện	Số lượng	70	87	108	113	378
	Tỷ lệ %	18.5%	23.0%	28.6%	29.9%	
Không có quy định, văn bản nào	Số lượng	29	17	11	5	62

	Tỷ lệ %	46.8%	27.4%	17.7%	8.1%	
Tổng	Số lượng	424	577	492	611	2104

Bảng 3.26. Những hoạt động ngoại khóa giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

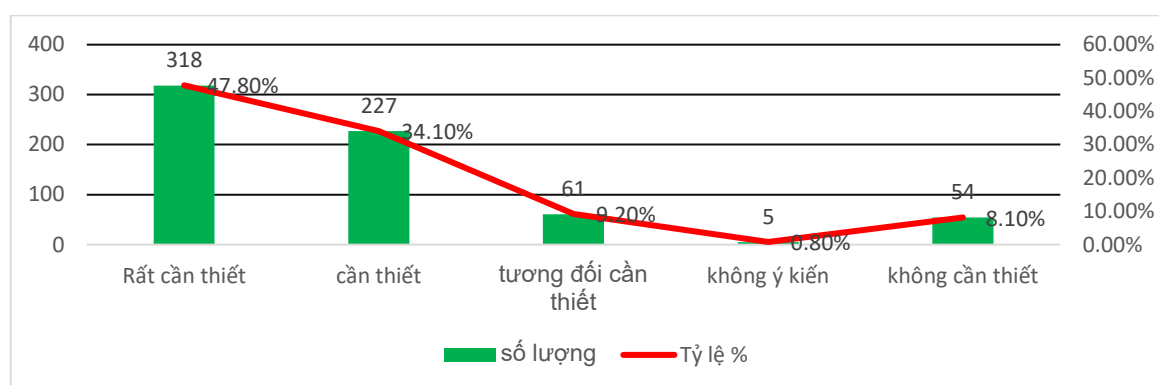
Nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa		Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Tổng
Sinh hoạt chính trị đầu khóa	Số lượng	67	70	71	94	302
	Tỷ lệ %	22.2%	23.1%	23.5%	31.1%	
Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hội thảo khoa học về vấn đề môi trường sinh thái.	Số lượng	69	73	103	105	350
	Tỷ lệ %	19.7%	20.9%	29.4%	30.0%	
Tổ chức các cuộc thi, hội diễn tìm hiểu môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái.	Số lượng	60	65	90	93	308
	Tỷ lệ %	19.5%	21.1%	29.2%	30.2%	
Hội trại về chủ đề bảo vệ môi trường.	Số lượng	38	43	47	86	214
	Tỷ lệ %	17.8%	20.1%	22.0%	40.2%	
Tổ chức cuộc thi Thời trang tái chế, bảo vệ môi trường.	Số lượng	50	54	57	68	229
	Tỷ lệ %	21.8%	23.6%	24.9%	29.7%	
Đi thăm quan thực tế khu Bảo tồn thiên nhiên.	Số lượng	29	41	50	54	174
	Tỷ lệ %	16.7%	23.6%	28.7%	31.0%	
Hoạt động “Ngày thứ Bảy tình nguyện”.	Số lượng	55	63	102	90	310
	Tỷ lệ %	17.7%	20.3%	32.9%	29.0%	
Hoạt động “Ngày Chủ nhật xanh”; “Mùa hè xanh”...	Count	88	128	134	121	471
	Tỷ lệ %	18.7%	27.2%	28.5%	25.7%	
Không có hoạt động nào	Count	30	25	2	1	58
	Tỷ lệ %	51.7%	43.1%	3.4%	1.7%	
Tổng	Số lượng	481	644	601	690	2416

Bảng 3.27. Thống kê về số lượng, trình độ giảng viên một số trường đại học tính đến năm 2021-2022

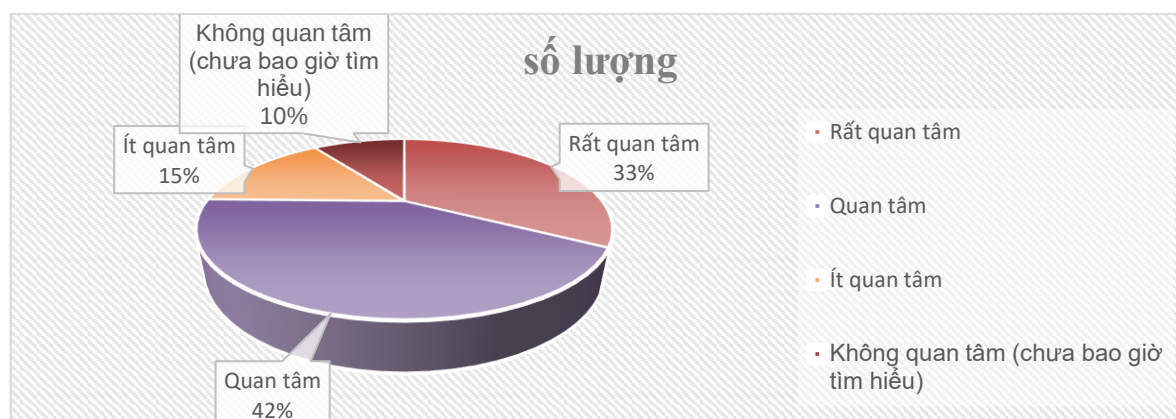
Trường	Số giảng viên	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH	Tỷ lệ trình độ sau ĐH của giảng viên
ĐH Sư phạm TP.HCM	512	3	32	164	296	17	96.7%
ĐH Tài chính – Marketing	454	0	9	100	339	15	96.7%
ĐH Sài Gòn	534	1	31	143	350	9	98.3%
ĐH Tôn Đức Thắng	943	5	10	221	474	233	75.3%

ĐH Nông lâm TP.HCM	606	4	32	153	369	48	92,1%
ĐH Tài nguyên và Môi trường TP.HCM	236	2	9	52	176	8	96.7%
ĐH Văn Lang	1698	5	79	350	1270	78	95%

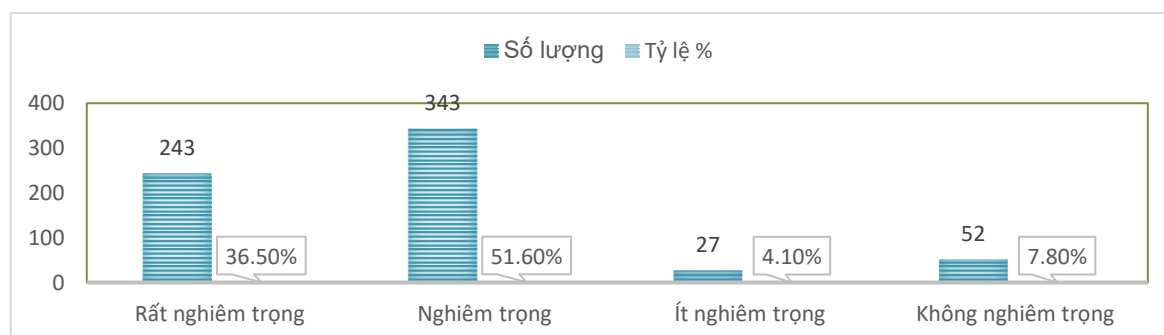
Biểu đồ 3.1. Sự cần thiết của giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên các trường đại học ở TP.HCM hiện nay



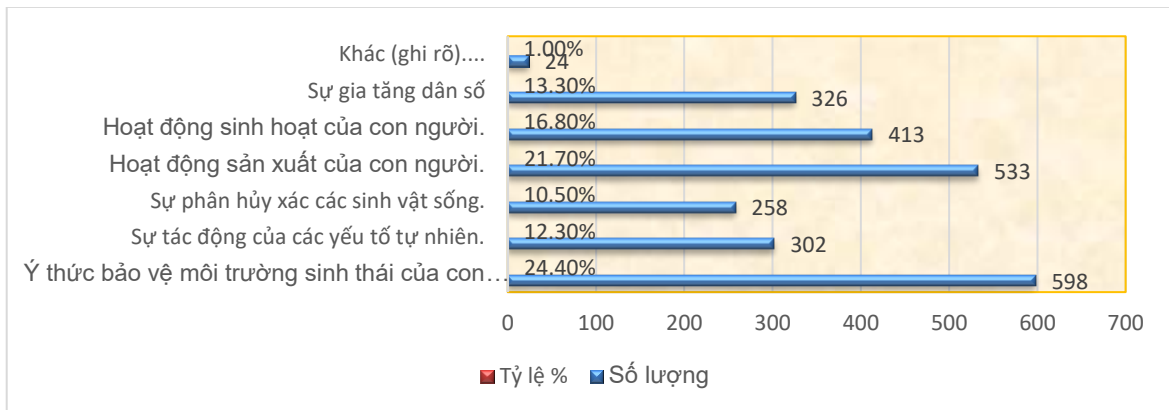
Biểu đồ 3.2. Mức độ quan tâm của sinh viên đến vấn đề ô nhiễm môi trường, khủng hoảng sinh thái hiện nay



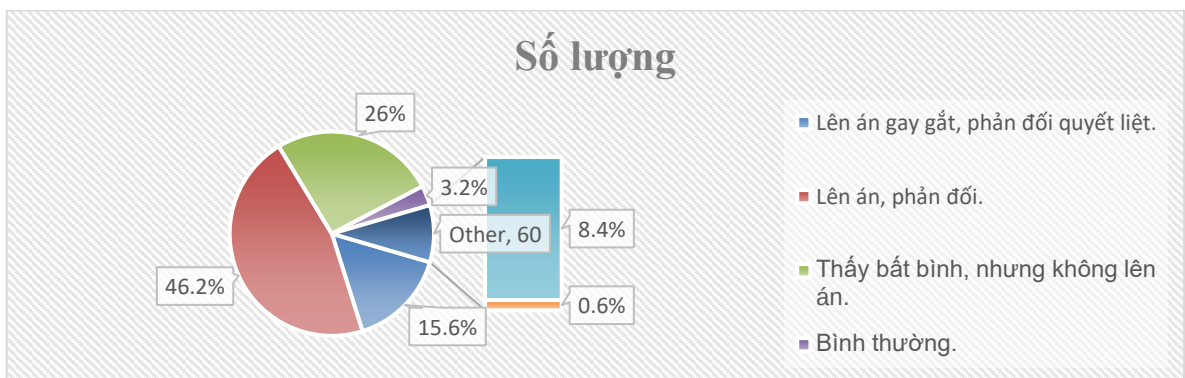
Biểu đồ 3.3. Đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, khủng hoảng sinh thái ở nước ta hiện nay



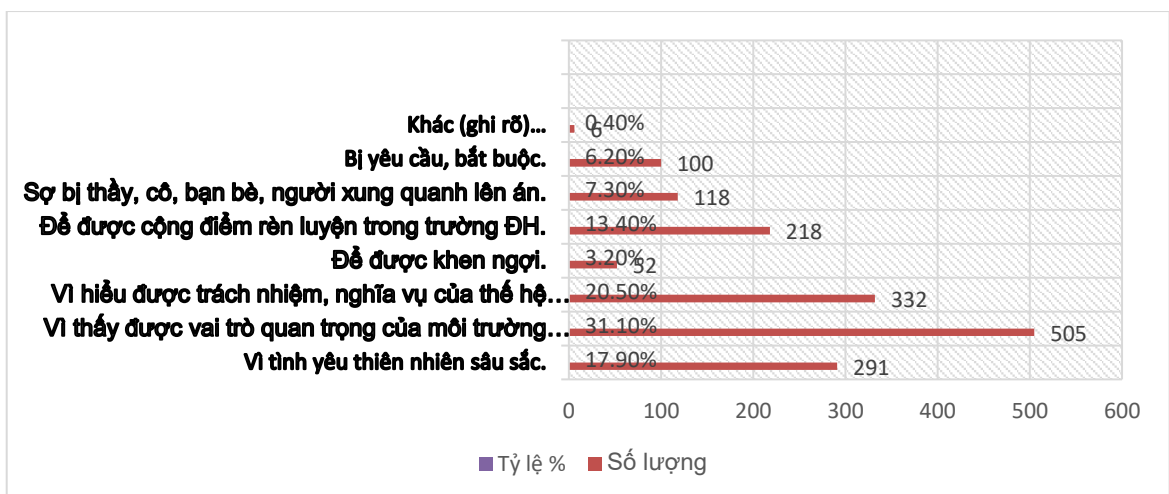
Biểu đồ 3.4. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường



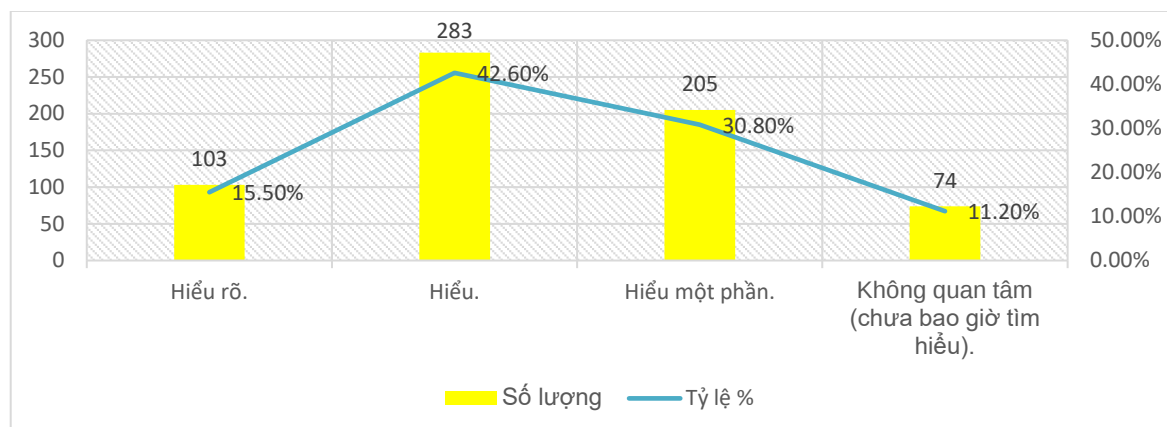
Biểu đồ 3.5. Thái độ của sinh viên khi chứng kiến hành vi gây ô nhiễm môi trường sinh thái



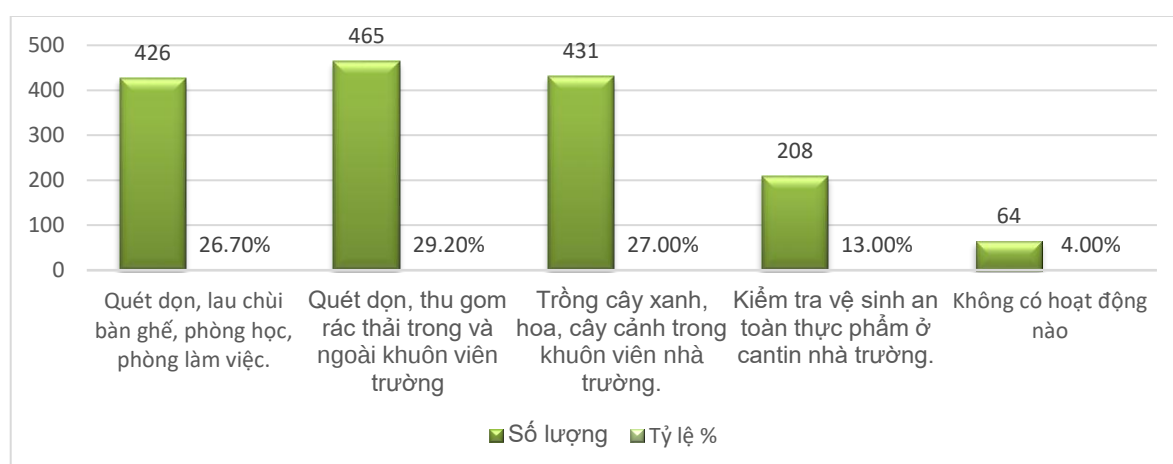
Biểu đồ 3.6. Động lực thúc đẩy hành động bảo vệ môi trường sinh thái của sinh viên



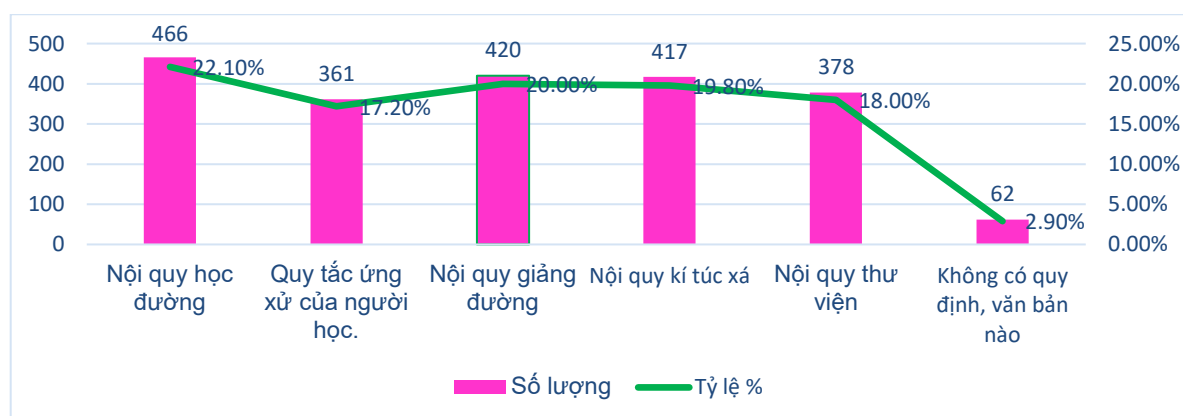
Biểu đồ 3.7. Nhận thức về mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái



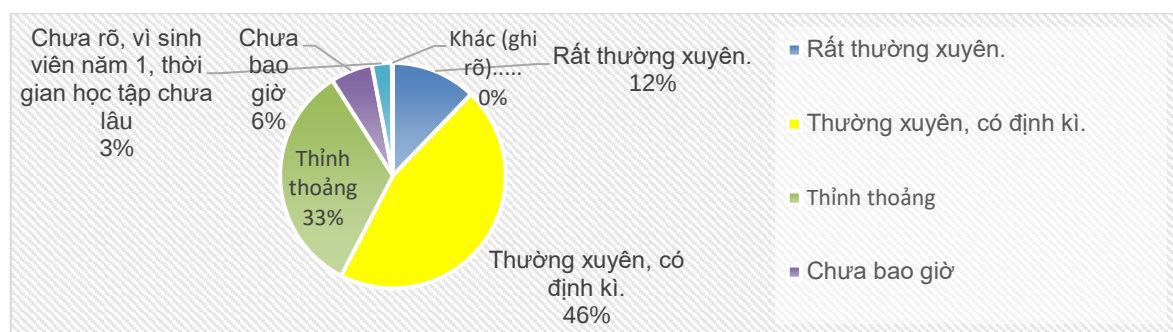
Biểu đồ 3.8. Hoạt động bảo vệ môi trường sinh thái tại một số trường đại học



Biểu đồ 3.9. Những quy định, văn bản liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường tại một số trường đại học mà sinh viên đang theo học



Biểu đồ 3.10. Mức độ phổ biến kiến thức pháp luật và những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường tại một số trường đại học



Biểu đồ 3.11. Các chủ thể tham gia giáo dục đạo đức sinh thái cho sinh viên

